

Bản dịch Việt Ngữ Tông Huấn Amoris Laetitia - Niềm Vui Yêu Thương
Vũ Văn An dịch từ ngày 14-4-2016 trên trang mạng Vietcatholic



Tông Huấn Hội Thượng Hội Đồng Amoris Laetitia

của Đức Thánh Cha Phanxicô

Gửi Các Giám Mục, Linh Mục và Phó Tế,

Các Người Tận Hiến,

Các Cặp Vợ Chồng Kitô Hữu,

Và Mọi Tín Hữu Giáo Dân

Về Tình Yêu Trong Gia Đình

1. **Niềm vui yêu thương** mà các gia đình vốn cảm nghiệm cũng là niềm vui của Giáo Hội. Như các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã ghi nhận, bất chấp mọi dấu hiệu khủng hoảng trong định chế hôn nhân, “ước nguyện kết hôn và tạo lập gia đình vẫn mạnh mẽ, nhất là nơi giới trẻ, và đây là một hứng khởi đối với Giáo Hội” (1). Như một đáp ứng đối với ước nguyện này, “công bố của Kitô Giáo về gia đình quả là một tin vui” (2).

2. Diễn trình Thượng Hội Đồng đã giúp ta khảo sát hoàn cảnh của các gia đình trong thế giới ngày nay, và nhờ thế, có được một viễn kiến bao quát hơn và một ý thức canh tân đối với tầm quan trọng của hôn nhân và gia đình. Sự phức tạp của các vấn đề được đặt ra cho thấy việc cần phải tiếp tục

thảo luận cởi mở về một số vấn đề tín lý, luân lý, tâm linh, và mục vụ. Sự suy nghĩ của các mục tử và thần học gia, nếu trung thành với Giáo Hội, trung thực, hiện thực và sáng tạo, sẽ giúp ta đạt được sự rõ ràng hơn. Các cuộc tranh luận đang diễn ra trong truyền thông, trong một số ấn phẩm và ngay cả nơi các thừa tác viên của Giáo Hội thay đổi từ một ước muốn vô độ muốn thay đổi toàn diện không cần suy nghĩ hay tìm cơ sở đầy đủ, tới một thái độ muốn giải quyết mọi điều bằng cách áp dụng các qui luật tổng quát hay rút ra các kết luận quá đáng từ các xem xét thần học đặc thù.

3. Vì “thời gian lớn hơn không gian”, tôi xin minh xác điều này: không phải mọi cuộc thảo luận về các vấn đề tín lý, luân lý hay mục vụ đều cần được giải quyết thanh thỏa bởi các can thiệp của huấn quyền. Việc thống nhất giữa giáo huấn và thực hành chắc chắn là điều cần thiết trong Giáo Hội, nhưng điều này không loại trừ các cách giải thích đa dạng một số khía cạnh của giáo huấn ấy và từ đó rút ra một số hệ quả. Điều này luôn luôn đúng vì Thần Khí hướng dẫn chúng ta hướng về sự thật toàn vẹn (xem Ga 16:13), cho tới khi Người hướng dẫn ta vào mẫu nhiệm Chúa Kitô một cách trọn vẹn và giúp ta thấy mọi sự như Người thấy. Hơn nữa, mỗi quốc gia hay mỗi miền có thể tìm các giải pháp tốt hơn, thích hợp đối với văn hóa của họ và nhạy cảm đối với truyền thống và nhu cầu địa phương của họ. Vì “thực sự, các nền văn hóa rất đa dạng và mọi nguyên tắc tổng quát... cần được hội nhập văn hóa, nếu chúng muốn được tôn trọng và áp dụng” (3).

4. Tôi cũng cần phải nói rằng diễn trình Thượng Hội Đồng đã được minh chứng là gây ấn tượng và đầy soi sáng. Tôi biết ơn đối với nhiều đóng góp vốn giúp tôi lượng giá trọn vẹn hơn các vấn đề mà các gia đình khắp thế giới đang phải đối phó. Các can thiệp đa dạng của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng, mà tôi rất chú tâm theo dõi, có thể nói, đã tạo ra một viên ngọc đa diện phản ánh nhiều quan tâm chính đáng và các câu hỏi trung thực. Vì lý do này, tôi nghĩ điều thích đáng là soạn thảo một Tông Huấn hậu thượng hội đồng để thu thập các đóng góp của hai Thượng Hội Đồng mới đây về gia đình, trong khi thêm vào đó các xem xét khác như một trợ cụ để suy nghĩ, đối thoại và thực hành mục vụ, và như một trợ giúp cũng như khuyến khích các gia đình trong các dẫn thân và thách đố hàng ngày của họ.

5. Tông Huấn này đặc biệt hợp thời trong Năm Thánh Thương Xót này. Trước nhất, vì nó thay cho lời mời các gia đình Kitô hữu trân quý các hồng ân hôn nhân và gia đình, và kiên trì trong một tình yêu được tăng cường nhờ các nhân đức đại lượng, dẫn thân, trung tín và kiên nhẫn. Thứ hai, vì nó tìm cách khuyến khích mọi người trở nên dấu chỉ của lòng thương xót và gần gũi nhau bất cứ ở nơi nào đời sống gia đình vẫn còn bất toàn hay thiếu bình an và niềm vui.

6. Tôi sẽ bắt đầu với chương mở đầu được Sách Thánh linh hứng, đề lên sắc khí thích đáng (cho Tông Huấn). Sau đó, tôi sẽ khảo sát hiện trạng các gia đình, nhằm đặt cơ sở vững vàng trên thực tại. Tôi sẽ tiếp tục nhắc lại một số khía cạnh chủ yếu trong giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân và gia đình, nhờ thế, dọn đường cho hai chương chuyên nói về tình yêu. Sau đó, tôi sẽ làm nổi bật một số phương thức mục vụ có thể hướng dẫn ta trong việc xây dựng các mái ấm vững mạnh và sinh hoa trái theo kế hoạch của Thiên Chúa, với trọn một chương dành cho việc dưỡng dục con cái. Cuối cùng, tôi sẽ đưa ra lời mời gọi thương xót và biện phân mục vụ các hoàn cảnh thiếu sót

so với những gì Chúa đòi hỏi nơi chúng ta, và kết luận bằng một thảo luận ngắn về linh đạo gia đình.

7. Vì các kết quả phong phú của diễn trình Thượng Hội Đồng trong hai năm qua, Tông Huấn này sẽ bàn tới rất nhiều vấn đề đa dạng, bằng nhiều cách khác so với diễn trình ấy. Điều này giải thích độ dài không thể tránh được của nó. Do đó, tôi sẽ không khuyên nên đọc bản văn này cách vội vã. Đối với chính các gia đình và những ai dẫn thân vào việc tông đồ gia đình, lợi ích lớn lao nhất sẽ xuất hiện nếu mỗi phần được đọc một cách kiên nhẫn và thận trọng hoặc nếu chú ý tới các phần nói tới các nhu cầu chuyên biệt của họ. Thí dụ, các cặp vợ chồng có lẽ sẽ quan tâm nhiều hơn tới các chương bốn và năm, còn các thừa tác viên mục vụ có lẽ sẽ quan tâm nhiều hơn tới chương sáu, trong khi người nào cũng nên cảm thấy như được chương tám thách thức. Tôi hy vọng rằng khi đọc bản văn này, mọi người sẽ cảm nhận được lời mời gọi quý yêu và trân quý cuộc sống gia đình, vì “các gia đình không phải là vấn đề; trước nhất và trên hết, họ là cơ may” (4)

Chương I: Dưới ánh sáng Lời Chúa

8. Thánh Kinh chứa đầy các gia đình, các vụ sinh sản, các truyện tình và khủng hoảng gia đình. Điều này đúng ngay từ những trang đầu của nó, với việc xuất hiện của gia đình Adam và Eva và gánh nặng bạo động của nó nhưng nó cũng có những điểm mạnh lâu bền (xem St 4), cho tới các trang cuối cùng, nơi chúng ta được chứng kiến tiệc cưới của Cô Dâu và Chiên Con (Kh 21:2,9). Mô tả của Chúa Giêsu về hai căn nhà, một xây trên đá và một xây trên cát (xem Mt 7:24-27) tượng trưng cho bất cứ con số các hoàn cảnh gia đình nào được tạo khuôn bởi việc các thành viên của nó thực thi tự do của họ, vì, như thi sĩ từng viết: “nhà nào có trụ đèn nhà nấy” (5). Ta hãy bước vào một trong những căn nhà này dưới sự hướng dẫn của Thánh Vịnh Gia qua khúc ca ngay cả ngày nay vẫn đang vang lên trong cả hai phụng vụ hôn phối Do Thái và Kitô Giáo:

“Phúc cho mọi kẻ kính sợ Giêhôva, kẻ đi theo đường lối của Người.

Công khó tay người, người sẽ được hưởng, phúc cho người và may mắn cho người.

Vợ người như cây nho sai quả, ở chốn thâm khuê của nhà người.

Con cái người tựa những chồi cây dầu, chúng quây quần tất cả bên mâm.

Sẽ được chúc lành như thế đó, con người kính sợ Giêhôva!

Ước chi tự Sion, Giêhôva chúc lành cho người,

cho người được thấy phúc của Giêrusalem mọi ngày đời người!

Cho người được thấy cháu chắt của người! Bình an cho Israel!” (Tv 128:1-6)

Người và vợ người

9. Ta hãy bước qua ngưỡng cửa căn nhà thanh tịnh này, với gia đình họ ngồi quanh bàn ăn thịnh soạn. Ở giữa ta thấy người cha và người mẹ, một cặp vợ chồng với câu truyện tình riêng của họ. Họ là hiện thân của kế hoạch ban sơ của Thiên Chúa, một kế hoạch được chính Chúa Kitô nói tới một cách rõ ràng: “Há các ông không đọc thấy rằng Đấng dựng nên họ ngay từ đầu đã dựng nên họ có nam có nữ đó sao?” (Mt 19:4). Ta nghe thấy tiếng vang vọng của lệnh truyền gấp thếp trong Sách Sáng Thế: “Do đó người đàn ông sẽ lìa cha mẹ mình mà gắn bó với vợ, và họ sẽ trở nên một thân xác” (St 2:24).

10. Những trang uy nghi đầu tiên của Sách Sáng Thế trình bày cặp nhân bản trong thực tại sâu sắc nhất của họ. Những trang đầu tiên của Thánh Kinh này đưa ra một số câu hết sức rõ ràng. Câu thứ nhất, được Chúa Giêsu diễn giải, nói rằng “Thiên Chúa dựng nên con người giống hình ảnh Người, giống hình ảnh Thiên Chúa, Người đã dựng nên họ; Người dựng nên họ có nam có nữ” (1:27). Điều ngạc nhiên là ở đây “hình ảnh Thiên Chúa” ám chỉ cặp “nam nữ”. Điều này có phải có nghĩa tính dục là một thuộc tính của chính Thiên Chúa, hoặc Thiên Chúa có người bạn đời nữ giới thần thánh, như một số tôn giáo cổ xưa vốn chủ trương không? Câu trả lời dĩ nhiên là không phải. Chúng ta biết Thánh Kinh đã rõ ràng bác bỏ các niềm tin như thế ra sao, coi chúng là ngẫu tượng, tìm thấy nơi người Canaan ở Đất Thánh. Tính siêu việt của Thiên Chúa được duy trì, ấy thế nhưng vì Người cũng là Đấng Tạo Dựng, nên tính hoa trái của cặp nhân bản là một “hình ảnh” sống động và hữu hiệu, một dấu chỉ hữu hình cho thấy hành vi tạo dựng của Người.

11. Cặp nào biết yêu và sản sinh sự sống đều là hình ảnh chân thực, sống động, chứ không phải ngẫu tượng giống như các ngẫu tượng bằng đá hay bằng vàng vốn bị Mười Giới Răn ngăn cấm; hình ảnh này có khả năng mạc khải Thiên Chúa Hóa Công và Cứu Thế. Vì lý do này, tình yêu sinh hoa trái trở thành một biểu tượng của sự sống nội tâm nơi Thiên Chúa (xem St 1:28; 9:7; 17:2-5, 16; 28:3; 35:11; 48:3-4). Đó là lý do tại sao trình thuật Sáng Thế, theo “truyền thống tư tế”, đã đan kết qua lại với nhiều trình thuật gia phả khác nhau (xem 4:17-22, 25-26; 5; 10; 11:10-32; 25:1-4, 12-17, 19-26; 36). Khả năng sinh sản sự sống của các cặp nhân bản là nẻo đường dọc theo đó, lịch sử cứu rỗi diễn biến. Nhìn cách này, mối liên hệ sinh hoa trái của cặp vợ chồng trở nên một hình ảnh dễ hiểu và mô tả mầu nhiệm của chính Thiên Chúa, vì trong viễn kiến Kitô Giáo về Thiên Chúa Ba Ngôi, Thiên Chúa được chiêm ngưỡng như Cha, Con và Thần Khí yêu thương. Thiên Chúa Ba Ngôi là một hiệp thông của tình yêu, và gia đình là sự phản ánh sống động của tình yêu này. Thánh Gioan Phaolô II soi sáng điều này khi ngài nói rằng “Thiên Chúa chúng ta, trong mầu nhiệm sâu xa nhất của Người, không cô đơn mà là một gia đình, vì tự trong Người, Người có tư cách cha, tư cách con và yếu tính gia đình, tức tình yêu. Trong gia đình Thiên Chúa, tình yêu này chính là Chúa Thánh Thần” (6). Như thế, gia đình có liên hệ với chính hữu thể của Thiên Chúa (7). Chiều kích Ba Ngôi này tìm được biểu thức trong thần học của Thánh Phaolô, người đã liên hệ cặp vợ chồng với “mầu nhiệm” kết hợp giữa Chúa Kitô và Giáo Hội (xem Ep 5:21-33).

12. Nói tới hôn nhân, Chúa Giêsu nhắc lại cho chúng ta một trang khác nữa của Sách Sáng Thế; trang ở chương hai này vẽ nên một bức tranh tuyệt diệu và chi tiết về cặp vợ chồng. Trước tiên, ta thấy người đàn ông, người vốn xao xuyên đi tìm “một trợ lực xứng hợp với mình” (các câu 18, 20), đã có thể làm dịu sự cô đơn mà chàng vốn cảm thấy giữa bầy vật và thế giới bao quanh. Nguyên bản Hípri hàm ngụ một cuộc gặp gỡ trực diện, mặt đối mặt, mắt giáp mắt, trong một thứ đối thoại thâm lắng, vì nơi nào có hơi hướm tình yêu, thâm lắng luôn hùng biện hơn lời nói. Đây là một cuộc gặp gỡ có gương mặt, một thứ “thou” (anh/em) phản ánh tình yêu của chính Thiên Chúa và là “sở hữu tươi đẹp nhất” của con người, “một trợ thủ xứng hợp với họ và là một cột trụ chống đỡ”, nói theo ngôn từ của người khôn ngoan trong Thánh Kinh (Hc 36:24). Hay, như người đàn bà của Ca Khúc Salômôn (Diệu Ca) sẽ hát trong lời tỏ tình và hiến thân hỗ trợ tuyệt diệu của nàng: “Người yêu tôi thuộc về tôi, và tôi thuộc về chàng... Tôi thuộc về người yêu của tôi, và người yêu của tôi thuộc về tôi” (2:16; 6:3).

13. Cuộc gặp gỡ khiến làm nguôi ngoai nỗi cô đơn của con người này làm nảy sinh sự sống mới và tạo lập ra một gia đình. Điều có ý nghĩa là Adam, người cũng là người đàn ông của mọi thời và

mọi nơi, cùng với vợ mình, đã khởi sự một gia đình mới. Chúa Giêsu nói tới điều ấy khi trích dẫn câu của Sách Sáng Thế: “người đàn ông sẽ kết hợp với vợ mình, và cả hai sẽ trở nên một thân xác” (Mt 19:5; xem St 2:24). Các hạn từ “kết hợp” hay “bám xiết lấy” như trong nguyên bản Hípri, nói tới sự hòa hợp sâu sắc, một sự gắn gũi cả thể lý lẫn nội tâm, đến nỗi nó cũng đã được dùng để mô tả sự kết hợp của ta với Thiên Chúa: “Linh hồn tôi bám xiết lấy Ngài” (Tv 63:9). Sự kết hợp vợ chồng, do đó, không những chỉ được gọi lên trong chiều kích tính dục và thể xác của nó, mà cả trong việc tự ý hiến thân trong yêu thương nữa. Kết quả của sự kết hợp này là hai người “trở nên một thân xác”, cả trong thể lý lẫn trong việc kết hợp trái tim và cuộc sống của họ, và, sau cùng, trong đứa con, người sẽ chia sẻ “thân xác” của cả hai cha mẹ không chỉ về phương diện di truyền mà cả về phương diện tâm linh nữa.

Con cái người tựa những chồi cây dầu

14. Ta hãy một lần nữa nói tiếp bài ca của Thánh Vịnh Gia. Trong tổ ấm nơi vợ chồng ngồi vào bàn ăn, con cái xuất hiện cạnh họ “như những chồi cây dầu” (Tv 128:3), nghĩa là, đầy năng lực và sức sống. Nếu cha mẹ, theo một nghĩa nào đó, là nền tảng của tổ ấm, thì con cái giống như “những hòn đá sống động” của gia đình (xem 1Pr 2:5). Quả là có ý nghĩa, khi hạn từ xuất hiện nhiều nhất trong Cựu Ước, sau tên Thiên Chúa (YHWH, “Chúa Tể”), là “đứa con” (*ben*, “con trai”) một hạn từ rất gần gũi với động từ “xây dựng” (*banah*). Bởi thế, Thánh Vịnh 127, khi nói tới hồng phúc con cái, đã sử dụng một hình ảnh rút ra từ việc xây dựng một căn nhà và đời sống xã hội của các đô thị: “Ví thử Yavê không xây nhà, có vất vả xây dựng rồi cũng uổng công... Con cái hẳn là một gia nghiệp do tự Giavê, hoa quả lòng dạ là một phần thưởng. Như nắm tên trong tay binh thiện chiến, những đứa con sinh lúc xuân xanh. Phúc cho người có đầy bao, những mũi tên như thế, họ sẽ không phải xấu hổ khi cùng địch thù tranh luận chốn quyền môn” (Tv 127, 1, 3-5). Những hình ảnh này phản ánh nền văn hóa của xã hội cổ thời, ấy thế nhưng sự hiện diện của con cái là dấu chỉ sự liên tục của gia đình trong suốt lịch sử cứu rỗi, hết đời này tới đời nọ.

15. Cả ở đây nữa, chúng ta cũng có thể thấy một khía cạnh khác của gia đình. Chúng ta biết rằng Tân Ước nói tới “các Giáo Hội tụ họp nhau trong các gia hộ” (xem 1Cr 16:19; Rm 16:5; Cl 4:15; Plm 2). Nơi sinh sống của một gia đình có thể biến thành một Giáo Hội tại gia, một khung cảnh để cử hành Thánh Thể, sự hiện diện của Chúa Kitô ngồi tại bàn ăn của nó. Chúng ta không bao giờ có thể quên được hình ảnh tìm thấy trong Sách Khải Huyền, trong đó, Chúa phán: “Này Ta đã đứng bên cửa và Ta gõ! Ai nghe tiếng Ta và mở cửa, thì Ta sẽ vào với nó, và Ta sẽ dùng bữa tối với nó và nó với Ta” (Kh 3:20). Ở đây, ta thấy một căn nhà ngập tràn sự hiện diện của Thiên Chúa, lời cầu nguyện chung và mọi chúc phúc. Đó là ý nghĩa của câu kết luận Thánh Vịnh 128 đã trích trên đây: “Sẽ được chúc lành như thế đó, con người kính sợ Giavê! Ước chi tự Sion, Giavê chúc lành cho người!” (Tv 128:4-5).

16. Thánh Kinh cũng trình bày gia đình như nơi con cái được dưỡng dục trong đức tin. Điều này thấy rất rõ trong lời mô tả việc cử hành Lễ Vượt Qua (xem Xh 12:26-27; Đnl 6:20-25) và sau đó, nó sẽ xuất hiện một cách minh nhiên hơn trong nghi thức *Haggadah* của người Do Thái, tức cuộc đối thoại đi song song với nghi thức ăn Bữa Vượt Qua. Một trong các Thánh Vịnh đã cử hành việc công bố đức tin trong gia đình như sau: “Điều chúng tôi đã nghe biết được, điều tổ tiên đã thuật lại cho chúng tôi, chúng tôi sẽ không giấu diếm với con cái các ngài, chúng tôi sẽ thuật lại cho hậu thế, những lời ca ngợi Giavê và uy lực của Người, những sự lạ Người đã làm ra. Người đã thiết lập chứng tri nơi Giacob, và định luật cho Israel, Người đã truyền cho tổ tiên chúng ta, phải thông

tri cho con cháu họ. Ngõ hầu hậu thế am tường, con cái họ sẽ sinh ra, để chúng đứng lên thuật lại cho con cháu chúng” (Tv 78:3-6). Như thế, gia đình là nơi cha mẹ trở nên các thầy cô đầu tiên về đức tin của con cái. Chúng học “tay nghề” này, rồi truyền thụ tay nghề này hết người này tới người nọ: “Khi tới lúc con trai người hỏi người... Người hãy nói với nó...” (Xh 13:14). Như thế, các thế hệ nối tiếp nhau có thể dâng bài ca của họ lên Chúa: “Trai tráng và cả nữ trinh, lão bô với các nhi đồng!” (Tv 148:12).

17. Cha mẹ có trách nhiệm nặng nề đối với việc giáo dục, như các nhà khôn ngoan của Thánh Kinh thường nhắc nhở chúng ta (xem Cn 3:11-12; 6:20-22; 13:1; 22:15; 23: 13-14; 29:17). Về phần chúng, con cái được kêu gọi chấp nhận và thực hành giới răn: “Hãy thảo kính cha mẹ” (Xh 20:12). Ở đây, động từ “thảo kính” (tôn trọng) có liên hệ tới việc chu toàn các cam kết gia đình và xã hội; không được nại động lực tôn giáo để coi thường các cam kết này (xem Mc 7:11-13). “Kể tôn kính cha được xá lỗi lầm, và trọng kính mẹ khác gì tích trữ bảo tàng” (Hc 3:3-4).

18. Tin Mừng tiếp nối để nhắc nhở ta rằng con cái không phải là tài sản của gia đình, nhưng chúng có cuộc sống riêng để sống. Chúa Giêsu là mẫu mực của việc vâng lời cha mẹ trần thế của Người, tự đặt mình dưới quyền của các ngài (xem Lc 2:51), nhưng Người cũng chứng tỏ điều này: các quyết định liên quan tới đời sống của con cái và ơn gọi Kitô hữu của chúng có thể đòi một cách ly vì Nước Thiên Chúa (xem Mt 10:34-37; Lc 9:59-62). Chính Người, lúc 12 tuổi, đã nói với Đức Mẹ và Thánh Giuse rằng Người có một sứ mệnh lớn hơn phải chu toàn bên ngoài gia đình trần thế của Người (xem Lc 2:48-50). Qua cách đó, Người chứng tỏ việc cần phải có những dây liên kết khác, sâu xa hơn ngay bên trong gia đình: “Mẹ tôi và anh em tôi là những ai nghe lời Thiên Chúa và thực hành nó” (Lc 8:21). Cũng thế, trong quan tâm Người tỏ bày với các trẻ nhỏ, tức những người mà các xã hội Cận Đông thời xưa coi như những chủ thể vô quyền, thậm chí chỉ là tài sản của gia đình, Chúa Giêsu tiến xa tới chỗ trình bày các em như các thầy dạy, về phương diện đơn sơ tin tưởng và tự nhiên đối với người khác: “Tôi nói thật với các ông, trừ khi các ông trở nên giống trẻ em, các ông sẽ không bao giờ vào được nước trời. Bất cứ ai khiêm nhường như trẻ nhỏ đều là người lớn hơn hết trong nước trời” (Mt 18:3-4).

Nẻo đường đau khổ và thấm máu

19. Hình ảnh điển viên trình bày trong Thánh Vịnh 128 không có gì xung đột với sự thật đáng đót hơn tìm thấy khắp trong Sách Thánh, tức là, sự hiện diện của đau đớn, sự ác và bạo lực từng phá vỡ các gia đình và sự hiệp thông đời sống và tình yêu của họ. Vì lý do tốt lành, giáo huấn của Chúa Giêsu về hôn nhân (xem Mt 19:3-9) đã được lồng vào cuộc tranh luận về ly dị. Lời Thiên Chúa luôn chứng thực cho chiều kích âm đạm vốn hiện hữu ngay từ đầu này, khi, vì tội lỗi, mối liên hệ yêu thương và trong sạch giữa người đàn ông và người đàn bà bị biến thành khổng chế: “Người sẽ phải thêm khát chồng người, và chồng người sẽ thống trị người” (St 3:16).

20. Sợi chỉ đau khổ và thấm máu này xuyên suốt rất nhiều trang Sách Thánh, bắt đầu với việc Cain giết em trai Abel của hắn. Ta đọc thấy những cuộc tranh cãi giữa các con trai và các bà vợ của các tổ phụ Ápraham, Isaác và Giacóp, các thảm kịch và bạo động ghi dấu gia đình Đavít, các vấn đề gia đình phản ánh trong các câu truyện về Tôbia và lời ta thán cay đắng của Gióp: “Anh em tôi, Người đẩy xa tôi, người quen biết muốn làm mặt lạ. Thân bằng đã biến sạch, quyến thuộc đã quên tôi... Hơi thở tôi làm vợ tôi lợm giọng, và tôi trở thành hôi thối trước con cái của chính mẹ tôi” (G 19:13-14, 17).

21. Chính Chúa Giêsu cũng đã sinh ra trong một gia đình tầm thường, mà sau đó không lâu đã phải trốn chạy ra ngoại quốc. Người viếng gia đình Phêrô, có mẹ vợ đang bị đau ốm (xem Mc 1:30-31) và tỏ thiện cảm khi nghe nói đến chết chóc tại nhà Giairô và Ladarô (xem Mc 5:22-24, 35-43; Ga 11:1-44). Người nghe tiếng khóc than tuyệt vọng của bà quả phụ Thành Naim vì đưa con trai đã chết (xem Lc 7:11-15) và lưu ý tới lời van xin của cha đưa trẻ bị động kinh ở một thị trấn nhỏ (Xem Mc 9:17-27). Người tới nhà các viên thu thuế như Máttêu và Giakêu (xem Mt 9:9-13; Lc 19:1-10), và nói chuyện với những người tội lỗi như người đàn bà ở nhà Simong Biệt Phái (xem Lc 36-50). Chúa Giêsu biết các lo lắng và căng thẳng của các gia đình và Người dặt chúng vào các dụ ngôn của Người: những đứa con bỏ nhà đi tìm mạo hiểm (xem Lc 15:11-32), hay những đứa con tỏ ra gây rối (Mt 21:28-31) hoặc làm mồi cho bạo lực (Mc 12:1-9). Người cũng nhạy cảm trước sự bối rối gây ra bởi việc thiếu rượu tại một tiệc cưới (Ga 2:1-10), các khách mời không tới dự tiệc (Mt 22:1-10), và sự lo âu của một gia đình nghèo mất một đồng tiền cắc (Lc 15:8-10).

22. Trong việc ôn duyệt vắn vỏi trên, chúng ta đã có thể thấy điều này: lời của Thiên Chúa không phải là một bộ các ý nghĩ trừu tượng mà đúng hơn là nguồn an ủi và tình đồng hành đối với mọi gia đình đang kinh qua khó khăn hay đau khổ. Vì nó chỉ cho họ thấy mục tiêu cuộc hành trình của họ, khi Thiên Chúa “lau khô mọi nước mắt khỏi mắt họ, và chết chóc không còn nữa, cũng không còn tang chế, khóc than hay đau đớn nữa” (Kh 21:4).

Công khó tay người

23. Ở đầu Thánh Vịnh 128, người cha xuất hiện như một lao công, người đã dùng công khó của đôi tay để duy trì phúc lợi thể lý của gia đình và sự thanh bình của gia đình mình: “Công khó tay người, người sẽ được hưởng, phúc cho người và may mắn cho người” (Tv 128:2). Từ các trang đầu của Sách Thánh, ta đã biết rõ: việc làm là một phần chủ yếu tạo nên nhân phẩm; ở đây, ta đọc thấy: “Thiên Chúa đã đem con người đặt vào vườn Địa Đàng để nó canh tác và trông coi vườn này” (St 2:15). Con người được trình bày như một lao công canh tác trái đất, khai thác sức mạnh của thiên nhiên và làm ra “bánh làm than đau khổ” (Tv 127:2), ngoài việc vun xới các thiên phú và tài năng của mình.

24. Lao động cũng làm khả hữu việc phát triển xã hội và cung cấp phương tiện sinh sống, sự ổn định và tính sinh hoa trái của gia đình: “Ước chi từ Sion, Chúa chúc lành cho người, cho người được thấy phúc của Giêrusalem mọi ngày đời người! Cho người được thấy cháu chắt của người!” (Tv 128:5-6). Sách Cách Ngôn cũng trình bày lao động của người mẹ bên trong gia đình; công việc hàng ngày của họ được mô tả chi tiết, khiến chồng con khen ngợi (xem 31:10-31). Thánh Tông Đồ Phaolô rất tự hào về việc không thành gánh nặng cho người khác, vì ngài đã làm việc bằng chính đôi tay và tự bảo đảm kế sinh nhai (xem Cv 18:3; 1Cr 4:12; 9:12). Ngài cũng xác tín sự cần thiết phải làm việc đến nỗi đã đặt ra một qui luật nghiêm ngặt cho cộng đoàn của ngài: “ai không làm thì đừng có ăn” (2Tx 3:10; xem 1Tx 4:11).

25. Nói thế rồi, chúng ta có thể lượng giá được sự đau khổ do nạn thất nghiệp và thiếu việc làm đều đặn gây nên, như đã được phản ánh trong Sách Rút, trong dụ ngôn của chính Chúa Giêsu nói về các lao công buộc phải đứng rồi việc ở công trường thị trấn (Mt 20:1-16) và trong kinh nghiệm bản thân gặp gỡ những người chịu cảnh nghèo đói của Người. Đáng buồn thay, những thực tế này

hiện vẫn còn tại các quốc gia ngày nay, nơi việc thiếu cơ hội nhân dụng đang gây hại cho sự thanh thản của đời sống gia đình.

26. Chúng ta cũng không thể bỏ qua sự thoái hóa xã hội do tội lỗi đem tới, chẳng hạn, khi con người trở thành bạo chúa đối với thiên nhiên, tàn phá nó một cách ích lý và thậm chí tàn bạo nữa. Điều này dẫn tới việc hoang địa hóa trái đất (xem St 3:17-19) và các bất thăng bằng về xã hội và kinh tế từng bị các tiên tri kết án, bắt đầu với Êlia (xem 1V 21) và đỉnh cao là chính lời lẽ của Chúa Giêsu chống bất công (xem Lc 12:13; 16:1-31).

Sự âu yếm của cái ôm hôn

27. Chúa Kitô đề xuất luật yêu thương và việc hiến thân cho người khác làm dấu chỉ để phân biệt các môn đệ của người (xem Mt 22:39; Ga 13:34). Người làm thế bằng cách tuyên bố một nguyên tắc mà các cha mẹ vẫn thông thường làm chứng bằng chính cuộc sống họ: “không ai có tình yêu nào lớn hơn điều này là hiến mạng sống mình vì bằng hữu” (Ga 15:13). Tình yêu cũng mang hoa trái trong thương xót và tha thứ. Ta thấy điều này một cách đặc biệt trong cảnh người đàn bà bị bắt quả tang đang ngoại tình; ngay trước Đền Thờ, nàng bị các người tố cáo bao vây, nhưng sau đó, chỉ còn lại một mình với Chúa Giêsu, nàng đã không bị kết án mà chỉ được lời khuyên phải sống một cuộc sống tốt đẹp hơn mà thôi (xem Ga 8:1-11).

28. Trước tấm phong yêu thương vốn hết sức chính yếu đối với kinh nghiệm hôn nhân và gia đình Kitô Giáo này, một nhân đức khác đã nổi bật lên, một nhân đức thường bị coi nhẹ trong thế giới liên hệ điên cuồng và hời hợt của chúng ta. Đó là tình âu yếm (tenderness). Ta hãy xem xét các lời lẽ đầy cảm kích của Thánh Vịnh 131. Cũng như ở các bản văn Thánh Kinh khác (thí dụ Xh 4:22; Is 49:15; Tv 27:10), sự kết hợp giữa Chúa và tín hữu của Người được phát biểu bằng những hạn từ tình yêu cha mẹ. Ở đây, ta thấy sự thân mật nâng niu và âu yếm giữa mẹ và con: đó là hình ảnh bé thơ thiếp ngủ trong cánh tay mẹ sau khi được bú mớm. Như hạn từ Hípri *gamûl* gợi ý, bé thơ sau khi được bú đang nín lấy mẹ và mẹ ôm sát em vào lòng. Có một sự gần gũi đầy ý thức chứ không hẳn chỉ có tính sinh học. Dựa vào hình ảnh này, Thánh Vịnh Gia đã hát như sau: “Hồn tôi, tôi đã ru êm dỗ nín, như nhũ tử trong lòng mẹ” (Tv 131:2). Ta cũng có thể nghĩ tới những lời lẽ đầy xúc động mà Tiên Tri Hôsê từng đặt vào môi miệng Thiên Chúa: “Thuở Israel còn là trẻ bé, Ta đã mến thương, ... Ta bồng bế chúng trên cánh tay Ta... Ta lôi kéo chúng, với dây tình người, với thùng chầu yêu thương. Với chúng, Ta ở như những người nhắc con đỡ lên tận má mình. Và cúi xuống trên nó, Ta mớm cho nó ăn” (Hs 11:1, 3-4).

29. Với cái nhìn đức tin và yêu thương, ơn thánh và trung thành, chúng ta đã ngắm nhìn mối tương quan giữa các gia đình nhân bản và Thiên Chúa Ba Ngôi. Lời Thiên Chúa cho ta hay: gia đình đã được ủy thác cho một người đàn ông, một người đàn bà và con cái họ, để họ trở nên một hiệp thông các bản vị theo hình ảnh kết hợp Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Về phần mình, việc sinh sản và dưỡng dục con cái đều đã phản ánh công trình sáng tạo của Thiên Chúa. Gia đình được kêu gọi kết hợp trong việc cầu nguyện hàng ngày, đọc lời Thiên Chúa và chia sẻ hiệp thông Thánh Thể, và nhờ đó, lớn lên trong yêu thương và mỗi ngày một trọn vẹn trở nên một đền thờ hơn để Chúa Thánh Thần cư ngụ.

30. Mọi gia đình nên nhìn ngắm ảnh Thánh Gia Nadarét. Cuộc sống hàng ngày của Thánh Gia cũng có chung những gánh nặng và thậm chí cả ác mộng nữa như khi các ngài đương đầu với bạo

lực khôn nguôi của Hêrôt. Ác mộng sau cùng vừa nói là một trải nghiệm, đáng buồn thay, vẫn đang tiếp tục tác động tới rất nhiều gia đình tỵ nạn; các gia đình này, hiện nay, đang cảm thấy bị bác bỏ và bơ vơ. Giống Ba Vua, các gia đình của chúng ta đang được mời gọi chiêm ngắm Chúa Hài Đồng và Mẹ của Người, cúi đầu và thờ lạy Người (xem Mt 2:11). Giống Đức Maria, họ được yêu cầu can đảm và thanh thản đương đầu với các thách đố của gia đình mình, trong những lúc gian nan cũng như lúc hạnh phúc, và ghi nhớ trong lòng các kỳ công mà Thiên Chúa đã thực hiện (xem Lc 2:19, 51). Điều Đức Mẹ trân quý trong lòng cũng bao gồm các trải nghiệm của các gia đình, các trải nghiệm mà Đức Mẹ rất yêu quý. Vì lý do này, Đức Mẹ có thể giúp chúng ta hiểu ý nghĩa của các trải nghiệm này và lắng nghe sứ điệp mà Thiên Chúa muốn thông truyền qua cuộc sống của các gia đình chúng ta.

Chương II: Các trải nghiệm và thách đố của các gia đình

31. Phúc lợi của gia đình có tính quyết định đối với tương lai thế giới và tương lai Giáo Hội. Rất nhiều nghiên cứu đã được thực hiện về hôn nhân và gia đình, các vấn đề và thách đố hiện thời của họ. Ta nên tập chú vào các thực tại cụ thể, vì “lời kêu gọi và các đòi hỏi của Thần Khí vang vọng trong các biến cố của lịch sử”, và qua các biến cố này, “Giáo Hội cũng có thể được dẫn tới một cái hiểu sâu sắc hơn về mầu nhiệm khôn thấu của hôn nhân và gia đình” (8). Ở đây, tôi sẽ không cố gắng trình bày mọi điều có thể nói về gia đình ngày nay. Tuy nhiên, vì các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã khảo sát tình thế các gia đình khắp thế giới, nên tôi coi là thích hợp việc bàn tới một số tầm nhìn mục vụ thấu suốt của các ngài, cùng với các quan tâm từ chính kinh nghiệm của tôi.

Thực tại hiện thời của gia đình

32. “Trung thành với giáo huấn của Chúa Kitô, chúng tôi nhìn vào thực tại của gia đình ngày nay trong mọi tính phức tạp của nó, với cả các điểm sáng lẫn điểm tối của nó... Các thay đổi nhân học và văn hóa thời ta đang ảnh hưởng tới mọi khía cạnh của cuộc sống và đòi hỏi phải có một lối tiếp cận có phân tích và đa dạng hóa” (9). Mấy thập niên trước đây, các giám mục Tây Ban Nha từng ghi nhận rằng các gia đình đã tiến tới chỗ hưởng được một sự tự do lớn hơn “nhờ việc phân phối bổn phận, trách nhiệm và trách vụ cách công bình hơn; quả vậy, “sự nhấn mạnh nhiều hơn tới việc thông đạt có tính bản vị giữa các người phối ngẫu đã giúp làm cho đời sống gia đình trở nên nhân đạo hơn”, trong khi “cả xã hội ngày nay lẫn xã hội chúng ta đang tiến tới đều không cho phép các hình thức và mẫu mực cũ xưa sống sót một cách không phê phán” (10). Điều cũng hiển nhiên là “các khuynh hướng chính trong các thay đổi nhân học và văn hóa” đang dẫn “các cá nhân, trong cuộc sống bản thân và trong cuộc sống gia đình của họ, tới chỗ càng ngày càng tiếp nhận được ít sự trợ giúp hơn so với quá khứ từ các cơ cấu xã hội” (11).

33. Mặt khác, “cũng phải lưu ý như thế tới mối nguy mỗi ngày một lớn do chủ nghĩa duy cá nhân cực đoan đại diện, một chủ nghĩa đang làm suy yếu các mối dây nối kết gia đình và nhiên hậu chỉ coi các thành viên của gia đình như một đơn vị biệt lập, trong một số trường hợp, còn dẫn tới ý nghĩ cho rằng nhân cách của người ta được lên khuôn bởi chính các thèm muốn được coi như tuyệt đối của họ” (12). “Các căng thẳng do nền văn hóa quá duy cá nhân chủ nghĩa gây ra, một nền văn hóa luôn ám ảnh với của cải và khoái lạc, đang dẫn tới sự bất khoan dung và cạnh thù nghịch trong các gia đình” (13). Ở đây, tôi cũng muốn thêm vào đó nhịp sống vội vã, sự căng thẳng và việc tổ chức xã hội và lao động ngày nay, vì tất cả đều là các nhân tố văn hóa chống lại khả năng đưa ra

các quyết định vĩnh viễn. Chúng ta cũng gặp sự bất chắc chắn và hàm hồ phổ biến hiện nay. Thí dụ, chúng ta đứng khi trân quý chủ nghĩa nhân vị vì chủ nghĩa này chọn tính chân thực chống lại thái độ chỉ biết sống theo qui ước. Dù việc này có thể cổ vũ tính tự phát cũng như giúp người ta sử dụng năng khiếu của họ một cách tốt đẹp hơn, nhưng nếu bị hướng dẫn sai, nó có thể khuyến khích thái độ ngò vức khôn cùng, trốn chạy việc dần thân, tự giam mình vào tiện nghi, ngạo mạn. Tự do chọn lựa giúp ta dự phóng được đời mình và vun sới được những điều tốt hơn trong ta, nhưng nếu không có các mục tiêu cao thượng cũng như kỷ luật bản thân, nó sẽ thoái hóa, khiến ta bất lực, không thể tự hiến thân một cách quảng đại nữa. Thực vậy, tại nhiều quốc gia nơi con số hôn phối đang giảm dần, số người quyết định sống độc thân hay dành thì giờ cho nhau nhưng không sống chung với nhau, càng ngày càng gia tăng. Chúng ta cũng có thể nhấn mạnh tới việc quan tâm tới công lý rất đáng khâm phục; nhưng, nếu bị hiểu sai, quan tâm này có thể biến các công dân thành các khách hàng chỉ biết quan tâm đến việc được cung cấp các dịch vụ mà thôi.

34. Khi các nhân tố trên ảnh hưởng tới cái hiểu của chúng ta về gia đình, thì gia đình có thể tự biến thành một nơi quá giang, để ta chạy tới khi thấy thuận tiện, hoặc là nơi để ta tới đòi hỏi quyền lợi, còn các mối dây liên kết thì được phó mặc cho tính bấp bênh dễ thay đổi của thèm muốn và hoàn cảnh. Ngày nay, xét cho cùng, người ta rất dễ lẫn lộn tự do chân chính với ý nghĩ cho rằng mỗi người được phán đoán là tốt điều xem ra là tốt đối với họ; như thế, ngoài các cá nhân ra, không còn chi là sự thật, là giá trị, là nguyên tắc để hướng dẫn ta nữa, như thể thấy đều như nhau, và bất kể là điều gì, cũng phải làm được và được phép làm. Trong ngữ cảnh này, lý tưởng hôn nhân, với sự cam kết độc chiếm và bền vững của nó, kết cục sẽ bị gạt sang một bên, bất cứ khi nào tỏ ra bất tiện hay gây mệt mỏi. Người ta sợ sự cô độc, họ muốn có một môi trường che chở và trung thành, nhưng đồng thời lại khuếch đại nỗi sợ phải sa vào một mối liên hệ có thể ngăn cản việc thể hiện các khát vọng bản thân.

35. Là các Kitô hữu, chúng ta khó có thể ngưng, không cổ vũ hôn nhân, chỉ để tránh đụng chạm tới các nhạy cảm hiện thời, hoặc vì muốn hợp thời thượng hoặc vì cảm thấy bất lực trước các thất bại nhân bản và luân lý. Làm như thế chúng ta đã tước bỏ cả một thế giới giá trị mà chúng ta vốn có thể và phải cung ứng. Đã đành, chỉ biết tố cáo các cái xấu hiện thời như thế ta chẳng thay đổi được gì là điều vô nghĩa. Cũng chẳng ích lợi gì khi cố gắng áp đặt các qui luật chỉ bằng thẩm quyền của mình mà thôi. Điều cần là chúng ta phải ra sức một cách có trách nhiệm và quảng đại hơn trong việc trình bày các lý lẽ và nguyên động lực cho việc quyết định kết hôn và lập gia đình, và nhờ cách này, giúp các người nam nữ đáp ứng ơn thánh mà Thiên Chúa cung ứng cho họ một cách tốt đẹp hơn.

36. Chúng ta cũng cần phải khiêm tốn và hiện thực, thừa nhận rằng có lúc, cung cách ta trình bày các niềm tin Kitô Giáo và việc cư xử với người khác chỉ giúp làm gia trọng tình thế đang gây vẩn nạn hiện nay mà thôi. Ta cần liều thuốc tự phê bình mạnh. Rồi, ta còn hay trình bày hôn nhân (tệ đến nỗi) khiến cho ý nghĩa nên một của nó, lời mời gọi lớn lên trong yêu thương của nó và lý tưởng trợ giúp nhau của nó bị che khuất bởi việc hầu như chỉ chuyên chú nhấn mạnh tới nhiệm vụ truyền sinh. Ta cũng đã không luôn cung cấp được sự hướng dẫn vững chắc cho những cặp vợ chồng trẻ, hiểu biết thời khóa biểu của họ, cách suy nghĩ và các quan tâm cụ thể của họ. Có lúc, ta cũng đã đề xuất một lý tưởng thần học về hôn nhân quá trừu tượng và gần như giả tạo, quá xa rời các hoàn cảnh cụ thể và các khả thể thực tế của các gia đình đích thực. Việc lý tưởng hóa thái quá này, nhất là khi ta thất bại trong việc gây hứng cho lòng tin thác vào ơn thánh Chúa, không giúp làm cho hôn nhân trở thành đáng ước muốn và lôi cuốn hơn, nhưng trở thành điều trái ngược hẳn.

37. Từ lâu chúng ta vốn nghĩ rằng chỉ bằng cách nhấn mạnh tới các vấn đề tín lý, sinh học và luân lý, không cần phải khuyến khích sự cởi mở với ơn thánh, ta đã đang cung cấp cho các gia đình sự trợ giúp thỏa đáng, củng cố dây hôn phối và đem lại ý nghĩa cho đời sống vợ chồng rồi. Ta thấy khó có thể trình bày hôn nhân như con đường năng động để phát triển và hoàn thành bản thân hơn là một gánh nặng suốt đời. Ta cũng thấy khó có thể dành chỗ cho lương tâm tín hữu, những người thường hết mình đáp ứng Tin Mừng, bất chấp các hạn chế bản thân, và có khả năng thực hiện sự biện phân về chính họ trong các hoàn cảnh phức tạp. Chúng ta vốn được kêu gọi đào tạo các lương tâm, chứ không thay thế chúng.

38. Ta phải biết ơn khi phần lớn người ta còn trân quý các mối liên hệ gia đình vĩnh viễn và có đặc điểm tôn trọng lẫn nhau. Họ biết đánh giá các cố gắng của Giáo Hội nhằm cung ứng sự hướng dẫn và huấn đạo trong các lãnh vực liên hệ tới việc lớn mạnh trong tình yêu, thắng vượt tranh chấp và dưỡng dục con cái. Nhiều người được đánh động bởi ơn thánh tiếp nhận nơi bí tích Hòa Giải và Thánh Thể, ơn thánh giúp họ đương đầu với các thách đố hôn nhân và gia đình. Ở một số quốc gia, nhất là ở một số nơi tại Châu Phi, chủ nghĩa duy thể tục vẫn chưa làm suy yếu một số giá trị truyền thống, và các cuộc hôn nhân vẫn tạo nên dây nối kết mạnh mẽ giữa hai đại gia đình, với những cơ cấu được ấn định rõ ràng nhằm xử lý các nan đề và tranh chấp. Ngày nay, ta cũng biết ơn các chứng tá hôn nhân, không những chứng tỏ lâu bền, mà còn sinh hoa trái và đầy yêu thương. Tất cả các nhân tố này có sức gợi hứng cho một phương thức mục vụ tích cực và chào đón, có khả năng giúp các cặp vợ chồng lớn lên trong việc biết trân quý các đòi hỏi của Tin Mừng. Ấy thế nhưng, ta thường hay có tư thế phòng ngự, phí phạm năng lực mục vụ vào việc tố cáo thế giới sa đọa mà không đồng lực trong việc đề ra các cách thể tìm được hạnh phúc đích thực. Nhiều người cảm thấy sứ điệp của Giáo Hội về hôn nhân và gia đình không phản ánh rõ ràng giáo huấn và các thái độ của Chúa Giêsu, Đấng đã đặt ra một lý tưởng có tính đòi hỏi, nhưng chưa bao giờ bỏ lỡ việc tỏ lòng cảm thương và gần gũi với sự yếu đuối mỏng manh của các cá nhân như người đàn bà Samaria hay người đàn bà bị bắt quả tang ngoại tình.

39. Điều trên không có ý nói rằng ta nên ngưng, không cảnh giác trước sự xuống dốc của văn hóa nữa, một sự xuống dốc khiến người ta không còn cô vũ tình yêu hay việc tự hiến nữa. Cuộc tham khảo ý kiến diễn ra trước khi có hai Thượng Hội Đồng trước đây cho ta thấy một số triệu chứng khác nhau của “nền văn hóa phù phiếm”. Chẳng hạn, ở đây, tôi nghĩ tới vận tốc thay đổi mau chóng của người ta từ mối liên hệ xúc cảm này sang mối liên hệ xúc cảm kia. Theo đường hướng của các mạng lưới xã hội, họ tin rằng tình yêu có thể được nối kết hay tháo gỡ, là tùy ở sở thích của người tiêu thụ, và mỗi liên hệ mau chóng “bị khóa cứng”. Tôi cũng nghĩ tới các nỗi sợ sệt của người ta khiến họ không dám cam kết vĩnh viễn, tới việc họ bị ám ảnh với thì giờ được tự do và tới các mối liên hệ luôn so đo lợi hại trong việc tránh bị cô đơn, được bảo vệ hay được phục vụ cách nào đó. Chúng ta xử sự với các mối liên hệ xúc cảm theo lối xử lý các đồ vật và môi trường vật chất: mọi sự đều có thể dùng rồi vứt bỏ; mọi người đều dùng rồi liệng bỏ, lấy rồi đập bể, khai thác và vất cho tới giọt cuối cùng. Rồi, tạm biệt nhé! Tự yêu mình thái quá khiến người ta không còn khả năng nhìn quá con người của họ, quá các thèm muốn và nhu cầu của họ nữa. Ấy thế nhưng, chẳng sớm thì muộn, những người sử dụng người khác kết cục chính họ sẽ bị sử dụng, thao túng và vứt bỏ bởi cùng một não trạng. Điều cũng đáng lưu ý là: các cuộc tan vỡ thường xảy ra nơi những người cao tuổi chỉ muốn đi tìm một thứ “độc lập” nào đó, chứ không chấp nhận lý tưởng cùng về già với nhau, cùng chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau.

40. “Trong nguy cơ đơn giản hóa thái quá, ta dám cho rằng ta sống trong một nền văn hóa chỉ biết áp lực người trẻ đừng lập gia đình, vì họ thiếu các khả thể đối với tương lai. Ấy thế nhưng, cũng chính nền văn hóa này đã trình bày với nhiều người khác quá nhiều giải pháp đến nỗi cả người này nữa cũng không dám lập gia đình” (14). Ở một số quốc gia, nhiều người trẻ “hoãn việc cưới xin vì các lý do kinh tế, việc làm hay học hành. Một số làm thế vì các lý do khác, như ảnh hưởng của các ý thức hệ vốn hạ giá hôn nhân và gia đình, muốn tránh thất bại của các cặp vợ chồng khác, sợ điều gì đó họ coi là quá quan trọng và thánh thiêng, các cơ hội xã hội và lợi ích kinh tế vốn liên kết với việc chỉ sống chung với nhau, chỉ quan niệm tình yêu về phương diện thuần cảm xúc và thơ mộng, sợ mất tự do và độc lập, và bác bỏ bất cứ điều gì bị coi là có tính định chế và bản giấy thuần túy” (15). Ta cần tìm ra thứ ngôn ngữ, các luận điểm và hình thức làm chứng đúng đắn có khả năng giúp ta đụng chạm tới tâm hồn giới trẻ, lôi cuốn khả năng đại lượng, dần thân, yêu thương và thậm chí anh hùng của họ nữa, và nhờ cách này, mời gọi họ tiếp nhận thách đố hôn nhân một cách hừng khởi và can đảm.

41. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng ghi nhận rằng “các xu hướng văn hóa trong thế giới ngày nay xem ra không đặt bất cứ giới hạn nào cho cảm giới của người ta”; quả thế, “một cảm giới tự yêu mình thái quá, bất ổn hay dễ thay đổi không luôn giúp người ta trưởng thành”. Các ngài cũng tỏ ý quan tâm tới “việc lan tràn văn hóa khiêu dâm hiện nay và việc thương mại hóa thân xác, vốn cũng được cổ vũ bởi việc lạm dụng liên mạng”, và tới “các hoàn cảnh đáng chê trách trong đó, người ta bắt buộc phải bước vào mãi dâm”. Trong bối cảnh này, “các cặp vợ chồng thường không chắc chắn, do dự và loay hoay tìm cách lớn lên. Nhiều cặp có khuynh hướng ở lý trong các giai đoạn khởi đầu của cuộc sống cảm giới và tính dục của họ. Khủng hoảng trong mối liên hệ vợ chồng sẽ làm gia đình bất ổn và, qua ly thân và ly dị, có thể dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng cho người lớn, cho con cái và cả xã hội như một toàn thể, làm suy yếu các mối dây liên kết cá nhân và xã hội” (16). Các vấn đề vợ chồng “thường được xử lý một cách vội vã, không can đảm kiên nhẫn và suy nghĩ, hy sinh và tha thứ cho nhau. Các thất bại này tạo ra các mối liên hệ mới, các cặp vợ chồng mới, các vụ kết hợp dân sự mới, và các cuộc hôn nhân mới, tạo ra các tình huống gia đình phức tạp và có vấn đề đối với đời sống Kitô hữu” (17).

42. Hơn nữa, “việc suy giảm dân số, vì náo trạng chống đối việc có con và được cổ vũ bởi nền chính trị ngừa thai trên thế giới, đã tạo nên không những một tình thế trong đó mối liên hệ giữa các thế hệ không còn được bảo đảm mà cả mối nguy này: với thời gian, việc suy giảm này sẽ dẫn đến cảnh bản cùng hóa kinh tế và mất hết hy vọng vào tương lai. Việc phát triển kỹ thuật sinh học cũng có tác động lớn đối với sinh suất” (18). Thêm vào đó, còn có các nhân tố khác như “kỹ nghệ hóa, cách mạng tình dục, sợ nhân mãn và các vấn nạn kinh tế... Chủ nghĩa duy tiêu thụ cũng khiến người ta không dám có con, chỉ để họ duy trì được một chút tự do hay lối sống nào đó” (19). Lương tâm ngay thẳng của vợ chồng nào biết quảng đại trong việc truyền sinh có thể dẫn họ, vì các lý do đủ nghiêm túc, tới việc giới hạn số con, ấy thế nhưng “vì phẩm giá của lương tâm này, Giáo Hội mạnh mẽ bác bỏ sự can thiệp cưỡng bức của Nhà Nước đòi người ta phải ngừa thai, triệt sản và thậm chí phá thai” (20). Các biện pháp này không thể chấp nhận được ngay ở những nơi có sinh suất cao, ấy thế nhưng ở các quốc gia có sinh suất thấp đến độ gây bối rối, chúng ta vẫn thấy các chính khách khuyến khích các biện pháp này. Như các giám mục Đại Hàn từng nói, việc này “hành động một cách tự mâu thuẫn và sao lãng bổn phận của mình” (20).

43. Việc suy yếu đức tin và thực hành tôn giáo trong một số xã hội đã gây nhiều hậu quả đối với

các gia đình, khiến họ càng bị cô lập hơn khi gặp các khó khăn. Các Nghị Thượng Hội Đồng từng ghi nhận rằng “một triệu chứng của sự nghèo nàn lớn lao trong nền văn hóa hiện thời là sự cô đơn, phát sinh từ việc thiếu vắng Thiên Chúa trong đời sống con người và sự mỏng manh trong các mối liên hệ. Cũng có một cảm thức bất lực tổng quát trước các thực tại kinh tế xã hội đôi khi có tác dụng đè bẹp các gia đình... Các gia đình này thường cảm thấy bị bỏ rơi bởi sự thờ ơ và thiếu quan tâm của các định chế. Tác dụng tiêu cực đối với trật tự xã hội khá rõ ràng, như đã thấy trong cuộc khủng hoảng dân số, trong khó khăn nuôi dưỡng con cái, trong do dự chào đón sự sống mới, trong khuynh hướng coi người cao niên như một gánh nặng, và trong việc gia tăng các vấn đề xúc cảm và bùng nổ bạo lực. Nhà Nước có trách nhiệm ban hành các đạo luật và tạo ra việc làm để bảo đảm tương lai cho giới trẻ và giúp họ thể hiện được kế hoạch tạo lập gia đình của họ” (22).

44. Việc thiếu nhà ở xứng đáng và hợp túi tiền thường dẫn tới việc trì hoãn các mối liên hệ chính thức. Cần nhớ rằng “gia đình có quyền có nhà ở xứng đáng, thích hợp cho cuộc sống gia đình và tương xứng với con số thành viên của nó, trong một môi trường thể lý có thể cung cấp các dịch vụ căn bản cho cuộc sống gia đình và cộng đồng” (23). Gia đình và tổ ấm luôn đi đôi với nhau. Điều này giúp ta thấy việc nhấn mạnh tới quyền gia đình chứ không phải chỉ quyền cá nhân là điều quan trọng như thế nào. Gia đình là một thiện ích mà xã hội không thể không có, và nó cần được bảo vệ (24). “Giáo Hội vốn luôn coi việc cổ vũ hôn nhân và gia đình và bảo vệ chúng chống lại những người tấn công chúng là một phần trong sứ mệnh của mình” (25), nhất là ngày nay, khi chúng ít được lưu ý trong các nghị trình chính trị. Các gia đình có quyền “có khả năng trông chờ một chính sách gia đình thoả đáng từ phía các nhà cầm quyền công cộng trong các lãnh vực tư pháp, kinh tế, xã hội và tài chánh” (26). Đôi lúc, nỗi lo âu của các gia đình trở nên bi đát khi, đương đầu với bệnh tật của người thân, họ không có được sự chăm sóc y tế thỏa đáng, hay lao đao trong việc tìm được việc làm xứng đáng. “Các hạn chế kinh tế ngăn cản các gia đình tham dự vào giáo dục, các sinh hoạt văn hóa và can dự vào đời sống xã hội. Bằng nhiều cách, tình hình kinh tế hiện nay đang ngăn cản người ta tham dự vào xã hội. Cách riêng, các gia đình chịu nhiều nan đề liên quan tới việc làm, trong đó, giới trẻ có ít khả thể và việc cung ứng việc làm khá lựa lọc và không chắc chắn. Ngày làm việc dài hơn và thường còn trở nên nặng nề do những thời kỳ phải sống xa gia đình dài hơn. Tình thế này không giúp các thành viên trong gia đình tụ họp với nhau hay giúp cha mẹ ở với con cái một cách có thể nuôi dưỡng các mối liên hệ hàng ngày của họ” (27).

45. “Một số lớn trẻ em sinh ngoài hôn nhân, nhiều em sau đó lớn lên chỉ có một trong các cha mẹ hay trong các gia đình pha trộn hay tái tạo... Việc khai thác tình dục trẻ em là một trong những thực tại tai tiếng và đòi truy nhất của xã hội hiện nay. Các xã hội trải qua bạo lực vì chiến tranh, vì chủ nghĩa khủng bố hay vì sự hiện hữu của tội ác có tổ chức cũng đang chứng kiến nhiều tình huống gia đình thoái hóa, nhất là tại các đô thị lớn, nơi, trong các khu ngoại ô, hiện tượng gọi là trẻ em hè phố đang gia tăng” (28). Việc lạm dụng tình dục trẻ em càng trở nên tai tiếng hơn nữa khi nó diễn ra ở những nơi đáng lý ra chúng phải được bảo vệ, đặc biệt, trong gia đình, ở trường học và trong các cộng đồng và định chế Kitô Giáo (29).

46. “Di dân là một dấu chỉ thời đại khác cần phải đương đầu và hiểu biết, với tất cả các hậu quả tiêu cực của nó đối với cuộc sống gia đình” (30). Thượng Hội Đồng mới đây đã làm ta lưu ý tới vấn đề này, khi ghi nhận rằng “bằng nhiều cách, việc di dân đang ảnh hưởng tới toàn bộ dân số thuộc nhiều vùng khác nhau trên thế giới. Giáo Hội vốn đóng một vai trò hàng đầu trong lãnh vực này. Ngày nay, việc duy trì và mở rộng chứng tá Tin Mừng này (xem Mt 25:35) đang khẩn thiết hơn bao giờ hết... Có thể minh chứng tính di động của con người, một tính vốn tương ứng với việc

di chuyển tự nhiên của các dân tộc trong lịch sử, là một sự phong phú chân chính, đối với cả các gia đình di dân lẫn xứ sở tiếp đón họ. Nhưng việc gia đình bị cưỡng ép di dân lại là một chuyện khác, khi phát sinh từ các tình huống chiến tranh, bách hại, nghèo khổ, bất công, đầy những thăng trầm của một cuộc hành trình đôi lúc lâm nguy tới chính mạng sống, gây chấn thương cho các cá nhân và làm bất ổn các gia đình. Việc đồng hành với các di dân đòi phải có một nền mục vụ chuyên biệt dành cho các gia đình đang di dân, nhưng cũng dành cho các thành viên của gia đình còn ở lại nguyên quán. Việc này phải được thực hiện song song với việc tôn trọng nền văn hóa của họ, việc đào tạo tôn giáo và nhân bản của nơi họ phát xuất, sự phong phú tâm linh trong các nghi lễ và truyền thống của họ, dù là với một nền mục vụ chuyên biệt... Việc di dân đặc biệt bi thảm và phá hoại đối với các gia đình và các cá nhân khi nó diễn ra cách bất hợp pháp và được trợ giúp bởi các mạng lưới buôn người quốc tế. Ta cũng có thể nói như thế về các phụ nữ và trẻ em không có người đi theo, buộc phải ở lâu tại các nơi tạm cư, các trại tỵ nạn, nơi không thể có việc khởi đầu diễn trình hội nhập. Cảnh nghèo cùng cực và các tình huống khác của việc tỵ cư đôi lúc còn dẫn các gia đình tới chỗ bán con cho đi điếm hoặc cho việc buôn bán bộ phận người” (31). “Việc bách hại các Kitô hữu tại nhiều nơi trên thế giới, nhất là tại Trung Đông, hiện là những thử thách lớn lao: không những đối với Giáo Hội, mà còn đối với toàn thể cộng đồng quốc tế nữa. Phải khuyến khích mọi cố gắng, cả trong bình diện thực tế, nhằm trợ giúp các gia đình và cộng đồng Kitô Giáo ở lại các nước nguyên quán của họ” (32).

47. Các Nghị Phụ cũng đã kêu gọi phải đặc biệt chú ý tới “các gia đình có các thành viên có nhu cầu đặc biệt, nơi thách đố bất ngờ phải đương đầu với một khuyết tật có thể phá vỡ thể quân bình, các ước nguyện và hoài mong của gia đình... Những gia đình nào biết yêu thương chấp nhận một đứa con khuyết tật đáng được ta hết lời ca ngợi. Họ đem lại cho Giáo Hội và xã hội một chứng tá quý giá về lòng trung thành đối với ơn phúc sự sống. Cùng với cộng đồng Kitô hữu, gia đình sẽ khám phá ra nhiều cử chỉ và ngôn từ mới, những cách hiểu và nhận diện mới, trong hành trình chào đón và chăm sóc mầu nhiệm yếu đuối mỏng manh. Người khuyết tật đem lại cho gia đình một ơn phúc và một dịp may để phát triển yêu thương, giúp đỡ nhau và hợp nhất với nhau... Gia đình nào biết dùng niềm kiến đức tin để tiếp nhận sự hiện diện của những người khuyết tật sẽ biết nhìn nhận và bảo đảm phẩm chất và giá trị của mọi sự sống, với các nhu cầu, quyền lợi và cơ hội của nó. Phương thức này sẽ cổ vũ việc chăm sóc và phục vụ cho người kém may mắn, và khuyến khích người ta xích lại gần họ, tỏ tình âu yếm ở mọi giai đoạn của cuộc sống họ” (33). Ở đây, tôi muốn nhấn mạnh rằng sự tận tụy và quan tâm đối với các di dân và những người có nhu cầu đặc biệt đều là dấu hiệu của Thần Khí. Cả hai hoàn cảnh này đều có tính điển hình: chúng được dùng để thử nghiệm cam kết tỏ lòng thương xót của ta trong việc chào đón người khác và giúp những người yếu thế trở nên các thành phần trọn vẹn của cộng đồng ta.

48. Phần lớn các gia đình biểu lộ được lòng tôn kính đối với các vị cao niên, bảo bọc các ngài bằng tình âu yếm và coi các ngài như một ơn phúc. Ta phải đánh giá cao các hiệp hội và các phong trào gia đình biết làm việc vì lợi ích của người cao niên, trong cả hai chiều kích thiêng liêng và xã hội... Trong các xã hội đã kỹ nghệ hóa cao, nơi các ngài đang gia tăng về con số trong khi sinh suất giảm, có nguy cơ các ngài bị coi như một gánh nặng. Đáng khác, sự săn sóc mà các ngài đòi hỏi thường gây ra nhiều thử thách cam go thực sự cho những kẻ thân yêu của các ngài” (34). “Ngày nay, việc chăm sóc và quan tâm tới giai đoạn cuối đời càng cần thiết hơn bao giờ hết, khi người ta bị cám dỗ muốn dùng mọi cách loại bỏ giây phút lâm chung. Sự yếu đuối và lệ thuộc của người cao niên đang bị cái lợi hoàn toàn về kinh tế khai thác một cách bất chính. Nhiều gia đình đang cho chúng ta thấy rằng chúng ta có thể tiếp cận giai đoạn cuối cùng của sự sống bằng cách nhấn

mạnh tới sự quan trọng trong cảm thức của người ta về việc họ đã chu toàn và nay có thể hòa nhập trọn cuộc hiện sinh của họ vào mầu nhiệm vượt qua. Đa số người cao niên đang được đón tiếp vào các cơ sở của Giáo Hội nơi họ có thể sống trong một bầu không khí thanh thản và giống như ở gia đình về cả mặt vật chất lẫn tinh thần. An tử và trợ giúp tự sát đang đặt ra nhiều đe dọa trầm trọng cho các gia đình khắp thế giới. Tại nhiều quốc gia, việc thực hành này nay đã thành hợp pháp. Dù cực lực phản đối các thực hành này, Giáo Hội vẫn cảm thấy có bổn phận phải giúp đỡ các gia đình đang chăm sóc người cao niên và các thành viên yếu ớt của họ” (35)

49. Ở đây, tôi cũng muốn nhắc đến hoàn cảnh các gia đình đang sống trong cảnh nghèo cùng cực và bị giới hạn lớn lao. Các vấn đề mà các gia đình nghèo phải đương đầu thường càng có tính thử thách hơn (36). Thí dụ, nếu một bà mẹ đơn chiếc phải tự nuôi dưỡng một đứa con và cần phải để đứa con ở nhà một mình để đi làm, thì đứa con có thể lớn lên chịu đủ mọi loại nguy hiểm và trở ngại đối với việc tăng triển bản thân. Trong những hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn như thế, Giáo Hội phải đặc biệt quan tâm để cung ứng sự hiểu biết, an ủi và chấp nhận, hơn là thẳng thừng áp đặt cả một loạt qui luật chỉ khiến người ta cảm thấy bị phán xử và bỏ rơi bởi chính Người Mẹ vốn được kêu gọi biểu lộ với họ lòng thương xót của Thiên Chúa. Thay vì cung ứng sức mạnh chữa lành của ơn thánh và ánh sáng của sứ điệp Tin Mừng, một số người lại “nhồi sọ” sứ điệp này, biến nó thành “những viên đá chết dùng để ném người khác” (37).

Một số thách đố

50. Các bản trả lời cho các cuộc tham khảo trước hai Thượng Hội Đồng đề cập tới hàng loạt hoàn cảnh đa dạng và các thách đố mới do các hoàn cảnh này đặt ra. Thêm vào các điều đã được nhắc đến, nhiều câu trả lời nhấn mạnh các vấn đề liên quan tới việc dưỡng dục con cái. Trong nhiều trường hợp, cha mẹ về nhà mệt mỏi, không muốn nói, và nhiều gia đình đến chia sẻ bữa cơm chung cũng không còn nữa. Sao lãng liên miên, trong đó có việc ghiền truyền hình. Điều này càng làm cha mẹ khó lòng truyền thụ được đức tin cho con cái. Các câu trả lời khác đề cập tới hậu quả của căng thẳng trầm trọng đối với các gia đình; họ thường phải lo lắng nhiều tới việc bảo đảm tương lai hơn là vui hưởng hiện tại. Đây là một vấn đề văn hóa rộng lớn hơn, bị làm cho trầm trọng hơn bởi nỗi sợ không có việc làm đều đặn, các vấn đề tài chánh và tương lai con cái.

51. Sử dụng ma túy cũng được nhắc tới như là một trong các tai họa của thời đại ta, gây nên đau khổ mệnh mông và cả việc tan nát cho nhiều gia đình. Điều này cũng đúng đối với nạn rượu chè, bài bạc và các hình thức nghiện ngập khác. Gia đình có thể là nơi những tệ nạn đó được ngăn ngừa và lướt thắng, nhưng xã hội và chính trị không nhận ra điều này: các gia đình lâm nguy “không còn khả năng hành động để trợ giúp các thành viên của họ... Chúng tôi thấy các hậu quả nghiêm trọng của sự đổ vỡ trong các gia đình bị tan nát này, người trẻ bị búng gốc, người già bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cha mẹ, thiếu niên và thanh niên bối rối và không được nâng đỡ” (38). Như các giám mục Mỹ Tây Cơ đã chỉ ra, bạo lực bên trong gia đình phát sinh ra nhiều hình thức mới cho việc gây hấn xã hội, vì “các mối liên hệ gia đình cũng có thể giải thích khuynh hướng bạo động trong nhân cách người ta. Đây thường là trường hợp các gia đình thiếu thông đạt, trong đó, các thái độ phòng ngự luôn trôi vượt, các thành viên không nâng đỡ nhau, các sinh hoạt gia đình nhằm khuyến khích sự tham gia không có, mối liên hệ của cha mẹ thường có đặc điểm tranh chấp và bạo động,

và mối liên hệ giữa cha mẹ và con cái có đặc điểm thù nghịch. Bạo động bên trong gia đình là mảnh đất phát sinh oán hận và thù ghét trong các mối liên hệ căn bản nhất của con người” (39).

52. Không ai nghĩ rằng việc suy yếu của gia đình như một xã hội tự nhiên được thiết lập trên hôn nhân lại có lợi cho xã hội như một toàn thể. Điều ngược lại mới đúng: nó đặt ra một mối đe dọa đối với việc trưởng thành của các cá nhân, việc vun sới các giá trị cộng đồng và tiến bộ luân lý của các đô thị và quốc gia. Hiện người ta không hiểu ra điều này: chỉ có sự kết hợp độc chiếm và bất khả tiêu giữa một người đàn ông và một người đàn bà mới có vai trò đầy đủ để đóng trong xã hội như là một cam kết vững bền sẽ sinh hoa trái nơi sự sống mới. Ta cần nhìn nhận tính đa dạng trong các hoàn cảnh gia đình, sự đa dạng này vẫn có thể cung ứng một sự ổn định nào đó, nhưng các cuộc kết hợp *de facto* (trên thực tế) hay đồng tính, chẳng hạn, không thể đơn giản ngang hàng với hôn nhân. Không cuộc kết hợp tạm bợ hay không nhằm truyền sinh nào có thể bảo đảm tương lai cho xã hội. Nhưng hiện nay, ai là người cố gắng củng cố hôn nhân, giúp các cặp vợ chồng vượt qua các vấn đề của họ, trợ giúp họ trong việc dưỡng dục con cái và, nói chung, khuyến khích sự bền vững của dây hôn phối?

53. “Một số xã hội vẫn còn duy trì tập quán đa hôn; tại nhiều nơi khác, các cuộc hôn nhân sắp đặt vẫn còn được thực hành... Tại nhiều nơi, không chỉ ở Tây Phương, tập tục sống chung với nhau trước khi cưới nhau khá phổ biến, cũng như hình thức sống chung với nhau không hề có ý định kết hôn” (40). Tại nhiều quốc gia, luật lệ đang làm dễ hàng loạt các hình thức càng ngày càng nhân bội nhằm thay thế cho hôn nhân, kết quả là: hôn nhân với các đặc tính độc chiếm, bất khả tiêu và chào đón sự sống của nó, bị coi như một chọn lựa cổ lỗ và lỗi thời. Nhiều quốc gia đang chứng kiến việc dùng luật pháp để tháo bỏ gia đình, hướng tới việc tiếp nhận các mẫu mực gần như hoàn toàn dựa vào sự tự lập của ý chí cá nhân. Đã đành là hợp pháp và đúng đắn khi bác bỏ các hình thức gia đình truyền thống cổ xưa có đặc điểm độc tài và thậm chí bạo động, ấy thế nhưng việc này không nên dẫn người ta tới chỗ miệt thị chính hôn nhân, mà đúng hơn, tới chỗ khám phá lại ý nghĩa chân chính của nó cũng như các cạnh tân của nó. Sức mạnh của gia đình “hệ ở khả năng yêu thương và truyền dạy yêu thương của nó. Bất chấp các vấn đề của nó, gia đình vẫn luôn có thể phát triển, khởi đầu với tình yêu” (41).

54. Trong cái nhìn tổng quát vấn đề này, tôi muốn nhấn mạnh sự kiện này: dù nhiều tiến bộ đã thực hiện được liên quan tới việc nhìn nhận nữ quyền và việc tham dự của họ vào đời sống công cộng, ở một số quốc gia, vẫn còn nhiều việc phải làm để cổ vũ các quyền này. Các tập quán không thể nào chấp nhận được vẫn còn cần được loại trừ. Tôi đặc biệt nghĩ tới việc đối xử tàn tệ đáng xấu hổ mà các phụ nữ đôi khi vẫn phải chịu: bạo lực gia đình và nhiều hình thức nô dịch khác nhau, thay vì để chứng tỏ quyền lực nam giới, thì thực ra chỉ là những hành vi hèn nhát đê tiện. Bạo lực ngôn từ, thể lý và tính dục mà phụ nữ gánh chịu trong một số cuộc hôn nhân mâu thuẫn với chính bản chất của kết hợp vợ chồng. Tôi nghĩ tới việc đáng trách cắt bỏ cơ quan sinh dục của phụ nữ ở một số nền văn hóa, nhưng cũng nghĩ tới việc thiếu công bình trong việc có việc làm xứng đáng và các vai trò đưa ra quyết định. Lịch sử nặng trĩu các quá trớn trong các nền văn hóa có tính tổ phụ vốn coi phụ nữ là thấp kém, ấy thế nhưng, trong chính thời đại ta, ta vẫn không thể xem thường việc sử dụng các bà mẹ để giùm và “việc khai thác và thương mại hóa thân xác phụ

nữ trong nền văn hóa truyền thông hiện thời” (42). Có những người tin rằng nhiều vấn đề ngày nay phát sinh là do việc giải phóng phụ nữ. Tuy nhiên, luận điểm này vô giá trị, “nó sai lầm, không đúng, một hình thức bá quyền (chauvinism) nam giới” (43). Phẩm giá bình đẳng của đàn ông đàn bà làm ta hân hoan thấy các hình thức kỳ thị ngày xưa biến mất, và bên trong các gia đình, tính hỗ tương mỗi ngày mỗi tăng tiến. Nếu một số hình thức của chủ nghĩa duy nữ đã phát sinh mà ta buộc phải coi là không thỏa đáng, thì trái lại, ta phải nhìn ra công trình của Thần Khí trong các phong trào phụ nữ nhằm thừa nhận rõ ràng hơn phẩm giá và quyền lợi của phụ nữ.

55. Người đàn ông “đóng một vai trò có tính quyết định ngang nhau trong đời sống gia đình, nhất là liên quan tới việc che chở và nâng đỡ vợ con... Nhiều người đàn ông ý thức được sự quan trọng của vai trò họ trong gia đình và sống nam tính của họ theo đó. Việc vắng bóng người cha ảnh hưởng trầm trọng tới cuộc sống gia đình và việc dưỡng dục con cái cũng như việc hội nhập chúng vào xã hội. Việc vắng bóng có thể là thể lý, xúc cảm, tâm lý và tâm linh này lấy mất khỏi đứa con khuôn mặt người cha thích đáng” (44).

56. Ấy thế nhưng, một thách đố khác nữa đã được đặt ra do nhiều hình thức khác nhau của ý thức hệ phái tính nhằm “bác bỏ sự dị biệt và hỗ tương trong bản chất người đàn ông và người đàn bà và vạch ra một xã hội không có dị biệt giới tính, do đó, loại bỏ căn bản nhân học của gia đình. Ý thức hệ này dẫn tới nhiều chương trình giáo dục và đạo luật nhằm cổ vũ một bản sắc bản thân và một sự thân mật xúc cảm hoàn toàn tách biệt với sự dị biệt sinh học giữa nam và nữ. Hậu quả là: bản sắc con người trở thành sự chọn lựa của cá nhân, một sự chọn lựa cũng có thể thay đổi với thời gian” (45). Quả là một nguồn gây lo ngại khi một số ý thức hệ thuộc loại này, trong lúc tìm cách đáp ứng các khát vọng đôi khi có thể hiểu được, đã dám tự coi mình là tuyệt đối và không thể bị tra hỏi, thậm chí còn ra lệnh phải dưỡng dục các trẻ em ra sao. Cần phải nhấn mạnh rằng “người ta có thể phân biệt nhưng không được tách biệt giữa giới tính sinh học và vai trò văn hóa xã hội của giới tính (phái tính)” (46). Đáng khác, “cuộc cách mạng kỹ thuật trong lãnh vực sinh sản nhân bản đã đem lại khả năng thao túng được hành vi sinh sản, làm nó thành độc lập đối với mối liên hệ tính dục giữa một người đàn ông và một người đàn bà. Qua cách này, sự sống nhân bản và việc làm cha mẹ đã trở thành các thực tại tháo rời (modular) và tách biệt được, chủ yếu tùy thuộc ý muốn của các cá nhân hay các cặp vợ chồng” (47). Thông cảm sự yếu đuối của con người và các phức tạp của sự sống là một chuyện, và chấp nhận các ý thức hệ mưu toan tách biệt những điều vốn là các khía cạnh không thể tách biệt của thực tại lại là một chuyện khác. Ta đừng sa vào tội muốn thay thế Đấng Tạo Hóa. Chúng ta là tạo vật, chứ không toàn năng. Tạo thế có trước chúng ta và phải được tiếp nhận như một ân ban. Đồng thời, ta được kêu gọi bảo vệ nhân tính của ta, và điều này trước nhất có nghĩa: chấp nhận nó và tôn trọng nó như nó đã được tạo dựng.

57. Tôi tạ ơn Thiên Chúa vì nhiều gia đình, dù không hề tự coi mình hoàn hảo, vẫn đã sống trong yêu thương, chu toàn ơn gọi của họ và nhất quyết tiến về phía trước, bất kể sai phạm nhiều lần dọc hành trình này. Các suy nghĩ của Thượng Hội Đồng cho ta thấy: không hề có tiên mẫu (stereotype) gia đình lý tưởng, mà đúng hơn là bức tranh ghép đầy thách thức gồm rất nhiều thực tại khác nhau, với đủ niềm vui, hy vọng lẫn nan đề. Các hoàn cảnh được chúng ta quan tâm thấy đều là thách đố. Chúng ta đừng để mình bị vây cứng vào vòng phí phạm năng lực cho những than vãn ai oán, mà

đúng hơn, nên tìm những hình thức truyền giáo sáng tạo mới mẻ. Trong mọi hoàn cảnh tự chúng xuất hiện, “Giáo Hội đều ý thức được việc cần phải đem lại lời sự thật và hy vọng... Các giá trị lớn lao của hôn nhân và gia đình Kitô Giáo đều tương hợp với khát vọng vốn là thành phần trong hiện sinh con người” (48). Nếu ta thấy bất cứ số lượng vấn đề nào, thì, như các giám mục Colombia từng nói, các vấn đề này nên là những lời mời ta “làm sống lại niềm hy vọng của mình và biến nó thành nguồn viễn kiến tiên tri, nguồn hành động biến đổi và hình thức sáng tạo bác ái” (49).

Chương III: Nhìn lên Chúa Giêsu: ơn gọi của gia đình

58. Trong và giữa các gia đình, sứ điệp Tin Mừng luôn phải được vang lên; cốt lõi sứ điệp này, tức sơ truyền (kerygma), là điều “tươi đẹp nhất, xuất sắc nhất, lôi cuốn nhất và đồng thời cần thiết nhất” (50). Sứ điệp này “phải chiếm trung tâm mọi hoạt động phúc âm hóa” (51). Nó là lời tuyên xưng đầu tiên và quan trọng nhất, “mà ta phải nghe đi nghe lại nhiều cách khác nhau, và phải luôn công bố dưới hình thức này hay hình thức nọ” (52). Thực vậy, “không có gì vững chắc hơn, sâu sắc hơn, an toàn hơn, có ý nghĩa và khôn ngoan hơn sứ điệp này”. Quả thế, “mọi việc đào luyện của Kitô Giáo hệ ở việc bước sâu hơn vào sơ truyền” (53).

59. Giáo huấn của chúng ta về hôn nhân và gia đình không thể không được linh hứng và biến đổi bởi sứ điệp yêu thương và âu yếm này; nếu không, nó sẽ chỉ đơn giản trở thành việc bệnh vực một thứ học thuyết khô khan, không có sinh khí. Mầu nhiệm gia đình Kitô Giáo chỉ có thể hiểu được dưới ánh sáng tình yêu vô hạn của Chúa Cha, như đã được mạc khải nơi Chúa Kitô, Đấng đã tự hiến mình cho ta và tiếp tục cư ngụ giữa chúng ta. Giờ đây, tôi muốn hướng cái nhìn của tôi vào Chúa Kitô hằng sống, Đấng đang ở tâm điểm của rất nhiều câu truyện tình, và kêu nài ngọn lửa Thần Khí xuống trên mọi gia đình thế giới.

60. Chương văn vởi này, do đó, sẽ tóm lược giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân và gia đình. Cả ở đây nữa, tôi cũng sẽ nhắc tới những gì các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã phát biểu về ánh sáng do đức tin của chúng ta đem lại. Các ngài đã bắt đầu bằng cách nhìn lên Chúa Giêsu và các ngài nói tới việc Người “đã nhìn những người đàn ông và đàn bà một cách yêu thương và triu mến ra sao, luôn đồng hành với họ trong sự thật, kiên nhẫn và thương xót khi công bố các đòi hỏi của Nước Thiên Chúa” (54). Chúa cũng đang ở với chúng ta hôm nay, khi ta tìm cách thực hành và truyền thụ Tin Mừng gia đình.

Chúa Giêsu phục hồi và hoàn thành kế hoạch của Thiên Chúa

61. Trái với những người bác bỏ hôn nhân như một điều xấu xa, Tân Ước dạy rằng “mọi sự Thiên Chúa tạo nên đều tốt và không có điều gì cần phải từ bỏ” (1Tm 4:4). Hôn nhân là “một ân ban” của Chúa (1Cr 7:7). Đồng thời, chính vì hiệu tích cực như thế, Tân Ước mạnh mẽ nhấn mạnh đến việc cần phải bảo vệ ân ban của Thiên Chúa: “Ai nấy phải tôn trọng hôn nhân, chớ làm cho loan phòng ra ô uế” (Dt 13:4). Ôn phúc của Thiên Chúa này bao gồm tính dục: “đừng từ chối nhau” (1Cr 7:5).

62. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã ghi nhận điều này: Chúa Giêsu, “khi nói tới kế hoạch nguyên thủy của Thiên Chúa dành cho người đàn ông và người đàn bà, đã tái khẳng định sự kết hợp bất khả tiêu giữa họ với nhau, thậm chí còn quả quyết rằng ‘chính vì sự cứng lòng của các ông

nên Môsê mới cho phép các ông ly dị vợ, nhưng ngay từ đầu, không phải thế” (Mt 19:8). Tính bất khả tiêu của hôn nhân ‘điều Thiên Chúa đã kết hợp, con người không được phân ly’ (Mt 19:6) không nên bị coi như ‘một cái ách’ áp đặt lên cổ nhân loại, nhưng như một ‘ân ban’ cho những ai kết hợp nhau trong hôn nhân... Tình yêu khoan dung của Thiên Chúa luôn cùng đồng hành với con người; qua ơn thánh, tình yêu này chữa lành và biến cải các linh hồn chai đá, dẫn họ trở lại lúc ban đầu qua nẻo đường thập giá. Các sách Tin Mừng trình bày rõ ràng điển hình của Chúa Giêsu, Đấng... đã công bố ý nghĩa hôn nhân như là sự viên mãn của mạc khải nhằm phục hồi kế hoạch nguyên thủy của Thiên Chúa (xem Mt 19:3)” (55).

63. “Chúa Giêsu, Đấng hòa giải mọi sự trong chính Người, đã phục hồi hôn nhân và gia đình trở lại hình thức nguyên thủy của nó (xem Mt 10:1-12). Hôn nhân và gia đình đã được Chúa Kitô cứu chuộc (xem Ep 5:21-32) và phục hồi theo hình ảnh Ba Ngôi Chí Thánh, mẫu nhiệm mà từ đó, mọi tình yêu đích thực đã phát sinh. Giao ước phụ phụ, khởi nguồn trong tạo dựng và được mạc khải trong lịch sử cứu rỗi, nhận được ý nghĩa đầy đủ của nó nơi Chúa Kitô và Giáo Hội của Người. Qua Giáo Hội của Người, Chúa Kitô ban cho hôn nhân và gia đình ơn thánh cần thiết để làm chứng cho tình yêu Thiên Chúa và sống cuộc sống hiệp thông. Tin Mừng gia đình trải dài dọc lịch sử thế giới, từ lúc tạo dựng người đàn ông và người đàn bà theo hình ảnh và theo họa ảnh Thiên Chúa (xem St 1:26-27), tới lúc hoàn thành mẫu nhiệm giao ước nơi Chúa Kitô vào ngày chung cuộc với hôn lễ của Chiên Con” (xem Kh 19:9)” (56).

64. “Điển hình của Chúa là mô hình cho Giáo Hội... Người bắt đầu thừa tác vụ công khai bằng phép lạ tại tiệc cưới Cana (xem Ga 2:1-11). Người tham dự mọi giây phút hàng ngày của tình bằng hữu với gia đình Ladarô và hai chị của chàng (xem Lc 10:38) và với gia đình Thánh Phêrô (xem Mc 8:14). Người tỏ thiện cảm với các cha mẹ tang chế và hồi sinh con cái họ (xem Mc 5:41; Lc 7:14-15). Qua cách này, Người biểu lộ ý nghĩa chân thực của thương xót, vốn bao hàm việc phục hồi giao ước (xem Đức Gioan Phaolô II, *Dives in Misericordia*, 4). Điều này rất rõ ràng trong các cuộc trò chuyện của Người với người đàn bà Samaria (xem Ga 1:4-30) và với người đàn bà bị bắt quả tang ngoại tình (xem Ga 8:1-11) trong đó, ý thức tội lỗi đã được đánh thức bởi cuộc gặp gỡ với tình yêu nhưng không của Chúa Giêsu” (57).

65. Việc nhập thể của Ngôi Lời trong một gia đình nhân bản ở Nadarét, nhờ tính mới mẻ của nó, đã thay đổi lịch sử thế giới. Ta cần bước vào mẫu nhiệm Chúa Giêsu sinh ra, vào tiếng “xin vâng” của Đức Maria với lời đưa tin của thiên thần, khi Ngôi Lời được thụ thai trong lòng Đức Mẹ, cũng như tiếng “xin vâng” của Thánh Giuse, người đã đặt tên cho Chúa Giêsu và chăm sóc Đức Mẹ. Ta cần chiêm ngưỡng niềm vui của các người chăn chiên trước máng cỏ, sự thờ lạy của Ba Vua và việc trốn qua Ai Cập, trong đó, Chúa Giêsu chia sẻ kinh nghiệm lưu đầy, bị bách hại và hạ nhục của dân tộc Người. Ta cần chiêm ngưỡng hoài vọng tôn giáo của Giacaria và niềm vui của ông lúc Gioan Tẩy Giả sinh ra, sự nên trọn lời hứa đã được ngỏ cùng ông Simêong và bà Anna ở Đền Thờ và sự ngỡ ngàng của các bậc thầy Lê Luật khi lắng nghe sự khôn ngoan của con trẻ Giêsu. Sau đó, ta cần nhìn sâu vào 30 năm trưởng thành lúc Chúa Giêsu kiếm kế sinh nhai bằng việc làm chân tay, đọc những lời cầu nguyện và các phát biểu truyền thống trong đức tin của dân Người và tiến tới chỗ hiểu biết đức tin của cha ông ấy cho tới lúc làm cho nó sinh hoa kết trái trong mẫu nhiệm Nước Trời. Đó là mẫu nhiệm Giáng Sinh và bí quyết Nadarét, biểu tỏ hết nét đẹp của đời sống gia đình! Chính mẫu nhiệm này đã làm mê lòng Thánh Phanxicô Assisi, Thánh Têrêxa Hải Đồng Giêsu và Thánh Charles de Foucauld và tiếp tục làm các gia đình Kitô hữu tràn trề hy vọng và niềm vui.

66. “Giao ước yêu thương và trung thành từng được Thánh Gia Nadarét sống đã soi sáng nguyên tắc vốn lên khuôn cho mọi gia đình và giúp gia đình đương đầu tốt hơn với các thăng trầm của cuộc đời và lịch sử. Trên căn bản này, mọi gia đình, bất kể các yếu đuối của họ, có thể trở thành ánh sáng trong đêm tối thế giới. ‘Nadarét dạy ta ý nghĩa cuộc sống gia đình, sự hiệp thông đầy yêu thương của nó, vẻ đẹp đơn giản và chân phương của nó, đặc tính thánh thiêng và bất khả xâm phạm của nó. Ước chi nó dạy ta việc huấn luyện của nó êm dịu và bất khả thay thế xiết bao, vai trò của nó trong trật tự xã hội nên tăng và khôn sánh đến chừng nào’ (Đức Phaolô VI, *Diễn Văn tại Nadarét*, 5-1-1964)” (58).

Gia đình trong các văn kiện Giáo Hội

67. Công Đồng Vatican II, trong Hiến Chế Mục Vụ *Gaudium et Spes* của nó, quan tâm lo lắng “cổ vũ phẩm giá của hôn nhân và gia đình” (xem các số 47-52). Hiến Chế này “định nghĩa hôn nhân như một cộng đồng sự sống và yêu thương (xem 48), đặt lòng yêu thương ở tâm điểm gia đình... ‘Lòng yêu thương đích thực giữa chồng và vợ’ (49) liên quan tới việc hiến thân cho nhau, bao hàm và hội nhập các chiều kích tính dục và xúc cảm, theo kế hoạch Thiên Chúa (xem 48-49). Văn kiện công đồng cũng nhấn mạnh “việc bén rễ vợ chồng vào Chúa Kitô. Chúa Kitô ‘tự làm Người hiến diện với vợ chồng trong bí tích hôn nhân’ (48) và ở lại mãi với họ. Trong việc nhập thể, Người mặc lấy tình yêu nhân bản, thanh tẩy nó và đem nó tới viên mãn. Nhờ Thần Khí của Người, Người ban cho vợ chồng khả năng sống tình yêu này, bằng cách thấm nhiễm mọi phần đời họ bằng đức tin, đức cậy và đức mến. Nhờ cách này, vợ chồng được thánh hiến và, nhờ một ơn thánh đặc biệt, xây dựng Nhiệm Thể Chúa Kitô và tạo lập một Giáo Hội tại gia (xem *Lumen Gentium*, 11), đề Giáo Hội, nếu muốn hiểu trọn vẹn mầu nhiệm của mình, nhìn vào gia đình Kitô hữu, một gia đình vốn biểu hiện Giáo Hội một cách đích thực” (59).

68. “Chân Phúc Phaolô VI, ngay sau Công Đồng Vatican II, đã khai triển xa hơn giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân và gia đình. Một cách đặc biệt, với Thông Điệp *Humanae Vitae*, ngài đã làm rõ sợi dây gắn bó nội tại giữa lòng yêu thương vợ chồng và việc sinh sản: ‘Lòng yêu thương phụ phụ đòi nơi người chồng và người vợ một ý thức trọn vẹn về các nghĩa vụ của họ trong vấn đề làm cha mẹ có trách nhiệm, điều mà ngày nay được nhấn mạnh rất đúng, nhưng đồng thời phải được hiểu một cách đúng đắn... Thi hành việc làm cha mẹ có trách nhiệm đòi hỏi chồng và vợ phải tuân thủ thứ tự ưu tiên đúng đắn, biết nhìn nhận các bổn phận của họ đối với Thiên Chúa, đối với chính họ, đối với gia đình họ và đối với xã hội con người’ (số 10). Trong Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi*, Đức Phaolô VI làm rõ mối liên hệ giữa gia đình và Giáo Hội”(60).

69. “Thánh Gioan Phaolô II dành sự lưu ý đặc biệt cho gia đình trong các bài giáo lý của ngài về tình yêu con người, trong Lá Thư Gửi Các Gia Đình *Gratissimam Sane*, và đặc biệt trong Tông Huấn **Familiaris Consortio** của ngài. Trong các văn kiện này, Đức Giáo Hoàng định nghĩa gia đình là ‘đường của Giáo Hội’. Ngài cũng đề xuất một viễn kiến tổng quát về ơn gọi yêu thương của các người đàn ông và các người đàn bà, cũng như các hướng dẫn căn bản cho việc chăm sóc mục vụ các gia đình và vai trò của gia đình trong xã hội. Đặc biệt, khi bàn đến tình yêu phụ phụ (xem số 13), ngài mô tả cung cách vợ chồng, trong tình yêu hỗ tương của họ, đã tiếp nhận ơn Thần Khí Chúa Kitô như thế nào và sống ơn gọi nên thánh của họ ra sao” (61).

70. “Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, trong Thông Điệp *Deus Caritas Est* của ngài, đã trở lại với chủ đề sự thật trong tình yêu của người đàn ông và người đàn bà, một sự thật chỉ được soi sáng trong tình yêu của Chúa Kitô chịu đóng đinh (xem số 2). Ngài nhấn mạnh rằng ‘hôn nhân đặt căn bản trên tình yêu độc chiếm và dứt khoát đã trở nên hình ảnh mỗi liên hệ giữa Thiên Chúa và dân Người, và ngược lại. Cách Thiên Chúa yêu thương đã trở thành thước đo tình yêu nhân bản’ (số 11). Hơn nữa, trong Thông Điệp *Caritas in Veritate*, ngài làm nổi bật tầm quan trọng của tình yêu, coi nó như nguyên tắc sống trong xã hội (xem số 44), một nơi ta học được kinh nghiệm ích chung” (62).

Bí tích hôn phối

71. “Thánh Kinh và Thánh Truyền giúp ta tiến tới việc hiểu biết Ba Ngôi, một hiểu biết vốn được mạc khải với các đặc điểm của gia đình. Gia đình là hình ảnh Thiên Chúa, Đấng vốn là một hiệp thông các ngôi vị. Lúc Chúa Giêsu chịu phép rửa, người ta nghe thấy tiếng Thiên Chúa phán, gọi Chúa Giêsu là Con Yêu Quý của Người, và trong tình yêu này ta có thể nhận ra Chúa Thánh Thần (xem Mc 1:10-11). Chúa Giêsu, Đấng hòa giải mọi sự trong chính Người và cứu chuộc ta khỏi tội lỗi, không những phục hồi hôn nhân và gia đình trở lại hình thức nguyên thủy của nó, mà còn nâng hôn nhân lên hàng đầu chỉ bí tích tình yêu của Người dành cho Giáo Hội (xem Mt 19:1-12; Mc 10:1-12; Ep 5:21-32). Trong gia đình nhân bản, được Chúa Kitô tụ tập, ‘hình ảnh và họa ảnh’ của Ba Ngôi Chí Thánh (xem St 1:26) đã được phục hồi, mẫu nhiệm từ đó mọi tình yêu đích thực đã phát sinh. Qua Giáo Hội, hôn nhân và gia đình nhận được ơn Chúa Thánh Thần từ Chúa Kitô, để làm chứng cho Tin Mừng tình yêu Thiên Chúa” (63).

72. Bí tích hôn nhân không phải là một công ước xã hội, một nghi lễ trống rỗng hay một dấu hiệu cam kết bề ngoài. Bí tích là một ân ban để thánh hóa và cứu rỗi vợ chồng, vì “việc họ thuộc về nhau, qua dấu chỉ bí tích, là biểu tượng thực sự của mỗi liên hệ hỗ tương giữa Chúa Kitô và Giáo Hội. Cặp vợ chồng, do đó, là một nhắc nhở thường xuyên để Giáo Hội nhớ tới điều đã diễn ra trên thập giá; Họ là chứng tá cứu rỗi cho nhau và cho con cái, một ơn cứu rỗi họ cùng chia sẻ nhờ bí tích” (64). Hôn nhân là một ơn gọi, bao lâu nó là lời đáp trả ơn gọi đặc biệt cảm nghiệm tình yêu vợ chồng như là dấu chỉ bất toàn của tình yêu giữa Chúa Kitô và Giáo Hội. Thành thử, quyết định kết hôn và tạo lập gia đình phải là hoa trái của diễn trình biện phân ơn gọi.

73. “Việc hiến thân cho nhau trong bí tích hôn phối được đặt cơ sở trong ơn thánh phép rửa, là phép thiết lập ra giao ước nền tảng của mọi người với Chúa Kitô trong Giáo Hội. Khi chấp nhận lẫn nhau, và với ơn thánh của Chúa Kitô, hai người đính hôn đoan hứa với nhau sẽ hiến thân hoàn toàn, trung thành với nhau và sẵn sàng chào đón sự sống mới. Họ nhìn nhận các yếu tố này như những điều cấu thành hôn nhân, như những ơn phúc Thiên Chúa ban cho họ, và họ coi trọng cam kết hỗ tương này, nhân danh Thiên Chúa và trước mặt Giáo Hội. Như thế, đức tin đã làm họ có khả năng coi các thiện ích của hôn nhân như các cam kết mà họ có thể tuân giữ được nhờ sự trợ giúp của ơn thánh bí tích... Thành thử, Giáo Hội trông chờ vào các cặp hôn nhân như trái tim của toàn bộ gia đình và ngược lại họ trông chờ vào Chúa Giêsu” (65). Bí tích không phải là một “sự việc” hay một ‘quyền lực’, vì trong nó, chính Chúa Kitô “hiện đang gặp gỡ các vợ chồng Kitô hữu... Người cư ngụ với họ, ban cho họ sức mạnh để vác thập giá và như thế bước theo chân Người, để trỗi dậy sau khi ngã quỵ, để tha thứ cho nhau, để mang gánh nặng của nhau” (66). Hôn nhân Kitô Giáo là dấu chỉ việc Chúa Kitô yêu Giáo Hội của Người xiết bao, trong một giao ước đã được đóng ấn trên thập giá nhưng nó cũng đã làm cho tình yêu này hiện diện trong hiệp thông

vợ chồng. Nhờ trở nên một thân xác, họ là hiện thân việc giao bôi của Con Thiên Chúa với bản tính con người của ta. Đó là lý do tại sao “trong niềm vui yêu thương và cuộc sống gia đình của họ, Người ban cho họ ngay trên trần gian này được nếm trước tiệc cưới của Chiên Con” (67). Cho dù sự so sánh giữa cặp đôi nhân bản vợ chồng với cặp đôi Chúa Kitô và Giáo Hội chỉ là “bất toàn” (68), nó vẫn gợi hứng để chúng ta nài van Chúa ban cho mọi cặp vợ chồng được tràn đầy tình yêu thần thánh của Người.

74. Kết hợp tính dục, được cảm nghiệm và được thánh hóa một cách yêu thương bởi bí tích, ngược lại, đối với vợ chồng, là con đường phát triển trong đời sống ơn thánh của họ. Nó là “mầu nhiệm hợp hôn” (69). Ý nghĩa và giá trị sự kết hợp thể lý của họ được phát biểu trong các lời ưng thuận, trong đó, họ chấp nhận và hiến thân cho nhau, để hoàn toàn chia sẻ cuộc sống với nhau. Những lời lẽ đó đem lại ý nghĩa cho mối liên hệ tính dục và giải thoát nó khỏi mọi tính hàm hồ. Nói tổng quát hơn, cuộc sống chung vợ chồng, toàn bộ mạng lưới liên hệ mà họ xây dựng với con cái họ và thế giới chung quanh, sẽ được đắm chìm và được củng cố bởi ơn thánh bí tích. Vì bí tích hôn nhân đã phát sinh từ việc nhập thể và mầu nhiệm vượt qua, nhờ đó, Thiên Chúa biểu lộ tình yêu viên mãn của Người dành cho nhân loại bằng cách trở nên một với chúng ta. Không ai trong hai người phối ngẫu sẽ còn cô độc trong việc đương đầu với bất cứ thách đố nào họ gặp nữa. Cả hai đều được kêu gọi đáp trả ơn phúc của Thiên Chúa một cách đầy dấn thân, sáng tạo, kiên trì và cố gắng hàng ngày. Họ luôn có thể kêu cầu sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, Đấng đã thánh hiến sự kết hợp của họ, để ơn thánh của Người được cảm nhận trong mọi hoàn cảnh mới lạ họ có thể gặp.

75. Trong truyền thống Giáo Hội La Tinh, các thừa tác viên bí tích hôn phối là người đàn ông và người đàn bà kết hôn (70); qua việc tỏ ưng thuận và phát biểu nó một cách thể lý, họ đã tiếp nhận một ân ban lớn lao. Sự ưng thuận của họ và sự kết hợp thể xác của họ là các phương thế do Chúa ấn định để nhờ đó, họ trở nên “một thân xác”. Nhờ sự thánh hiến của phép rửa, họ có khả năng tham dự vào hôn phối như các thừa tác viên của Chúa và nhờ thế đáp lại tiếng Chúa mời gọi. Bởi thế, khi hai vợ chồng không phải là Kitô hữu lãnh nhận phép rửa, họ không cần phải lặp lại các đoan hứa lúc kết hôn nữa; họ chỉ cần không bác bỏ chúng, vì khi lãnh nhận phép rửa, sự kết hợp của họ tự động trở thành có tính bí tích. Bộ Giáo Luật cũng thừa nhận tính thành sự của một số cuộc kết hợp được cử hành không có sự hiện diện của một thừa tác viên thụ phong (71). Trật tự tự nhiên vốn thấm nhiễm ơn thánh cứu chuộc của Chúa Giêsu đến nỗi “một khế ước hôn phối thành sự không thể hiện hữu giữa các người đã chịu phép rửa mà không vì sự kiện này mà không là một bí tích” (72). Giáo Hội có thể đòi việc này: đám cưới phải cử hành cách công khai, với sự hiện diện của các nhân chứng và các điều kiện khác có thể thay đổi theo thời gian, nhưng điều này vẫn không giảm giá việc chính những cặp kết hôn mới là các thừa tác viên của bí tích. Nó cũng không ảnh hưởng gì tới tính trung tâm của việc ưng thuận do người đàn ông và người đàn bà nói lên, một việc tự nó thiết lập ra dây hôn phối. Nói thế rồi, ta vẫn cần suy nghĩ thêm về hành động của Thiên Chúa trong nghi thức hôn phối; điều này đã được biểu lộ rõ ràng nơi các Giáo Hội Đông Phương qua sự coi trọng việc chúc lành mà cặp vợ chồng lãnh nhận như dấu chỉ ơn.

Hạt giống Lời Chúa và các hoàn cảnh bất toàn

76. “Tin Mừng gia đình cũng nuôi dưỡng các hạt giống vẫn còn đang chờ để mọc lên và phải chăm sóc những cây đang héo nhưng không được bỏ bê” (73). Như thế, khi xây dựng trên ơn phúc của Chúa Kitô trong bí tích, các cặp vợ chồng “được dẫn dắt xa hơn một cách kiên nhẫn ngõ hầu đạt

được một ý thức sâu sắc hơn và một sự hội nhập trọn vẹn hơn vào mầu nhiệm này của đời sống họ” (74).

77. Căn cứ vào điều Thánh Kinh dạy rằng mọi sự đã được dựng nên bởi Chúa Kitô và vì Chúa Kitô (xem Cl 1:16), các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhận định: “trật tự cứu chuộc soi sáng và hoàn tất trật tự sáng thế. Hôn nhân tự nhiên, do đó, được hiểu cách trọn vẹn dưới ánh sáng việc nó được hoàn thành trong bí tích Hôn Phối: chỉ nhờ chiêm ngưỡng Chúa Kitô, người ta mới tiến tới chỗ biết được sự thật sâu sắc nhất về các mối liên hệ nhân bản. ‘Mầu nhiệm về con người chỉ thực sự được sáng tỏ trong mầu nhiệm Ngôi Lời nhập thể... Chúa Kitô, Adam mới, trong khi mạc khải về Chúa Cha và tình yêu của Người, đã cho con người biết rõ về chính con người và tỏ cho họ biết thiên chức cao cả của họ’ (*Gaudium et Spes*, 22)”. Điều này đặc biệt hữu ích để hiểu theo viễn kiến qui Kitô... các thiện ích của các người phối ngẫu (“*bonum conjugum*”) (75), tức sự kết hợp, đón chào sự sống, trung thành, bất khả tiêu và, bên trong hôn nhân Kitô Giáo, giúp đỡ nhau trên đường tiến tới tình bạn trọn vẹn với Chúa. “Việc biện phân sự hiện diện của ‘các hạt giống lời Chúa’ trong các nền văn hóa khác (xem *Ad Gentes* 11) cũng có thể áp dụng vào thực tại hôn nhân và gia đình. Ngoài hôn nhân tự nhiên ra, các yếu tố tích cực còn hiện diện dưới nhiều hình thức hôn nhân tìm thấy nơi các truyền thống tôn giáo khác” (76), dù đôi lúc khá mờ nhạt. Ta có thể sẵn sàng nói rằng “bất cứ ai muốn đem vào thế giới này một gia đình biết dạy dỗ con cái phần khởi trước mọi cử chỉ nhằm thắng vượt sự ác, một gia đình chứng tỏ Chúa Thánh Thần đang sống động và đang hành động, đều được chúng ta biết ơn và đánh giá cao. Bất kể họ thuộc dân tộc nào, tôn giáo nào hay vùng nào” (77).

78. “Ánh sáng Chúa Kitô soi sáng mọi con người (xem *Ga* 1:9; *Gaudium et Spes*, 22). Việc nhìn sự vật bằng con mắt Chúa Kitô đang linh hứng cho việc chăm sóc mục vụ của Giáo Hội đối với các tín hữu đang sống chung với nhau, hay chỉ kết hôn theo dân luật, hoặc đã ly dị và tái hôn. Theo chân khoa sư phạm của Thiên Chúa, Giáo Hội đầy yêu thương hướng về những người tham dự vào đời sống Giáo Hội một cách chưa trọn vẹn: Giáo Hội tìm ơn hoán cải cho họ; Giáo Hội khuyến khích họ làm điều tốt, yêu thương săn sóc nhau và phục vụ cộng đồng nơi họ sống và làm việc... Khi một cặp sống trong một kết hợp bất hợp qui đạt tới sự ổn định đáng khen nhờ một dây nối kết công khai và mang đặc điểm của một tình âu yếm sâu đậm, tinh thần trách nhiệm đối với con cái và khả năng vượt qua các thử thách, thì ta có thể coi đây là một cơ hội dẫn họ tới việc cử hành bí tích Hôn Phối, khi có thể” (78).

79. “Khi phải đương đầu với các hoàn cảnh khó khăn và các gia đình bị thương tổn, điều luôn cần thiết là nhớ lại nguyên tắc tổng quát này: ‘các mục tử phải biết rằng, vì lợi ích của sự thật, các ngài buộc phải biện phân các hoàn cảnh một cách thận trọng’ (*Familiaris Consortio*, 84). Mức trách nhiệm không giống nhau ở mọi trường hợp, và có những nhân tố khiến người ta mất cả khả năng đưa ra quyết định. Do đó, dù giáo huấn đã được đặt để cách rất rõ ràng, nhưng các mục tử phải tránh bất cứ phê phán nào không xem xét tới tính phức tạp của các tình huống khác nhau, và điều cần là phải lưu ý tới cách người ta cảm nghiệm và chịu buồn khổ như thế nào do thân phận của họ gây ra” (79).

Truyền sinh và dưỡng dục con cái

80. Hôn nhân, trước hết, là một “chung hợp (partnership) sự sống và yêu thương thân mật” (80) vốn là một thiện ích cho chính các cặp vợ chồng (81) trong khi tính dục được “sắp đặt cho tình

yêu phụ phụ của người đàn ông và người đàn bà” (82). Hệ luận là “các người phối ngẫu nào không được Thiên Chúa ban cho con cái vẫn có thể có một cuộc sống phu phụ trọn vẹn ý nghĩa, cả về phương diện nhân bản lẫn Kitô Giáo” (83). Tuy nhiên, sự kết hợp phu phụ vốn được sắp xếp cho việc sinh sản “do chính bản chất của nó” (84). Đứa trẻ sinh ra “không sinh ra từ bên ngoài như một điều gì đó thêm vào tình yêu hỗ tương của vợ chồng, nhưng trở sinh từ chính tâm điểm việc hiến thân hỗ tương này, như là hoa trái và sự thành toàn của nó” (85). Nó không xuất hiện ở cuối diễn trình, mà hiện diện ngay từ khởi thủy mỗi tình như một yếu tố chủ yếu, một yếu tố không thể nào bác bỏ mà không làm biến dạng chính tình yêu này. Ngay từ đầu, tình yêu đã từ khước bất cứ thúc đẩy nào nhằm khóa kín nó ngay trong chính nó; nó cởi mở đón chào tính sinh hoa trái vốn lôi cuốn nó đi quá chính nó. Bởi thế, không hành vi dục quan nào của chồng của vợ lại bác bỏ ý nghĩa này (86), ngay cả khi, vì những lý do đa dạng, nó không luôn sinh ra sự sống mới.

81. Đứa trẻ xứng đáng được sinh ra từ tình yêu nói trên, chứ không bằng bất cứ phương thế nào khác, vì “em không phải là một điều gì đó nợ nần của ai, mà là một ân ban” (87), vốn là “hoa trái từ hành vi chuyên biệt yêu thương vợ chồng của cha mẹ” (88). Sở dĩ như thế là vì “theo trật tự tạo thế, tình yêu phu phụ giữa một người đàn ông và một người đàn bà, và việc truyền sinh đã được sắp đặt cho nhau (xem St 1:27-28). Do đó, Đấng Tạo Hóa đã làm cho người đàn ông và người đàn bà tham dự vào công trình sáng tạo của Người và, cùng một lúc, biến họ thành dụng cụ tình yêu của Người, ủy thác cho họ trách nhiệm đối với tương lai nhân loại, qua việc lưu truyền sự sống con người” (89).

82. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng quả quyết rằng “sự lớn mạnh của não trạng cho rằng phải giảm thiểu việc sinh sản sự sống con người thành một biến tố trong kế hoạch của cá nhân hay của cặp vợ chồng là điều hết sức hiển nhiên” (90). Giáo huấn của Giáo Hội nhằm “giúp các cặp vợ chồng cảm nghiệm một cách hòa hợp và đầy ý thức sự hiệp thông như chồng như vợ của họ, cũng như trách nhiệm sinh sản của họ. Chúng ta cần trở lại với sứ điệp trong Thông Điệp *Humanae Vitae* của Chân Phúc Giáo Hoàng Phaolô VI, một sứ điệp nhấn mạnh đến việc phải tôn trọng phẩm giá con người khi lượng giá về luân lý các phương pháp điều hòa sinh sản... Việc chọn con nuôi và làm cha mẹ chăm sóc (foster parenting) cũng có thể nói lên tính sinh hoa trái vốn là đặc điểm của đời sống hôn nhân” (91). Với lòng biết ơn đặc biệt, Giáo Hội “nâng đỡ các gia đình trong việc chấp nhận, dưỡng dục và âu yếm bảo bọc con cái có các khuyết tật đa dạng” (92).

83. Ở đây, tôi cảm thấy khẩn thiết phải quả quyết rằng nếu gia đình là cung lòng (sanctuary) của sự sống, là nơi sự sống được thụ thai và chăm sóc, thì điều mâu thuẫn ghê rợn là lúc nó trở thành nơi trong đó sự sống bị bác bỏ và hủy diệt. Giá trị của sự sống lớn lao, và quyền sống của đứa trẻ vô tội đang lớn lên trong lòng mẹ bất khả nhượng đến nỗi không một quyền lợi nói là của thân xác nào có thể biện minh cho quyết định chấm dứt sự sống ấy, một sự sống tự nó là một cùng đích chứ không bao giờ có thể bị coi là “tài sản” của một con người khác. Gia đình bảo vệ sự sống nhân bản trong mọi giai đoạn của nó, kể cả giai đoạn cuối cùng. Thành thử, “những ai làm việc tại các cơ sở y tế được nhắc nhở bổn phận luân lý phải phản kháng lương tâm. Tương tự như thế, Giáo Hội không những cảm thấy sự khẩn thiết phải quả quyết quyền được chết tự nhiên, không có sự chữa trị quá quyết đoán (aggressive) và an tử”, nhưng cũng còn “cương quyết bác bỏ án tử hình” nữa (93).

84. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng cũng muốn nhấn mạnh rằng “một trong các thách đố nền tảng mà các gia đình ngày nay đang đương đầu chắc chắn là thách đố dưỡng dục con cái, càng bị

làm cho khó khăn và phức tạp hơn bởi thực tại văn hóa ngày nay và ảnh hưởng mạnh mẽ của các phương tiện truyền thông” (94). “Giáo Hội đóng một vai trò có giá trị trong việc nâng đỡ các gia đình, bắt đầu với việc khai tâm Kitô Giáo, nhờ các cộng đồng chào đón” (95). Đồng thời, tôi cảm thấy việc quan trọng phải nhắc lại rằng việc giáo dục toàn diện con cái là một “bổn phận rất nghiêm trọng” và đồng thời là một “quyền hàng đầu” của cha mẹ (96). Đây không hẳn chỉ là một trách vụ hay một gánh nặng, nhưng là một quyền chủ yếu và bất khả nhượng mà các cha mẹ được kêu gọi phải bảo vệ và không một ai có thể có quyền tước mất của họ. Nhà Nước cung cấp các chương trình giáo dục theo phương thức phụ đới, nghĩa là trợ giúp các cha mẹ trong vai trò không thể khước từ của họ; chính các cha mẹ được quyền tự do chọn lối giáo dục, có thể vươn tới và có phẩm chất tốt, mà họ muốn ban cho con cái họ, phù hợp với các xác tín của họ. Trường học không thay thế được cha mẹ, nhưng bổ túc cho họ. Đây là nguyên tắc căn bản: “mọi tham dự viên khác của diễn trình giáo dục chỉ có khả năng thi hành trách nhiệm của họ nhân danh cha mẹ, với sự ưng thuận của họ, tới một mức độ nào đó, với sự cho phép của họ” (97). Còn nữa, “Đang có sự rạn giữa gia đình và xã hội, giữa gia đình và trường học; công ước giáo dục ngày nay đã bị phá đổ và do đó liên minh giáo dục giữa xã hội và gia đình đang lâm vào khủng hoảng” (98).

85. Giáo Hội được mời gọi hợp tác với các cha mẹ qua các sáng kiến mục vụ, trợ giúp họ chu toàn sứ mệnh giáo dục của họ. Giáo Hội phải luôn làm việc này bằng cách giúp họ biết đánh giá vai trò đích đáng của họ và hiểu ra rằng nhờ lãnh nhận bí tích hôn phối, họ đã trở nên các thừa tác viên của việc giáo dục con cái họ. Khi giáo dục con cái, họ xây dựng Giáo Hội (99), và nhờ làm thế, họ đã chấp nhận ơn Chúa gọi họ (100).

Gia đình và Giáo Hội

86. “Với niềm vui nội tâm và an ủi sâu xa, Giáo Hội nhìn lên các gia đình luôn trung thành với các giáo huấn của Tin Mừng, khuyến khích họ và cảm ơn họ vì các chứng từ của họ. Vì họ đã làm chứng, một cách khả tín, về đẹp của hôn nhân như là bất khả tiêu và trung thành vĩnh viễn. Bên trong gia đình ‘vốn có thể gọi là Giáo Hội tại gia’ (*Lumen Gentium*, 11), các cá nhân bước vào một trải nghiệm hiệp thông có tính Giáo Hội giữa các ngôi vị, một hiệp thông, nhờ ơn thánh, phản ánh được mầu nhiệm Ba Ngôi Chí Thánh. ‘Ở đây, người ta học được sức chịu đựng và niềm vui của việc làm, tình yêu huynh đệ, lòng tha thứ đại độ, thậm chí hết lần này tới lần khác, và trên hết mọi việc thờ phượng Thiên Chúa trong cầu nguyện và dâng hiến đời mình’ (*Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 1657)” (101).

87. Giáo Hội là gia đình của các gia đình, không ngừng được phong phú hóa nhờ cuộc sống của mọi Giáo Hội tại gia này. “Nhờ bí tích hôn phối, mọi gia đình quả đều trở thành thiện ích cho Giáo Hội. Từ quan điểm này, việc suy nghĩ về sự tương tác giữa gia đình và Giáo Hội sẽ chứng tỏ là một ơn phúc quý giá cho Giáo Hội thời ta. Giáo Hội là điều tốt đẹp cho gia đình, và gia đình là điều tốt đẹp cho Giáo Hội. Bảo vệ ơn phúc của Chúa trong bí tích hôn phối là một quan tâm không những của các gia đình cá thể mà còn là của toàn thể cộng đồng Kitô Giáo” (102).

88. Kinh nghiệm yêu thương trong các gia đình là nguồn sức mạnh bất diệt đối với đời sống Giáo Hội. “mục đích kết hợp trong hôn nhân là lời mời gọi khôn nguôi phải làm cho tình yêu này lớn mạnh và thâm hậu hóa. Qua sự kết hợp của họ trong yêu thương, cặp vợ chồng cảm nghiệm được vẻ đẹp của việc làm cha làm mẹ, và chia sẻ các kế hoạch, các thử thách, các hoài bão và lắng lo; họ học chăm sóc lẫn nhau và tha thứ cho nhau. Trong tình yêu thương này, họ cử hành các giờ

phút hạnh phúc của họ và nâng đỡ nhau trong những lúc cùng nhau vượt qua khó khăn ở đời... Về đẹp của ơn phúc hỗ tương, nhưng không này, niềm vui phát sinh từ sự sống hạ sinh và việc yêu thương chăm sóc mọi thành viên của gia đình, từ trẻ thơ tới người cao niên, chỉ là một số hoa trái làm cho lời đáp trả ơn gọi gia đình thành độc đáo và không thể nào thay thế được” (103), cả đối với Giáo Hội lẫn đối với xã hội như một toàn thể.

Chương IV: Lòng Yêu Thương và Hôn Nhân

89. Tất cả những điều đã nói từ trước đến nay sẽ không đủ để nói về Tin Mừng hôn nhân và gia đình, nếu ta không đồng thời nói đến lòng yêu thương. Vì ta không thể khuyến khích con đường trung tín và hiến thân cho nhau nếu không khuyến khích việc tăng triển, việc củng cố và việc thâm hậu hóa lòng yêu thương vợ chồng và gia đình. Thực vậy, ơn thánh của bí tích hôn phối, trước nhất, nhằm “bảo vệ lòng yêu thương của cặp vợ chồng” (104). Cả ở đây nữa, ta cũng có thể nói “Giả như tôi có được tất cả đức tin đến chuyển núi dời non, mà không có lòng yêu thương, thì tôi cũng chẳng là gì. Giả như tôi có đem hết gia tài cơ nghiệp mà bố thí, hay nộp cả thân xác tôi để chịu thiêu đốt, mà không có lòng yêu thương, thì cũng chẳng ích gì cho tôi” (1Cr 13:2-3). Tuy nhiên, hạn từ “yêu thương” thường hay được sử dụng nhưng cũng thường hay bị lạm dụng (105).

Lòng yêu thương hàng ngày của ta

90. Trong một đoạn trữ tình của Thánh Phaolô, ta đọc thấy một số đặc điểm của lòng yêu thương chân thực:

*Lòng yêu thương thì kiên nhẫn, hiền hậu
không ghen tương, không vênh vang, không cao ngạo hay khiếm nhã,
Lòng yêu thương không tìm tư lợi,
Nó không nóng giận, không nuôi hận thù,
không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật.
Lòng yêu thương tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả (1Cr 13:4-7)*

Lòng yêu thương được cảm nghiệm và nuôi dưỡng trong cuộc sống hàng ngày của vợ chồng và con cái họ. Suy nghĩ sâu hơn về ý nghĩa đoạn văn này của Thánh Phaolô và sự liên hệ của nó đối với hoàn cảnh cụ thể của mọi gia đình là điều hữu ích.

Lòng yêu thương thì kiên nhẫn

91. Chữ đầu tiên được dùng ở đây là *makrothyméi*. Chữ này không đơn giản chỉ nói tới việc “chịu đựng mọi sự”, vì ta thấy ý tưởng này được phát biểu ở cuối câu bảy. Ý nghĩa của nó sẽ được rõ ràng hơn nhờ bản dịch Cựu Ước sang tiếng Hy Lạp, trong đó, ta đọc thấy Thiên Chúa “chậm nổi giận” (Xh 34:6; Ds 14:18). Như thế, chữ này chỉ đức tính của một người không hành động bốc đồng nhưng họ tránh gây xúc phạm. Ta thấy đức tính này nơi Thiên Chúa của Giao Ước, Đáng mời gọi ta bắt chước Người ngay trong đời sống gia đình. Bản văn của Thánh Phaolô khi dùng chữ này cần được đọc dưới sự soi sáng của Sách Khôn Ngoan (xem 11:23; 12:2, 15-18), là Sách vốn tán dương sự kiềm chế của Thiên Chúa, cũng như mở ra khả thể ăn năn, mà vẫn nhấn mạnh

tới uy quyền của Người, như đã được mặc khải trong các hành vi thương xót của Người. Sự “kiên nhẫn” của Thiên Chúa, được chứng tỏ qua lòng thương xót của Người đối với những người tội lỗi, là dấu chỉ uy quyền thực sự của Người.

92. Kiên nhẫn không có nghĩa để mình luôn bị đối xử tệ, khoan thứ những vụ gây hấn thể lý hoặc để người khác lợi dụng ta. Ta sẽ luôn gặp vấn đề bất cứ khi nào ta tưởng mỗi liên hệ ấy hay người ấy hẳn phải hoàn hảo, hay khi ta đặt ta vào trung tâm và mong chờ mọi sự sẽ xoay chiều thuận lợi cho ta. Rồi, mọi sự làm ta mất kiên nhẫn, mọi sự làm ta phản ứng một cách hung hãn. Nếu không vun đắp tính kiên nhẫn, ta sẽ luôn tìm kế bào chữa cho việc phản ứng đầy giận dữ. Kết cục ta sẽ mất hết khả năng sống với nhau, phản xã hội, không kiểm soát được các bốc đồng của ta, và gia đình ta sẽ trở thành bãi chiến trận. Chính vì thế Lời Chúa dạy ta rằng “Đừng bao giờ chua cay gắt gỏng, nóng nảy giận hờn, hay la lối thoá mạ, và hãy loại trừ mọi hành vi gian ác” (Ep 4:31). Kiên nhẫn bền rễ khi ta thừa nhận rằng người khác cũng có quyền sống trong thế giới này, trong con người hiện thực của họ. Đâu có quan hệ gì nếu họ là gánh nặng của tôi, nếu họ phá hoại kế hoạch của tôi, hay làm tôi khó chịu do cung cách hành động hay suy nghĩ của họ, nếu họ không phải như mọi điều tôi muốn họ là. Lòng yêu thương luôn có khía cạnh cảm thương sâu xa dẫn ta tới chỗ chấp nhận người khác như là một phần thể giới này, ngay cả lúc họ hành động khác với ý thích của tôi.

Lòng yêu thương phục vụ người khác

93. Chữ kế tiếp được Thánh Phaolô sử dụng là *chrestéuetai*. Chữ này chỉ được dùng ở đây trong toàn bộ Thánh Kinh. Nó do chữ gốc *chrestós*: người tốt lành, người tỏ lòng tốt bằng hành động. Ở đây, trong một song hành chặt chẽ với động từ đi trước nó, nó được dùng như một bổ nghĩa. Thánh Phaolô muốn mình xác rằng “kiên nhẫn” không phải là một thái độ hoàn toàn thụ động, nhưng là một thái độ được kèm theo bằng hành động, bằng hành động qua lại đầy năng động và sáng tạo với người khác. Chữ này muốn xác định rằng lòng yêu thương có lợi ích và có tính giúp đỡ người khác. Vì lý do này, nó được dịch là “hiền hậu”; lòng yêu thương luôn sẵn sàng giúp đỡ.

94. Suốt trong đoạn văn này, điều rõ ràng là Thánh Phaolô muốn nhấn mạnh rằng lòng yêu thương không phải chỉ là một cảm xúc xuôi. Đúng hơn, ta nên hiểu nó theo đường hướng động từ “yêu” của tiếng Hípri; tức là “làm điều tốt”. Như Thánh Inhaxiô thành Loyola từng nói, “Lòng yêu thương được biểu lộ bằng hành động hơn là bằng lời nói” (106). Nó biểu lộ tính sinh hoa trái của nó như thể và cho phép ta cảm nghiệm hạnh phúc cho đi, tính cao thượng và vẻ cao cả của việc chúng ta tự cho đi một cách hào phóng không đòi được đền trả, nguyên tuyền vì niềm hân hoan được cho đi và phục vụ.

Lòng yêu thương không ghen tương

95. Thánh Phaolô tiếp tục bác bỏ thái độ do động từ *zelói* (ghen tương hay ghen tị) diễn tả như là trái ngược với lòng yêu thương. Điều này có nghĩa: lòng yêu thương không có chỗ dành cho việc không vui trước vận may của người khác (xem Cv 7:9; 17:5). Lòng ghen tị là một hình thức buồn rầu gây ra bởi sự thịnh vượng của người khác; nó chứng tỏ: ta không quan tâm tới hạnh phúc của người khác mà chỉ quan tâm tới hạnh phúc của ta mà thôi. Trong khi lòng yêu thương làm chúng ta vươn cao quá chúng ta, thì lòng ghen tị khoá kín chúng ta vào trong chính mình. Lòng yêu thương đích thực biết đánh giá cao các thành tựu của người khác. Nó không coi họ như một đe

dọa. Nó giải thoát ta khỏi vị chua chát của lòng ghen tị. Nó thừa nhận rằng mọi người đều có những ơn phúc khác nhau và con đường đi riêng ở trong đời. Nên nó cố gắng khám phá ra con đường tiến tới hạnh phúc của riêng mình, trong khi để người khác tìm ra con đường riêng của họ.

96. Nói tóm lại, yêu thương là chu toàn hai mệnh lệnh cuối cùng của Luật Thiên Chúa: “Người đừng thèm muốn nhà cửa của người lân cận người; người đừng thèm muốn vợ của người lân cận người, hay đầy tớ nam đầy tớ nữ của họ, hay bò lừa, hoặc bất cứ điều gì của người lân cận người” (Xh 20:17). Lòng yêu thương linh hứng cho lòng quý mến thành thực đối với mọi người và nhìn nhận quyền được hạnh phúc của họ. Tôi yêu thương người này, và tôi nhìn họ bằng đôi mắt Thiên Chúa, Đấng ban cho ta mọi sự “để ta vui hưởng” (1Tm 6:17). Do đó, tôi cảm thấy một cảm thức hạnh phúc và bình an sâu xa. Cũng một lòng yêu thương bén rễ sâu này đã dẫn tôi tới chỗ bác bỏ mọi bất công trong đó, một số người sở hữu quá nhiều trong khi những người khác thì chẳng sở hữu bao nhiêu. Nó thúc đẩy tôi tìm cách giúp những người bị xã hội vứt bỏ tìm được chút ít niềm vui. Đây không phải là ghen tị mà là ước nguyện bình đẳng.

Lòng yêu thương không vênh vang

97. Chữ sau đây, *perpereúetai*, diễn tả sự vênh vang, nhu cầu cần phải kiêu kỳ, dạy đời và đôi chút tự đề cao. Những người biết yêu thương không những tự chế, không nói quá nhiều về chính họ, mà còn tập chú vào người khác; họ không cần là tâm điểm để được chú ý. Chữ sau đó, *physioutai*, cũng tương tự như thế, cho thấy lòng yêu thương không ngạo mạn. Về phương diện chiều tự, nó có nghĩa là không tự “thổi phồng” trước mặt người khác. Nó cũng chỉ một điều tinh tế hơn: bị ám ảnh phải khoe khoang, mất hết cảm thức thực tại. Những người như thế nghĩ rằng, vì “tâm linh” hay “khôn ngoan” hơn, nên họ quan trọng hơn chính con người thực của họ. Thánh Phaolô sử dụng động từ này trong nhiều dịp khác, như khi ngài nói: “sự hiểu biết thổi phồng” trong khi “lòng yêu thương thì xây dựng” (1Cr 8:1). Một số người nghĩ rằng họ quan trọng vì họ hiểu biết hơn những người khác; họ muốn khống chế những người này. Ấy thế nhưng điều thực sự làm chúng ta quan trọng chính là một lòng yêu thương hiểu biết, tỏ ra quan tâm, và bảo vệ người yếu đuối. Ở nơi khác, chữ này được dùng để phê phán những người “bị thổi phồng” bởi sự quan trọng của mình (xem 1Cr 4:18) nhưng thực ra họ đầy tràn những chữ nghĩa trống rỗng hơn là “sức mạnh” thực sự của Thần Khí (xem 1Cr 4:19).

98. Đối với các Kitô hữu, điều quan trọng là biểu lộ lòng yêu thương của họ qua cách cư xử với các thành viên trong gia đình ít hiểu biết đức tin, yếu ớt hay kém chắc chắn trong các xác tín của họ. Có khi, điều ngược lại đã diễn ra: các người có đức tin được coi là chín chắn hơn trong gia đình đã trở thành những người cao ngạo không ai chịu thấu. Đáng khác, lòng yêu thương có đặc điểm khiêm nhường; nếu ta muốn hiểu biết, tha thứ và phục vụ người khác với tấm lòng, thì ta phải chữa trị tính kiêu ngạo của ta để lòng khiêm nhường lớn mạnh. Chúa Giêsu từng nói với các môn đệ rằng trong một thế giới trong đó quyền lực đang thắng thế, ai cũng tìm cách khống chế người khác, nhưng “không như thế giữa các con” (Mt 20:26). Luận lý học nội tại của tình yêu Kitô Giáo không nói tới sự quan trọng hay quyền lực; đúng hơn, “ai là người thứ nhất trong các con phải là người nô lệ của các con” (Mt 20:27). Trong đời sống gia đình, luận lý học thống trị hay cạnh tranh ai là người thông minh nhất hay có quyền nhất sẽ tiêu diệt lòng yêu thương. Lời khuyên răn của Thánh Phêrô cũng được áp dụng vào gia đình: “anh em hãy lấy đức khiêm nhường mà đối xử với nhau, vì Thiên Chúa chống lại kẻ kiêu ngạo, nhưng ban ơn cho kẻ khiêm nhường” (1Pr 5:5).

Lòng yêu thương không khiếm nhã

99. Lòng yêu thương cũng phải hiền từ và ân cần, và điều này được chữ tiếp theo, *aschemonéi*, chuyên chở. Nó muốn nói: tình yêu không khiếm nhã hay bất lịch sự; nó không lỗ mồm. Các hành động, lời nói và cử chỉ của nó làm vui lòng người khác, chứ không cọ sát hay cứng cỏi. Lòng yêu thương ghét việc làm người khác đau khổ. Sự nhã nhặn “là trường dạy tính mẫn cảm và vô vị lợi” là điều đòi người ta “phát triển tâm tư tình cảm, học cách lắng nghe, cách nói và, có khi, cả cách im lặng nữa” (107). Nó không phải là một điều mà Kitô hữu có thể chấp nhận hay bác bỏ. Là một đòi hỏi chủ yếu của lòng yêu thương, “mọi con người nhân bản buộc phải sống hòa hợp với những người chung quanh” (108). Mỗi ngày, “việc bước vào đời sống một người khác, ngay cả khi người này vốn đóng một vai trò trong đời sống ta, đòi ta phải mẫn cảm và tự chế là điều có thể đổi mới lòng tin tưởng và sự kính trọng. Thực vậy, lòng yêu thương càng sâu sắc, nó càng đòi nơi ta lòng kính trọng tự do của người khác và khả năng chờ đợi cho tới khi người khác mở cửa lòng họ cho ta” (109).

100. Để cởi mở đối với việc gặp gỡ người khác cách chân thực, “một cái nhìn nhân hậu” là điều chủ yếu. Điều này bất tương hợp với thái độ tiêu cực luôn sẵn sàng vạch trần các thiếu sót của người khác trong khi làm ngơ các thiếu sót của mình. Cái nhìn nhân hậu giúp ta nhìn xa hơn các giới hạn của chúng ta, biết kiên nhẫn và hợp tác với người khác, bất chấp các dị biệt của ta. Lòng nhân hậu yêu thương xây dựng các dây nối kết, vun sỏi các mối liên hệ, tạo nên các mạng lưới hội nhập mới và đan dệt được một cơ cấu xã hội bền vững. Nhờ cách này, nó luôn phát triển mạnh mẽ hơn, vì nếu không có một cảm thức thuộc về, ta không thể nâng đỡ việc dẫn thân của ta cho người khác; kết cục, ta chỉ đi tìm sự thuận tiện của chính ta và cuộc sống chung sẽ trở nên bất khả hữu. Những người phản xã hội nghĩ rằng người khác chỉ hiện hữu để thỏa mãn các nhu cầu riêng của họ. Thành thử, không còn chỗ nào dành cho lòng nhân hậu yêu thương và việc phát biểu nó ra. Những ai yêu thương đều có khả năng nói những lời phấn khởi, gây sức mạnh, an ủi, và khuyến khích. Đó là các lời chính Chúa Giêsu từng nói: “Này con, cứ yên tâm!” (Mt 9:2); “này bà, lòng tin của bà mạnh thật!” (Mt 15:28); “Hãy trời dậy!” (Mc 5:41); “Hãy đi bình an!” (Lc 7:50; “Đừng sợ!” (Mt 14:27). Đây không phải là những lời hạ giá người ta, làm cho họ buồn bã, giận dữ hay tỏ ý khinh bỉ. Trong các gia đình của chúng ta, ta phải học cách mô phỏng gương hiền hậu của Chúa Giêsu trong cách ta nói năng với nhau.

Lòng yêu thương thì quảng đại

101. Chúng ta nói đi nói lại rằng để yêu một người khác, ta phải yêu chính mình. Tuy nhiên, bài ca yêu thương của Thánh Phaolô quả quyết rằng lòng yêu thương “không tìm tư lợi” cũng không “tìm điều của riêng mình”. Cùng một ý tưởng này đã được phát biểu trong một đoạn văn khác: “Mỗi người đừng tìm lợi ích cho riêng mình, nhưng hãy tìm lợi ích cho người khác” (Pl 2:4). Thánh Kinh nói rõ rằng phục vụ người khác cách quảng đại thì cao quý hơn yêu chính mình. Yêu mình chỉ quan trọng như một điều kiện tiên quyết về tâm lý để có thể yêu người khác: “Xấu với bản thân thì tốt với ai được? Ngay cả với tài sản của mình, nó cũng không được hưởng. Không ai tệ hơn kẻ làm hại chính mình, và đó là công trả cho sự gian ác của nó” (Hc 14:5-6).

102. Thánh Tôma Aquinô giải thích rằng “Đối với đức ái, ước muốn yêu thương thích đáng hơn ước muốn được yêu thương” (110); thực vậy, “các bà mẹ, những người yêu thương nhiều nhất,

tim cách yêu thương hơn được yêu thương” (111). Thành thử, lòng yêu thương có thể vượt quá và tràn quá các đòi hỏi của công bình, “không mong được đền trả điều gì” (Lc 6:35), và lòng yêu thương lớn nhất có thể dẫn ta tới “hy sinh mạng sống mình” cho người khác (xem Ga 15:13). Liệu một lòng quảng đại như thế, lòng quảng đại giúp ta khả năng cho đi một cách tự do và trọn vẹn, có thể là một điều thực sự khả hữu hay không? Có, vì Tin Mừng đã đòi hỏi nó: “anh em đã nhận được cách nhưng không, thì phải cho đi cách nhưng không” (Mt 10:8).

Lòng yêu thương không nóng giận hay nuôi hận thù

103. Nếu chữ thứ nhất trong bài ca của Thánh Phaolô nói tới việc phải kiên nhẫn, không phản ứng lỗ mãng ngay tức khắc đối với các yếu đuối và lỗi lầm của người khác, thì chữ kế tiếp ngài sử dụng là *paroxýnetai*, liên hệ nhiều hơn tới việc bất bình nội tâm do một điều từ bên ngoài gây ra. Nó chỉ phản ứng dữ dội từ bên trong, một sự nóng giận ẩn khuất khiến ta bức mình liên quan tới người khác, như thể họ gây rối hay đe dọa ta và do đó cần được xa tránh. Nuôi dưỡng thứ thù nghịch nội tâm như thế không ích lợi gì cho bất cứ ai. Nó chỉ gây méch lòng và ra xa lạ. Bất bình chỉ lành mạnh khi nó khiến ta phản ứng chống một bất công trầm trọng; khi thâm nhiễm thái độ của ta đối với người khác, nó chỉ gây hại mà thôi.

104. Tin Mừng dạy ta nhìn ra cái xà trong chính mắt ta (xem Mt 7:5). Các Kitô hữu không thể làm ngơ lời khuyên răn liên li đừng giận dữ của Lời Chúa: “Đừng để sự ác thắng được mình” (Rm 12:21). “Ta đừng mệt mỏi trong việc làm điều thiện” (Gl 6:9). Đột nhiên cảm thấy ước muốn trả thù là một chuyện mà chiều theo ước muốn ấy, để nó bén rễ trong tâm hồn ta, là một chuyện khác: “Hãy giận dữ nhưng đừng phạm tội; đừng để mặt trời lặn trên sự giận dữ của anh em” (Ep 4:26). Lời khuyên của tôi là đừng để một ngày qua đi mà không làm hòa trong gia đình. “Và làm thế nào để làm hòa đây? Quý gồi xuống chăng? Không! Chỉ cần một cử chỉ nhỏ thôi, một việc nhỏ mọn thôi, cũng đủ để hòa khí gia đình được tái lập. Chỉ một món trón nhỏ, không cần phải nói năng chi. Nhưng đừng để một ngày qua đi mà không làm hòa trong gia đình bạn” (112). Phản ứng đầu tiên của ta khi ta bị làm phiền nên là một phản ứng chúc lành tận đáy lòng, xin Chúa chúc lành, giải thoát và chữa lành người kia. “Ngược lại, hãy chúc lành, vì anh em đã được kêu gọi làm việc này, ngõ hầu anh em nhận được phúc lành” (1Pr 3:9). Nếu phải đấu tranh một sự ác, thì hãy đấu tranh; nhưng ta phải luôn nói “không” với bạo lực trong gia đình.

Lòng yêu thương thì tha thứ

105. Một khi đã bén rễ trong trái tim ta, ý xấu sẽ dẫn ta tới chỗ hận thù sâu xa. Câu *ou logízetai to kakón* có nghĩa: lòng yêu thương “không tính sổ sự ác”; “nó không hận thù”. Đối nghịch với hận thù là tha thứ, vốn bén rễ trong thái độ tích cực luôn tìm cách hiểu các yếu đuối của người khác để miễn thứ. Như Chúa Giêsu đã nói, “Lạy Cha, xin Cha tha thứ cho họ; vì họ không biết việc họ làm” (Lc 23:34). Ấy thế mà chúng ta cứ đi tìm hết lỗi này tới lỗi nọ, tưởng tượng ra đủ thứ ác lớn hơn, giả định đủ thứ ý xấu, và do đó, hận thù cứ thế gia tăng và sâu xa hơn. Cứ thế, mọi lỗi lầm hay thiếu sót từ phía người phối ngẫu đều có thể gây hại tới mối dây yêu thương và bền vững của gia đình. Sẽ là một điều sai lầm khi ta coi mọi vấn đề đều nghiêm trọng như nhau; coi như thế, ta liệu mình dễ cay nghiệt một cách không thích đáng đối với các thiếu sót của người kia. Ước muốn chính đáng thấy các quyền của mình được tôn trọng sẽ trở thành nỗi khao khát trả thù hơn là bảo vệ phẩm giá ta cách hợp lý.

106. Khi ta đã bị xúc phạm hay làm cho thất vọng, tha thứ là điều có thể và đáng ước ao, nhưng không ai có thể nói đây là chuyện dễ dàng. Sự thật là “hiệp thông gia đình sẽ chỉ có thể được duy trì và hoàn thiện nhờ tình thần hy sinh lớn lao. Thực thể, nó đòi mỗi người và mọi người phải sẵn sàng và quảng đại mở lòng mình ra để hiểu, để chịu đựng, để tha thứ, để hòa giải. Không hề có gia đình nào lại không biết đến ích kỷ, bất hòa, căng thẳng và tranh chấp, tấn công bạo động và đôi khi gây tử thương cho cuộc hiệp thông của họ: do đó, mà xuất hiện nhiều hình thức chia rẽ đa dạng trong đời sống gia đình” (113).

107. Ngày nay, ta nhìn nhận rằng để có thể tha thứ cho người khác, ta cần tới kinh nghiệm giải thoát biết tự hiểu và tha thứ cho chính mình. Các lỗi lầm của ta, hay các phê phán nhận được từ người thân yêu của ta, thường dẫn ta tới chỗ đánh mất lòng tự trọng. Ta trở nên xa cách đối với người khác, tránh tình âu yếm và sợ sệt trong các mối liên hệ liên ngã của ta. Đổ lỗi cho người khác khiến ta an tâm một cách sai lầm. Ta cần học cách cầu nguyện cho dĩ vãng của mình, để biết chấp nhận chính ta, học cách sống với các hạn chế của ta, và thậm chí tha thứ cho chính ta, để có được cùng một thái độ như thế đối với người khác.

108. Tất cả các điều trên giả thiết điều này: chính ta có kinh nghiệm được Thiên Chúa tha thứ, được ơn thánh của Người công chính hóa chứ không phải do công phúc của riêng ta. Ta cảm nghiệm được một lòng yêu thương đi trước bất cứ cố gắng nào của ta, một lòng yêu thương không ngừng mở cửa, cổ vũ và khích lệ. Nếu biết nhận rằng lòng yêu thương của Thiên Chúa là vô điều kiện và ta không thể mua hay bán được lòng yêu thương của Chúa Cha, thì ta sẽ có khả năng biểu lộ được một tình yêu không bờ bến và tha thứ cho người khác ngay cả khi họ đã gây hại đến ta. Nếu không, đời sống gia đình của ta sẽ không còn là nơi để hiểu nhau, để nâng đỡ và khích lệ nhau, mà đúng hơn, chỉ là một nơi triền miên căng thẳng và phê phán lẫn nhau.

Lòng yêu thương hân hoan với người khác

109. Kiểu nói *chaírei epì te adikía* có liên quan với tính tiêu cực ẩn khuất khá sâu trong tâm hồn người ta. Đây là một thái độ đầy chất độc nơi những người hân hoan thấy bất công được thực hiện nơi người khác. Câu sau đây nói lên thái độ trái ngược lại: *sygchaírei te aletheía*: “vui khi thấy điều chân thật”. Nói cách khác, ta hân hoan trước điều tốt lành nơi người khác khi ta nhận ra phẩm giá của họ và trân trọng các khả năng và việc làm tốt của họ. Điều này không thể có nơi những người lúc nào cũng so sánh và cạnh tranh, ngay với người phối ngẫu của mình, đến nỗi vui mừng khi thấy họ thất bại.

110. Khi một người yêu thương làm được một điều tốt cho người khác, hoặc thấy người khác được hạnh phúc, chính họ cũng sống hạnh phúc và nhờ thế biết vinh danh Thiên Chúa, vì Thiên Chúa yêu thương những người cho đi một cách vui vẻ” (2Cr 9:7). Chúa chúng ta đặc biệt đánh giá cao những người tìm được niềm vui trong hạnh phúc của người khác. Nếu ta không chịu học cách biết hân hoan trước hạnh phúc của người khác và tập chú chủ yếu vào các nhu cầu riêng của ta mà thôi, ta đã tự kết án mình phải chịu một cuộc hiện sinh không có niềm vui, vì, như Chúa Giêsu từng dạy, “cho thì có phúc hơn là nhận” (Cv 20:35). Gia đình phải luôn là nơi mà, khi một điều tốt lành xảy ra cho một thành viên, người ta biết rằng các người khác cũng đều có mặt ở đó để mừng vui với họ.

Lòng yêu thương dung thứ mọi sự

111. Bảng liệt kê của Thánh Phaolô chấm dứt với bốn câu đều có những chữ “mọi sự”. Lòng yêu thương dung thứ mọi sự, tin mọi sự, hy vọng mọi sự, chịu đựng mọi sự. Ở đây, ta thấy rõ sức mạnh phản văn hóa của một lòng yêu thương có khả năng đương đầu với bất cứ điều gì có thể đe dọa nó.

112. Trước nhất, Thánh Phaolô nói rằng lòng yêu thương “dung thứ mọi sự” (*panta stégei*). Điều này khác với việc “đừng để ý tới sự ác” bởi vì chữ này liên quan tới việc sử dụng miệng lưỡi. Động từ này có thể có nghĩa “giữ im lặng” trước bất cứ điều xấu nào có thể có nơi người khác. Nó hàm nghĩa giới hạn phán đoán, kiểm soát xu hướng muốn đưa ra lời kết án cương quyết và không thương xót: “Đừng phán đoán và các ông sẽ không bị phán đoán” (Lc 6:37). Dù ngược với cách ta thường sử dụng miệng lưỡi, lời Chúa dạy ta “anh chị em đừng nói xấu lẫn nhau” (Gcb 4:11). Sẵn sàng nói xấu một người khác là cách ta tự khẳng định giá trị của mình, để hạ thù hận và ghen tị mà không hề lưu ý tới cái hại ta có thể gây ra. Ta thường hay quên rằng nói xấu rất có thể có tội lớn; nó là một xúc phạm nặng nề chống lại Thiên Chúa nếu nó xâm hại nghiêm trọng tới danh thơm tiếng tốt của người khác và gây thiệt hại đến không thể cứu chữa. Bởi thế, lời Chúa thẳng thắn quả quyết rằng miệng lưỡi “là cả một thế giới của sự ác... làm cho toàn thân ra ô uế” (Gcb 3:6); nó là “một sự dữ không bao giờ ở yên, đầy những nọc độc giết người” (Gcb 3:8). Trong khi cái lưỡi có thể bị dùng để “nguyên rửa những ai đã được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa” (Gcb 3:9), thì lòng yêu thương trân quý danh thơm tiếng tốt của người khác, kể cả của kẻ thù. Khi tìm cách tuân thủ luật Thiên Chúa, ta đừng bao giờ quên đòi hỏi chuyên biệt này của lòng yêu thương.

113. Các cặp vợ chồng được lòng yêu thương kết hợp phải nói tốt cho nhau; họ phải cố gắng trình bày phía tốt của người phối ngẫu, chứ không phải điểm yếu và lỗi lầm của họ. Dù gì, họ cũng phải giữ im lặng hơn là nói xấu người phối ngẫu. Đây không phải chỉ là cách hành động trước mặt người khác; nó phát sinh từ một thái độ nội tâm. Không hề ngây thơ cho rằng mình không trông thấy các vấn đề và điểm yếu của người kia, ta chỉ nhìn các điểm yếu và lỗi lầm này trong một bối cảnh rộng lớn hơn mà thôi. Ta thừa nhận rằng các lỗi lầm này là một phần của bức tranh lớn hơn. Ta cũng phải hiểu ra rằng tất cả chúng ta đều là một sự pha trộn phức tạp của ánh sáng và bóng tối. Người khác kia không phải chỉ là tổng số những điều nhỏ mọn làm tôi khó chịu. Lòng yêu thương không cần phải hoàn hảo mới được ta đánh giá. Người khác yêu thương ta tốt nhất bao nhiêu có thể, với mọi giới hạn của họ, nhưng sự thật vẫn là: lòng yêu thương bất toàn không hề có nghĩa nó không chân thật hay không có thật. Nó có thật, dù giới hạn và có tính phạm trần. Nếu tôi mong đợi quá nhiều, người khác kia sẽ cho tôi biết, vì chàng hay nàng không thể đóng vai Thiên Chúa hay phục vụ được hết mọi nhu cầu của tôi. Lòng yêu thương đồng hiện hữu với sự bất toàn. Nó “tha thứ mọi sự” và có thể giữ được thanh thản trước các giới hạn của người tôi yêu thương.

Lòng yêu thương tin tưởng mọi sự

114. *Panta pisteúei*. Lòng yêu thương tin tưởng mọi sự. Ở đây “tin” không theo sát nghĩa thần học của nó, nhưng đúng hơn theo nghĩa điều ta vốn gọi là “tin tưởng” (trust). Điều này vượt quá việc chỉ đơn giản giả thiết người kia không nói dối hay lừa đảo. Niềm tin tưởng căn bản này nhìn nhận ánh sáng Thiên Chúa chiếu rọi quá bên kia sự tối tăm, giống than hồng ấm i dưới đám tro tàn.

115. Niềm tin tưởng này giúp mỗi liên hệ được tự do. Điều này có nghĩa: ta không cần kiểm soát

người kia, theo dõi từng bước đi của họ kéo họ thoát khỏi tay ta. Lòng yêu thương tin tưởng, nó giải thoát, nó không cố gắng kiểm soát, chiếm hữu và khống chế mọi sự. Sự tự do này, một sự tự do vốn cổ vũ độc lập, cổ vũ việc cởi mở đối với thế giới chung quanh và đối với các trải nghiệm mới mẻ, chỉ có thể phong phú hóa và mở rộng mối liên hệ. Lúc đó, vợ chồng sẽ chia sẻ với nhau niềm vui của mọi điều họ đã nhận được và học được ở ngoài vòng gia đình. Đồng thời, sự tự do này thuận lợi hóa lòng thành thực và sự trong sáng, vì những người biết rằng họ được tin tưởng và đánh giá cao đều có tinh thần cởi mở, không giấu giếm bất cứ điều gì. Những ai biết rằng người phối ngẫu của họ luôn ngờ vực, ưa phán đoán và thiếu một tình yêu vô điều kiện, sẽ có xu hướng giữ kín mọi chuyện, che giấu các sai phạm và yếu đuối của họ, và giả đò là một ai đó chứ không phải con người thực của họ. Đáng khác, một gia đình có đặc điểm tin tưởng yêu thương nhau, thì bất cứ xảy ra việc gì, họ cũng đều giúp các thành viên là chính họ và tự nhiên sẽ từ khước lừa đảo, gian trá và nói dối.

Lòng yêu thương hy vọng mọi sự

116. *Panta elpízei*. Lòng yêu thương không thất vọng với tương lai. Tiếp theo những điều vừa nói, kiểu nói này đề cập tới lòng hy vọng của một người biết rằng người khác có thể thay đổi, trưởng thành hơn và toả một vẻ đẹp bất ngờ và một tiềm năng chưa hề được nói tới. Điều này không có nghĩa: mọi sự sẽ thay đổi ở đời này. Nó bao hàm việc hiểu ra rằng dù sự vật không luôn trở thành như ta mong ước, Thiên Chúa vẫn có thể biến những con đường khúc khuỷu thành thẳng băng và từ những điều xấu ta chịu ở trong đời, Người vẫn có thể rút ra điều tốt.

117. Ở đây, hy vọng sẽ tiến tới chỗ trọn vẹn nhất, vì nó bao hàm sự chắc chắn sẽ có sự sống sau khi chết. Mỗi người, bất chấp mọi sai phạm của họ, đều được kêu gọi bước vào sự viên mãn của sự sống trên thiên đàng. Ở đây, vì hoàn toàn được sự phục sinh của Chúa Kitô biến đổi, mọi yếu đuối, tội tăm và nhược điểm đều sẽ mất dạng. Ở đây, hữu thể thực sự của người ta sẽ sáng lên trong mọi vẻ tốt lành và đẹp đẽ của họ. Giữa các gia trọng (aggravations) của đời hiện tại, việc hiểu ra này sẽ giúp ta nhìn mỗi người từ một viễn ảnh siêu nhiên, trong ánh sáng hy vọng, và mong chờ sự viên mãn họ sẽ nhận được trên nước trời, cho dù vẫn chưa hiển hiện.

Lòng yêu thương chịu đựng mọi sự

118. *Panta hypoménei*. Điều này có nghĩa: lòng yêu thương chịu đựng mọi gian nan thử thách bằng một thái độ tích cực. Nó đứng vững trong các môi trường thù nghịch. Sự “chịu đựng” này bao hàm không những khả năng chấp nhận một số gia trọng, mà còn chấp nhận một điều lớn hơn thế: luôn sẵn sàng đương đầu với bất cứ thách đố nào. Đây là một lòng yêu thương không bao giờ bỏ cuộc, dù trong những giờ phút đen tối nhất. Nó chứng tỏ một anh hùng tính ngoan cường, một sức mạnh đề kháng bất cứ trào lưu tiêu cực nào, một dân thân không thể nào dẹp bỏ đối với sự thiện. Ở đây, tôi nghĩ tới lời lẽ của [Mục Sư] Martin Luther King, người từng đương đầu với đủ thứ thử thách và sầu não bằng một lòng yêu thương huynh đệ: “Người ghét bạn nhất vẫn có điều tốt ở trong họ; ngay quốc gia ghét bạn nhất cũng có điều tốt trong nó; ngay chủng tộc ghét bạn nhất cũng có điều tốt nào đó trong nó. Và khi bạn tiến tới chỗ có thể nhìn thẳng vào mặt mọi người và thấy trong thâm sâu lòng họ điều được tôn giáo gọi là ‘hình ảnh Thiên Chúa’, bạn sẽ bắt đầu yêu thương họ bất chấp [mọi sự]. Bất kể họ làm gì, bạn đều thấy hình ảnh của Thiên Chúa ở đấy. Đó là một yếu tố của sự thiện mà họ không bao giờ họ có thể tháo bỏ... Một cách nữa để bạn yêu kẻ thù của bạn là: khi có cơ hội để bạn đánh bại kẻ thù của bạn, thì đó là lúc bạn đừng nên làm

việc đó... Khi bạn đã vượt tới bình diện yêu thương, tới vẻ đẹp và sức mạnh lớn lao của nó, bạn sẽ chỉ tìm cách đánh bại các hệ thống xấu xa. Các cá nhân nào chẳng may bị liên lụy trong hệ thống ấy, bạn hãy yêu thương họ, nhưng bạn phải tìm cách đánh bại hệ thống... Hận thù vì hận thù chỉ gia tăng sự hiện hữu của hận thù và sự ác trong vũ trụ. Nếu tôi đánh bạn và bạn đánh tôi, thì tôi sẽ đánh lại bạn và bạn sẽ đánh lại tôi, cứ thế, bạn thấy đó, nó sẽ kéo dài vô tận. Nó sẽ không bao giờ chấm dứt. Ở một nơi nào đó, một ai đó hẳn phải có một chút cảm thức, và người đó hẳn là người mạnh mẽ. Người mạnh mẽ là người có thể cắt đứt dây chuyền hận thù, dây chuyền sự ác... Một ai đó phải có tôn giáo đủ và luân lý đủ để cắt đứt nó và bơm vào mọi cơ cấu của vũ trụ cái yếu tố mạnh mẽ ấy của lòng yêu thương” (114).

119. Trong đời sống gia đình, ta cần vun sỏi sức mạnh yêu thương ấy, một sức mạnh có thể giúp ta đấu tranh với mọi sự ác đang đe dọa nó. Lòng yêu thương không nhường bước cho hận thù, cho khinh miệt người khác hay ước muốn gây thương tích hoặc chiếm ưu thế. Lý tưởng Kitô Giáo, đặc biệt trong gia đình, là một tình yêu không bao giờ bỏ cuộc. Đôi khi tôi rất cảm phục khi thấy những người đàn ông đàn bà dù đã ly thân với người phối ngẫu để tránh bạo lực thể lý, ấy thế nhưng, vì lòng yêu thương vợ chồng biết vượt quá phạm vi xúc cảm, nên vẫn cố gắng giúp đỡ người phối ngẫu, dù đôi khi gián tiếp qua người khác, trong lúc họ bị bệnh tật, đau khổ hay thử thách. Ở đây, ta cũng thấy một tình yêu không bao giờ bỏ cuộc.

Lớn lên trong lòng yêu thương vợ chồng

120. Các suy tư của chúng ta về bài ca yêu thương của Thánh Phaolô đã chuẩn bị để chúng ta thảo luận về lòng yêu thương vợ chồng. Đây là lòng yêu thương giữa chồng và vợ (115), một lòng yêu thương được thánh hóa, phong phú hóa và được soi sáng bởi ơn thánh của bí tích hôn phối. Nó là một “cuộc kết hợp có tính cảm xúc” (116), thiêng liêng và hy tế, phối hợp cả sự âm áp của tình bạn lẫn sự đam mê của gọi tình, và kéo dài mãi sau khi xúc cảm và đam mê đã nguội đi. Đức Giáo Hoàng Piô XI từng dạy rằng tình yêu này thấm đượm mọi bốn phận của đời sống vợ chồng và hưởng được vị trí trang trọng (117). Được Chúa Thánh Thần đổ xuống, tình yêu mạnh mẽ này là phản ánh của giao ước liên tục giữa Chúa Kitô và nhân loại, một giao ước đạt tới cao điểm trong việc tự hiến tế của Người trên thập giá. “Thần Khí mà Chúa đổ xuống ban trái tim mới và làm cho người đàn ông và người đàn bà có khả năng yêu thương nhau như Chúa Kitô yêu thương chúng ta. Lòng yêu thương vợ chồng đạt tới sự viên mãn mà nó đã được xếp đặt từ bên trong: đức ái phụ phụ” (118).

121. Hôn nhân là một dấu chỉ quý giá, vì “khi một người đàn ông và một người đàn bà cử hành bí tích hôn nhân, Thiên Chúa như thể ‘được soi gương’ trong họ; Người in nơi họ các đặc điểm của Người và ấn tích tình yêu không thể xóa bỏ của Người. Hôn nhân là hình ảnh của tình yêu Thiên Chúa dành cho chúng ta. Thực vậy, Thiên Chúa cũng là sự hiệp thông: Ba Ngôi Cha, Con và Thánh Thần sống đời đời trong một hợp nhất hoàn hảo. Và đây chính là mầu nhiệm hôn nhân: Thiên Chúa biến vợ chồng thành một hiện sinh đơn nhất” (119). Điều này có nhiều hậu quả cụ thể hàng ngày, vì vợ chồng “nhờ sức mạnh của bí tích hôn phối, được trao phó một sứ mệnh chân thực và thích đáng, để khởi đi từ những sự việc đơn sơ tầm thường của đời sống, họ có thể làm cho lòng yêu thương mà Chúa Kitô vốn dành cho Giáo Hội và tiếp tục hiến mạng sống cho Giáo Hội của Người thành hữu hình” (120).

122. Tuy nhiên, ta không nên lẫn lộn hai bình diện: không nên đặt lên vai hai con người hữu hạn

cái gánh nặng khủng khiếp của việc phải tái tạo một cách hoàn hảo sự kết hợp giữa Chúa Kitô và Giáo Hội của Người, vì hôn nhân như dấu chỉ bao hàm “một diễn trình năng động... một diễn trình diễn tiến từ từ qua việc hội nhập các ơn phúc của Thiên Chúa một cách tiệm tiến” (121).

Chia sẻ suốt đời

123. Sau lòng yêu thương kết hợp ta với Thiên Chúa, lòng yêu thương vợ chồng là “hình thức vĩ đại nhất của tình bạn” (122). Nó là sự kết hợp có hết mọi đặc điểm của một tình bạn tốt đẹp: việc quan tâm tới thiện ích của người kia, tính hồ tương, sự thân mật, sự âm áp, tính bền vững và sự giống nhau phát sinh từ cuộc sống chung. Cộng vào tất cả những điều ấy, hôn nhân còn thêm tính độc chiếm bất khả hủy tiêu, được phát biểu qua việc cam kết lâu bền sẽ chia sẻ và cùng nhau xây dựng trọn cuộc sống. Ta hãy trung thực và nhìn nhận các dấu chỉ của thực tại: những người yêu thương nhau không coi mối liên hệ của họ là tạm bợ. Những người kết hôn với nhau không mong sự hứng khởi của họ nguôi dần. Những người mục kích việc cử hành cuộc kết hợp yêu thương, bất kể mong chờ đến đâu, đều tin tưởng rằng nó sẽ vượt qua thử thách của thời gian. Con cái không những muốn cha mẹ chúng yêu thương nhau, mà còn trung thành và ở với nhau mãi mãi. Các dấu chỉ này và các dấu chỉ tương tự chứng tỏ rằng từ trong chính bản chất của nó, tình yêu vợ chồng có tính dứt khoát. Sự kết hợp lâu bền do các lời thề hứa lúc kết hôn nói lên không phải chỉ có tính hình thức hay công thức truyền thống; nó bén rễ trong chính các khuynh hướng tự nhiên của nhân vị. Đối với những người có đức tin, nó còn là giao ước trước mặt Thiên Chúa, một giao ước đòi phải trung thành: “Chúa là chứng nhân của giao ước giữa người và vợ thuở thanh xuân của người, người mà người đã bất trung, dù nàng là người đồng hành với người và là vợ người theo giao ước... Không ai được bất trung với người vợ thuở thanh xuân của mình. Vì Ta ghét việc ly dị, Chúa nói thế” (Mlk 2:14-16)

124. Một lòng yêu thương yếu ớt hay bệnh hoạn, không có khả năng chấp nhận hôn nhân như một thách đố cần được đảm nhận và chiến đấu cho, cần được tái sinh, canh tân và tái sáng chế cho tới chết, không thể chống đỡ một cam kết to lớn. Nó sẽ gãy đổ trước nền văn hóa phù phiếm luôn ngăn cản diễn trình tăng trưởng không ngừng. Ấy thế nhưng “việc đoan hứa yêu nhau mãi mãi vẫn là điều có thể khi ta nhận rõ một kế hoạch lớn hơn các ý nghĩ và cam kết của ta, một kế hoạch có thể nâng đỡ ta và giúp ta khả năng dành trọn tương lai của ta cho người ta yêu” (123). Muốn vượt qua mọi thử thách và luôn trung thành bất chấp mọi sự, tình yêu này cần được ban ơn thánh để củng cố và nâng cao nó. Như lời Thánh Robert Bellarmine nói, “sự kiện một người đàn ông kết hợp với một người đàn bà trong một dây nối kết bất khả tiêu, và họ mãi bất khả phân bất chấp mọi thử khó khăn, ngay cả khi không còn hy vọng gì có con, chỉ có thể là dấu chỉ một mẫu nhiệm cao cả” (124).

125. Hôn nhân cũng là một tình bạn có đặc tính của một đam mê, nhưng là một đam mê luôn điều hướng về một cuộc kết hợp mỗi ngày mỗi bền vững và thâm hậu hơn. Được như thế là nhờ “hôn nhân không chỉ được thiết lập cho việc sinh con mà thôi” mà còn để cho lòng yêu thương hồ tương “được phát biểu thích đáng, tăng trưởng và chín mùi” (125). Tình bạn độc đáo giữa một người đàn ông và một người đàn bà chỉ nhận được đặc điểm tổng thể hóa ấy bên trong cuộc kết hợp vợ chồng mà thôi. Nhưng cũng chính trong tư cách tổng thể hóa ấy, cuộc kết hợp này có tính độc chiếm, trung thành và đón chào sự sống mới. Nó chia sẻ mọi sự trong một lòng kính trọng hồ tương không ngừng. Công đồng Vatican II nhắc lại điều này khi quả quyết rằng “Một tình yêu kết hợp yếu tố

nhân loại với yếu tố thần linh như thế phải thấm nhuần cả đời sống và hướng dẫn đôi vợ chồng biết tự do trao hiến cho nhau, qua những tâm tình và cử chỉ trìu mến” (126)

Niềm vui và cái đẹp

126. Trong hôn nhân, niềm vui yêu thương cần được vun sới. Khi việc tìm kiếm khoái lạc trở thành ám ảnh, nó sẽ kiềm giữ ta trong nô dịch và ngăn cản ta cảm nghiệm nhiều niềm sáng khoái khác. Đáng khác, niềm vui sẽ gia tăng sáng khoái của ta và giúp ta đi tìm thỏa mãn trong rất nhiều sự vật, ngay cả trong những thời khắc của cuộc sống lúc sáng khoái thể lý đã xuống dốc. Thánh Tôma Aquinô nói rằng chữ “vui” có ý nói tới việc mở rộng tâm hồn (127). Ta có thể cảm nghiệm được niềm vui vợ chồng ngay giữa lúc đang buồn phiền; nó hệ ở việc biết chấp nhận điều này: hôn nhân là một pha trộn nhất thiết phải có gồm hưởng thụ và đấu tranh, căng thẳng và thư giãn, đau đớn và khuây khỏa, thỏa mãn và chờ mong, khó chịu và khoan khoái, nhưng luôn ở trên con đường của tình bạn, một con đường gây hứng để vợ chồng chăm sóc lẫn nhau: “Họ giúp nhau và phục vụ lẫn nhau” (128).

127. Lòng yêu thương của tình bạn có tên là “đức ái” khi nó hiểu rõ và biết trân trọng “giá trị lớn lao” của người kia (129). Cái đẹp, tức “giá trị lớn lao” khác hơn là sức lôi cuốn thể lý hay tâm lý, giúp ta khả năng biết đánh giá tính thánh thiêng của một con người, mà không bị thôi thúc phải chiếm hữu họ. Trong một xã hội duy tiêu thụ, cảm thức về cái đẹp trở nên nghèo nàn và do đó niềm vui nhạt dần đi. Mọi sự ở đây đều phải được mua, chiếm hữu hay tiêu thụ, kể cả con người. Mặt khác, tình âu yếm là dấu chỉ một lòng yêu thương không ích kỷ chiếm hữu. Nó làm ta tiếp cận người khác với một lòng kính trọng sâu xa và nỗi sợ lớn lao có thể gây hại cho họ hay tước mất tự do của họ. Yêu thương một người khác bao hàm niềm vui được chiêm ngắm và trân quý cái đẹp và sự thánh thiêng bên trong của họ, những điều luôn vượt quá các nhu cầu của tôi. Điều này giúp tôi tìm kiếm điều tốt của họ cả khi họ không thể thuộc về tôi hoặc họ không còn lôi cuốn nữa về thể lý, trái lại chỉ gây hấn hay gây phiền hà. Vì “lòng yêu thương nhờ đó một người làm vui lòng người kia tùy ở việc họ tự ý cho đi một điều gì đó” (130).

128. Cảm nghiệm thẩm mỹ của lòng yêu thương được phát biểu trong “cái nhìn” biết chiêm ngưỡng người khác như cùng đích trong chính họ, ngay cả khi họ ốm yếu, già cả hay không lôi cuốn về thể lý. Cái nhìn biết đánh giá có tầm quan trọng rất lớn lao, và từ khước nó thường gây nhiều tai họa. Để được lưu ý, những người phối ngẫu và con cái họ đã phải làm không biết bao nhiêu sự việc! Khi ta không còn nhìn nhau, biết bao méch lòng và vấn đề đã phát sinh! Đây là điều ẩn khuất phía sau các than vãn và kêu ca ta thường nghe thấy trong các gia đình: “chồng tôi không nhìn tôi; anh ấy hành xử như thể tôi vô hình”. “Anh làm ơn nhìn em khi em nói đi!”. “Vợ tôi không thèm nhìn tôi nữa, mục chỉ để ý tới con cái!”. “Trong chính căn nhà của tôi, không ai lưu ý gì tới tôi cả; đến nhìn tôi họ cũng không nốt; cứ như thể tôi không hiện hữu”. Lòng yêu thương mở mắt ta và giúp ta khả năng nhìn, đằng sau tất cả những điều khác, là giá trị lớn lao của một con người.

129. Niềm vui của lòng yêu thương chiêm ngưỡng này cần được vun sới. Vì ta đã được tạo nên để yêu thương, nên ta biết rằng không có niềm vui nào lớn hơn niềm vui được chia sẻ các điều tốt đẹp: “Hãy cho, hãy nhận, hãy cư xử tốt với nhau” (Hc 14:16). Niềm vui thâm hậu nhất ở trên đời là có thể làm người khác hân hoan, quả là một tiền vị của Nước Trời. Ta có thể nghĩ tới cảnh đáng yêu trong phim *Babette’s Feast*, lúc bà đầu bếp quảng đại nhận được cái ôm hôn và lời khen biết ơn: “Ôi với chị, các thiên thần đã được vui sướng xiết bao!”. Quả là một niềm vui và an ủi lớn khi

đem hân hoan đến cho người khác, thấy họ được sung sướng. Niềm vui này, hoa trái của lòng yêu thương huynh đệ, không phải là niềm vui của người tự phụ, chỉ biết có mình, mà là niềm vui của những người yêu thương, biết hân hoan vì điều tốt của những người mình yêu thương, biết hiến thân cho họ cách tự do và nhờ thế trở nên phong phú nơi họ.

130. Mặt khác, niềm vui cũng phát triển nhờ đau đớn và đau buồn. Như Thánh Augustinô từng nói “trong chiến đấu, nguy hiểm càng lớn niềm vui chiến thắng càng cao” (131). Sau khi cùng nhau chịu đau đớn và gian nan, vợ chồng có thể cảm nhận chúng rất đáng giá, vì họ đã đạt được một điều gì đó tốt, học được một điều gì đó trong tư cách vợ chồng, hay tiến tới chỗ biết đánh giá con người thực của họ. Ít có niềm vui nhân bản nào thâm hậu và gây hứng khởi bằng niềm vui được cảm nhận bởi hai con người yêu thương nhau và đã đạt được một điều gì đó nhờ một cố gắng lớn lao chung.

Kết hôn vì yêu thương

131. Tôi muốn nói với giới trẻ rằng không điều gì trong các điều trên lâm nguy nếu tình yêu của họ tìm được biểu thức trong hôn nhân. Trong định chế này, sự kết hợp của họ tìm được các phương thế bảo đảm cho tình yêu của họ được thực sự lâu bền và phát triển. Lẽ dĩ nhiên, tình yêu của họ không phải chỉ là sự ưng thuận hay khế ước bên ngoài, tuy nhiên, điều vẫn đúng là việc quyết định dành cho hôn nhân một hình thức hữu hình trong xã hội bằng cách đảm nhiệm một số cam kết sẽ chứng tỏ nó quan trọng đến chừng nào. Nó nói lên tính nghiêm túc của việc người này đồng nhất với người kia và quyết định vững vàng của họ nhất định để chủ nghĩa duy cá nhân của thời niên thiếu lại phía sau và thuộc về nhau. Hôn nhân là một phương thế để nói lên rằng chúng tôi thực sự rời bỏ sự an toàn của tổ ấm nơi chúng tôi từng lớn lên để xây dựng những mối dây liên kết mạnh mẽ khác và đảm nhiệm một trách nhiệm mới đối với một người khác. Điều này có ý nghĩa nhiều hơn là việc chỉ tự phát kết hợp để thỏa mãn hồ tương, một điều biến hôn nhân thành một việc hoàn toàn có tính tư riêng. Là một định chế xã hội, hôn nhân bảo vệ và lên khuôn cam kết chung nhằm phát triển sâu đậm hơn trong yêu thương và cam kết đối với nhau, vì thiện ích của xã hội như một toàn thể. Đó là lý do tại sao hôn nhân không phải chỉ là một thời trang mau qua; nó là điều quan yếu kéo dài với thời gian. Yếu tính của nó phát sinh từ bản chất nhân bản của ta và đặc điểm xã hội. Nó bao gồm một loạt nghĩa vụ phát sinh từ chính lòng yêu thương, một lòng yêu thương nghiêm túc và quảng đại đến nỗi sẵn sàng đương đầu với bất cứ nguy cơ nào.

132. Chọn kết hôn cách trên nói lên một quyết định chân chính và cương quyết nhằm nối kết các ngõ đường đi, bất chấp mọi điều có thể xảy ra. Vì tính nghiêm túc của nó, cam kết yêu thương công khai này không thể là kết quả của một quyết định hấp tấp, nhưng cũng không nên bị trì hoãn vô định. Cam kết một cách độc chiếm và dứt khoát với một người khác luôn bao hàm một nguy cơ và một ván bài mạnh dạn. Không sẵn sàng đưa ra một cam kết như thế là ích kỷ, tính toán và nhỏ mọn. Nó không biết thừa nhận quyền lợi của một người khác và trình bày người này cho xã hội như người đáng được hưởng một tình yêu vô điều kiện. Nếu hai người thực sự yêu nhau, họ tự nhiên sẽ bày tỏ điều này cho nhiều người khác. Khi lòng yêu thương được phát biểu trước nhiều người khác trong khế ước hôn nhân, với mọi cam kết công khai, nó rõ ràng cho thấy và muốn bảo vệ chữ “có” mà những người này nói với nhau một cách tự do và không một chút dè dặt. Chữ “có” này cho họ hay: họ luôn luôn có thể tin tưởng nhau, họ sẽ không bao giờ bị bỏ rơi khi gặp khó khăn hay khi những lời cuốn mới hoặc những quyền lợi ích kỷ khác xuất hiện.

Một lòng yêu thương tự biểu lộ và gia tăng

133. Lòng yêu thương của tình bạn thống nhất hóa mọi khía cạnh của đời sống hôn nhân và giúp các thành viên gia đình không ngừng lớn mạnh. Tình yêu này phải được phát biểu một cách tự do và quảng đại bằng lời nói và việc làm. Trong gia đình, “ba chữ cần phải dùng. Tôi muốn lặp lại điều này! Đó là ba chữ ‘làm ơn’, ‘cám ơn’, ‘xin lỗi’. Ba chữ chủ yếu!” (132). “Trong các gia đình của chúng ta khi chúng ta không hồng hách và chúng ta nói ‘cho phép tôi’; trong các gia đình của chúng ta, khi chúng ta không ích kỷ và chúng ta có thể nói ‘cám ơn’; và trong các gia đình của chúng ta, khi một ai đó nhận ra mình đã làm điều gì sai và có khả năng nói ‘xin lỗi’, thì gia đình ta sẽ cảm nghiệm được bình an và vui tươi” (133). Ta đừng nên keo kiệt trong việc sử dụng ba chữ này, nhưng hãy tiếp tục lặp đi lặp lại, ngày qua ngày. Vì “một số sự im lặng hết sức ngột ngạt, đôi khi ngay trong các gia đình, giữa chồng và vợ, giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em với nhau” (134). Những lời nói đúng, nói đúng lúc, sẽ hàng ngày che chở và nuôi dưỡng được lòng yêu thương.

134. Tất cả các điều trên diễn ra trong một diễn trình tăng trưởng không ngừng. Chính hình thức yêu thương đặc biệt là hôn nhân được mời gọi hiện thân cho điều Thánh Tôma Aquinô nói về đức ái cách chung. Ngài viết: “từ chính bản chất của nó, đức ái không bị giới hạn trong việc tăng trưởng của nó, ví nó tham dự vào đức ái vô biên là Chúa Thánh Thần... Về phía chủ thể, cũng không thể ấn định giới hạn cho nó, vì khi đức ái tăng trưởng, khả năng gia tăng lớn hơn của nó cũng tăng trưởng” (135). Thánh Phaolô cũng đã cầu nguyện rằng “Xin Chúa làm cho anh em tăng trưởng và dồi dào trong đức ái đối với nhau” (1Tx 3:12), và câu này nữa, “liên quan tới lòng yêu thương huynh đệ... chúng tôi thúc giục anh em, thưa anh em quý yêu, anh em hãy làm thế mỗi ngày mỗi hơn” (1Tx 4:9-10). Mỗi ngày mỗi hơn! Lòng yêu thương vợ chồng không được bảo vệ chủ yếu nhờ việc trình bày tính bất khả tiêu như một bốn phần, hay nhờ việc lặp lại tín lý, nhưng nhờ việc giúp nó mỗi ngày mỗi mạnh mẽ hơn dưới sự thúc đẩy của ơn thánh. Lòng yêu thương nào không chịu tăng trưởng sẽ gặp nguy hiểm. Tăng trưởng chỉ diễn ra nếu chúng ta biết đáp trả ơn thánh của Thiên Chúa qua các hành vi yêu thương không ngừng, những hành vi nhân hậu mỗi ngày mỗi trở nên thường xuyên hơn, thâm hậu hơn, quảng đại hơn, dịu dàng hơn và vui tươi hơn. Các người chồng người vợ “trở nên ý thức được sự hợp nhất của họ và cảm nghiệm nó sâu sắc hơn hết ngày này tới ngày nọ” (136). Ôn phúc của tình yêu Thiên Chúa được tràn đổ xuống đôi vợ chồng cũng là lời mời gọi họ tăng trưởng không ngừng trong ơn thánh.

135. Mơ tưởng một lòng yêu thương có tính điền viên và hoàn hảo không cần bất cứ kích thích nào để tăng trưởng là điều vô ích. Ý niệm thiên giới về một lòng yêu thương tràn thể quên khuấy điều này: Điều tốt nhất sẽ còn phải đến, rượu nho càng có tuổi càng ngon. Như các giám mục Chile từng chỉ ra, “Các gia đình hoàn hảo do tuyên truyền lừa bịp duy tiêu thụ đề xuất không hề hiện hữu. Trong các gia đình này, không có người già, không có bệnh tật, buồn sầu hay chết chóc... tuyên truyền duy tiêu thụ trình bày một hình ảnh tưởng tượng không liên quan gì tới thực tại mà các trưởng gia đình phải hàng ngày đương đầu” (137). Sẽ lành mạnh hơn nhiều nếu ta thực tiễn đối với các hạn chế, thiếu sót và bất toàn của ta, và đáp lại lời mời gọi cùng nhau tăng trưởng, cùng nhau đem lòng yêu thương tới chỗ chín mùi và cùng nhau củng cố cuộc kết hợp, bất chấp mọi điều có thể xảy ra.

136. Đối thoại là điều chủ yếu để cảm nghiệm, phát biểu và cổ vũ lòng yêu thương trong đời sống hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, nó chỉ có thể là hoa trái của một thời kỳ tập luyện lâu dài và nhiều đòi hỏi. Đàn ông và đàn bà, người trẻ và người lớn, thông đạt khác nhau. Họ nói các ngôn ngữ khác nhau và hành xử khác nhau. Cách ta đặt câu hỏi và trả lời, âm sắc ta sử dụng, việc chọn thì giờ và một số nhân tố khác qui định cách thông đạt tốt của ta. Ta cần phát triển một số thái độ để phát biểu lòng yêu thương và khích lệ việc đối thoại chân chính.

137. Hãy dành thì giờ, thì giờ có giá trị. Nghĩa là sẵn sàng để lắng nghe một cách kiên nhẫn mọi điều người khác muốn nói. Việc này đòi phải tự ra kỷ luật cho mình để đừng nói cho tới lúc thuận tiện. Thay vì đề xuất ý kiến hay lời khuyên, ta cần phải chắc chắn là ta đã nghe hết mọi điều người khác muốn nói. Nghĩa là vun sỏi sự thâm lắng nội tâm giúp ta có khả năng lắng nghe người khác mà không xao lãng về phương diện tâm trí và xúc cảm. Đừng nên vội vã, hãy để qua một bên mọi nhu cầu và lắng lo của anh chị em, và chừa đủ không gian (cho việc lắng nghe). Người phối ngẫu kia thường không cần một giải đáp cho các vấn đề của họ, cho bằng đơn giản được lắng nghe, cảm thấy có ai đó đang thừa nhận các nỗi đau, các nỗi chán chường, lo sợ, giận hờn, hy vọng và giấc mơ của họ. Biết bao lần chúng ta đã nghe những ta thán như: “anh ấy không lắng nghe tôi”. “Ngay cả khi anh có vẻ (lắng nghe), thực ra anh vẫn đang làm một điều gì khác”. “Tôi nói với cô ấy nhưng tôi cảm thấy như cô ấy không thể chờ cho tôi nói hết”. “Khi tôi nói với cô ấy, cô ấy đều ráng đôi mắt, hoặc trả lời tôi những câu trả cụt lùn để kết thúc câu chuyện”.

138. Hãy khai triển thói quen dành tâm quan trọng thực sự cho người khác. Nghĩa là đánh giá cao họ và nhìn nhận quyền họ được hiện hữu, được suy nghĩ như họ đang suy nghĩ và quyền được hạnh phúc. Đừng bao giờ coi thường điều họ nói hay suy nghĩ, ngay cả khi anh chị em cần phát biểu quan điểm riêng của mình. Mọi người đều có điều gì đó để đóng góp, vì họ có các kinh nghiệm riêng ở đời, họ nhìn sự vật từ một thể nhìn khác và họ có những quan tâm, các khả năng và những cái nhìn thấu suốt riêng. Ta nên có khả năng biết thừa nhận sự thật của người khác, giá trị trong các quan tâm sâu xa nhất của họ, và đâu là điều họ đang cố gắng thông đạt, bất kể hung hãn ra sao. Ta phải đặt ta vào đôi giày của họ và ráng nhìn sâu vào trái tim họ, nhận rõ các quan tâm sâu xa nhất của họ và lấy đó làm khởi điểm để đối thoại thêm.

139. Hãy có một tâm trí rộng mở. Đừng bị sa lầy vào chính các ý nghĩ và ý kiến của mình, nhưng hãy sẵn sàng thay đổi và mở rộng chúng. Phối hợp hai lối suy nghĩ khác nhau có thể dẫn tới một tổng hợp làm phong phú cả hai. Sự hợp nhất mà ta muốn có không phải là sự độc dạng, mà là “sự hợp nhất trong đa dạng” hay “sự đa dạng hòa giải” (reconciled diversity). Sự hiệp thông huynh đệ được phong phú hóa nhờ lòng kính trọng và biết đánh giá các dị biệt trong một viễn ảnh toàn diện nhằm thăng tiến ích chung. Ta cần giải thoát ta khỏi tâm tư cho rằng tất cả chúng ta phải như nhau. Một sự sắc sảo nào đó cũng cần phải có để ngăn ngừa cái đáng “tĩnh tại” có thể nhiều loạn diễn trình đối thoại. Thí dụ, nếu những tâm tư khó chịu bắt đầu lộ dạng, chúng phải được xử lý một cách miễn cảm, kéo chúng làm ngưng đọng tính năng động của cuộc đối thoại. Khả năng nói điều mình nghĩ mà không xúc phạm tới người khác là một điều quan trọng. Phải cẩn thận lựa lời mà nói để đừng xúc phạm tới người khác, nhất là khi thảo luận các vấn đề khó khăn. Nhấn mạnh một điểm không bao giờ được bao gồm việc nói cho hả giận và gây méch lòng. Giọng kẻ cả chỉ tổ gây méch lòng, chế diễu, tố cáo và xúc phạm người khác. Nhiều bất đồng giữa các cặp vợ chồng không hẳn là về những việc quan trọng. Phần lớn là về những chuyện vụn vặt. Tuy nhiên, điều làm thay đổi bầu khí là cách sự việc được nói tới hay thái độ khi nói chúng ra.

140. Hãy tỏ tình âu yếm và quan tâm với người kia. Lòng yêu thương vượt thắng cả những rào cản mạnh nhất. Khi yêu thương ai, hay khi cảm thấy được ai yêu thương, ta có thể hiểu rõ hơn điều họ muốn thông đạt. Sự người khác như một thứ “đối thủ” là dấu hiệu của yếu đuối, cần được vượt qua. Điều quan trọng là đặt căn bản cho lập trường của mình trên các chọn lựa, niềm tin hay giá trị vững chắc, chứ đừng trên nhu cầu phải thắng một luận điểm hay chứng tỏ mình đúng.

141. Sau cùng, ta hãy nhìn nhận điều này: để đối thoại xứng đáng, ta phải có một điều gì đó để nói. Điều này chỉ có thể là hoa trái của một sự phong phú nội tâm được nuôi dưỡng bằng việc đọc (sách báo), suy nghĩ bản thân, cầu nguyện và cởi mở đối với thế giới bao quanh. Nếu không, các cuộc đàm thoại sẽ trở nên buồn chán và tầm thường. Khi cả hai người phối ngẫu đều không cố gắng trong phạm vi này và ít giao tiếp thực sự với người khác, đời sống gia đình sẽ trở nên ngột ngạt và cuộc đối thoại trở nên nghèo nàn.

Tình yêu say mê

142. Công Đồng Vatican II dạy rằng lòng yêu thương vợ chồng này “bao gồm thiện ích của toàn bộ con người; nó có thể phong phú hóa các tâm tư tình cảm và các phát biểu thể lý của chúng bằng một phẩm giá độc đáo và cao thượng hóa chúng thành những nét đặc biệt và biểu hiện cho tình bạn chuyên biệt của hôn nhân” (138). Vì lý do này, lòng yêu thương nào thiếu khoái cảm hay say mê đều không đủ để biểu tượng hóa sự kết hợp của trái tim con người với Thiên Chúa: “Mọi nhà huyền nhiệm đều quả quyết rằng tình yêu siêu nhiên và tình yêu thiên giới tìm được biểu tượng mà chúng tìm kiếm nơi tình yêu vợ chồng, hơn là tình bạn, tình hiếu thảo hay việc hiến thân cho một chính nghĩa. Còn lý do thì phải tìm trong chính tính toàn bộ của nó” (139). Vậy thì làm sao ta có thể không dừng lại để nói tới các tâm tình và đức tính trong hôn nhân?

Thế giới xúc cảm

143. Thèm muốn, cảm giác, xúc cảm, những điều mà người xưa gọi là “các đam mê”, tất cả đều có vị trí quan trọng trong đời sống vợ chồng. Chúng được đánh thức mỗi khi “người kia” trở nên hiện diện và là một phần đời ta. Đặc điểm của mọi sinh vật là muốn vươn tới những sinh vật khác, và khuynh hướng này luôn có những dấu hiệu căn bản thuộc cảm giới: khoan khoái hay đau đớn, vui mừng hay buồn bã, âu yếm hay sợ sệt. Chúng làm cơ sở cho sinh hoạt tâm lý sơ đẳng nhất. Con người nhân bản sống trên trái đất này, nên tất cả những gì họ làm và tìm kiếm đều nhuốm màu đam mê.

144. Là người thật, Chúa Giêsu cũng đã biểu lộ các xúc cảm của Người. Người đau đớn vì bị Giêrusalem từ bỏ (xem Mt 23:27) và điều này làm rơi nước mắt Người (xem Lc 19:41). Người cũng xúc động sâu xa trước nỗi đau khổ của người khác (xem Mc 6:34). Người cảm nhận sâu xa cảnh tang chế của họ (xem Ga 11:33), và Người khóc trước cái chết của một người bạn (xem Ga 11:35). Các điển hình nhạy cảm này của Người cho thấy trái tim nhân bản của Người đã rộng mở ra sao đối với người khác.

145. Tự nó, cảm thấy một xúc cảm là điều không tốt không xấu về phương diện luân lý (140). Bắt đầu cảm thấy thèm muốn hay ghê tởm không hề có tội hay đáng trách. Chính hành vi ta làm, do một đam mê kích thích hay đi kèm, mới xấu hay tốt. Nhưng nếu các xúc cảm được vun sỏi, duy

trì, và vì chúng ta phạm các hành vi xấu, thì cái xấu là ở trong quyết định nuôi dưỡng chúng và trong các hành vi xấu do đó mà ra. Cũng trong đường hướng này, sự kiện một ai đó làm tôi khoan khoái không nhất thiết là một điều tích cực. Nếu với sự khoan khoái này, tôi đi tìm cách để người này trở thành nô lệ của tôi, thì xúc cảm này rõ ràng là để phục vụ tính ích kỷ của tôi. Tin rằng chúng ta tốt chỉ vì “chúng ta cảm thấy tốt” là một sai lầm lớn lao. Có những người cảm thấy mình có khả năng yêu thương lớn lao vì họ có nhu cầu âu yếm lớn lao, nhưng họ không biết chiến đấu cho hạnh phúc của người khác và sống khép kín trong các thèm muốn riêng của mình. Trong trường hợp như thế, các xúc cảm chỉ làm ta quên đi các giá trị lớn lao và che đậy tính vị kỷ vốn không cho phép ta có được một cuộc sống gia đình lành mạnh và hạnh phúc.

146. Nói thế, nhưng nếu đam mê đi kèm một hành vi tự do, nó có thể biểu lộ sự sâu sắc của hành vi này. Lòng yêu thương vợ chồng luôn cố gắng bảo đảm để toàn bộ đời sống xúc cảm của người ta mang lợi ích lại cho gia đình như một toàn thể và phục vụ cuộc sống chung của gia đình. Gia đình sẽ trưởng thành khi đời sống xúc cảm của các thành viên trở thành một hình thức nhạy cảm không làm ngột ngạt hay che khuất các quyết định và giá trị lớn lao, nhưng đúng hơn tuân thủ tự do của mỗi người (141), phát sinh từ tự do này, phong phú hóa, hoàn thiện hóa và hoà hợp tự do này để phục vụ mọi người.

Thiên Chúa yêu thích niềm vui của con cái Người

147. Điều trên đòi phải có một diễn trình sự phạm bao gồm việc quên mình. Xác tín của Giáo Hội này thường bị bác bỏ như đi ngược lại hạnh phúc con người. Đức Bênêđictô XVI tóm lược lời tố cáo này một cách hết sức rõ ràng như sau: “Với tất cả các giới điều và lệnh cấm, há Giáo Hội đã không biến điều quý giá nhất ở trên đời thành đấng đót đó ư? Há Giáo Hội đã không thổi còi vào đúng lúc niềm vui, vốn là ơn phúc Đấng Tạo Hóa ban cho, đem lại cho chúng ta một hạnh phúc, mà, tự nó, vốn là một tiền vị của Đấng Thần Linh đó sao?” (142). Ngài trả lời rằng, dù các thói phùng và các hình thức lệch lạc của lối sống khổ hạnh trong Kitô Giáo không thiếu, nhưng giáo huấn chính thức của Giáo Hội, một giáo huấn luôn trung thành với Thánh Kinh, không bác bỏ “ái dục (eros) đúng nghĩa, nhưng đúng hơn tuyên chiến với hình thức biến dạng và phá hoại của nó, vì việc thần hóa giả tạo eros... đã tước hết phẩm giá thần thiêng của nó và đã phi nhân hóa nó” (143).

148. Việc huấn luyện trong lãnh vực xúc cảm và bản năng là điều cần thiết, và đôi lúc, việc này cần phải đặt ra các giới hạn. Đi quá trớn, thiếu kiểm soát hay bị ám ảnh bởi một hình thức khoái cảm đơn nhất có thể đưa tới kết quả làm suy yếu hay làm vấy bẩn chính khoái cảm này (144) và phá hoại cuộc sống gia đình. Con người chắc chắn có thể vận dụng các đam mê của mình một cách tốt đẹp và lành mạnh, dần dần hướng chúng về lòng vị tha và việc tự hoàn thành mình một cách toàn diện, một thành toàn chỉ có thể làm giàu cho các mối liên hệ liên bản ngã giữa lòng gia đình. Việc này không có nghĩa phải từ bỏ các giờ phút hưởng thụ sâu sắc (145), nhưng đúng hơn, tổng hợp những giờ phút này với những giờ phút dành cho các cam kết quảng đại, các hy vọng kiên nhẫn, các mệt mỏi và đấu tranh để đạt một lý tưởng. Đời sống gia đình là tất cả những điều đó, và nó đáng được sống hết sức viên mãn.

149. Một số trào lưu linh đạo dạy rằng thèm muốn phải bị trừ khử, coi đây như là con đường giải thoát khỏi đau khổ. Tuy nhiên, chúng ta tin rằng Thiên Chúa yêu thích việc vui hưởng được con người nhân bản cảm nhận: Người dựng nên chúng ta và “cung cấp dồi dào mọi sự để chúng ta vui

hưởng” (1Tm 6:17). Chúng ta hãy vui mừng khi vì yêu thương lớn lao, Người phán với ta: “này con, hãy cư xử tốt với chính con... Đừng để con mất một ngày vui” (Hc 14:11-14). Các cặp vợ chồng cũng thế, họ đáp trả thánh ý Thiên Chúa khi tiếp nhận huấn thị của Thánh Kinh: “Hãy hân hoan trong ngày thịnh vượng” (Gv 7:14). Điều quan trọng là được tự do để thực hiện niềm khoái cảm vốn tìm được các cách phát biểu khác nhau ở những thời điểm khác nhau của đời sống, phù hợp với nhu cầu của tình yêu hỗ tương. Theo chiều hướng này, ta có thể đánh giá cao các giáo huấn của một số bậc thầy Đông Phương: họ thúc giục ta mở rộng ý thức, kéo ta trở nên nghèo nàn bởi chỉ có duy một trải nghiệm hạn hẹp có thể che khuất mắt ta. Việc mở rộng ý thức này không bác bỏ hay tiêu diệt thêm muốn cho bằng làm nó rộng lớn và hoàn hảo hơn.

Chiều kích gợi dục của tình yêu

150. Tất cả các điều trên đem ta tới chiều kích tính dục của hôn nhân. Chính Thiên Chúa đã tạo ra tính dục, một ơn phúc kỳ diệu dành cho các tạo vật của Người. Nếu ơn phúc này cần được vun sới và điều hướng, thì chính là để ngăn ngừa “việc làm nghèo đi một giá trị chân chính” (146). Thánh Gioan Phaolô II bác bỏ chủ trương cho rằng giáo huấn của Giáo Hội là “một chổi bỏ giá trị của tính dục con người” hoặc Giáo Hội chỉ dung tha tính dục “vì nó cần thiết cho việc sinh sản” (147). Thèm muốn tính dục không phải là một điều để khinh miệt và “không thể có bất cứ mưu toan nào nhằm nghi vấn sự cần thiết của nó” (148).

151. Đối với những người sợ rằng việc huấn luyện về đam mê và tính dục có thể làm người ta ít chú ý tới tính tự phát của tình yêu tính dục, Thánh Gioan Phaolô II trả lời rằng con người nhân bản “được kêu gọi tiến tới tính tự phát trọn vẹn và thuần thực trong các mối liên hệ của họ”, một sự thuần thực “là hoa trái tiệm tiến của việc biện phân các thôi thúc trong trái tim họ” (149). Điều này đòi phải có kỷ luật và tự chủ, vì mỗi con người nhân bản “đều phải kiên trì và nhất quán học biết ý nghĩa của thân xác mình” (150). Tính dục không phải là một phương thế để thỏa mãn hay giải trí; nó là một ngôn ngữ liên bản ngã nhờ đó người khác được coi trọng, trong phẩm giá thánh thiêng và bất khả xâm phạm của họ. Trong tư cách này, “trái tim con người tiến tới chỗ tham dự vào một thứ tự phát khác, có thể nói như thế” (151). Trong bối cảnh này, việc gọi tình xem ra đã bày tỏ tính dục con người một cách chuyên biệt. Nó giúp ta có khả năng khám phá ra “ý nghĩa hôn nhân của thân xác và phẩm giá chân chính của ơn phúc” (152). Trong các bài giáo lý của ngài về thần học thân xác, Thánh Gioan Phaolô II dạy rằng sự dị biệt hóa tính dục không những là “một nguồn phát sinh ra tính sinh hoa trái và sự sinh sản”, mà nó còn có “khả năng phát biểu lòng yêu thương: lòng yêu thương mà trong nó con người nhân bản trở thành một ơn phúc” (153). Một sự thèm muốn tính dục lành mạnh, dù được nối kết chặt chẽ với việc tìm kiếm khoái cảm, luôn bao hàm một cảm thức thần phục, và vì chính lý do này, nó có thể nhân bản hóa các thôi thúc.

152. Như thế, không có cách chi ta có thể coi chiều kích gợi dục của tình yêu chỉ như một sự xấu được phép làm hay một gánh nặng được dung túng vì lợi ích gia đình. Đúng hơn, phải nhìn nó như một ơn phúc của Thiên Chúa nhằm phong phú hóa mối liên hệ vợ chồng. Trong tư cách một đam mê được thăng hoa bởi một tình yêu biết tôn trọng phẩm giá người khác, nó trở thành “lời khẳng định tình trong, thuần khiết” nói lên sự kỳ công mà trái tim con người có khả năng thực hiện. Nhờ cách này, ta có thể cảm thấy “đời sống kết cục quả tốt lành và hạnh phúc”, dù chóng qua (154).

Bạo lực và thao túng

153. Dựa vào viễn kiến tích cực về tính dục nói trên, ta có thể tiếp cận toàn bộ chủ đề bằng một thái độ thực tiễn lành mạnh. Dù sao, sự thật vẫn là tính dục thường bị phi bản vị hóa và không lành mạnh: kết quả, “nó trở thành dịp và dụng cụ để tự khẳng định chính mình và để thỏa mãn một cách ích kỷ các thèm muốn và bản năng bản thân” (155). Thời ta, tính dục có nguy cơ bị đầu độc bởi não trạng “dùng rồi vứt bỏ”. Thân xác của người khác thường bị coi như một đồ vật để sử dụng bao lâu nó còn làm ta thỏa mãn, và bị vứt bỏ khi không còn lợi cuốn nữa. Ta có thể thực sự làm ngơ hay bỏ qua các hình thức thống trị, ngạo mạn, lạm dụng, truy lạc và bạo lực tính dục khôn nguôi vốn là sản phẩm của cái hiểu méo mó về tính dục không? Hay sự kiện này: phẩm giá người khác và ơn gọi yêu thương có tính nhân bản của ta do đó kết cục trở thành kém quan trọng hơn cái nhu cầu tối tăm đi “tìm chính mình” không?

154. Ta cũng biết rằng bên trong chính hôn nhân, tính dục có thể trở thành một nguồn gây đau khổ và thao túng. Do đó, cần phải tái khẳng định một cách rõ ràng rằng “một hành vi vợ chồng áp đặt lên người phối ngẫu mà không đếm xỉa gì tới điều kiện của họ, hay các ước muốn bản thân và hợp lý của họ trong vấn đề này, thì không phải là một hành vi yêu thương thực sự, và do đó, phạm tội trật tự luân lý trong việc áp dụng nó một cách đặc thù vào mối liên hệ thân mật vợ chồng” (156). Các hành vi thích đáng của việc kết hợp tính dục giữa chồng và vợ phù hợp với bản chất của tính dục như đã được Thiên Chúa ấn định khi chúng diễn ra “một cách thực sự nhân bản” (157). Thánh Phaolô nhấn mạnh rằng: “trong vấn đề này, đừng ai làm tổn thương hay lừa dối anh chị em mình” (1Tx 4:6). Cho dù Thánh Phaolô viết trong bối cảnh của nền văn hóa tổ phụ trong đó phụ nữ bị coi là hoàn toàn phụ thuộc đàn ông, tuy nhiên, ngài vẫn đã dạy rằng tình dục phải bao gồm việc thông đạt giữa các người phối ngẫu: ngài đưa ra khả thể trì hoãn các liên hệ tính dục trong một thời gian, nhưng phải “do thỏa thuận” (1Cr 7:5).

155. Thánh Gioan Phaolô II cảnh cáo một cách rất tinh tế rằng vợ chồng có thể “bị đe dọa bởi tính tham lam vô độ” (158). Nói cách khác, dù được kêu gọi mỗi ngày phải kết hợp sâu sắc hơn, họ có thể có nguy cơ xóa bỏ các dị biệt của mình và khoảng cách đúng đắn giữa hai người. Vì mỗi người đều có phẩm giá riêng và bất khả nhượng của mình. Khi việc thuộc về nhau biến thành sự thống trị, thì “cơ cấu hiệp thông trong các liên hệ liên bản ngã sẽ thay đổi một cách chủ yếu” (159). Trong luận lý học thống trị, người thống trị kết cục cũng sẽ bác bỏ chính phẩm giá của mình (160) và nhất định sẽ không còn “tự đồng nhất hóa với chính thân xác mình một cách chủ quan” nữa (161), vì đã tước mất của nó mọi ý nghĩa. Người này sống tính dục như thể trốn chạy chính mình và như thể từ bỏ cả vẻ đẹp của việc kết hợp.

156. Mọi hình thức khuất phục tính dục phải bị bác bỏ một cách rõ ràng. Việc này bao gồm mọi giải thích không thích đáng đối với đoạn văn trong thư gửi tín hữu Êphêsô trong đó Thánh Phaolô nói với các phụ nữ “phải tùng phục chồng” (Ep 5:22). Đoạn này phản ánh các phạm trù văn hóa thời ấy, nhưng quan tâm của ta không liên hệ tới phạm trù văn hóa mà liên hệ tới sứ điệp mạc khải mà nó chuyên chở. Như Thánh Gioan Phaolô II đã khôn ngoan nhận xét: “lòng yêu thương loại trừ mọi thứ khuất phục qua đó, người vợ liệu mình trở thành đầy tớ hay nô lệ của chồng... Cộng đồng hay sự hợp nhất mà họ nên thiết lập bằng hôn nhân được tạo lập bởi việc hiến thân cho nhau, cũng là việc tùng phục nhau” (162). Do đó, Thánh Phaolô nói tiếp rằng “các người chồng phải yêu thương vợ mình như chính thân thể mình” (Ep 5:28). Bản văn thánh kinh thực sự lưu ý tới việc khuyến khích mọi người khắc phục chủ nghĩa duy cá nhân tự mãn và không ngừng biết quan tâm tới người khác: “hãy tùng phục nhau” (Ep 5:21). Trong hôn nhân, việc ‘tùng phục’ hỗ tương này

mang một ý nghĩa đặc biệt, và được coi như một việc tự ý quyết định thuộc về nhau, có đặc điểm trung thành, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau. Tính dục luôn gắn chặt với việc phục vụ tình bạn phu thê này vì nó nhằm giúp người khác nên trọn vẹn.

157. Cũng thế, việc bác bỏ các lệch lạc về tính dục và sự gọi dục không bao giờ được dẫn ta tới chỗ hạ giá hay lãng quên tính dục và sự gọi dục ngay trong chúng. Không thể quan niệm lý tưởng hôn nhân hoàn toàn như một việc hiến thân và hy sinh quảng đại, trong đó mỗi người phối ngẫu phải từ khước mọi nhu cầu bản thân và chỉ đi tìm thiện ích của người kia, không hề quan tâm tới việc thỏa mãn bản thân. Ta cần nhớ rằng lòng yêu thương chân chính cũng cần có khả năng tiếp nhận người khác, chấp nhận chỗ yếu và các nhu cầu của chính mình, và, với lòng biết ơn thành thực và hân hoan, chào đón các biểu thức thể lý của lòng yêu thương trong việc vuốt ve, ôm hôn và kết hợp tính dục. Đức Bênêđictô XVI tuyên bố về điều này rất rõ ràng: “Khi người đàn ông mong trở thành thuần thần và bác bỏ xác thịt như chỉ thuộc về bản chất thú vật của anh ta mà thôi, thì cả tinh thần lẫn thân xác anh ta đều mất hết phẩm giá của chúng” (163). Vì lý do này, “người đàn ông không thể sống nguyên bằng một lòng yêu thương dâng hiến, đi xuống mà thôi. Họ không thể cho đi mãi, họ cũng phải tiếp nhận. Bất cứ ai muốn trao ban tình yêu thì cũng phải tiếp nhận tình yêu như một ơn phúc” (164). Ta cũng không bao giờ quên rằng sự thăng bằng nhân bản của ta có tính mong manh; một phần trong ta luôn chống đối sự tăng trưởng nhân bản thực sự, và bất cứ lúc nào, cái phần này cũng có thể cho xô lòng nhiều khuynh hướng ban sơ (primitive) và ích kỷ nhất.

Hôn nhân và trinh khiết

158. “Nhiều người không kết hôn không những tận hiến cho gia đình riêng của họ mà thường còn phục vụ lớn lao trong các nhóm thân hữu, trong cộng đồng Giáo Hội và trong sinh hoạt nghề nghiệp của họ. Đôi khi, sự hiện diện và các đóng góp của họ bị coi thường, đem lại cho họ cả một cảm thức cô lập. Nhiều người đem tài năng của họ phục vụ cộng đồng Kitô Giáo qua các công việc bác ái và thiện nguyện. Nhiều người khác ở độc thân vì hiến đời mình để yêu thương Chúa Kitô và người lân cận. Sự tận tụy của họ đã làm gia đình, Giáo Hội và xã hội được phong phú lớn lao” (165).

159. Trinh khiết là một hình thức yêu thương. Như một dấu chỉ, nó nói với ta về việc xuất hiện của Nước Trời và nhu cầu phải tận hiến vì chính nghĩa Tin Mừng (xem 1Cr 7:32). Nó cũng phản ánh sự viên mãn của Nước Trời, nơi “người ta không lấy vợ lấy chồng nữa” (Mt 22:30). Thánh Phaolô khuyên nên sống trinh khiết vì ngài mong chờ Chúa Giêsu trở lại nay mai và muốn mọi người chỉ nên chú tâm vào việc truyền bá Tin Mừng: “thời gian chẳng còn bao nhiêu” (1Cr 7:29). Tuy thế, ngài minh xác đây chỉ là ý kiến và ý thích riêng của ngài mà thôi (xem 1Cr 7:6-9), chứ không phải là điều Chúa Kitô đòi hỏi: “tôi không có chỉ thị nào của Chúa” (1Cr 7:25). Cũng vậy, ngài nhìn nhận giá trị của các ơn gọi khác nhau: “Mỗi người có đặc sủng riêng của họ do Thiên Chúa ban, kẻ thế này, người thế khác” (1Cr 7:7). Suy nghĩ về điều này, Thánh Gioan Phaolô II nhận định rằng các bản văn Thánh Kinh “không cho ta bất cứ lý do gì để quả quyết ‘sự thấp kém’ của hôn nhân hay ‘sự trỗi vượt’ của trinh khiết hay độc thân.” (166) dựa vào việc tiết dục. Thay vì nói một cách tuyệt đối về sự trỗi vượt của trinh khiết, ta chỉ cần nhấn mạnh rằng các bậc sống khác nhau bổ túc cho nhau, và do đó, một số người có thể hoàn thiện hơn ở một bậc, trong khi nhiều người khác lại hoàn thiện hơn ở một bậc khác. Alexander thành Hales, chẳng hạn, tuyên bố rằng theo một nghĩa nào đó, hôn nhân có thể được coi là trỗi vượt hơn các bí tích khác, khi nó tượng

trung cho thực tại vĩ đại “Chúa Kitô kết hợp với Giáo Hội hay bản tính Thiên Chúa của Người kết hợp với bản tính nhân loại của Người” (167).

160. Thành thử, “không có vấn đề phải giảm giá trị của hôn nhân để đề cao đức tiết dục” (168). “Đặt điều này chống lại điều nọ là điều không hề có căn bản nào cả... Nếu, theo một truyền thống thần học nào đó, ta nói tới ‘bậc sống hoàn thiện’ (status perfectionis), thì điều này liên quan không phải tới chính đức tiết dục, mà tới toàn bộ cuộc sống đặt căn bản trên các lời khuyên Tin Mừng” (169). Người kết hôn có thể cảm nghiệm được mức độ đức ái cao nhất và nhờ đó, “vươn tới sự hoàn thiện vốn phát sinh từ đức ái, nhờ lòng trung thành với tinh thần của các lời khuyên này. Sự hoàn thiện như thế là điều có thể có và mọi người đàn ông và đàn bà đều có thể vươn tới” (170).

161. Giá trị của đức trinh khiết hệ ở việc nó tượng trưng cho một lòng yêu thương không cần chiếm hữu người khác; bằng cách này, nó phản ánh sự tự do của Nước Trời. Đức trinh khiết khuyến khích các cặp vợ chồng sống lòng yêu thương phụ phụ của họ trước tấm phong yêu thương dứt khoát của Chúa Kitô, cùng nhau đồng hành hướng về sự viên mãn của Nước Trời. Về phần nó, lòng yêu thương vợ chồng tượng trưng cho nhiều giá trị khác. Một đằng, nó đặc biệt phản ánh sự kết hợp trọn vẹn trong đa dạng tìm thấy nơi Ba Ngôi. Gia đình cũng là dấu chỉ Chúa Kitô. Nó biểu hiện sự gần gũi của Thiên Chúa, Đáng vốn là một phần của mọi sự sống nhân bản, vì Người đã nên một với chúng ta qua việc nhập thể, qua cái chết và sự phục sinh của Người. Mỗi người phối ngẫu trở nên “một thân xác” với người kia như dấu chỉ sẵn sàng chia sẻ mọi sự với họ cho tới chết. Trong khi đức trinh khiết là dấu chỉ “cánh chung” của Chúa Kitô sống lại, thì hôn nhân là dấu chỉ “lịch sử” cho chúng ta đang sống trên thế gian, một dấu chỉ của Chúa Kitô trần thế, Đáng đã quyết định trở nên một với chúng ta và hiến mình cho chúng ta đến đổ cả máu Người ra. Trinh khiết và hôn nhân là, và phải là, những cách yêu thương khác nhau. Vì “con người không thể sống nếu không có lòng yêu thương. Họ mãi là một hữu thể mà chính họ không tài nào hiểu nổi, đòi họ cứ mãi vô nghĩa, nếu họ không được mạc khải về lòng yêu thương” (171).

162. Sống độc thân có thể có nguy cơ trở nên cuộc sống thoải mái một mình, đem lại tự do độc lập, di chuyển từ chỗ ở này, việc làm này hay chọn lựa này tới chọn lựa khác, tiêu tiền theo ý muốn và dành thì giờ với ai tùy thích. Trong những trường hợp như thế, chứng tá của các cặp vợ chồng trở nên hùng hồn một cách đặc biệt. Những người được kêu gọi sống trinh khiết có thể tìm thấy nơi một số cuộc hôn nhân một dấu chỉ rõ ràng lòng trung tín đầy quảng đại và bền bỉ của Thiên Chúa đối với giao ước của Người, và điều này khuyến khích họ sẵn sàng có đó cho người khác một cách cụ thể và quảng đại hơn. Nhiều cặp vợ chồng vẫn sống trung thành khi một trong hai người không còn quyến rũ nữa về thể lý hay không thể thỏa mãn các nhu cầu của người kia, bất chấp nhiều giọng nói trong xã hội đang khích lệ họ bất trung hay lìa bỏ nhau. Một bà vợ có thể chăm sóc người chồng bệnh hoạn của mình và nhờ thế, nhờ xích lại gần Thập Giá hơn, bà đòi mới cam kết yêu thương cho đến chết của mình. Trong một tình yêu như thế, phẩm giá của người yêu đích thực sáng rực lên, vì điều thích đáng hơn đối với đức ái quả là yêu hơn là được yêu (172). Trong nhiều gia đình, ta cũng có thể lưu ý tới sự hiện diện của một khả năng phục vụ quên mình và đầy yêu thương khi con cái tỏ ra gây rối và thậm chí tỏ ra vô ơn. Điều này khiến các cha mẹ đó trở thành dấu chỉ tình yêu tự ý và quên mình của Chúa Giêsu. Những trường hợp như thế khuyến khích các người độc thân sống cam kết đối với Nước Trời của họ một cách quảng đại và rộng lòng hơn. Ngày nay, hiện tượng thể tục hóa đã che khuất giá trị của việc kết hợp suốt đời và vẻ đẹp của ơn gọi hôn nhân. Vì lý do này, “điều cần là phải thâm hậu hóa việc hiểu biết các khía cạnh tích cực của tình yêu vợ chồng” (173).

Sự biến đổi của lòng yêu thương

163. Hiện nay, quãng đời dài hơn có nghĩa: các mối liên hệ gần gũi và độc chiếm hẳn sẽ kéo dài cả bốn, năm hay thậm chí sáu thập niên; thành thử, quyết định lúc ban đầu cần được thường xuyên canh tân. Dù một trong hai người phối ngẫu không còn cảm nghiệm được một thềm muốn tính dục mạnh mẽ nào nữa đối với người kia, nhưng họ vẫn thấy khoan khoái được thuộc về nhau, được biết rằng cả hai người họ đều không cô đơn nhưng vẫn có “người chung phần” (partner) mà với người này họ có thể chia sẻ mọi sự ở trong đời. Họ là người cùng đi trên hành trình cuộc sống, một người để cùng đương đầu với các khó khăn của cuộc sống và vui hưởng các khoan khoái của nó. Sự thỏa mãn này là một phần của tình âu yếm vốn là của riêng tình yêu vợ chồng. Không hề có bảo đảm là chúng ta sẽ cảm nhận như nhau suốt cả đời. Thế nhưng, nếu một cặp vợ chồng có thể cùng có với nhau một kế hoạch sống chung lâu dài, họ có thể yêu thương nhau và sống với nhau như một cho tới lúc cái chết chia rẽ họ, luôn hưởng được một sự thân mật phong phú hóa. Lòng yêu thương mà họ đoan hứa lớn hơn bất cứ xúc cảm, tâm tư hay tâm thức nào, dù nó có thể bao gồm tất cả những điều này. Nó là một lòng yêu thương sâu sắc hơn, một quyết định suốt đời của trái tim. Ngay giữa các tranh chấp chưa giải quyết và các tình huống xúc cảm lẫn lộn, hàng ngày họ vẫn tái khẳng định quyết định yêu thương, thuộc về nhau, chia sẻ cuộc sống chung và tiếp tục yêu thương và tha thứ của họ. Mỗi người tiến theo con đường lớn mạnh và phát triển bản thân. Trên hành trình này, lòng yêu thương hân hoan trong mọi bước

164. Trong cuộc sống của mọi cuộc hôn nhân, các hình dạng thể lý sẽ thay đổi, nhưng điều này không có nghĩa là lòng yêu thương và sự lôi cuốn sẽ phai mờ. Chúng ta yêu người khác vì con người của họ, chứ không phải chỉ là thân xác của họ. Dù thân xác có già đi, nó vẫn nói lên điều này: chính bản sắc bản thân đã chiếm hữu được trái tim ta. Cho dù những người khác không còn nhìn thấy vẻ đẹp của bản sắc đó, người phối ngẫu vẫn tiếp tục thấy nó bằng đôi mắt yêu thương và do đó, lòng âu yếm của họ không hề suy giảm. Họ tái khẳng định quyết định thuộc về người kia và phát biểu quyết định ấy trong một sự gần gũi trung thành và đầy yêu thương. Tính cao thượng của quyết định này, do cường độ và độ sâu của nó, phát sinh ra cả một thứ xúc cảm mới khi họ chu toàn sứ mệnh vợ chồng của họ. Vì “xúc cảm, được tạo ra bởi một hữu thể nhân bản khác trong tư cách một ngôi vị... tự nó hướng về hành vi vợ chồng” (174). Nó sẽ tìm ra các cách phát biểu mới mẻ khác. Thực thể, lòng yêu thương “là thực tại đơn nhất, nhưng với nhiều chiều kích đa dạng; ở những thời điểm khác nhau, chiều kích này hay chiều kích nọ sẽ trỗi lên một cách rõ ràng hơn” (175). Dây hôn phối tìm được các hình thức phát biểu mới và không ngừng đi tìm những cách mới mẻ để lớn lên mạnh mẽ. Cả hai điều này sẽ duy trì và củng cố sợi dây ấy. Chúng đòi một cố gắng hàng ngày. Tuy nhiên, tất cả đều bất khả nếu không có việc cầu nguyện để Chúa Thánh Thần đổ tràn ơn thánh của Người, sức mạnh siêu nhiên của Người và ngọn lửa siêu nhiên của Người, để củng cố, hướng dẫn và biến đổi lòng yêu thương của chúng ta trong mọi hoàn cảnh mới.

Chương V: Lòng yêu thương sinh hoa trái

165. Lòng yêu thương luôn đem lại sự sống. Lòng yêu thương phu thê “không chấm dứt với cặp vợ chồng... Khi hiến thân cho nhau, cặp vợ chồng không trao ban cho nhau mà thôi mà còn trao ban thực tại con cái nữa, vốn phản ánh một cách sống động lòng yêu thương của họ, một dấu chỉ

vĩnh viễn sự hợp nhất phu thê của họ và là một tổng hợp sinh động và bất khả phân tư cách làm cha làm mẹ của họ” (176).

Chào đón sự sống mới

166. Gia đình là khung cảnh trong đó sự sống mới không những được sinh ra mà còn được chào đón như một ơn phúc của Thiên Chúa. Mỗi sự sống mới “đều giúp chúng ta biết đánh giá chiều kích hoàn toàn nhưng không của lòng yêu thương, điều không lúc nào không làm chúng ta thần phục. Đó chính là vẻ đẹp của việc được thương yêu trước: con cái được yêu thương trước cả khi ra đời” (177). Ở đây, ta thấy có sự phản ánh tính ưu vị (primacy) của tình yêu Thiên Chúa, Đấng luôn đưa ra sáng kiến, vì con cái “được yêu thương trước khi làm bất cứ điều gì để đáng được như thế” (178). Ấy thế nhưng, “từ những giây phút đầu tiên trong đời chúng, nhiều trẻ em đã không được chấp nhận, bị bỏ rơi và bị tước hết tuổi thơ và tương lai. Như để tự biện minh, có những người dám nói rằng đưa những đứa trẻ này vào đời là một sai lầm. Họ thực đáng xấu hổ!... Làm thế nào ta có thể long trọng tuyên bố về nhân quyền và quyền trẻ em nếu sau đó ta trừng phạt trẻ em vì các sai lầm của người lớn?” (179). Nếu một đứa trẻ ra đời trong những hoàn cảnh không mong muốn, thì cha mẹ và các thành viên khác của gia đình phải làm mọi sự có thể để nhận đứa trẻ này như một ơn phúc của Thiên Chúa và nhận trách nhiệm chấp nhận em với sự cởi mở và lòng âu yếm. Vì “khi nói tới các trẻ em sinh ra đời, không hy sinh nào của người lớn được coi là quá đắt hay quá lớn, nếu có nghĩa em không bao giờ phải cảm nhận mình là một sai lầm hay vô giá trị hoặc bị bỏ bê cho gió sương và sự ngạo mạn của con người” (180). Ơn phúc đứa con mới, được Thiên Chúa ủy thác cho một người cha và một người mẹ, bắt đầu với việc chấp nhận, tiếp diễn với việc che chở suốt đời và có niềm vui cuộc sống vĩnh cửu làm mục tiêu cuối cùng. Thanh thần chiêm niệm sự thành toàn tối hậu của mỗi con người nhân bản, các cha mẹ càng ý thức được ơn phúc quý giá đã ủy thác cho họ. Vì Thiên Chúa cho phép các cha mẹ chọn tên để Người dùng gọi con họ vào cõi vĩnh hằng (181).

167. Các gia đình lớn là một niềm vui cho Giáo Hội. Họ nói lên tính sinh hoa trái của lòng yêu thương. Đồng thời, Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II rất đúng khi giải thích rằng làm cha mẹ có trách nhiệm không có nghĩa “sinh đẻ vô giới hạn hay không ý thức những điều có liên hệ với việc dưỡng dục con cái, nhưng đúng hơn là giúp các cặp vợ chồng có khả năng sử dụng sự tự do bất khả xâm phạm của họ một cách khôn ngoan và có trách nhiệm, có tính đến các thực tại xã hội và dân số, cũng như hoàn cảnh riêng và các nguyện vọng chính đáng của họ” (182).

Lòng yêu thương và việc thai nghén

168. Thai nghén là một thời gian khó khăn nhưng kỳ diệu. Người mẹ hợp tác với Thiên Chúa để sản sinh phép lạ sự sống mới. Làm mẹ là hoa trái của “một tiềm năng sáng tạo đặc thù của thân xác phụ nữ, được điều hướng cho việc thụ thai và sinh hạ một con người nhân bản mới” (183). Mỗi người đàn bà đều được dự phần vào “mầu nhiệm sáng tạo được đổi mới với mỗi lần sinh hạ” (184). Thánh vịnh gia viết rằng: “Ngài đặt nên con trong lòng mẹ con” (Tv 139:13). Mọi đứa trẻ lớn lên trong lòng mẹ đều là một phần trong kế hoạch yêu thương đời đời của Chúa Cha: “trước khi tạo hình con trong dạ mẹ, Ta đã biết con, và trước khi con sinh ra, Ta đã thánh hiến con” (Gr 1:5). Mỗi đứa con đều có một chỗ đặc biệt trong trái tim Thiên Chúa từ thuở đời đời; khi em được thụ thai, giấc mơ đời đời của Thiên Chúa thành sự thực. Ta hãy dừng lại để nghĩ tới giá trị lớn lao

của bào thai từ lúc được thụ thai. Ta cần nhìn em bằng đôi mắt của Thiên Chúa, Đấng luôn nhìn quá bên kia các vẻ bề ngoài.

169. Người đàn bà mang thai có thể tham dự vào kế hoạch của Thiên Chúa bằng cách mơ tưởng tới đứa con của mình. “Suốt chín tháng, mọi người mẹ và người cha đều mơ tưởng tới đứa con của họ... Bạn không thể có một gia đình mà lại không có những giấc mơ. Gia đình nào đánh mất khả năng mơ, thì con cái họ không lớn lên, lòng yêu thương không lớn mạnh, sự sống quắt lại và chết” (185). Đối với một cặp vợ chồng Kitô hữu, phép rửa nhất thiết phải là một phần của giấc mơ này. Với lời cầu nguyện của họ, các cha mẹ sẽ chuẩn bị cho phép rửa, phó thác con thơ của mình cho Chúa Giêsu ngay cả trước khi em ra đời.

170. Ngày nay, các tiến bộ khoa học giúp ta biết trước màu tóc của đứa con, căn bệnh có thể một ngày kia đứa con sẽ mắc phải, vì mọi đặc điểm của thân xác một con người đã được viết trong mã di truyền ngay ở giai đoạn bào thai. Ấy thế nhưng chỉ có Chúa Cha, Đấng Tạo Dựng, mới biết đứa con cách trọn vẹn; chỉ một mình Người biết bản sắc và giá trị sâu kín nhất của nó. Các bà mẹ đang mang thai cần cầu xin Thiên Chúa ban cho mình sự khôn ngoan để hiểu biết con cái mình một cách trọn vẹn và chấp nhận chúng trong con người thực của chúng. Một số cha mẹ cảm thấy đứa con của họ không đến đúng lúc tốt nhất. Họ nên cầu xin Chúa chữa lành và tăng sức để họ chấp nhận đứa con của họ một cách trọn vẹn và hết tâm trí. Điều quan trọng đối với đứa con là cảm nhận mình được ước muốn. Nó không phải là một đồ phụ tùng hay một giải pháp giải quyết một nhu cầu bản thân nào đó. Đứa con là một hữu thể nhân bản có giá trị vô song và không bao giờ có thể bị sử dụng cho một lợi ích riêng nào của người ta. Thành thử sự sống mới này có thuận lợi cho anh chị em hay không, nó có những đặc điểm làm anh chị em vui lòng hay không, hay nó có thuận theo các kế hoạch và hoài mong của anh chị em hay không, điều này ít quan trọng. Vì “con cái luôn là một ơn phúc. Mỗi đứa con đều độc đáo và không thể thay thế... Ta yêu con cái ta vì chúng là con cái ta, không phải vì chúng đẹp đẽ, hay trông giống hoặc suy nghĩ như ta, hay hiện thân các giấc mơ của ta. Ta yêu chúng vì chúng là con cái ta. Đứa con là đứa con” (186). Lòng yêu thương của cha mẹ là phương thế Chúa Cha dùng để biểu lộ lòng yêu thương của chính Người. Người mong chờ sự sinh hạ của mỗi đứa con, chấp nhận đứa con này một cách vô điều kiện và đón chào em một cách hoàn toàn tự do.

171. Với một lòng âu yếm lớn lao, tôi thúc giục mọi bà mẹ tương lai: hãy luôn hạnh phúc và đừng để bất cứ điều gì tước mất của các con niềm vui sướng nội tâm được làm mẹ. Đứa con của các con xứng đáng để các con được hạnh phúc. Đừng để các sợ sệt, lo lắng của các con, cũng như lời bình phẩm hay các câu hỏi của người khác làm giảm niềm vui của các con được làm phương thế để Thiên Chúa đem một sự sống mới vào thế gian. Hãy chuẩn bị để đứa con của các con ra đời, nhưng đừng bị ám ảnh, hãy cùng Đức Mẹ hát lên bài ca hân hoan: “Linh hồn con ca tụng sự cao cả của Chúa và thần trí con hớn hờ trong Thiên Chúa, Đấng cứu độ con, vì Người đã đoái nhìn phận hèn của tôi tớ Người” (Lc 1:46-48). Hãy cố gắng cảm nhận sự hứng khởi thanh thần này giữa mọi ưu tư của các con, và hãy xin Chúa gìn giữ niềm vui của các con, để các con có thể chuyển niềm vui này cho đứa con của các con.

Lòng yêu thương của người mẹ và người cha

172. “Con cái, vừa sinh ra, song song với việc nuôi dưỡng và săn sóc, đã bắt đầu nhận lãnh ơn phúc thiêng liêng để biết chắc chắn mình được yêu thương. Lòng yêu thương này được biểu lộ cho

các em qua việc ban cho một tên riêng, một ngôn ngữ chung, những cái nhìn yêu thương và nét tươi thắm của nụ cười. Nhờ cách này, các em học biết được rằng vẻ đẹp trong các mối liên hệ nhân bản đứng tới linh hồn ta, mưu cầu tự do cho ta, chấp nhận sự dị biệt nơi người khác, thừa nhận và tôn trọng họ như người đồng đối thoại... Đó chính là lòng yêu thương, và nó chứa tia lửa yêu thương của Thiên Chúa!” (187). Mỗi đứa con đều có quyền nhận được lòng yêu thương của một người mẹ và một người cha; cả hai người đều cần thiết đối với sự phát triển toàn diện và hoà hợp của đứa con. Như các giám mục Úc Châu đã nhận xét, mỗi người phối ngẫu “góp phần một cách khác biệt vào việc dưỡng dục đứa con. Tôn trọng phẩm giá đứa con có nghĩa phải xác nhận nhu cầu của nó và quyền tự nhiên của nó được có một người mẹ và một người cha” (188). Chúng ta đang nói không những đến lòng yêu thương của người cha và người mẹ như những cá nhân, mà còn đến cả lòng yêu thương hỗ tương của họ nữa, được nhận rõ như nguồn sự sống của người ta và là nền tảng vững chắc của gia đình. Không có lòng yêu thương này, đứa con chỉ có thể trở thành một đồ chơi nguyên vẹn. Chồng và vợ, cha và mẹ, cả hai phải “hợp tác với lòng yêu thương của Thiên Chúa Hóa Công, và là các giải thích viên của Người, theo một nghĩa nào đó” (189). Họ biểu lộ với con cái gương mặt mẫu thân và phụ thân của Chúa. Cùng với nhau, họ dạy dỗ giá trị của tính hỗ tương, của sự tôn trọng các dị biệt và của khả năng cho và nhận. Nếu vì một lý do bất khả kháng, mà thiếu cha hoặc mẹ, thì điều quan trọng là phải bù trừ sự mất mát này, để đứa con phát triển cách lành mạnh cho tới lúc trưởng thành.

173. Ngày nay, cảm thức bị mô côi, hiện đang ảnh hưởng tới nhiều trẻ em và thiếu niên, thực ra sâu xa hơn ta nghĩ. Hiện nay, chúng ta đã thừa nhận là hợp pháp và là điều thực sự đáng ước mong việc phụ nữ muốn được học hành, làm việc, phát triển các kỹ năng của họ và có các mục tiêu riêng. Đồng thời, ta cũng không thể không biết tới việc con cái cần sự hiện diện của người mẹ, nhất là trong các năm tháng đầu đời. Thực vậy, “người đàn bà đứng trước người đàn ông trong tư cách người mẹ, chủ thể sự sống nhân bản mới đã được thụ thai và đang phát triển trong họ, và từ họ, được sinh hạ vào thế gian” (190). Việc làm cho sự hiện diện mẫu thân với các phẩm chất nữ tính này ra suy yếu đang đặt ra một nguy cơ trầm trọng cho thế giới. Tôi chắc chắn quý trọng phong trào nữ quyền, nhưng là một nữ quyền không đòi tính độc dạng hay bác bỏ chức phận làm mẹ. Vì sự cao cả của phụ nữ bao gồm mọi thứ quyền phát xuất từ nhân phẩm bất khả nhượng của họ nhưng cũng bao gồm nét thiên tài nữ tính của họ nữa, một nét thiên tài hết sức chủ yếu đối với xã hội. Các khả năng nữ tính chuyên biệt của họ, nhất là khả năng làm mẹ, cũng đem lại nhiều bổn phận, vì chức phận làm phụ nữ bao hàm một sứ mệnh đặc biệt trong thế giới, một sứ mệnh mà xã hội phải bảo vệ và duy trì vì lợi ích mọi người (191).

174. “Các bà mẹ là đối cực mạnh mẽ nhất chống lại việc lan tràn thứ chủ nghĩa duy cá nhân chỉ biết có mình... Chính họ chứng thực cho vẻ đẹp của sự sống” (192). Chắc chắn, “xã hội nào không có các bà mẹ đều sẽ bị phi nhân hóa, vì các bà mẹ luôn luôn là chứng nhân của lòng âu yếm, tận tụy và sức mạnh tinh thần, ngay trong các thời khắc tồi tệ nhất. Các bà mẹ thường thông truyền ý nghĩa sâu sắc nhất của việc thực hành tôn giáo trong các lời cầu nguyện và hành vi sùng kính đầu tiên mà con cái họ học được... Không có các bà mẹ, không những không có các tín hữu mới, mà chính đức tin cũng sẽ mất cái phần tốt đẹp là sự ấm áp đơn sơ và sâu sắc của nó... Hỡi các bà mẹ thân yêu: Xin cảm ơn các bà! Xin cảm ơn các bà về con người của các bà trong gia đình và về những gì các bà hiến tặng Giáo Hội và thế giới” (193).

175. Người mẹ nào chăm sóc đứa con của mình một cách âu yếm và cảm thương sẽ giúp nó lớn lên đầy tin tưởng và cảm nghiệm được rằng thế giới quả là nơi tốt đẹp và đầy chào đón. Điều này

giúp đưa con lớn lên trong tự trọng và, ngược lại, khai triển được khả năng biết nhận ra các giới hạn của đời sống, biết cởi mở trước các thách đố của thế giới rộng lớn, và biết nhìn thấy việc phải chăm chỉ làm việc và hăng hái cố gắng. Người cha nào có được một căn tính nam giới rõ ràng và thanh thân, biết biểu lộ âu yếm và quan tâm đối với vợ, cũng là người cần thiết như người mẹ biết chăm nom. Có thể có một sự linh động nào đó trong các vai trò và trách nhiệm, tùy hoàn cảnh cụ thể của mỗi gia đình. Nhưng sự hiện diện rõ ràng và được xác định đáng hoàng của cả hai nhân vật nam và nữ này tạo nên môi trường trường thích đáng nhất cho việc phát triển của đứa con.

176. Ta thường nghe nói rằng xã hội của ta là “một xã hội không có các người cha”. Trong nền văn hóa Tây Phương, người ta cho rằng gương mặt người cha đang vắng bóng, mất hút hay mất dạng một cách đầy biểu tượng. Chính đàn ông tính cũng đang bị nghi vấn. Kết quả là một sự mơ hồ có thể hiểu được. “Thoạt đầu, điều này được nhận thức như một cuộc giải thoát: giải thoát khỏi người cha như một bạo chúa, khỏi người cha như một đại diện của luật lệ áp đặt từ bên ngoài, khỏi người cha như một quan tòa phân xử hạnh phúc của con cái và như một trở lực đối với việc giải phóng và quyền tự lập của giới trẻ. Trong một số gia hộ, chủ nghĩa độc đoán có thời đã thống trị và đôi lúc còn áp chế nữa” (194). Ấy thế nhưng, “như thường xảy ra, người ta từ cực đoan này bước sang cực đoan nọ. Ngày nay, vấn đề xem ra không còn phải là sự hiện diện độc đoán của người cha nữa cho bằng sự vắng mặt của họ, sự không có đó của họ. Các người cha thường tập chú vào chính họ hay công việc của họ, và đôi lúc, vào việc thành tựu bản thân của họ đến nỗi lãng quên cả gia đình. Họ để mặc trẻ thơ và người trẻ tự lo liệu lấy” (195). Sự hiện diện của người cha, và do đó, uy quyền của ông, cũng chịu tác động của lượng thời gian dành cho truyền thông và các phương tiện giải trí trên truyền thông. Ngày nay, uy quyền thường bị coi là đáng ngờ vực và người lớn thường bị đối xử cách hỗn xược. Chính người lớn cũng trở nên không chắc chắn và do đó, không cung cấp cho con cái họ các hướng dẫn chắc chắn và vững vàng. Việc lật ngược các vai trò của cha mẹ và con cái là điều không lành mạnh, vì nó ngăn cản diễn trình phát triển thích đáng mà con cái cần được cảm nhận, và nó tước mất của chúng lòng yêu thương và sự hướng dẫn cần thiết để trưởng thành” (196).

177. Thiên Chúa đặt người cha trong gia đình để nhờ các ơn phúc nam tính của mình, ông có thể “gần gũi vợ ông và chia sẻ mọi sự, cả vui lẫn buồn, hy vọng lẫn gian nan. Và để gần gũi con cái khi chúng lớn lên, khi chúng chơi đùa và khi chúng làm việc, khi chúng vô tư và khi chúng đau buồn, khi chúng liến thoắng và khi chúng im lặng, khi chúng dạn dĩ và khi chúng sợ sệt, khi chúng lầm lữ và khi chúng trở về chính lộ. Để làm một người cha luôn có mặt. Khi nói ‘có mặt’ tôi không có ý nói ‘kiểm soát’. Những người cha quá kiểm soát sẽ làm lu mờ con cái mình, không để chúng phát triển” (197). Một số người cha cảm thấy mình vô dụng hay không cần thiết, nhưng sự thật vẫn là “con cái cần nhìn thấy một người cha chờ đợi chúng khi chúng về nhà với những vấn đề của chúng. Có thể chúng không muốn nhìn nhận việc này, không muốn biểu lộ nó ra, nhưng chúng cần nó” (198). Điều không tốt chút nào là con cái thiếu một người cha và phải lớn lên trước khi chúng sẵn sàng.

Tính sinh hoa trái mở rộng

178. Một số cặp vợ chồng không thể có con. Ta biết rằng đây là nguyên nhân gây đau khổ thực sự cho họ. Đồng thời, ta cũng biết rằng “hôn nhân không được thiết lập chỉ để sinh con cái... Ngay trong các trường hợp, bất chấp ước muốn nồng cháy của cặp vợ chồng, họ cũng không có con, thì hôn nhân vẫn giữ được đặc điểm của nó như một cộng đoàn và hiệp thông sự sống trọn vẹn, và

vẫn duy trì được giá trị và tính bất khả tiêu của nó” (199). Cũng thế, “chức phận làm mẹ không phải chỉ là một thực tại sinh học, nhưng được phát biểu nhiều cách khác nhau” (200).

179. Nhận con nuôi là cách rất quảng đại để trở thành cha mẹ. Tôi khuyến khích những người không thể có con hãy mở rộng tình yêu phụ phụ của họ để bảo bọc những ai thiếu một hoàn cảnh gia đình thích đáng. Họ sẽ không ân hận vì đã quảng đại. Nhận một đứa trẻ làm con nuôi là một hành vi yêu thương, hiến tặng ơn phúc gia đình cho một người không có ơn phúc này. Điều quan trọng cần nhấn mạnh là: luật pháp nên làm dễ dàng cho diễn trình nhận con nuôi, nhất là trong trường hợp đứa trẻ bị hắt hủi, để ngăn ngừa em bị phá thai hay bị bỏ rơi. Những người chấp nhận thách đố nhận con nuôi và chấp nhận một ai đó một cách vô điều kiện và nhưng không quả đã trở nên máng chuyển tình yêu của Thiên Chúa. Vì Người từng phán, “Ngay cả khi mẹ con quên con, ta cũng sẽ không quên con” (Is 49:15).

180. “Quyết định nhận con nuôi và chăm sóc nuôi dưỡng (foster) nói lên một thứ tính sinh hoa trái đặc thù trong kinh nghiệm hôn nhân, và không những trong trường hợp hiếm muộn mà thôi. Đối diện với các hoàn cảnh trong đó, đứa trẻ được ước muốn bằng bất cứ giá nào, như một quyền lợi được tự thể hiện chính mình, việc nhận con nuôi hay nhận nuôi dưỡng, nếu hiểu cho đúng, cũng biểu hiện một khía cạnh quan trọng của việc làm cha mẹ dưỡng dục con cái. Những việc này giúp người ta ý thức được rằng con cái, bất kể là con tự nhiên, con nuôi hay được nhận để nuôi dưỡng, tự quyền của chúng, đều là những nhân vị cần được chấp nhận, yêu thương và săn sóc, chứ không phải chỉ được đem vào đời này. Các quyền lợi tốt nhất của đứa trẻ luôn phải nằm bên dưới bất cứ quyết định nhận con nuôi hay nhận nuôi dưỡng nào” (201). Mặt khác, “việc buôn bán trẻ em giữa các quốc gia và lục địa cần phải được ngăn cản bằng hành động luật pháp và kiểm soát thích đáng của nhà nước” (202).

181. Ta cũng nên nhớ rằng sinh sản và nhận con nuôi không phải là những cách duy nhất để cảm nghiệm tính sinh hoa trái của lòng yêu thương. Ngay các gia đình lớn cũng được kêu gọi in dấu của họ lên xã hội, bằng cách tìm ra các cách phát biểu khác cho tính sinh hoa trái nhằm nối dài cách nào đó lòng yêu thương vốn nâng đỡ họ. Các gia đình Kitô hữu không bao giờ nên quên rằng “đức tin không tách chúng ta ra khỏi thế giới này, nhưng kéo chúng ta vào nó cách sâu xa hơn... Thực thể, mỗi người chúng ta có một vai trò đặc biệt trong việc chuẩn bị cho Nước Chúa ngự đến trong thế giới của chúng ta” (203). Các gia đình không nên coi mình như là nơi trú ẩn khỏi xã hội, nhưng thay vào đó, nên ra khỏi tổ ấm của mình trong một tinh thần liên đới với người khác. Nhờ cách này, họ trở thành một trung tâm để hội nhập người ta vào xã hội và là điểm tiếp xúc giữa các lãnh vực công và tư. Các cặp vợ chồng nên ý thức rõ ràng các nghĩa vụ xã hội của họ. Với ý thức này, lòng âu yếm của họ không giảm đi mà được tràn ngập ánh sáng mới. Như nhà thi sĩ từng ngâm nga:

*“Tay em là môn trôn của anh, sự hòa điệu đồ đầy năm tháng anh. Anh yêu em vì tay em làm việc cho công lý.
Anh yêu em, vì em là tình yêu của anh, bạn đồng hành và tất cả của anh, và trên phố phường, sát cánh bên nhau,
Ta không chỉ là hai”* (204).

182. Không gia đình nào có thể sinh hoa trái nếu họ tự coi họ như hoàn toàn khác biệt hoặc “được để riêng ra”. Để tránh nguy cơ này, ta nên nhớ rằng gia đình riêng của Chúa Giêsu, tràn đầy ơn

thánh và khôn ngoan là thế, nhưng không tỏ ra là bất thường hay khác biệt với các gia đình khác. Đó là lý do tại sao người ta thấy khó thừa nhận sự khôn ngoan của Chúa Giêsu: “Người này từ đâu mà có được mọi sự như thế này? Ông ta há không phải là tay thợ mộc, con trai bà Maria đó sao?” (Mc 6:2-3). “Người này há không phải là con trai bác thợ mộc đó sao?” (Mt 13:55). Các câu hỏi này chứng tỏ rõ ràng rằng gia đình của các ngài là một gia đình bình thường, gần gũi với các gia đình khác, một thành phần bình thường của cộng đồng. Chúa Giêsu không lớn lên trong một môi trường liên hệ chật hẹp và ngột ngạt với Đức Mẹ và Thánh Giuse, nhưng sẵn sàng hành động qua lại với gia đình rộng lớn hơn, tức các thân nhân của cha mẹ Người và các bằng hữu của họ. Điều này giải thích tại sao, trên đường từ Giêrusalem về nhà, Đức Mẹ và Thánh Giuse, cả một ngày trời, vẫn cứ tưởng đứa con Giêsu 12 tuổi của mình ở đâu đó trong đoàn hành hương, lắng nghe họ kể chuyện và chia sẻ các lắng lo của họ: “các ngài đã đi một ngày đường, vẫn tưởng Người ở trong đoàn du hành” (Lc 2:44). Thế mà, một số gia đình Kitô hữu, hoặc vì ngôn ngữ sử dụng, cách họ hành động hay cư xử với người khác, hoặc vì cứ nhai đi nhai lại cùng hai hay ba vấn đề, nên kết cục bị coi là xa cách và không thực sự là một phần của cộng đồng. Ngay các thân nhân của họ cũng cảm thấy bị họ coi thường hay phê phán.

183. Cặp vợ chồng nào cảm nghiệm được sức mạnh của yêu thương đều biết rằng lòng yêu thương này được kêu gọi bằng bó vết thương cho người bị hắt hủi, phát huy nền văn hóa gặp gỡ và đấu tranh cho công lý. Thiên Chúa vốn ban cho gia đình công việc “gia hóa” (domesticate) thế giới (205) và giúp mỗi người coi người đồng loại của mình như anh chị em. “Một cái nhìn chú tâm vào đời sống hàng ngày của những người đàn ông đàn bà ngày nay lập tức cho ta thấy nhu cầu cùng khắp phải thổi vào đó một tinh thần gia đình lành mạnh... Không những chỉ là việc tổ chức đời sống bình thường đang càng ngày càng bị chắn ngang bởi một nền hành chánh hoàn toàn tách biệt khỏi các mối dây nối kết nhân bản nền tảng, mà cả các tập tục xã hội và chính trị cũng cho thấy nhiều dấu hiệu thoái hóa” (206). Về phần họ, các gia đình cởi mở và biết chăm sóc luôn tìm ra chỗ cho người nghèo và xây đắp các tình bằng hữu với những người kém may mắn hơn họ. Trong các cố gắng sống phù hợp với Tin Mừng, họ luôn nhớ lời Chúa Giêsu: “khi các con làm điều ấy cho một trong các anh em nhỏ bé nhất của Thầy này, là các con làm cho Thầy” (Mt 25:40). Đời sống của họ thực sự nói lên những gì tất cả chúng ta đều được đòi hỏi: “Khi tổ chức một bữa ăn hay một bữa tiệc, các con đừng mời bằng hữu hay anh chị em các con hoặc bà con của các con hay những người láng giềng giàu có, kéo họ cũng mời lại các con để đáp lễ, và như thế các con đã được trả công rồi. Nhưng khi tổ chức một tiệc tùng, các con hãy mời người nghèo, người thương tật, người què, người mù, thì các con sẽ được chúc phúc” (Lc 14:12-14). Các con sẽ được chúc phúc! Đó là bí quyết đối với một gia đình hạnh phúc.

184. Qua các chứng tá cũng như lời nói của họ, các gia đình nói cho người khác về Chúa Giêsu. Họ thông truyền đức tin và kích thích lòng thèm khát Thiên Chúa cũng như phản ánh vẻ đẹp của Tin Mừng và lối sống của nó. Các cuộc hôn nhân Kitô Giáo, do đó, lên men xã hội bằng chứng tá huynh đệ, quan tâm xã hội, mạnh mẽ lên tiếng cho người yếu thế, đức tin sáng ngời và niềm hy vọng tích cực của họ. Tính sinh hoa trái của họ mở rộng và trong rất nhiều phương cách, làm cho lòng yêu thương của Thiên Chúa hiện diện trong xã hội.

Biện phân nhiệm thế

185. Theo cùng đường hướng trên, ta nên thận trọng sử dụng một đoạn văn Thánh Kinh thường bị giải thích bên ngoài ngữ cảnh của nó hay theo một nghĩa chung chung (generic) với nguy cơ bỏ

qua nghĩa tức khắc và trực tiếp của nó, vốn có đặc tính xã hội rõ rệt. Tôi muốn nói tới đoạn thư 1 Côrintô 11:17-34, trong đó, Thánh Phaolô nói tới hoàn cảnh đáng xấu hổ trong cộng đồng. Các thành viên giàu có hơn có khuynh hướng kỳ thị các thành viên nghèo hơn, và việc này được đưa vào cả bữa ăn agape (đức ái) vốn song hành với việc cử hành Thánh Thể. Trong khi người giàu vui hưởng thức ăn thì người nghèo chỉ biết ngồi trông và ra về bụng đói: “Người thì đói meo kẻ thì say sưa. Anh em há không có nhà để no say hay sao? Hay anh em khinh miệt Giáo Hội của Chúa và nhục mạ những người tay trắng?” (các câu 21-22).

186. Phép Thánh Thể đòi chúng ta phải là các chi thể của một thân thể duy nhất là Giáo Hội. Những người tới gần Mình và Máu Chúa Kitô không được gây thương tích cho Thân Thể ấy bằng cách tạo ra các phân biệt và chia rẽ đầy tai tiếng giữa các chi thể của nó. Đây là điều có nghĩa “biện phân” thân thể Chúa, nhìn nhận nó bằng đức tin và đức ái cả trong dấu chỉ bí tích lẫn trong cộng đồng; những ai không làm thế là ăn uống án phạt dành cho họ (xem câu 29). Do đó, việc cử hành Thánh Thể trở thành một lời mời liên li để mọi người “xét mình” (câu 38), mở cửa gia đình mình cho tình hiệp thông lớn lao hơn với những người kém may mắn, và bằng cách này, lãnh nhận bí tích tình yêu Thánh Thể làm cho chúng ta nên một thân thể. Ta đừng nên quên rằng “‘huyền nhiệm học’ của bí tích có đặc điểm xã hội” (207). Khi những người lãnh nhận nó không lưu tâm tới người nghèo và người đau khổ, hay đồng thuận với các hình thức chia rẽ, khinh miệt hay bất bình đẳng đa diện, là họ đã không lãnh nhận bí tích cách xứng đáng. Mặt khác, các gia đình nào có thiên hướng thích đáng và lãnh nhận Thánh Thể thường xuyên, sẽ tăng cường ước nguyện kết tình huynh đệ, ý thức xã hội và dẫn thân cho những người thiếu thốn.

Đời sống trong gia đình rộng lớn hơn

187. Gia đình hạch nhân cần phải tương tác với gia đình rộng lớn hơn gồm cha mẹ, cô chú, anh chị em họ và ngay cả hàng xóm. Gia đình lớn hơn này có thể có những thành viên cần được giúp đỡ hay ít nữa là tình đồng hành và tình âu yếm, hoặc ủi an trong lúc đau khổ (208). Chủ nghĩa duy cá nhân đang rất thịnh hành ngày nay có thể dẫn tới việc tạo ra những cái tổ an toàn nho nhỏ, những nơi người khác bị coi như gây rối hay đe dọa. Tuy nhiên, sự cô lập như thế không thể đem lại bình an hay hạnh phúc lớn lao hơn; đúng hơn, nó túng quẫn hóa trái tim của một gia đình và làm cho cuộc sống của nó càng thêm chật hẹp.

Làm con trai con gái

188. Trước hết, ta hãy nghĩ tới cha mẹ ta. Chúa Giêsu nói với các Biệt Phái rằng bỏ rơi cha mẹ mình là đi ngược lại lề luật của Thiên Chúa (xem Mc 7:8-13). Ta nên nhớ rằng mỗi người chúng ta đều là con trai hay con gái. “Ngay khi đã nên người trưởng thành, hoặc người cao niên, ngay khi trở thành bậc cha mẹ, có địa vị trọng trách, dưới tất cả những điều này vẫn là căn tính của người con. Tất cả chúng ta đều là những con trai và con gái. Và điều này luôn đem chúng ta trở lại với sự thật này: chúng ta không tự mình ban sự sống cho chính mình mà là tiếp nhận nó. Ôn phúc vĩ đại sự sống là ơn phúc thứ nhất chúng ta lãnh nhận được” (209).

189. Do đó, “giới răn thứ tư đòi con cái... trọng kính cha mẹ mình (xem Xh 20:12). Giới răn này xuất hiện liền sau các giới răn nói về chính Thiên Chúa. Thực thể, nó quả nói tới một điều thánh thiêng, một điều thần thánh, một điều làm căn bản cho mọi thứ trọng kính nhân bản khác. Phát biểu của Thánh Kinh về giới răn thứ tư nói tiếp: ‘để năm tháng của người dài lâu trên lãnh thổ mà Chúa,

Thiên Chúa của người, sẽ ban cho người’. Dây gắn bó đạo hạnh giữa các thế hệ là một bảo đảm cho tương lai, và là một bảo đảm cho xã hội thực sự nhân ái. Một xã hội với những đứa con không trọng kính cha mẹ là một xã hội không có danh dự... Đó là một xã hội chắc chắn sẽ đầy rẫy những người trẻ bất thân thiện và tham lam” (210).

190. Tuy nhiên, có mặt kia của đồng tiền. Như lời Thiên Chúa nói với ta, “người đàn ông sẽ liả bỏ cha mẹ mình” (St 2:24). Điều này không luôn xảy ra, và cuộc hôn nhân gặp trở ngại vì việc không thực hiện được sự hy sinh và liả bỏ cần thiết này. Không được bỏ rơi hay làm ngơ cha mẹ, nhưng hôn nhân tự nó đòi các ngài bị “liả bỏ” để tổ ấm mới trở thành một lò sưởi thực sự, một nơi của an toàn, của hy vọng và của các dự kiến tương lai, và cặp vợ chồng có thể thực sự trở nên “một thân xác” (ibid.). Trong một số cuộc hôn nhân, một trong hai người phối ngẫu giữ kín các bí mật với người kia, để chỉ thổ lộ với cha mẹ mình mà thôi. Kết quả: ý kiến của cha mẹ trở nên quan trọng hơn các tâm tư và ý kiến của người phối ngẫu. Tình huống này không thể kéo dài được, và dù cần nhiều thì giờ, cả hai người phối ngẫu cũng phải hết sức cố gắng để lớn lên trong tin tưởng và đối thoại. Hôn nhân thách thức người chồng và người vợ tìm ra các cách mới để hiểu thảo với cha mẹ.

Người cao niên

191. “Đừng vứt bỏ con lúc tuổi già; đừng bỏ rơi con lúc con đã lực tàn sức yếu” (Tv 71:9). Đó là lời van xin của người cao niên, sợ bị quên lãng và từ bỏ. Như Thiên Chúa đã yêu cầu ta trở thành phương thế để Người nghe thấy tiếng than của người nghèo thế nào, Người cũng muốn ta nghe tiếng kêu của người cao niên như vậy (211). Điều này nói lên một thách đố cho các gia đình và cộng đồng, vì “Giáo Hội không thể và không muốn sống theo nào trạng nôn nóng, nhất là nào trạng dừng dưng và khinh miệt, đối với tuổi già. Ta phải đánh thức một lần nữa cảm thức biết ơn, biết đánh giá cao, biết hiếu khách một cách tập thể nhằm làm cho người cao niên cảm thấy như đang là thành phần sống động của cộng đồng. Các người cao niên của chúng ta đều là những người đàn ông đàn bà, những người cha người mẹ, đến trước chúng ta trên chính con đường ta đang đi, trong chính căn nhà ta đang ở, trong cuộc đấu tranh hàng ngày của ta để có được một cuộc sống đáng sống” (212). Thực thể, “Tôi sẽ yêu thương xiết bao một Giáo Hội biết thách thức nền văn hóa vứt bỏ bằng một niềm vui tràn trề của cái ôm mới giữa người trẻ và người già!” (213).

192. Thánh Gioan Phaolô II yêu cầu chúng ta lưu ý tới vai trò của người cao niên trong gia đình chúng ta, vì hiện có những nền văn hóa “nhất là tiếp theo cuộc phát triển kỹ nghệ và đô thị vô trật tự, cả trong quá khứ lẫn hiện tại, đã gạt người cao niên qua một bên một cách không thể chấp nhận được” (214). Người cao niên giúp chúng ta biết đánh giá cao “sự liên tục của các thế hệ”, bằng “các đặc sủng xóa bỏ các hố phân cách” (215). Các ông bà rất hay là những người lo sao cho các giá trị quan trọng nhất được truyền lại cho con cháu, và “nhiều người có thể chứng thực rằng nhờ ông bà, họ lãnh nhận được việc khai tâm gia nhập đời sống Kitô hữu” (216). Lời lẽ của các ngài, lòng âu yếm của các ngài hoặc chỉ cần sự hiện diện của các ngài cũng đã giúp các cháu hiểu ra rằng lịch sử không bắt đầu với chúng, nay chúng chỉ là một phần của cuộc hành hương muôn thuở và chúng cần phải trọng kính tất cả những ai đã đến trước chúng. Những người cắt đứt mọi dây liên kết với quá khứ, chắc chắn sẽ thấy khó có thể xây dựng được các mối liên hệ bền vững và hiểu ra rằng thực tại lớn hơn chính họ. “Lưu tâm tới người cao niên sẽ tạo ra sự khác biệt xã hội. Một xã hội biểu lộ sự quan tâm tới người cao niên ư? Nó dành chỗ cho người cao niên ư? Một xã hội như thế sẽ thắng tiến nếu nó tôn trọng sự khôn ngoan của người cao niên” (217).

193. Thiếu kỷ ức lịch sử là một thiếu sót nghiêm trọng trong xã hội ta. Một não trạng chỉ biết nói: “lúc ấy là lúc ấy, bây giờ là bây giờ” cuối cùng sẽ là một não trạng ấu trĩ. Biết và phán đoán các biến cố quá khứ là con đường duy nhất để xây dựng một tương lai có ý nghĩa. Kỷ ức là điều cần thiết cho việc phát triển: “Hãy nhớ lại những ngày đầu” (Thư Do Thái 10:32). Lắng nghe người cao niên kể các câu chuyện của các ngài là điều tốt đối với trẻ em và giới trẻ; nó làm họ cảm thấy được nối kết với lịch sử sống động của gia đình họ, khu xóm họ và đất nước họ. Gia đình nào thiếu tôn trọng và trân quý ông bà của mình, những vị vốn là kỷ ức sống động của mình, thực sự đã sa sút rồi, trong khi gia đình nào biết tưởng nhớ đều sẽ có tương lai. “Xã hội nào không có chỗ dành cho người cao niên hoặc vứt bỏ họ vì họ gây ra vấn đề, thực sự đã mang một vi khuẩn chết người rồi” (218); “nó bị nát từ gốc” (219). Cảm nghiệm bị mồ côi hiện thời do sự bất liên tục của văn hóa, sự bùng nổ và mất hết các chắc chắn từng lên khuôn đời ta gây nên, đang thách thức ta biến gia đình thành nơi, ở đó, con cái có thể bén rễ sâu vào mảnh đất màu mỡ của lịch sử tập thể.

Làm anh chị em

194. Với dòng thời gian, các mối liên hệ giữa anh chị em sẽ thâm hậu hơn, và “sợi dây huynh đệ được hình thành trong gia đình giữa con cái, nếu được củng cố bằng một bầu khí giáo dục cởi mở đối với người khác, là trường học vĩ đại của tự do và hòa bình. Trong gia đình, ta học cách sống như một. Có lẽ ta không luôn luôn nghĩ về điều này, nhưng chính gia đình đã du nhập tình huynh đệ vào thế giới. Từ cảm nghiệm tình huynh đệ ban đầu được nuôi dưỡng bằng âu yếm và giáo dục tại nhà này, phong thái huynh đệ sẽ sáng lên như một lời thề hứa đối với toàn bộ xã hội” (220).

195. Lớn lên với các anh chị em đem lại cho ta một cảm nghiệm tươi đẹp của việc chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Vì “tình huynh đệ trong các gia đình tỏa sáng cách đặc biệt khi ta thấy sự săn sóc, lòng kiên nhẫn, tình âu yếm bảo bọc đứa em trai hay em gái bé nhỏ yếu ớt, đau ốm hay khuyết tật” (221). Cần phải nhìn nhận điều này: “có được người anh em hay người chị em yêu thương bạn là một cảm nghiệm sâu sắc, quý giá và độc đáo” (222). Trẻ em cần được kiên nhẫn dạy dỗ cách cư xử với nhau như anh chị em. Việc huấn luyện, đôi lúc, khá đòi hỏi này, quả là trường học thực sự của việc xã hội hóa. Ở một số quốc gia, nơi sự kiện chỉ có một đứa con đã thành ra khá thông thường, cảm nghiệm được làm anh em hay chị em càng ngày càng kém thông thường hơn. Khi chỉ có thể có một đứa con, thì ta phải tìm cách để bảo đảm đứa con này không lớn lên một mình hoặc bị cô lập.

Một trái tim lớn

196. Cộng với tiểu gia đình gồm vợ chồng và con cái, ta còn có gia đình rộng lớn hơn mà ta không thể bỏ qua. Thực vậy, “lòng yêu thương giữa chồng và vợ và, theo nghĩa phát sinh (derivative) và rộng lớn hơn, lòng yêu thương giữa các thành viên của cùng một gia đình, giữa cha mẹ và con cái, anh chị em và thân nhân và thành viên của gia hộ, được ban cho sự sống và nâng đỡ nhờ một năng động tính nội tâm không ngừng dẫn gia đình tới một hiệp thông mỗi ngày một sâu xa và nồng đượm hơn, một hiệp thông vốn là nền tảng và linh hồn của cộng đồng hôn nhân và gia đình” (223). Bằng hữu và các gia đình khác là thành phần của gia đình rộng lớn hơn này, cũng như của cộng đồng các gia đình biết nâng đỡ nhau trong các khó khăn, các cam kết xã hội và đức tin của họ.

197. Gia đình rộng lớn hơn này nên cung cấp yêu thương và nâng đỡ các bà mẹ thiếu niên, các trẻ em không cha mẹ, các bà mẹ đơn chiếc phải dưỡng dục con cái một mình, những người khuyết tật

cần sự âu yếm và gần gũi đặc biệt, những người trẻ đang chiến đấu với nghiện ngập, những người không kết hôn, ly thân hay góa bụa ở một mình, và những vị cao niên và già yếu thiếu sự nâng đỡ của con cái. Gia đình này cũng nên bảo bọc “cả những người đánh đắm cuộc đời họ” (224). Gia đình rộng lớn hơn này có thể giúp bù trừ các thiếu sót của cha mẹ, khám phá và tường trình các hoàn cảnh có thể có trong đó, trẻ em bị bạo hành và thậm chí lạm dụng nữa, và cung cấp lòng yêu thương lành mạnh và cảnh ổn định gia đình trong các trường hợp cha mẹ tỏ ra bất lực về phương diện này.

198. Cuối cùng, ta không thể quên rằng gia đình lớn hơn này bao gồm luôn cha mẹ vợ, cha mẹ chồng và mọi thân nhân của hai người phối ngẫu. Một khía cạnh đặc biệt tế nhị của lòng yêu thương là học cách đừng coi các thân nhân này như những người cạnh tranh, đe dọa hay xâm lấn. Sự kết hợp vợ chồng đòi phải tôn trọng các truyền thống và phong tục của họ, phải cố gắng hiểu ngôn ngữ của họ và tự chế việc phê bình, săn sóc họ và quý trọng họ trong khi vẫn phải duy trì sự tự riêng và độc lập hợp pháp của vợ chồng. Việc sẵn sàng làm thế cũng là một phát biểu thanh nhã của lòng yêu thương đối với người phối ngẫu của mình.

Chương VI: Một Số Vấn Đề Ảnh Hưởng

199. Cuộc đối thoại diễn ra tại Thượng Hội Đồng đặt ra nhu cầu phải có các phương pháp mục vụ mới. Tôi sẽ cố gắng nhắc đến một số phương pháp này một cách tổng quát. Các cộng đồng khác nhau sẽ đưa ra nhiều sáng kiến thực tiễn và hữu hiệu hơn, biết tôn trọng cả giáo huấn của Giáo Hội lẫn các vấn đề và nhu cầu địa phương. Không có tham vọng trình bày một kế hoạch mục vụ về gia đình, tôi chỉ muốn suy nghĩ về một số thách thức mục vụ có ý nghĩa hơn mà thôi.

Công bố Tin Mừng Gia Đình Ngày Nay

200. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhấn mạnh rằng các gia đình Kitô hữu, nhờ ơn thánh của bí tích hôn phối, đã trở thành các tác nhân chính của việc tông đồ gia đình, trước hết bằng “chúng tá đầy hân hoan như là các Giáo Hội tại gia” (225). Do đó, “điều quan trọng là: người ta cảm nghiệm được Tin Mừng Gia Đình như một niềm vui ‘tràn ngập các tâm hồn và cuộc sống’, vì nơi Chúa Kitô, chúng ta ‘đã được giải thoát khỏi tội lỗi, buồn sầu, trống rỗng bên trong và cô độc’ (*Evangelii Gaudium*, 1). Như trong dụ ngôn người gieo giống (xem Mt 13:3-9), ta được kêu gọi góp tay vào việc gieo hạt giống; phần còn lại là của Thiên Chúa. Chúng ta cũng đừng quên rằng, trong giáo huấn của mình về gia đình, Giáo Hội là một dấu chỉ mâu thuẫn” (226). Các cặp vợ chồng biết ơn khi các mục tử của họ bảo vệ lý tưởng cao cả của một tình yêu mạnh mẽ, vững chắc, lâu bền và có khả năng nâng đỡ họ vượt qua bất kỳ thử thách nào họ có thể phải đương đầu. Giáo Hội, với lòng khiêm nhường và cảm thương, muốn vươn tay ra với các gia đình và “giúp mỗi gia đình khám phá ra cách tốt nhất để vượt qua mọi trở ngại họ gặp phải” (227). Trong việc lên kế hoạch mục vụ, chỉ tỏ quan tâm chung chung đối với gia đình là điều không đủ. Việc giúp các gia đình có khả năng lãnh nhận vai trò của họ như các tác nhân tích cực của việc tông đồ gia đình đòi phải có “một cố gắng truyền giảng Tin Mừng và dạy giáo lý bên trong gia đình “ (228).

201. “Cố gắng này đòi mọi người trong Giáo Hội phải có một hời tâm truyền giáo, một hời tâm không hài lòng với việc chỉ công bố một sứ điệp hoàn toàn có tính lý thuyết, không hề liên quan gì tới các vấn đề có thực của người ta” (229). Việc chăm sóc mục vụ gia đình “cần phải minh xác

rõ rệt rằng Tin Mừng Gia Đình đáp ứng các nguyện vọng sâu xa nhất của con người nhân bản: đáp ứng phẩm giá và sự thành toàn của mỗi người trong tính hỗ tương, hiệp thông và sinh hoa trái. Điều này hệ ở việc không những trình bày một loạt luật lệ, mà còn đề xuất các giá trị mà người ngày nay, ngay trong các quốc gia bị duy tục hóa hơn hết, rõ ràng đang cần tới” (230). Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng cũng “làm nổi bật sự kiện này: việc truyền giảng Tin Mừng rõ ràng cần phải tố cáo các nhân tố văn hóa, xã hội, chính trị và kinh tế nào, như dành sự quan trọng quá đáng cho luận lý học thị trường chẳng hạn, cản trở đời sống chân chính gia đình và dẫn tới kỳ thị, nghèo đói, loại trừ, và bạo lực. Do đó, cần phải cổ vũ đối thoại và hợp tác với các cơ cấu xã hội và khuyến khích các tín hữu giáo dân tham gia vào các lãnh vực văn hóa và chính trị xã hội, với tư cách Kitô hữu” (231).

202. “Sự đóng góp chính vào việc chăm sóc mục vụ cho các gia đình do giáo xứ cung ứng; vì giáo xứ chính là gia đình của các gia đình, nơi mà các cộng đồng nhỏ, các phong trào và hiệp hội trong Giáo Hội sống hòa hợp với nhau” (232). Song song với việc mục vụ vươn tay ra, chuyên biệt nhằm vào các gia đình, điều này còn cho thấy nhu cầu phải có “một nền đào tạo ... các linh mục, phó tế, nam nữ tu sĩ, giáo lý viên và các nhân viên mục vụ khác một cách thích đáng hơn” (233). Trong các câu trả lời cuộc tham khảo ý kiến toàn thể giới, ta thấy rõ: các thừa tác viên thụ phong thường thiếu sự huấn luyện cần cho việc xử lý các vấn đề phức tạp mà các gia đình hiện đang phải đương đầu. Ta cũng có thể rút tía kinh nghiệm giáo sĩ có gia đình của truyền thống Đông Phương rộng khắp

203. Các chủng sinh nên nhận được một nền đào tạo liên khoa sâu rộng hơn, chứ không chỉ về tín lý, trong các lãnh vực đính hôn và kết hôn. Việc đào tạo họ không luôn luôn giúp họ thăm dò chính bối cảnh và các trải nghiệm tâm lý và cảm giới của họ. Một số xuất thân từ các gia đình gặp rắc rối, thiếu cha thiếu mẹ hay không ổn định về xúc cảm. Phải làm thế nào bảo đảm được rằng diễn trình đào tạo có thể giúp họ đạt được sự trưởng thành và sự quân bình tâm lý cần cho thừa tác vụ tương lai của họ. Các mối dây liên kết gia đình là điều chủ yếu để tăng cường lòng tự trọng lành mạnh. Điều quan trọng đối với các gia đình là trở thành một phần trong diễn trình chủng viện và đời sống linh mục, vì họ có thể giúp tái xác định hai điều vừa kể và giữ cho chúng có cơ sở vững vàng trong thực tại. Điều hữu ích cho các chủng sinh là biết phối hợp thời gian sống trong chủng viện với thời gian sống ở các giáo xứ. Ở đây, họ có thể tiếp xúc nhiều hơn với các thực tại cụ thể của đời sống gia đình, vì trong thừa tác vụ tương lai của họ, phần lớn họ sẽ phải xử lý với các gia đình. “Sự hiện diện của các giáo dân, của các gia đình và nhất là của phụ nữ trong việc đào tạo linh mục, sẽ phát huy việc đánh giá cao tính đa dạng và bổ túc cho nhau của các ơn gọi khác nhau trong Giáo Hội” (234).

204. Các câu trả lời trong cuộc tham khảo nói trên cũng nhấn mạnh đến việc phải huấn luyện các nhà lãnh đạo giáo dân có khả năng trợ giúp việc chăm sóc mục vụ cho các gia đình, với sự giúp đỡ của các thầy cô và huấn đạo viên, các y sĩ gia đình và cộng đồng, các nhân viên xã hội, các luật sư thiếu niên và gia đình, và dựa vào các đóng góp của tâm lý học, xã hội học, trị liệu và huấn đạo hôn nhân. Các nhà chuyên nghiệp, nhất là những người có kinh nghiệm thực tiễn, giúp giữ cho các sáng kiến mục vụ có cơ sở trong các hoàn cảnh có thực và các quan tâm cụ thể của gia đình. “Các khóa học và chương trình, được hoạch định chuyên biệt cho các nhân viên mục vụ, có thể có ích bằng cách hội nhập chương trình chuẩn bị tiền hôn nhân vào tính năng động rộng lớn hơn của đời sống Giáo Hội” (235). Việc đào tạo tốt về mục vụ là điều quan trọng “nhất là khi cân nhắc các tình huống khẩn trương đặc thù phát sinh từ các trường hợp bạo hành trong gia đình và lạm dụng tình

đục” (236). Tất cả những điều này không hề làm giảm, nhưng đúng hơn, bổ túc cho giá trị nền tảng của việc linh hướng, của các kho báu linh đạo phong phú của Giáo Hội và của bí tích Hòa Giải

Chuẩn bị hôn nhân cho các cặp đính hôn

205. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng, bằng nhiều cách, đã quả quyết rằng ta cần giúp giới trẻ khám phá ra phẩm giá và cái đẹp của hôn nhân (237). Họ nên được giúp đỡ để nhận thức rõ sự quyến rũ của một kết hợp hoàn toàn, một sự kết hợp nhằm nâng cao và hoàn thiện hóa chiều kích xã hội của nhân sinh, đem lại cho tính dục ý nghĩa sâu xa nhất của nó, gây ích cho con cái bằng cách cung hiến cho chúng bối cảnh tốt nhất để chúng lớn lên và phát triển.

206. “Sự phức tạp của xã hội ngày nay và các thách đố mà gia đình đang đối phó đòi phải có một cố gắng lớn lao về phía toàn bộ cộng đồng Kitô hữu trong việc chuẩn bị những người sắp sửa kết hôn. Sự quan trọng của các nhân đức phải được bao gồm trong đó. Trong số các nhân đức, đức trong sạch đã được chứng minh là vô giá để tình yêu giữa những con người có thể lớn lên một cách chân chính. Về phương diện này, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhất trí về việc phải để toàn bộ cộng đồng tham dự một cách sâu rộng hơn, bằng cách nhấn mạnh đến chứng tá của chính các gia đình và đặt cơ sở cho việc chuẩn bị hôn nhân ngay trong diễn trình Khai tâm Kitô Giáo qua việc làm nổi bật mối liên kết giữa hôn phối, phép rửa và các bí tích khác. Các Nghị Phụ cũng nói tới việc phải có những chương trình chuẩn bị hôn nhân đặc biệt nhằm đem lại cho các cặp này kinh nghiệm chân chính được tham dự vào đời sống Giáo Hội và được dẫn nhập trọn vẹn vào các khía cạnh khác nhau của đời sống gia đình” (238).

207. Tôi khuyến khích các cộng đồng Kitô hữu nhìn nhận lợi ích lớn lao chính họ nhận được từ việc giúp đỡ các cặp đính hôn lớn lên trong lòng yêu thương. Như các giám mục Ý từng nhận xét, những cặp này là “tài nguyên giá trị vì khi thành thực cam kết lớn lên trong lòng yêu thương và sự tự hiến, họ đã có thể góp phần vào việc canh tân cấu trúc của toàn bộ cơ thể Giáo Hội. Hình thức tình bằng hữu đặc biệt của họ có thể chứng minh được là dễ lây và có khả năng phát huy sự lớn mạnh của tình bằng hữu và tình huynh đệ trong cộng đồng Kitô hữu mà họ vốn là một thành phần” (239). Hiện có một số cách hợp pháp để tổ chức các chương trình chuẩn bị hôn nhân, và mỗi Giáo Hội địa phương phải biện pháp cách tốt nhất để cung cấp việc huấn luyện thích đáng mà không làm giới trẻ ra xa lạ với bí tích. Họ không cần được dạy toàn bộ Sách Giáo Lý hay được nhồi nhét quá nhiều tín liệu. Cả ở đây, “không phải sự hiểu biết lớn lao, mà đúng hơn là khả năng cảm nhận và trân quý những điều ở bên trong có khả năng làm cho linh hồn hài lòng và thỏa mãn” (240). Phẩm giá nào cũng quan trọng hơn lượng và, song song với việc công bố sơ truyền một cách mới mẻ, nên dành ưu tiên cho việc trình bày một cách lôi cuốn và hữu ích các tín liệu có thể giúp các cặp đính hôn biết sống trọn phần còn lại của đời họ với nhau “một cách can đảm và quảng đại” (241). Việc chuẩn bị hôn nhân nên trở thành một thứ “khai tâm” vào bí tích hôn phối, cung cấp cho các cặp đính hôn sự giúp đỡ họ cần để lãnh nhận bí tích cách xứng đáng và khởi đầu cuộc sống vững chắc của họ như một gia đình.

208. Với sự giúp đỡ của các gia đình truyền giáo, người ta cũng thấy các gia đình riêng của cặp đính hôn và hàng loạt các nguồn tài nguyên và đường lối mục vụ khác cũng có thể cung cấp việc chuẩn bị xa, một việc, nhờ gương sáng và lời khuyên tốt, có khả năng giúp cho lòng yêu thương của họ lớn lên và trưởng thành. Các nhóm thảo luận và các buổi thuyết trình nhiệm ý về hàng loạt

các đề tài được giới trẻ thực sự lưu ý cũng đã được chứng minh là hữu ích. Cũng thế, một số cuộc tụ họp cá nhân cũng có tính chủ yếu, vì mục tiêu hàng đầu là giúp nhau học cách yêu thương con người thực này mà với họ năng hay chàng có dự kiến chia sẻ cả đời năng hay đời chàng. Học cách yêu thương một ai đó không tự động mà đến, cũng không thể được dạy trong một buổi tập huấn (workshop) chỉ trước khi cử hành hôn phối. Với mọi cặp đính hôn, việc chuẩn bị hôn nhân phải bắt đầu từ lúc mới sinh ra. Điều họ lãnh nhận được từ gia đình họ nên chuẩn bị để họ tự biết họ và biết dần thân cách trọn vẹn và dứt khoát. Những ai được chuẩn bị kỹ càng nhất để kết hôn có lẽ là những người được chính cha mẹ họ dạy cho biết bản chất hôn nhân Kitô Giáo là gì; vì các ngài đã chọn nhau một cách vô điều kiện và mỗi ngày mỗi canh tân quyết định này. Theo chiều hướng này, các sáng kiến mục vụ nhằm giúp các cặp vợ chồng lớn lên trong lòng yêu thương và trong Tin Mừng gia đình cũng sẽ giúp con cái họ, bằng cách chuẩn bị chúng cho cuộc sống hôn nhân tương lai của chúng. Ta cũng đừng nên đánh giá thấp giá trị mục vụ trong các thực hành tôn giáo truyền thống. Xin đơn cử một điển hình: tôi nghĩ tới Ngày Thánh Valentine; ở một số quốc gia, các tư lợi thương mại nhanh nhẩu hơn trong việc nhận ra tiềm năng của việc cử hành này hơn là chúng ta trong Giáo Hội.

209. Việc cộng đồng giáo xứ chuẩn bị đúng lúc cho các cặp đính hôn cũng nên giúp họ nhận ra các vấn đề và nguy cơ có thể có. Nhờ cách này, họ có thể tiến tới chỗ hiểu ra sự khôn ngoan của việc hủy bỏ một mối liên hệ mà họ thấy trước sẽ thất bại và gây đau khổ về sau. Trong sự say mê nhau lúc ban đầu, cặp đính hôn dám có mưu toan che dấu hay tương đối hóa một số sự việc nào đó hay tránh bất đồng với nhau; chỉ để sau đó xảy ra không biết bao nhiêu vấn đề. Vì lý do này, họ nên được khuyến khích một cách mạnh mẽ trong việc thảo luận xem mỗi người mong ước gì ở cuộc hôn nhân, hiểu những gì về lòng yêu thương và sự cam kết, muốn gì ở người kia và cùng nhau xây dựng loại cuộc sống nào. Những cuộc thảo luận như thế sẽ giúp họ thấy rõ có phải thực ra họ có rất ít điểm chung với nhau và hiểu ra rằng chỉ sự lôi cuốn lẫn nhau mà thôi sẽ không đủ để giữ họ lại với nhau. Không điều gì dễ thay đổi, nhất thời và ít đoán trước được bằng sự thêm muốn. Không bao giờ nên khích lệ một quyết định kết hôn trừ khi cặp đính hôn biện phân được các lý do sâu sắc hơn giúp đảm bảo một cam kết chân chính và bền vững.

210. Dù sao, nếu một bên rõ ràng nhận ra các điểm yếu của bên kia, thì họ cần phải có một lòng tin tưởng thực tiễn vào khả năng có thể giúp đỡ người này để họ phát triển các điểm mạnh nhằm quân bình hóa các điểm yếu kia, và nhờ thế, cổ vũ sự lớn mạnh nhân bản của họ. Điều này bao hàm việc sẵn sàng để đối phó với nhiều hy sinh, nhiều nan đề và tình huống tranh chấp có thể có; nó đòi một quyết tâm vững vàng để sẵn sàng đối phó với nó. Các cặp đính hôn cần có khả năng khám phá ra các dấu hiệu nguy hiểm trong mối liên hệ của họ và, trước ngày cưới, tìm được những cách thế hữu hiệu để đáp ứng các dấu hiệu này. Buồn thay, rất nhiều cặp lấy nhau mà thực ra không hề hiểu biết nhau. Họ vui hưởng sự có nhau của nhau và làm nhiều việc với nhau, nhưng không đương đầu với thách đố tự vén màn cho nhau và tiến tới chỗ biết người kia thực sự là người như thế nào.

211. Việc chuẩn bị hôn nhân bất kể là ngắn hạn hay dài hạn đều nên bảo đảm việc này: cặp đính hôn không coi nghi lễ kết hôn như là cuối đường đi, nhưng thay vào đó, là bắt đầu cuộc hôn nhân như một ơn gọi suốt đời đặt căn bản trên một quyết định vững chắc và thực tiễn sẽ cùng nhau đương đầu với mọi thử thách và thời điểm khó khăn. Việc chăm sóc mục vụ các cặp đính hôn và kết hôn nên tập trung vào dây hôn phối, giúp các cặp này không những thâm hậu hóa lòng yêu thương của họ mà còn vượt qua các nan đề và khó khăn của họ nữa. Việc này bao gồm không

những phải giúp họ chấp nhận các giáo huấn của Giáo Hội và biết chạy đến với các tài nguyên giá trị của Giáo Hội, mà còn phải cung cấp cho họ các chương trình thực tiễn, những lời khuyên vững chắc, các chiến thuật đã được chứng thực và các hướng dẫn tâm lý. Điều này đòi phải có một nền sự phạm về lòng yêu thương, phù hợp với cảm quan và nhu cầu giới trẻ và có khả năng giúp họ lớn lên về nội tâm. Việc chuẩn bị hôn nhân cũng nên cung cấp cho các cặp đính hôn tên các nơi, các người và các dịch vụ họ có thể chạy tới xin giúp đỡ khi có vấn đề. Điều cũng quan trọng là nhắc họ nhớ đến sự sẵn có của bí tích Hòa Giải, là bí tích giúp họ đem tội lỗi và các lỗi lầm quá khứ của họ, cũng như chính mối liên hệ của họ tới trước mặt Thiên Chúa, để ngược lại, nhận được sự tha thứ đầy xót thương và sức mạnh chữa lành của Người.

Chuẩn bị việc cử hành

212. Các cuộc chuẩn bị hôn nhân ngắn hạn có khuynh hướng tập trung vào thiệp mời, quần áo, tiệc tùng và nhiều chi tiết khác làm kiệt quệ không những ngân sách mà cả sức lực và niềm vui nữa. Các người phối ngẫu đến với nghi thức hôn phối trong trạng thái kiệt lực và rã rời căng thẳng, hơn là tập chú và sẵn sàng thực hiện bước đi vĩ đại họ sắp sửa bước. Cùng một loại bận tâm với việc cử hành lớn lao này cũng ảnh hưởng tới các cuộc phối hợp *de facto* (trên thực tế); vì các chi phí liên hệ, những cặp này, thay vì quan tâm trước nhất tới lòng yêu thương của mình và cử hành nó theo nghi thức trước sự hiện diện của nhiều người khác, không bao giờ kết hôn cả. Ở đây, tôi xin nói với các người sắp lấy nhau này một lời. Hãy can đảm làm khác đi. Đừng để mình bị xã hội duy tiêu thụ và chỉ sống bằng đáng về nuốt trửng. Điều quan trọng là lòng yêu thương các con chia sẻ với nhau, được ơn thánh củng cố và thánh hóa. Các con có thể chọn một lối cử hành khiêm tốn và giản dị hơn, trong đó, lòng yêu thương của các con chiếm ưu tiên hơn bất cứ điều gì khác. Các nhân viên mục vụ và toàn thể cộng đồng có thể giúp làm cho ưu tiên này trở thành qui lệ hơn là ngoại lệ.

213. Trong việc chuẩn bị kết hôn của mình, các cặp đính hôn nên được khuyến khích biến việc cử hành phụng vụ thành một cảm nghiệm bản thân sâu sắc và đánh giá cao ý nghĩa của mỗi dấu hiệu. Trong trường hợp hai người đã chịu phép rửa, thì cam kết được phát biểu qua các lời tỏ ưng thuận và việc kết hợp thân xác nhằm hoàn hợp cuộc hôn nhân chỉ có thể được coi là các dấu chỉ tình yêu và sự kết hợp giao ước giữa Con Thiên Chúa nhập thể và Giáo Hội của Người. Nơi người đã chịu phép rửa, các lời và dấu hiệu trở thành một ngôn ngữ hùng hồn của đức tin. Thân xác, được dựng nên với ý nghĩa Chúa ban, “trở thành thân xác của các thừa tác viên bí tích, những người ý thức rằng trong khế ước phụ phụ có sự phát biểu và thể hiện của mầu nhiệm vốn phát sinh từ chính Thiên Chúa” (242).

214. Đôi lúc, cặp kết hôn không nắm được tầm quan trọng về thần học và tâm linh của các lời tỏ ưng thuận, là những lời vốn soi sáng ý nghĩa của mọi dấu hiệu tiếp theo. Ta cần nhấn mạnh rằng những lời này không thể bị giản lược vào hiện tại; chúng bao hàm một toàn diện tính bao trùm cả tương lai: “cho tới lúc cái chết phân rẽ chúng ta” (phụng vụ tiếng Việt: *mọi ngày suốt đời tôi*). Nội dung các lời tỏ ưng thuận minh xác rằng “tự do và trung thành không chống chọi nhau; đúng hơn, chúng nâng đỡ nhau, trong cả các liên hệ liên bản ngã lẫn các liên hệ xã hội nữa. Thực thể, trong nền văn hóa truyền thông hoàn cầu, ta hãy xem xét sự tai hại gây ra bởi việc leo thang của những hứa hẹn không được tuân giữ... Tôn trọng lời nói của mình, trung thành với các lời hứa của mình: đó là những điều không thể mua hay bán được. Chúng không thể nào bị cưỡng bức bằng vũ lực hay được duy trì bất cần hy sinh” (243).

215. Các giám mục Kenya từng nhận xét rằng “nhiều [người trẻ] tập trung vào ngày cưới của họ mà quên cả việc cam kết suốt đời mà họ sắp bước vào” (244). Họ cần được khuyến khích để coi bí tích này không như giờ phút duy nhất để rồi sau đó trở thành một phần của quá khứ và ký ức của nó, nhưng đúng hơn như một thực tại vĩnh viễn gây ảnh hưởng tới trọn cuộc sống vợ chồng (245). Ý nghĩa sinh sản của tính dục, ngôn ngữ thân xác, và các dấu hiệu của lòng yêu thương biểu lộ suốt trong cuộc sống hôn nhân, tất cả trở thành “liên tục tính bất tận của ngôn ngữ phụng vụ” và “cuộc sống lửa đôi, theo một nghĩa nào đó, trở thành có tính phụng vụ” (246).

216. Cặp đính hôn cũng có thể suy niệm các bài đọc Thánh Kinh và tính ý nghĩa của những chiếc nhẫn họ sẽ trao cho nhau và các dấu hiệu khác vốn là thành phần của nghi lễ. Điều cũng không tốt đối với họ là tới lễ cưới mà chưa bao giờ cùng nhau cầu nguyện, người này cầu nguyện cho người nọ, xin Thiên Chúa nâng đỡ để mãi mãi trung thành và quảng đại, cùng nhau hỏi Chúa xem Người muốn mình điều gì, và hiến dâng lòng yêu thương của mình trước tượng Đức Nữ Trinh Maria. Những người giúp chuẩn bị cho họ kết hôn nên giúp họ cảm nghiệm các thời khắc cầu nguyện này, những thời khắc được chứng minh là hết sức hữu ích. “Phụng vụ hôn phối là biến cố độc đáo, vì vừa là một cử hành của gia đình vừa là một cử hành của cộng đồng. Các dấu lạ đầu tiên của Chúa Giêsu đã được thực hiện tại tiệc cưới Cana. Rượu ngon, phát sinh từ phép lạ của Chúa nhằm đem lại niềm vui cho những ngày đầu của một gia đình mới, chính là rượu mới của Giao Ước giữa Chúa Kitô và những người nam nữ mọi thời... Thánh thoâng, vị cử hành nói với một cộng đoàn gồm những người ít khi tham dự vào đời sống Giáo Hội, hay những người là thành viên của các hệ phái Kitô Giáo khác hay cộng đồng tôn giáo khác. Như thế, đây là dịp có giá trị để công bố Tin Mừng của Chúa Kitô” (247).

Đồng hành trong các năm đầu đời hôn nhân

217. Điều quan trọng là phải coi hôn nhân như một vấn đề yêu thương, mà chỉ những ai tự do chọn lựa và yêu thương nhau mới nên kết hôn. Khi lòng yêu thương chỉ là chuyện lôi cuốn thể lý hay âu yếm mơ hồ mà thôi, thì hai người phối ngẫu sẽ rất dễ bị thương tổn khi sự âu yếm nhạt phai hay khi lôi cuốn thể lý suy giảm. Vì việc này thường rất hay xảy ra, nên điều càng chủ yếu là cặp vợ chồng cần được giúp đỡ trong những năm tháng đầu đời hôn nhân để họ phong phú hóa và thâm hậu hóa quyết định đầy ý thức và tự do giữ lòng chung thủy và yêu thương nhau suốt đời. Thời kỳ đính hôn thường không dài đủ, vì một số lý do nào đó, quyết định đã được đưa ra vội vàng, và điều càng gây vấn đề hơn nữa là khi cặp đính hôn chưa đủ chín chắn. Thành thử, các cặp mới cưới cần hoàn tất diễn trình đáng lý nên được diễn ra trong lúc đính hôn.

218. Một thách thức lớn lao nữa của hôn nhân là giúp cặp vợ chồng hiểu rõ ràng rằng hôn nhân không phải là một điều đã xảy một lần là xảy ra mãi mãi. Đã đành, sự kết hợp của họ có thực chất và không thể phản hồi, được củng cố và thánh hiến bởi bí tích hôn phối. Ấy thế nhưng khi kết hợp hai cuộc đời của họ với nhau, vợ chồng đảm nhiệm một vai trò tích cực và đầy sáng tạo trong một dự án kéo dài suốt đời. Cái nhìn của họ lúc này phải hướng về tương lai, một tương lai mà ngày nào họ cũng được kêu gọi phải xây dựng, với sự trợ giúp của ơn thánh. Chính vì lý do này, không ai trong hai người có thể mong chờ ở người kia phải hoàn hảo. Mỗi người phải đi qua một bên mọi ảo tưởng và biết chấp nhận người kia trong con người thực của họ: một sản phẩm chưa hoàn tất, vẫn cần được lớn lên, một công trình còn đang diễn tiến. Thái độ nặng nề đòi phê phán người bạn đời của mình là dấu hiệu cho thấy họ đã không bước vào cuộc hôn nhân như bước vào một dự án cần cùng nhau thể hiện, một cách kiên nhẫn, có hiểu biết, khoan dung và đại lượng. Từ từ nhưng

chắc chắn, lòng yêu thương trong những lúc như thế sẽ nhường bước cho những tra vấn và chỉ trích khôn nguôi, nằm lì ở những điểm tốt xấu của người kia, ra tối hậu thư và chỉ hăm hờ với hết cạnh tranh này tới tự biện hộ khác. Những lúc như thế, họ tự chứng tỏ không còn khả năng giúp nhau bồi đắp một cuộc kết hợp trưởng thành. Sự kiện này cần được trình bày một cách thật thực tiễn cho cặp vợ chồng ngay từ đầu đời hôn nhân để họ nắm vững được rằng ngày cưới “mới chỉ là ngày khởi đầu”. Khi nói “thưa có”, họ đã khởi đầu một cuộc hành trình đòi họ phải vượt qua mọi trở ngại ở trên đường để đạt cho được mục tiêu của họ. Sự chúc hôn mà họ nhận lãnh là một ơn thánh và một khích lệ để họ lên đường. Họ chỉ có thể có lợi nếu biết ngồi xuống và thảo luận với nhau cách làm thế nào để đưa ra kế hoạch cụ thể nhằm đạt được mục tiêu của mình.

219. Tôi xin nhắc lại một câu nói xưa: nước lặn trở thành nước tù, không tốt cho bất cứ điều chi. Trong những năm đầu đời hôn nhân, nếu trải nghiệm yêu thương của vợ chồng trở nên tù túng, nó sẽ mất hết nét hào hứng vốn phải là lực đẩy của nó. Lòng yêu thương trẻ trung cần tiếp tục nhảy múa hướng về tương lai đầy hy vọng. Hy vọng là chất men mà, trong các năm đầu đời đính hôn và kết hôn, đã làm người ta có khả năng biết nhìn quá bên kia tranh luận, tranh chấp và vấn nạn để nhìn sự việc trong một viễn ảnh rộng lớn hơn. Nó kiềm chế các bất trắc và lắng lo của ta để ta có thể lớn mạnh. Hy vọng cũng mời gọi ta sống cách trọn vẹn trong hiện tại, hiện tất cả những gì ta có cho cuộc sống gia đình, vì cách tốt nhất để chuẩn bị cho một tương lai chắc chắn là sống tốt trong hiện tại.

220. Diễn trình trên diễn ra trong các giai đoạn khác nhau, đòi ta phải đại lượng và hy sinh. Những cảm quan lôi cuốn mạnh mẽ đầu tiên sẽ nhường bước để ta hiểu ra rằng người kia nay đã là một phần của đời ta. Niềm sáng khoái được thuộc về nhau dẫn tới chỗ biết nhìn đời sống như một dự án chung, đặt hạnh phúc của người kia lên trước hạnh phúc của tôi, và vui mừng hiểu ra rằng cuộc hôn nhân này quả có làm cho xã hội phong phú. Khi lòng yêu thương chín mùi, nó còn học cách “thương thảo” nữa. Không hề ích kỷ hay tính toán, việc thương thảo này chính là thao tác của lòng yêu thương hỗ tương, một tương tác của cho và nhận, vì lợi ích của gia đình. Ở mỗi giai đoạn mới của đời sống vợ chồng, đều cần phải ngồi xuống và tái thương thảo những điều cần nhất trí, ngõ hầu sẽ không còn kẻ thắng người thua, nhưng đúng hơn cả hai đều thắng. Trong tổ ấm, các quyết định không được đưa ra cách đơn phương, vì mỗi người phối ngẫu chia sẻ trách nhiệm đối với gia đình; tuy nhiên, mỗi tổ ấm đều có tính độc đáo và mỗi cuộc hôn nhân sẽ tìm được một cách dàn xếp hữu hiệu nhất.

221. Trong số các nguyên nhân làm hôn nhân tan vỡ có các chờ mong quá cao, không thích đáng đối với cuộc sống vợ chồng. Một khi đã hiểu rõ thực tại giới hạn và có tính đòi hỏi hơn mình tưởng tượng, thì giải pháp không phải là nghĩ một cách vội vàng và vô trách nhiệm đến chuyện phân ly, mà phải tỉnh táo nhận ra điều này: đời sống hôn nhân là một diễn trình tăng trưởng, trong đó, mỗi người phối ngẫu là phương thế của Thiên Chúa để giúp người kia trưởng thành. Thay đổi, cải thiện, nở rộ các đức tính tốt hiện diện nơi mỗi người, tất cả những điều này đều khả hữu cả. Mỗi cuộc hôn nhân là một thứ “lịch sử cứu rỗi” mà ngay từ những ngày đầu mong manh của nó, nhờ hồng phúc của Thiên Chúa và đáp ứng sáng tạo và quảng đại của ta, với thời gian sẽ lớn mạnh thành một điều quý giá và lâu bền. Ta có dám nói rằng sứ mệnh cao cả nhất của hai con người sống trong yêu thương là giúp nhau trở nên, lần lượt, người đàn ông và người đàn bà hơn không? Phát huy sự tăng trưởng là giúp người ta lên khuôn căn tính riêng của họ. Như thế, lòng yêu thương là một loại học tay nghề (craftsmanship). Trong Thánh Kinh, khi ta đọc câu truyện tạo dựng người đàn ông và người đàn bà, ta thấy trước nhất Thiên Chúa dựng nên Adam (xem St 2:7); Người nhận ra: một

điều gì có tính chủ yếu đang không có và thế là Người dựng nên Evà, rồi nghe thấy người đàn ông lớn tiếng hô lên sự ngạc nhiên của mình, “Vâng, người này thật đúng là người cho tôi!”. Chúng ta gần như có thể nghe được cuộc đối thoại kỳ thú chắc hẳn đã diễn ra khi người đàn ông và người đàn bà gặp nhau lần đầu. Trong cuộc sống của cặp vợ chồng, cả những lúc khó khăn, người này vẫn luôn có thể gây ngạc nhiên cho người kia, và những cánh cửa mới vẫn có thể mở ra cho mối liên hệ của họ, như thể họ mới gặp nhau lần đầu. Ở mỗi giai đoạn mới, họ vẫn có thể liên tục “tạo hình” cho nhau. Lòng yêu thương làm mỗi người mong chờ người kia với lòng kiên nhẫn của một tay nghề, một lòng kiên nhẫn phát xuất từ chính Thiên Chúa.

222. Việc chăm sóc mục vụ cho các cặp mới lấy nhau cũng phải bao gồm việc khuyến khích họ quảng đại trong việc truyền sinh. “Để phù hợp với đặc điểm bản vị và nhân bản trọn vẹn của lòng yêu thương vợ chồng, việc kế hoạch hóa gia đình phải diễn ra một cách thích đáng như là kết quả của một cuộc đối thoại thuận tình giữa vợ chồng, biết tôn trọng thì giờ và ân cần đối với phẩm giá người bạn đời. Trong chiều hướng này, giáo huấn của Thông Điệp *Humanae Vitae* (xem các số 10-14) và Tông Huấn *Familiaris Consortio* (xem số 14; 28-35) cần được tiếp nhận như mới, ngõ hầu phản công lại nỗi trạng thường hay chống lại sự sống... Các quyết định liên quan tới việc làm cha mẹ có trách nhiệm giả thiết trước đó phải có sự đào luyện lương tâm, vốn là ‘cốt lõi và cung thánh kín nhiệm nhất của một con người. Ở đây, mỗi người hiện diện một mình với Thiên Chúa, Đấng mà tiếng nói vang vọng trong thẳm sâu tâm hồn họ’ (*Gaudium et Spes*, 16). Cặp vợ chồng càng cố gắng lắng nghe Thiên Chúa và các giới răn của Người trong lương tâm họ (xem Rm 2:15), và được đồng hành về phương diện thiêng liêng, thì các quyết định của họ sẽ càng được giải thoát sâu xa hơn khỏi tính thất thường chủ quan và thỏa hiệp với các phong thái đương thịnh hành trong xã hội” (248). Giáo huấn rõ ràng của Công Đồng Vatican II vẫn chủ trương rằng “[Cặp vợ chồng] sẽ đưa ra các quyết định do ý kiến và cố gắng chung. Họ nên lưu ý một cách có suy nghĩ tới cả phúc lợi của họ lẫn phúc lợi của con cái, những đứa đã được sinh ra và những đứa tương lai có thể đem tới. Vì sự lưu ý này, họ cần xem xét mọi điều kiện cả vật chất lẫn tinh thần của thời đại cũng như của riêng họ trong cuộc sống. Sau hết, phải nghĩ đến lợi ích của gia đình, của xã hội trần gian và của chính Giáo Hội. Sự phán đoán ấy, sau cùng chính đôi vợ chồng phải chọn lựa lấy trước mặt Thiên Chúa” (249). Hơn nữa, “việc sử dụng các phương pháp dựa vào ‘các luật tự nhiên và cơ hội có thể sinh nở’ (*Humanae Vitae*, 11) phải được cổ vũ, vì ‘các phương pháp này tôn trọng thân xác vợ chồng, khuyến khích tình âu yếm giữa họ với nhau và khích lệ việc giáo dục tự do chân chính’ (*Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2370). Cần nhấn mạnh hơn nữa sự kiện này: con cái là ơn phúc kỳ diệu của Thiên Chúa và là niềm vui của cha mẹ và của Giáo Hội. Qua con cái, Chúa đổi mới thế giới” (250).

Một số tài nguyên

223. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhận xét rằng “những năm đầu của hôn nhân là thời kỳ sinh tử và nhạy cảm trong đó vợ chồng trở nên ý thức hơn đối với các thách đố và ý nghĩa của cuộc sống vợ chồng. Do đó, việc đồng hành mục vụ cần vượt quá việc cử hành bí tích (*Familiaris Consortio*, Phần III). Về phương diện này, các cặp vợ chồng có kinh nghiệm có một vài trò quan trọng để đóng góp. Giáo xứ là nơi các cặp vợ chồng có kinh nghiệm này có thể giúp các cặp trẻ hơn, với việc cộng tác sau cùng của các hiệp hội, phong trào Giáo Hội và các cộng đồng mới. Các cặp trẻ cần được khuyến khích để thực sự cởi mở đối với hồng phúc con cái. Cũng cần phải nhấn mạnh đến sự quan trọng của linh đạo gia đình, của việc cầu nguyện và tham dự Thánh Thể Chúa Nhật, và các cặp vợ chồng này cần được khuyến khích gặp nhau thường xuyên để phát huy sự tăng

trường trong đời sống thiêng liêng của họ và tình liên đới trong các đòi hỏi cụ thể của cuộc sống. Phụng vụ, các thực hành đạo đức và Thánh Thể cử hành cho các gia đình, đặc biệt trong dịp kỷ niệm lễ cưới, đã được nhắc đến như là các nhân tố quan yếu trong việc cổ vũ việc phúc âm hóa xuyên qua gia đình” (251).

224. Diễn trình này cần thời gian. Lòng yêu thương cần thời gian và không gian; mọi điều khác đều là thứ yếu. Thời gian cần để thảo luận mọi sự, để ôm nhau không vội vã, để chia sẻ các dự án, để lắng nghe nhau, để nhìn nhau, để đánh giá nhau, để tăng cường mối liên hệ. Có lúc, nhịp độ điên cuồng của xã hội hay áp lực của sở làm tạo ra vấn đề. Lúc khác, vấn đề là ở chỗ thiếu thì giờ quý hóa để ở với nhau, chia sẻ cùng một phòng mà không hề lưu ý tới sự hiện diện của người kia. Các nhân viên mục vụ và các nhóm đã kết hôn nên nghĩ tới những cách giúp các cặp vợ chồng trẻ hay dễ bị thương tổn dành tối đa thì giờ cho nhau, hiện diện với nhau, thậm chí chia sẻ các giây phút thảnh thơi có ý nghĩa với nhau.

225. Các cặp đã học được cách thực hiện tốt điều trên có thể chia sẻ một số gợi ý mà họ thấy là hữu ích: hoạch định thì giờ rảnh rỗi với nhau, những giờ khắc giải trí với con cái, những cách khác nhau để cử hành các biến cố quan trọng, chia sẻ các cơ may lớn lên về tâm linh. Họ cũng có thể cung cấp tài nguyên giúp các cặp vợ chồng trẻ biến các thời khắc này thành có ý nghĩa và đầy yêu thương, và nhờ thế, cải thiện việc thông đạt của họ. Điều này cực kỳ quan trọng cho giai đoạn trong đó tính mới lạ của hôn nhân đã dần biến đi. Một khi cặp vợ chồng không còn biết cách dành thì giờ với nhau, một hay cả hai người kết cục sẽ vùi đầu vào những túi đồ phụ tùng, tìm các cam kết khác, tìm vòng tay của một ai khác, hay đơn giản tìm cách trốn chạy điều đã trở nên sự gần gũi gây khó chịu.

226. Các cặp vợ chồng trẻ nên được khuyến khích phát triển các thói quen nhằm đem đến một cảm thức gần gũi và ổn định lành mạnh qua các nghi thức chung hàng ngày. Các nghi thức này có thể bao gồm nụ hôn buổi sáng, lời chúc lành buổi tối, đợi ở cửa để chào đón nhau lúc về nhà, đi du lịch với nhau và chia sẻ việc trong nhà. Ấy thế nhưng, phá lệ dự tiệc tùng để tham dự các cử hành kỷ niệm của gia đình hay các biến cố đặc biệt cũng là điều có ích. Ta cần những giây phút như thế để trân quý các ơn phúc của Thiên Chúa và đổi mới lòng yêu đời của mình. Bao lâu còn có thể cử hành mừng vui, ta vẫn còn có khả năng khơi lại lòng yêu thương của mình, giải thoát nó khỏi đơn điệu và tồ mầu cho thói quen hàng ngày bằng niềm hy vọng.

227. Các mục tử chúng ta phải khuyến khích các gia đình lớn mạnh trong đức tin. Điều này có nghĩa khích lệ họ năng sung tột, linh hướng và tĩnh tâm khi có dịp. Nó cũng có nghĩa khích lệ việc gia đình cầu nguyện trong tuần, vì “gia đình cầu nguyện với nhau sẽ ở lại với nhau”. Khi thăm viếng các tổ ấm của giáo dân, ta nên tụ tập mọi thành viên của gia đình và dành ít phút cầu nguyện cho nhau, phó gia đình trong bàn tay của Chúa. Điều cũng hữu ích là khuyến khích mỗi người phối ngẫu tìm giờ để cầu nguyện một mình với Thiên Chúa, vì mỗi người đều có thánh giá bí mật để vác. Tại sao ta lại không nên nói với Thiên Chúa các rối rắm của ta và xin Người ban cho ta sự hàn gắn và sự trợ giúp ta cần để mãi trung thành với nhau? Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng ghi nhận điều này “lời Thiên Chúa là nguồn sự sống và linh đạo cho gia đình. Mọi công trình mục vụ nhân danh gia đình đều phải giúp người ta được lên khuôn và đào tạo thành các thành viên của Giáo Hội tại gia qua việc đọc sách thánh theo lối cầu nguyện của Giáo Hội. Lời Thiên Chúa không phải chỉ là tin vui trong đời sống tư riêng của một người mà còn là tiêu chuẩn phán đoán và ánh

sáng trong việc biện phân các thách đố đa dạng mà các cặp vợ chồng và các gia đình đang gặp phải” (252).

228. Trong một số trường hợp, một trong hai người phối ngẫu không chịu phép rửa hay không muốn thực hành đức tin. Điều này khiến cho ước nguyện của người kia muốn sống và lớn mạnh trong lối sống Kitô Giáo trở nên khó khăn và đôi lúc đau khổ. Tuy nhiên, một số giá trị chung vẫn có thể được tìm thấy và được chia sẻ và trân quý. Dù sao, tỏ lòng yêu thương đối với người phối ngẫu không có đức tin, đem lại hạnh phúc, làm dịu các vết thương và cùng nhau chia sẻ cuộc sống quả đã nói lên con đường nên thánh thực sự. Lòng yêu thương luôn là ơn phúc của Thiên Chúa. Bất cứ phát xuất từ đâu, nó vẫn làm người ta cảm nhận được sự hiện diện đầy biến đổi của nó, nhiều khi một cách đầy huyền nhiệm, thậm chí tới chỗ “người chồng không tin được thánh hiến nhờ vợ mình, và người vợ không tin được thánh hiến nhờ chồng mình” (1Cr 7:14).

229. Các giáo xứ, các phong trào, các trường học và các định chế Kitô Giáo khác có thể giúp nhiều cách để nâng đỡ các gia đình và giúp họ lớn mạnh. Những cách này có thể bao gồm: các cuộc gặp gỡ của các cặp vợ chồng cùng sống trong một khu xóm, các buổi tĩnh tâm ngắn cho các cặp vợ chồng; các buổi nói chuyện của các chuyên viên về các vấn đề cụ thể đang đặt ra cho các gia đình, huấn đạo hôn nhân, truyền giáo tại nhà giúp các cặp vợ chồng thảo luận các khó khăn và ước nguyện của họ, các dịch vụ xã hội xử lý các vấn đề gia đình như nghiện ngập, bắt trộm và bạo hành trong gia đình, các chương trình lớn mạnh thiêng liêng, các buổi tập huấn dành cho cha mẹ có con cái có vấn đề và các buổi gặp mặt gia đình. Văn phòng giáo xứ nên được chuẩn bị để xử lý một cách hữu ích và nhạy cảm các nhu cầu của gia đình và có khả năng viết thư giới thiệu (referral), khi cần, cho những ai có thể giúp đỡ. Cũng còn có sự đóng góp của các nhóm người đã kết hôn, họ có thể cung cấp sự trợ giúp trong các cam kết về dịch vụ, cầu nguyện, huấn luyện hay nâng đỡ hỗ tương. Các nhóm như thế giúp các cặp vợ chồng biết quảng đại, trợ giúp các gia đình khác và chia sẻ đức tin; đồng thời họ tăng cường các cuộc hôn nhân và giúp chúng lớn mạnh.

230. Quả thực nhiều cặp vợ chồng, một khi kết hôn xong, liền xa rời cộng đồng Kitô hữu. Tuy nhiên, chúng ta thường không lợi dụng các dịp may khi họ trở lại để nhắc nhở họ nhớ đến lý tưởng cao đẹp của hôn nhân và sự nâng đỡ mà giáo xứ có thể cung ứng cho họ. Thí dụ, tôi nghĩ tới Phép Rửa và Việc Rước Lễ Lần Đầu của con cái họ, hay đám tang hoặc đám cưới của thân nhân hoặc bằng hữu của họ. Hầu hết mọi cặp vợ chồng đều tái xuất hiện trong các dịp này, và ta nên hết sức lợi dụng chúng. Một cách nữa để xích lại gần hơn là làm phép nhà hay đem tượng ảnh hành hương về Đức Mẹ tới các căn nhà trong khu xóm; việc này cung cấp cho ta một dịp may để chuyện trò có tính mục vụ về hoàn cảnh của gia đình. Cũng là điều hữu ích khi yêu cầu các cặp vợ chồng lớn tuổi hơn giúp đỡ các cặp vợ chồng trẻ hơn trong khu xóm bằng cách tới thăm viếng họ và cung cấp cho họ các hướng dẫn trong các năm họ mới lấy nhau. Vì nhịp độ lối sống ngày nay, phần lớn các cặp vợ chồng không thể tham dự các buổi gặp mặt thường xuyên; tuy thế, ta không nên giới hạn vòng tay mục vụ vươn dài của ta vào những nhóm nhỏ và có lựa lọc. Ngày nay, việc chăm sóc mục vụ cho các gia đình cần phải có tính truyền giáo từ trong căn bản, nghĩa là đi tới chỗ người ta đang hiện diện. Chúng ta không thể giống một xưởng chế tạo nữa, chuyên sản xuất những khóa học mà phần lớn không mấy được ai tham dự.

Soi sáng các khủng hoảng, lo lắng và khó khăn

231. Cũng nên nói ít lời về những người, trong yêu thương, đã làm đậm đà rượu mới đánh hôn. Rượu ngon trở nên đậm đà với thời gian thế nào thì trải nghiệm trung tín hàng ngày cũng đem lại sự phong phú cho đời sống vợ chồng như thế. Lòng trung tín hẳn phải liên hệ với sự kiên nhẫn và chờ mong. Các niềm vui và các hy sinh của nó phát sinh hoa trái khi năm tháng ngày giờ qua đi và cặp vợ chồng hân hoan nhìn thấy con cái của con cái mình. Lòng yêu thương hiện hữu từ đầu trở nên có ý thức hơn, ổn định và chín mùi khi cặp vợ chồng khám phá ra nhau như mới hết ngày này qua ngày nọ, hết năm này sang năm khác. Thánh Gioan Thánh Giá nói với chúng ta rằng “những người yêu có tuổi được thử nghiệm và chân thực”. Họ “bề ngoài không còn bùng bùng với những cảm xúc và kích thích mạnh mẽ nữa, nhưng nay nếm được vị ngọt ngào của rượu yêu thương, rượu lâu năm và được trữ thật sâu trong đáy lòng” (253). Những cặp vợ chồng như thế quả đã thành công trong việc khắc phục khủng hoảng và gian khó mà không trốn chạy các thách đố hoặc che dấu các vấn đề.

Thách đố của các cuộc khủng hoảng

232. Cuộc sống của mọi gia đình đều được đánh dấu bằng đủ loại khủng hoảng, ảy thế nhưng các khủng hoảng này cũng là thành phần của vẻ đẹp đầy cảm kích của nó. Các cặp vợ chồng nên được giúp đỡ để hiểu ra rằng việc khắc phục một cuộc khủng hoảng không nhất thiết làm suy yếu mối liên hệ của họ; thay vào đó, nó có thể cải thiện, ổn định hóa và làm chín mùi rượu ngon kết hợp của họ. Cuộc sống với nhau không nên làm giảm nhưng gia tăng sự hài lòng của họ; mỗi bước tiến mới ở trên đường có thể giúp cặp vợ chồng tìm được những nẻo đường mới tiến tới hạnh phúc. Mỗi cuộc khủng hoảng trở thành lớp tập nghề để gần gũi với nhau hơn hay học thêm được một chút để biết thực ra hôn nhân có nghĩa gì. Các cặp vợ chồng không cần phải cam chịu cái vòng soán ốc đi xuống không thể nào tránh được hay một sự tằm thương có thể chịu đựng được. Trái lại, khi hôn nhân được coi như một thách đố bao hàm việc khắc phục trở ngại, mỗi cuộc khủng hoảng đều trở nên dịp may để rượu liên hệ của họ trở nên già đậm và thơm ngon hơn. Ta nên đồng hành với các cặp vợ chồng để họ có thể chấp nhận các cuộc khủng hoảng xây tới, đương đầu với chúng và dành cho chúng một vị trí trong đời sống gia đình. Những cặp vợ chồng có kinh nghiệm và được đào tạo cần phải sẵn sàng để đồng hành với các cặp vợ chồng khác trong cuộc khám phá này, bằng một cách nào đó khiến các cuộc khủng hoảng không làm họ hãi sợ cũng không dẫn họ tới chỗ đưa ra các quyết định hấp tấp. Mỗi cuộc khủng hoảng đều có một bài học để dạy chúng ta; chúng ta vẫn học cách biết lắng nghe để nhận ra nó bằng lỗ tai của trái tim.

233. Khi đương đầu với một khủng hoảng, đầu tiên ta có khuynh hướng phản ứng bằng cách phòng ngự, vì ta cảm thấy mình đang mất kiểm soát, hay phần nào có lỗi, và điều này làm ta khó chịu. Ta tìm cách bác bỏ vấn đề, dấu biệt hay hạ tầm quan trọng của nó, và hy vọng nó sẽ biến mất. Nhưng điều này vô ích; nó chỉ làm sự việc tệ hơn, phí phạm năng lực và trì hoãn giải pháp mà thôi. Các cặp vợ chồng sẽ trở nên xa cách và đánh mất khả năng thông đạt. Khi các vấn đề không được xử lý, thông đạt là điều đầu tiên ra đi. Dần dần, “người tôi yêu thương” từ từ trở thành “ông bạn/bà bạn (tiếng Anh: *mate*), rồi chỉ còn là “ba hay má các con tôi” và sau cùng một người xa lạ.

234. Các cuộc khủng hoảng phải được cùng nhau đương đầu. Điều này khá khó, vì người ta thường hay rút lui để tránh phải nói điều mình cảm nghĩ; họ thu mình vào một thứ im lặng hèn nhát. Trong những thời khắc này, điều càng quan trọng là phải tạo cơ hội để lòng nói với lòng. Trừ khi cặp vợ chồng chịu học cách làm việc này, họ sẽ thấy nó càng ngày càng khó khăn hơn với ngày tháng qua đi. Thông đạt là một nghệ thuật chỉ học được lúc có hòa bình để mang ra thực hành lúc có khó

khăn. Các người phối ngẫu cần sự giúp đỡ để khám phá ra các ý nghĩa và tâm tư thầm kín nhất của họ và nói chúng ra. Giống như lúc sinh con, đây là một diễn trình đau đớn nhưng đem lại cả một kho báu mới. Các câu trả lời cho cuộc tham khảo tiền Thượng Hội Đồng cho thấy điều này: phần lớn những người trong các tình huống khó khăn và nguy kịch không tìm sự trợ giúp mục vụ, vì họ không thấy nó có thiện cảm, hiện thực hay quan tâm tới các trường hợp cá biệt. Điều này nên kích thích ta cố gắng tiếp cận các vụ khủng hoảng hôn nhân với một sự nhạy cảm nhiều hơn đối với sức nặng thương tích và lo âu xao xuyến của họ.

235. Một số cuộc khủng hoảng có tính đặc trưng đối với mọi cuộc hôn nhân. Các cặp vợ chồng mới cưới nhau cần học cách biết chấp nhận các dị biệt của họ và tách xa cha mẹ họ. Việc ra đời của một đứa con đem lại nhiều thách đố mới về xúc cảm. Nuôi dưỡng các trẻ nhỏ đòi phải thay đổi cả lối sống, trong khi việc tới tuổi thiếu niên còn gây nên nhiều căng thẳng, thất vọng và cả căng thẳng giữa cha mẹ nữa. Cảnh “tổ ấm trống vắng” buộc cặp vợ chồng phải tái định nghĩa mối liên hệ của họ, trong khi nhu cầu chăm sóc cha mẹ già đòi phải đưa ra nhiều quyết định khó khăn đối với các ngài. Tất cả đều là những tình huống khó khăn có thể gây ra e sợ, mặc cảm tội lỗi, trầm cảm và mệt mỏi, với những vang dội nghiêm trọng đối với cuộc hôn nhân.

236. Rồi còn có những cuộc khủng hoảng bản thân ảnh hưởng tới cuộc sống vợ chồng, thường liên lụy tới tài chánh, các vấn đề ở sở làm, các khó khăn xúc cảm, xã hội và tâm linh. Các tình huống bất ngờ tự xuất hiện, phá vỡ cuộc sống gia đình và đòi phải có diễn trình tha thứ và hòa giải. Khi thành thực cương quyết để tha thứ cho người kia, mỗi người phải im lặng và khiêm nhường hỏi xem mình có phần nào tạo ra các điều kiện dẫn đến lỗi lầm của người khác hay không. Một số gia đình tan vỡ khi các người phối ngẫu lao đầu vào việc kết tội lẫn nhau, nhưng “kinh nghiệm cho thấy với sự giúp đỡ và các hành vi hoà giải thích đáng, nhờ ơn thánh, một phần trăm rất lớn các cuộc hôn nhân gặp rắc rối có thể tìm được giải pháp khá thoả đáng. Biết cách tha thứ và cảm nhận được sự tha thứ là trải nghiệm căn bản trong cuộc sống gia đình” (254). “Nghệ thuật hòa giải cam go, thường đòi phải có sự trợ giúp của ơn thánh, cần tới sự hợp tác đại lượng của thân nhân và bằng hữu, và đôi khi cả sự giúp đỡ của bên ngoài và sự trợ giúp chuyên nghiệp nữa” (255).

237. Hiện nay, càng ngày người ta càng nghĩ rằng khi một hay cả hai người bạn đời không còn cảm thấy được thoả mãn nữa, hay các sự việc kết cục không như người ta mong muốn nữa, thì đây là lý do đầy đủ để kết liễu một cuộc hôn nhân. Nếu đúng như thế, thì không có cuộc hôn nhân nào kéo dài được. Đôi khi, chỉ một lần không thoả mãn, chỉ một lần người kia vắng mặt khi được cần đến nhất, chỉ một lần tự ái bị thương tổn hay một nỗi sợ mơ hồ nào đó cũng đủ để người ta quyết định rằng mọi sự đã kết thúc. Điều không thể tránh được là: các hoàn cảnh yếu đuối của con người sẽ xuất hiện và người ta có thể chứng tỏ là chúng có tính áp đảo. Một người phối ngẫu có thể không cảm thấy mình được đánh giá đầy đủ hay cảm thấy bị thu hút vào một người khác. Các ghen tương và căng thẳng có thể xuất hiện, hay các quan tâm mới thu hút hết thì giờ và lưu tâm của người kia. Các thay đổi thể lý tự nhiên xảy ra nơi mọi người. Những điều này, và rất nhiều những điều khác nữa, thay vì đe dọa lòng yêu thương, đều là những dịp để làm nó sống lại và canh tân.

238. Trong các hoàn cảnh như thế, một số người có đủ chín mùi cần thiết để tái xác định việc mình chọn người kia như là người hun hạp của mình trong cuộc hành trình đời sống, bất chấp các giới hạn trong mối liên hệ. Họ chấp nhận một cách hiện thực rằng người kia không thể làm cho mọi giấc mơ yêu quý của họ thành sự thực được. Những người như thế tránh việc nghĩ mình là thánh tử vì đạo; họ thể hiện được tối đa bất cứ khả thể nào mà cuộc sống gia đình có thể dành cho họ và

họ nhẫn nại làm việc để củng cố dây hôn phối. Dù sao, họ hiểu ra rằng mọi cuộc khủng hoảng đều có thể là lời “xin vâng” mới, giúp tình yêu được đổi mới, được thâm hậu hóa và được củng cố từ bên trong. Khi các cuộc khủng hoảng xuất hiện, họ không sợ đi tới tận gốc rễ của chúng, tái thương thảo các điều kiện căn bản, đạt cho bằng được thể quân bình mới và cùng nhau tiến lên. Với thứ cởi mở không ngừng này, họ có khả năng đối diện với bất cứ số lượng tình thế khó khăn nào. Dù sao, khi hiểu ra rằng hoà giải là điều có thể, chúng ta cũng sẽ thấy rằng “ngày nay, điều cần kíp là một thừa tác vụ để chăm sóc những người mà mối liên hệ vợ chồng đã tan vỡ” (256).

Các vết thương cũ

239. Điều dễ hiểu là các gia đình thường thấy có vấn đề khi một trong các thành viên của họ không chín chắn về xúc cảm vì vẫn còn mang các vết theo do các cảm nghiệm trước đó gây ra. Tuổi thơ hay tuổi thiếu niên bất hạnh có thể nuôi dưỡng nhiều cuộc khủng hoảng bản thân ảnh hưởng tới cuộc hôn nhân của người ta. Nếu mọi người đều chín chắn và bình thường, các cuộc khủng hoảng sẽ ít thường xuyên và ít đau đớn hơn. Ấy thế nhưng sự thật là: chỉ ở tuổi 40, một số người mới đạt được sự chín chắn mà đáng lẽ ra họ nên đạt được ở cuối tuổi thiếu niên. Một số người yêu thương bằng một lòng yêu thương của một đứa trẻ, đầy ích kỷ, tùy hứng và lấy mình làm trung tâm: một lòng yêu thương khó lòng thỏa mãn được, la khóc bất cứ khi nào không được điều mình muốn. Nhiều người khác yêu thương bằng một lòng yêu thương thiếu niên được đánh dấu bằng thù hận, chỉ trích cay đắng và chỉ những muốn đổ lỗi cho người khác; bị cột cứng vào xúc cảm và mơ tưởng của mình, những người như thế chỉ biết mong đợi người khác làm đầy sự trống rỗng của họ và thỏa mãn mọi thèm khát của họ.

240. Nhiều người rời bỏ tuổi thơ mà chưa bao giờ cảm nhận được một lòng yêu thương vô điều kiện. Điều này ảnh hưởng tới khả năng tin thác và cởi mở với người khác của họ. Một liên hệ nghèo nàn với cha mẹ và anh chị em của mình, nếu cứ để đó mà không chịu chữa lành, có thể sẽ xuất hiện trở lại và phá hoại cuộc hôn nhân. Các vấn đề chưa giải quyết cần được xử lý và diễn trình thoát ra khỏi chúng cần phải diễn ra. Khi xảy ra các vấn đề trong một cuộc hôn nhân, trước khi có bất cứ quyết định quan trọng nào, điều quan trọng là bảo đảm để mỗi người phối ngẫu tiến tới chỗ nắm vững lịch sử riêng của mình. Điều này bao gồm việc biết nhìn nhận nhu cầu chữa lành, nhu cầu cầu nguyện liên li để xin ơn biết tha thứ và được tha thứ, nhu cầu sẵn sàng nhận giúp đỡ và quyết tâm không bỏ cuộc nhưng tiếp tục cố gắng. Việc xét mình một cách thành thực cũng sẽ giúp ta có khả năng thấy rõ: các thiếu sót và thiếu chín chắn của mình ảnh hưởng tới mối liên hệ ra sao. Cả khi thấy rõ người kia có lỗi, cuộc khủng hoảng cũng sẽ không bao giờ được vượt qua chỉ bằng cách ngồi mong họ thay đổi. Ta cũng phải tự hỏi điều gì trong chính cuộc sống của ta cần phải tăng trưởng hay hàn gắn nếu muốn giải quyết cuộc tranh chấp.

Đồng hành sau khi tan vỡ và ly dị

241. Trong một số trường hợp, việc tôn trọng chính phẩm giá của ta và lợi ích của con cái đòi ta không được nhượng bước trước các đòi hỏi quá đáng hay phải ngăn cản một bất công trầm trọng, một bạo lực hoặc một đối xử tệ bạc kinh niên. Trong những trường hợp như thế, “ly thân trở nên không thể tránh được. Có lúc, thậm chí nó còn trở nên cần thiết về phương diện luân lý nữa, đó chính là lúc phải dời người phối ngẫu để bị thương tổn hơn hay trẻ nhỏ khỏi các thương tích trầm trọng do lạm dụng hay bạo lực gây ra, hay khỏi cảnh bị làm nhục và bóc lột, và khỏi bị khinh miệt

và đứng vững” (257). Dù vậy, “việc ly thân phải được coi như biện pháp cuối cùng, sau khi mọi cố gắng hoà giải hữu lý khác đã được chứng minh là vô hiệu” (258).

242. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng ghi nhận rằng “việc biện phân đặc biệt là điều không thể miễn chức đối với việc chăm sóc mục vụ cho các người ly thân, ly dị hoặc bị bỏ rơi. Cần phải đặc biệt tỏ lòng kính trọng trước sự đau khổ của những người phải ly thân, ly dị hay bị bỏ rơi một cách bất công hay những người, vì chồng hay vợ đối xử tệ bạc, mà buộc phải ngưng cuộc sống chung. Tha thứ một bất công mình phải chịu như thế không phải là điều dễ dàng, nhưng ơn thánh làm cho điều này trở thành khả hữu. Việc chăm sóc mục vụ nhất thiết phải bao gồm các cố gắng hòa giải và làm trung gian, qua việc thiết lập ra các trung tâm huấn đạo được chuyên môn hóa tại các giáo phận” (259). Đồng thời, “những người ly dị không tái hôn, và thường làm chứng cho lòng chung thủy vợ chồng, cần được khuyến khích biết tìm nơi Thánh Thể của nuôi dưỡng họ cần để nâng đỡ họ trong bậc sống hiện nay. Cộng đồng và các mục tử địa phương nên đồng hành với những người này với sự ân cần lo lắng, nhất là khi liên hệ tới trẻ nhỏ hoặc khi họ gặp khó khăn trầm trọng về tài chánh” (260). Việc tan vỡ gia đình càng gây chấn thương và đau đớn hơn đối với người nghèo vì trong tay họ có rất ít tài nguyên để khởi đầu cuộc sống mới. Người nghèo, một khi bị dời khỏi môi trường gia đình yên ấm, dễ bị bỏ rơi và bị thiệt hại tới hai lần.

243. Điều quan trọng là phải làm cho những người ly dị nay bước vào một cuộc kết hợp mới cảm nhận được rằng họ vẫn là thành phần của Giáo Hội. “Họ không bị tuyệt thông” và ta nên đối xử với họ như thế, vì quả họ vẫn là thành phần của cộng đồng Giáo Hội (261). Các hoàn cảnh này “đòi một sự biện phân cẩn thận và một sự đồng hành đầy kính trọng. Ngôn từ và tác phong khiến họ cảm thấy bị kỳ thị phải được xa tránh, và ta nên khuyến khích họ tham dự vào đời sống của cộng đồng. Không nên coi việc chăm sóc những người này của cộng đồng Kitô hữu là làm suy yếu đức tin và chứng từ của mình đối với tính bất khả tiêu của hôn nhân: đúng hơn, việc chăm sóc ấy đặc biệt nói lên đức ái của mình” (262).

244. Một số lớn các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng cũng “nhấn mạnh tới nhu cầu phải làm cho các thủ tục tuyên bố vô hiệu dễ với tới và đỡ mất thì giờ hơn, và nếu có thể, miễn phí” (263). Tốc độ chậm chạp của thủ tục này gây gieo neo và căng thẳng cho các bên. Hai văn kiện xử lý vấn đề này mới đây của tôi (264) đã đơn giản hóa nhiều thủ tục trong việc tuyên bố tính vô hiệu của một cuộc hôn nhân. Với các văn kiện này, tôi muốn “minh xác rằng chính vị giám mục, trong Giáo Hội mà ngài được bổ nhiệm làm mục tử và người đứng đầu, do chính sự kiện này, là thẩm phán của các tín hữu đã được ủy thác cho ngài săn sóc” (265). “Việc thi hành các văn kiện này, do đó, là trách nhiệm lớn lao của các vị bản quyền tại các giáo phận, những vị đã được kêu gọi phán xử một số trường hợp và, trong mọi trường hợp, bảo đảm để các tín hữu lui tới với công lý cách dễ dàng hơn. Việc này liên hệ đến việc chuẩn bị để có đủ nhân viên, gồm cả giáo sĩ lẫn giáo dân chủ yếu được đề cử cho dịch vụ Giáo Hội này. Các dịch vụ thông tin, huấn đạo và làm trung gian liên hệ tới việc tông đồ gia đình cũng nên có sẵn cho các cá nhân ly thân hay các cặp đang gặp khủng hoảng. Các dịch vụ này cũng nên bao gồm việc các cá nhân gặp nhau nhằm tìm hiểu sơ khởi diễn trình hôn phối (xem *Mitis Iudex*, art. 2-3) (266).

245. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng cũng nhắc đến “các hậu quả của ly thân hay ly dị đối với con cái, trong mọi trường hợp, vốn là nạn nhân vô tội của tình huống” (267). Không kể mọi xem xét khác, lợi ích của con cái phải là quan tâm hàng đầu, chứ không bị che khuất bởi bất cứ quyền lợi hay mục tiêu kín đáo nào khác. Tôi xin ngỏ với các cha mẹ đã ly thân lời kêu gọi này: “Anh

chị em đừng bao giờ bắt con cái làm con tin! Anh chị em ly thân vì nhiều vấn đề và lý do. Đời sống đem lại cho anh chị em thử thách này, nhưng con cái anh chị em không nên phải gánh cái gánh nặng ly thân này hay bị dùng làm con tin chống người phối ngẫu kia. Chúng nên được lớn lên mà tai thì được nghe mẹ chúng nói tốt cho cha chúng, cho dù chúng không còn ở với nhau nữa, và cha chúng nói tốt cho mẹ chúng” (268). Quả là vô trách nhiệm khi làm mất uy tín của cha mẹ kia như phương thế chiếm tình âu yếm của con cái, hay để trả thù hoặc tự biện minh cho mình. Làm thế sẽ ảnh hưởng tới sự thanh tĩnh nội tâm của con cái và gây nên những vết thương khó lành.

246. Trong khi lượng giá các hoàn cảnh tranh chấp vốn là thành phần của hôn nhân, Giáo Hội không thể không lên tiếng nhân danh những người dễ bị thương tổn hơn cả: đó là các trẻ em thường chịu đau khổ trong thầm lặng. Ngày nay, “bất kể các nhạy cảm xem ra tiến bộ của ta và nhiều cuộc phân tích tâm lý tinh tế, tôi vẫn phải tự hỏi mình xem có phải chúng ta đang trở nên tệ công đôi với các thương tích trong linh hồn trẻ em... Chúng ta có cảm nhận được gánh nặng tâm lý mênh mông của các trẻ em trong các gia đình có các thành viên đối xử tệ bạc và làm thương tổn nhau, đến độ phá vỡ cả các mối dây trung tín vợ chồng không? “ (269). Những trải nghiệm tai hại này không giúp các trẻ em lớn lên trong sự trưởng thành, rất cần cho việc thực hiện các cam kết dứt khoát. Vì lý do này, các cộng đồng Kitô hữu không nên bỏ rơi các cha mẹ ly dị đã bước vào cuộc kết hợp mới, nhưng nên bao gồm và nâng đỡ họ trong cố gắng dưỡng nuôi con cái của họ. “Làm thế nào ta có thể khuyến khích các cha mẹ này làm mọi sự có thể làm để dưỡng dục con cái họ trong đời sống Kitô hữu, làm gương cho chúng về một đức tin có cam kết và thực tiễn, nếu ta giữ họ ở một khoảng cách xa đời sống cộng đồng, như thể họ bị tuyệt thông cách nào đó? Ta phải từ bỏ việc hành xử theo cách chất thêm gánh nặng mà trẻ em trong các hoàn cảnh này vốn đã phải vác rồi!” (270). Giúp hàn gắn các vết thương của cha mẹ và nâng đỡ họ về thiêng liêng cũng mang lợi lại ích cho các trẻ em, vì các em rất cần gương mặt thân quen của Giáo Hội biết nhìn chúng xuyên qua trải nghiệm gây chấn thương này. Ly dị là một sự xấu và con số càng ngày càng tăng các vụ ly dị là điều gây nhiều bối rối. Do đó, trọng trách mục vụ hàng đầu của ta đối với các gia đình là củng cố tình yêu của họ, giúp hàn gắn các vết thương và cố gắng ngăn ngừa việc lan tràn thứ bị kịch của thời ta này.

Một số hoàn cảnh phức tạp

247. “Các vấn đề liên quan tới các cuộc hôn nhân hỗn hợp cần được đặc biệt lưu ý. Các cuộc hôn nhân giữa người Công Giáo và người đã được rửa tội khác ‘có bản chất đặc thù riêng của chúng, nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố ta rất có thể sử dụng và khai triển được, cả vì giá trị nội tại của chúng lẫn vì sự đóng góp mà chúng có thể đem đến cho phong trào đại kết’. Vì mục đích này, ‘cần cố gắng thiết lập sự hợp tác thân ái giữa các thừa tác viên Công Giáo và không Công Giáo từ lúc chuẩn bị hôn nhân tới nghi lễ hôn phối’ (*Familiaris Consortio*, 78). Liên quan tới việc chia sẻ Thánh Thể, ‘quyết định có cho bên không Công Giáo rước lễ hay không thì phải theo các qui định tổng quát hiện hành, cả đối với các Kitô hữu Đông Phương lẫn các Kitô hữu khác, có tính tới hoàn cảnh đặc thù trong việc lãnh nhận bí tích hôn phối bởi hai Kitô hữu đã chịu phép rửa. Dù các người phối ngẫu trong cuộc kết hôn hỗn hợp cùng chia sẻ chung các bí tích rửa tội và hôn phối, nhưng việc chia sẻ Thánh Thể chỉ có thể là ngoại lệ và trong mỗi trường hợp đều phải phù hợp với các qui luật đã tuyên bố’ (Hội Đồng Giáo Hoàng về Cổ Vũ Sự Hợp Nhất Kitô Giáo, *Directory for the Application of Principles and Norms on Ecumenism*, 25 tháng 3, 1993, 159-160)” (271).

248. “Các cuộc hôn nhân khác đạo giúp ta có môi trường rất tốt để đối thoại liên tôn trong cuộc sống hàng ngày... Chúng đặt ra nhiều khó khăn đặc biệt, liên hệ cả tới căn tính gia đình lẫn việc dưỡng dục con cái... Con số các gia đình phát xuất từ các cuộc hôn nhân khác đạo, hiện đang gia tăng ở cả các nước truyền giáo lẫn các nước có truyền thống Kitô Giáo lâu đời, đòi phải cung cấp một việc chăm sóc mục vụ dị biệt hóa tùy theo bối cảnh xã hội và văn hóa khác nhau. Tại một số quốc gia, nơi không có tự do tôn giáo, người phối ngẫu Kitô Giáo bị buộc phải qua tôn giáo của người kia mới có thể lấy nhau được, và không thể cử hành một hôn lễ khác đạo hoặc cho con cái rửa tội. Do đó, ta phải tái khẳng định việc tôn trọng tự do tôn giáo khi giao dịch với bất cứ ai” 272. “Điều chủ yếu là phải lưu ý đặc biệt tới những con người kết hợp nhau trong cuộc hôn nhân này, không phải chỉ trong thời kỳ trước hôn lễ mà thôi. Các cặp và các gia đình trong đó, một người phối ngẫu là Công Giáo còn người kia không có đức tin, đang gặp nhiều thách đố đặc biệt. Trong những trường hợp như thế, điều cần là phải làm chứng cho người ta thấy Tin Mừng có khả năng giải quyết các hoàn cảnh này cách tường tận, khiến cho việc dưỡng dục con cái trong đức tin trở nên khả hữu” (273).

249. “Rửa tội cho những người bị kẹt trong các hoàn cảnh hôn nhân phức tạp là một trong những điều rất khó khăn. Đây là những kết ước hôn nhân trong đó, ít nhất một trong hai người không biết gì về đức tin Kitô Giáo. Trong những trường hợp như thế, các vị giám mục được mời gọi thực hành biện phân mục vụ một cách thích đáng để giúp những người này về phương diện thiêng liêng” (274).

250. Giáo Hội nhận thái độ của Chúa Giêsu làm thái độ của mình: Người hiến tặng lòng yêu thương vô bờ của Người cho từng người không trừ ai (275). Trong Thượng Hội Đồng, chúng ta đã thảo luận hoàn cảnh của các gia đình có các thành viên cảm nghiệm sự lôi cuốn đồng tính luyến ái, một hoàn cảnh không dễ dàng gì đối với cả cha mẹ lẫn con cái. Trước bất cứ điều gì khác, chúng ta muốn tái xác nhận rằng mọi con người, bất chấp khuynh hướng tính dục, phải được tôn trọng trong chính phẩm giá của họ và được đối xử ân cần, trong khi ‘mọi dấu hiệu kỳ thị bất công’ phải được thận trọng xa tránh (276), nhất là bất cứ hình thức gây hấn hay bạo lực nào. Các gia đình như thế nên nhận được sự hướng dẫn mục vụ đầy kính trọng, để những ai biểu lộ khuynh hướng đồng tính nhận được sự trợ giúp họ cần để hiểu biết và thi hành trọn vẹn thánh ý Thiên Chúa trong đời sống họ (277).

251. Khi thảo luận phẩm giá và sứ mệnh gia đình, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhận xét rằng, “Đối với các kế hoạch nhằm công nhận tư thế bình đẳng về hôn nhân cho các cuộc kết hợp giữa những người đồng tính luyến ái, thì không có bất cứ căn bản nào để so sánh hay thiết lập một loại suy nào, dù là xa xôi, giữa các cuộc kết hợp đồng tính và kế hoạch mà Thiên Chúa vốn dành cho hôn nhân và gia đình”. Không thể chấp nhận được việc “các Giáo Hội địa phương nhường bước trước các áp lực về vấn đề này, cũng như việc các tổ chức quốc tế đặt điều kiện cho các nước nghèo phải ban hành các đạo luật thiết lập ra cuộc hôn nhân giữa những người cùng giới tính nếu muốn được trợ giúp về tài chánh” (278).

252. Các gia đình chỉ có cha hoặc mẹ thường phát sinh từ việc “mẹ hoặc cha ruột (theo sinh học) không muốn là thành phần của gia đình; do các hoàn cảnh bạo hành khiến cha hay mẹ phải trốn chạy với các con; do một người trong cha mẹ qua đời, cha hay mẹ bỏ bê gia đình, và do nhiều hoàn cảnh khác nữa. Bất cứ do nguyên nhân nào, người cha hay người mẹ sống với đứa con luôn phải tìm sự nâng đỡ và an ủi từ các gia đình khác trong cộng đồng Kitô hữu, và từ các chương trình nổi

vòng tay mục vụ của giáo xứ. Các gia đình này thường chịu ảnh hưởng nặng nề bởi các vấn đề kinh tế, bởi sự bất trắc, không an toàn về việc làm, bởi khó khăn trong việc bảo dưỡng con cái, bởi việc không có nhà ở” (279).

Khi sự chết làm chúng ta cảm nhận nọc độc của nó

253. Có lúc, đời sống gia đình bị thách thức bởi sự chết của một người thân yêu. Ta không thể không đề xuất ánh sáng đức tin làm lực chống đỡ các gia đình đang trải qua cảm nghiệm này (280). Quay lưng với một gia đình tang chế là chứng tỏ mình thiếu lòng thương xót, là đánh mất cơ hội mục vụ, là đóng cửa đối với các cố gắng rao giảng Tin Mừng khác.

254. Tôi có thể hiểu nỗi buồn sâu của những người mất người mình hết sức yêu thương, tức người phối ngẫu họ đã chia sẻ nhiều điều xiết bao. Chính Chúa Giêsu cũng đã hết sức xúc động và bật khóc trước cái chết của một người bạn (xem Ga 11:33, 35). Và làm thế nào ta mới bắt đầu hiểu được sự tiếc thương của những cha mẹ mất một đứa con? “Nhu thể thời gian bỗng dừng lại: một vực sâu bỗng mở ra nuốt trửng cả quá khứ lẫn tương lai”, và “có lúc, chúng ta còn đi xa đến nỗi oán trách, đổ lỗi cho chính Thiên Chúa. Nhiều người, tôi rất hiểu họ, đã nổi giận với Thiên Chúa xiết bao” (281). “Mất người phối ngẫu là điều đặc biệt khó khăn... Từ giây phút chịu sự mất mát, một số người biểu lộ được khả năng tập trung năng lực của họ vào việc tận tụy nhiều hơn cho các con và các cháu, tìm thấy trong cảm nghiệm yêu thương này một cảm thức đổi mới về sứ mệnh nuôi dưỡng con cái... Những ai không có thân nhân để chia sẻ thì giờ và để nhận được tình âu yếm, nên được cộng đồng Kitô hữu giúp đỡ với sự lưu ý và sẵn sàng đặc biệt, nhất là khi họ nghèo túng” (282).

255. Thông thường, diễn trình tang chế chiếm khá nhiều thì giờ, và khi một mục tử phải đồng hành với diễn trình này, ngài phải thích ứng với các đòi hỏi của từng giai đoạn. Toàn bộ diễn trình này đầy những câu hỏi: về các lý do tại sao người thân của họ lại phải chết, về tất cả các sự việc đáng lý đã được làm, về việc khi chết, người ta cảm nghiệm những gì. Với một diễn trình cầu nguyện thành thực và kiên nhẫn cũng như giải thoát nội tâm, bình an sẽ trở lại. Có những lúc đặc biệt, ta phải giúp người đang có tang chế hiểu ra rằng sau cái chết của người thân yêu, ta vẫn còn một sứ mệnh phải thi hành, và chẳng ích gì cho ta nếu cứ kéo dài sự đau khổ, như thể đây là một hình thức báo đáp. Người thân yêu của ta không cần sự đau khổ của ta, họ cũng chẳng vui về gì khi ta hủy hoại đời ta. Cũng không phải là một cách phát biểu lòng yêu thương tốt nhất khi ta cứ mãi nghĩ tới họ, nhắc tới tên họ hoài vì điều này tùy thuộc quá khứ thay vì tiếp tục yêu thương họ dù nay họ đang ở một chỗ khác. Họ không thể hiện diện về thể lý với ta được nữa, ấy thế nhưng bất chấp sức mạnh của sự chết, “lòng yêu thương vẫn mạnh như sự chết” (Dc 8:6). Lòng yêu thương bao gồm trực giác giúp ta khả năng nghe vô thanh và nhìn vô hình. Điều này không có nghĩa tưởng tượng ra người thân yêu của ta như lúc trước, nhưng là khả năng biết chấp nhận họ đã thay đổi như hiện nay. Khi bà bạn Maria muốn ôm lấy Người, Chúa Giêsu sống lại nói với bà đừng đụng đến Người (xem Ga 20:17), để hướng dẫn bà tới một loại gặp gỡ khác.

256. Quả là một an ủi cho ta khi biết rằng những người chết không hoàn toàn qua đi, và đức tin bảo đảm với ta rằng Chúa sống lại không bao giờ bỏ rơi ta. Do đó, ta có thể “ngăn cản, không cho sự chết chuốc độc sự sống, không biến lòng yêu thương ta ra không, không đẩy ta xuống vực thăm

tối tăm nhất” (283). Thánh Kinh nói với ta rằng Thiên Chúa vì yêu thương đã dựng nên ta và tạo nên ta một cách khiến đời ta không kết liễu với cái chết” (xem Kn 3:2-3). Thánh Phaolô nói với ta về cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô liền sau khi chết: “ước nguyện của tôi là ra đi và được ở với Chúa Kitô” (pl 1:23). Với Chúa Kitô, sau cái chết, đang chờ đợi ta, là “điều Thiên Chúa đã chuẩn bị cho những kẻ yêu thương Người” (1Cr 2:9). Kinh Tiền Tụng của Phụng Vụ Người Chết trình bày một cách đẹp đẽ như thế này: “dù việc chắc chắn phải chết làm chúng con buồn sầu, chúng con vẫn được an ủi nhờ lời hứa trường sinh tương lai. Vì sự sống của những người tin vào Chúa, lạy Chúa, không chấm dứt mà chỉ thay đổi”. Quả thế, “những người thân yêu của chúng con không mất vào tối tăm nhưng không; niềm hy vọng bảo đảm với chúng con rằng họ đang ở trong bàn tay tốt lành và mạnh mẽ của Thiên Chúa” (284).

257. Một cách để duy trì hiệp thông với những người thân yêu của ta là cầu nguyện cho họ (285). Thánh Kinh nói với ta rằng “cầu nguyện cho người chết” là “điều thánh thiện và đạo đức” (2Mcb 12:44-45). “Lời cầu nguyện của ta cho họ có khả năng không những giúp họ, mà còn làm cho lời cầu bầu của họ cho ta được hữu hiệu” (286). Sách Khải Huyền mô tả các vị tử đạo cầu bầu cho những người chịu bắt công trên trái đất (xem Kh 6:9-11), trong tình liên đới với thế giới này và với lịch sử của nó. Một số vị thánh, trước khi qua đời, đã an ủi người thân yêu của mình bằng cách hứa với họ rằng các ngài sẽ ở gần để giúp đỡ họ. Thánh Têrêxa thành Lisieux mong được tiếp tục làm điều tốt từ trên thiên đàng (287). Thánh Đa Minh quả quyết rằng “ngài sẽ giúp đỡ nhiều hơn sau khi qua đời... mạnh mẽ hơn trong việc xin ban ơn” (288). Tất cả đều là “đây nổi kết yêu thương” thực sự (289), vì “sự kết hợp của những người đang đi đường với anh chị em đang nghỉ yên trong Chúa không hề bị ngưng trệ... [nhưng] được tăng cường nhờ việc trao đổi các thiện ích thiêng liêng” (290).

258. Nếu ta chấp nhận sự chết, ta có thể chuẩn bị cho nó. Cách chuẩn bị là lớn mạnh trong lòng yêu thương đối với những người đang sánh bước với ta, cho tới ngày “sự chết không còn nữa, tang chế và khóc thương cùng đau đớn sẽ không còn nữa” (Kh 21:4). Do đó, ta sẽ sẵn sàng đi gặp lại những người thân yêu đã ra đi. Chúa Giêsu đã “trao lại cho mẹ cậu” (xem Lc 7:15) người con trai đã chết thế nào, thì điều này cũng sẽ xảy ra với chúng ta như thế. Ta đừng nên phí năng lực vào việc bám lấy quá khứ xa xôi. Ta càng sống tốt trên trái đất này thì hạnh phúc ta sẽ càng được hưởng với những người thân yêu của ta ở trên thiên đàng càng lớn. Ta càng có khả năng trưởng thành và phát triển ở đời này, thì ta càng có thể mang nhiều ơn phúc hơn vào bàn tiệc nước trời.

Chương VII: Hướng tới việc giáo dục con cái tốt hơn

259. Cha mẹ luôn ảnh hưởng tới việc phát triển con cái về luân lý, hoặc tốt hoặc xấu. Thành thử, họ nên đảm nhiệm vai trò chủ chốt này và thi hành nó một cách có ý thức, hăng hái, hữu lý và thích đáng. Vì vai trò giáo dục của các gia đình quan trọng như thế, và càng ngày càng phức tạp hơn, nên tôi muốn thảo luận việc này một cách chi tiết.

Con cái ta đang ở đâu?

260. Các gia đình không thể là gì khác hơn là những nơi để nâng đỡ, chỉ bảo và hướng dẫn, bất kể họ phải tái suy nghĩ rất nhiều về các phương pháp sử dụng và khám phá ra những nguồn tài nguyên

mới mẻ. Cha mẹ cần cân nhắc việc họ muốn con cái họ phải giáp mặt với những điều gì, và việc này nhất thiết có nghĩa phải quan tâm đến việc ai sẽ cung cấp việc giải trí của chúng, ai sẽ vào phòng chúng qua ngã truyền hình và các dụng cụ điện tử, và chúng sẽ dùng thì giờ rảnh rỗi của chúng với những ai. Chỉ khi nào ta dành thì giờ cho con cái, nói với chúng một cách đơn sơ và đầy quan tâm về những điều quan trọng, và tìm ra các cách lành mạnh để chúng sử dụng thì giờ của chúng, ta mới có thể bảo vệ chúng khỏi nguy hại. Cảnh giác luôn là điều cần thiết và sao lãng không bao giờ có ích. Cha mẹ phải giúp chuẩn bị để trẻ em và các thiếu niên đương đầu được với các nguy cơ, như gây hấn, lạm dụng hoặc ghiền ma túy.

261. Tuy nhiên, ám ảnh không phải là giáo dục. Ta không thể kiểm soát mọi hoàn cảnh mà một đứa con có thể trải qua. Ở đây, điều mãi mãi đúng là “thời gian lớn hơn không gian” (291). Nói cách khác, khởi đầu một diễn trình là điều quan trọng hơn việc khống chế không gian. Nếu các cha mẹ cứ bị ám ảnh với việc phải biết cho bằng được con cái họ đang ở đâu và lo kiểm soát mọi chuyển động của chúng, thì họ chỉ tìm cách khống chế không gian. Nhưng việc này không hề là giáo dục, là củng cố và chuẩn bị để con cái đương đầu với các thách đố. Điều quan trọng hơn cả là khả năng âu yếm giúp chúng lớn mạnh trong tự do, già dặn, kỷ luật tổng thể và thực sự tự lập. Chỉ với cách này, con cái mới tiến tới chỗ sở đắc được các phương thế cần thiết để tự chống đỡ và hành động thông minh và khôn ngoan bất cứ khi nào đương đầu với các khó khăn. Như thế, vấn đề có thực chất ở đây không phải con cái ta đang ở đâu về phương diện thể lý, hay chúng đang ở với ai vào một lúc nhất định nào đó, mà đúng hơn chúng đang ở đâu về phương diện hiện sinh, chúng đang đứng ở đâu về phương diện xác tín, mục tiêu, ước muốn và giấc mơ. Các câu hỏi tôi muốn đặt ra cho các cha mẹ là: “ta có tìm cách hiểu con cái ta thực sự đang ‘ở đâu’ trong hành trình của chúng không? Linh hồn chúng đang ở đâu, ta có thực sự biết hay không? Và trên hết, ta có muốn biết hay không?” (292).

262. Nếu trưởng thành chỉ là việc phát triển một điều gì đó vốn đã có trong mã di truyền của ta, thì ít có việc gì cần phải làm. Nhưng sự khôn ngoan, phán đoán đúng và lương tri không tùy thuộc các nhân tố phát triển chỉ có lượng tính (quantitative), mà đúng hơn tùy thuộc cả một loạt sự việc cùng xuất hiện với nhau ở thẳm sâu mỗi con người, hay đúng hơn, ở chính cốt lõi tự do của ta. Việc không thể tránh được là mỗi đứa trẻ sẽ làm ta ngạc nhiên với những ý nghĩ và dự án phát sinh từ chính tự do ấy khiến ta phải suy nghĩ lại các ý nghĩ của chính ta. Đó là một điều tốt. Giáo dục là khuyến khích việc sử dụng tự do có trách nhiệm để xử lý các vấn đề một cách hợp lương tri và trí thông minh. Nó bao gồm việc đào luyện con người để họ sẵn sàng hiểu rằng đời sống của chính họ và đời sống của cộng đồng đang nằm trong tay họ, và tự do tự nó là một ơn phúc vĩ đại

Đào tạo đạo đức cho con cái

263. Các cha mẹ dựa vào nhà trường để bảo đảm việc học hành của con cái, nhưng không bao giờ uỷ quyền hoàn toàn cho người khác việc đào tạo chúng về phương diện luân lý. Việc phát triển về cảm giới và đạo đức tối hậu của một con người đặt cơ sở trên một kinh nghiệm đặc thù, tức tin rằng cha mẹ họ đáng tin cậy. Điều này có nghĩa: là những nhà giáo dục, cha mẹ, bằng tình âu yếm và gương sáng của họ, có trách nhiệm truyền dẫn vào con cái lòng tin thác và sự kính trọng triu mến. Khi con cái, bất chấp mọi lỗi lầm của chúng, không cảm nhận là chúng quan trọng đối với cha mẹ nữa, hay cha mẹ chúng thành thực quan tâm tới chúng nữa, thì việc này gây nên những vết thương sâu hoắm và nhiều khó khăn trên con đường trưởng thành của chúng. Việc thiếu vắng thể

lý hay xúc cảm này tạo ra vết thương lớn hơn so với bất cứ sự la mắng nào mà đứa con có thể lãnh nhận vì đã làm một điều gì sai

264. Cha mẹ cũng có trách nhiệm đào luyện ý chí của con cái mình, cổ vũ các thói quen tốt và khuynh hướng tự nhiên nghiêng về điều thiện. Điều này bao hàm việc trình bày cho chúng một số phương cách suy nghĩ và hành động đáng ước ao và có giá trị, như là thành phần của diễn trình lớn mạnh tiệm tiến. Ước muốn được hoà hợp vào xã hội, hay thói quen từ bỏ một khoái cảm tức khắc vì cuộc sống chung tốt đẹp và có trật tự hơn tự nó là một giá trị có thể gợi hứng cho đứa trẻ cởi mở hơn với các giá trị lớn hơn. Việc đào tạo luân lý nên luôn luôn diễn ra với các phương pháp tích cực và một cuộc đối thoại biết dạy đứa trẻ một cách nhạy cảm và biết sử dụng thứ ngôn ngữ mà đứa trẻ có thể hiểu được. Nó cũng cần diễn ra một cách qui nạp (inductively), để con cái học được cho mình sự quan trọng của một số giá trị, nguyên tắc và qui luật, đúng hơn là áp đặt những điều này như những chân lý tuyệt đối, không được đặt nghi vấn.

265. Làm điều đúng không phải chỉ là “việc phán đoán điều xem ra tốt nhất” hay biết rõ điều phải làm, dù việc này là việc quan trọng. Ta thường tỏ ra không nhất quán trong các xác tín của mình, bất kể chúng vững chắc ra sao; ngay khi lương tâm ta đưa ra một quyết định luân lý rõ ràng, nhiều nhân tố khác đôi lúc tỏ ra hấp dẫn và mạnh mẽ hơn. Ta cần phải tiến tới chỗ để điều tốt mà trí khôn có thể nắm được có khả năng bén rễ trong ta thành một xu hướng sâu xa về cảm xúc, một thèm khát sự thiện vượt quá mọi hấp dẫn khác và giúp ta hiểu ra rằng điều ta coi như tốt một cách khách quan cũng tốt “đối với ta” ở đây và bây giờ. Giáo dục đạo đức tốt bao gồm việc chỉ cho người ta thấy làm điều đúng là điều tốt đối với họ. Ngày nay, càng ngày người ta càng thấy việc đòi hỏi một điều gì đó cần đến cố gắng và hy sinh là điều kém hữu hiệu, mà không chịu chỉ cho người ta thấy rõ các ích lợi mà việc này có thể đem tới.

266. Các thói quen tốt cần được khai triển. Ngay các thói quen của tuổi thơ cũng có thể giúp diễn dịch các giá trị quan trọng đã được nội tâm hóa thành các lối hành động lành mạnh và vững bền. Người ta có thể có tinh thần xã hội và cởi mở với người khác, nhưng nếu trong một thời gian dài họ không được các vị trưởng thượng huấn luyện để nói được những câu như “xin vui lòng”, “cám ơn”, và “xin lỗi”, thì thiên hướng tốt ở bên trong sẽ không dễ dàng xuất hiện ra bên ngoài. Việc củng cố ý chí và việc lặp đi lặp lại một số hành động chuyên biệt chính là những viên gạch xây nên tác phong luân lý; không có việc lặp đi lặp lại một cách có ý thức, tự do và trân trọng một số khuôn thước của tác phong tốt, thì việc giáo dục luân lý không thể diễn ra. Chỉ ước muốn

267. Tự do là một điều kỳ diệu, nhưng nó cũng có thể bị tiêu tan và khuất dạng. Giáo dục luân lý phải đi đôi với việc vun sới tự do bằng các ý nghĩ, khuyến khích, áp dụng thực tiễn, kích thích, tưởng thưởng, gương sáng, mẫu mực, biểu tượng, suy tư, khích lệ, đối thoại và không ngừng suy nghĩ lại cách ta thực hiện các sự việc; tất cả những điều này có thể giúp ta phát triển các nguyên tắc ổn định nội tâm dẫn chúng ta tới chỗ làm điều thiện một cách tự phát. Nhân đức là một xác tín đã trở thành nguyên tắc hành động vững vàng ở bên trong. Như thế, đời sống nhân đức xây đắp, củng cố và lên khuôn tự do, kéo ta trở thành nô lệ cho các khuynh hướng hạ nhân phẩm và phản xã hội. Vì chính nhân phẩm cũng đòi mỗi người chúng ta phải “hành động từ một quyết định có ý thức và tự do, như được đánh động và lôi cuốn một cách có bản vị ngay từ bên trong” (293).

Giá trị của việc sửa trị như một thúc đẩy

268. Điều cũng có tính chủ yếu là giúp trẻ em và các thiếu niên hiểu ra rằng tác phong xấu có những hậu quả của nó. Chúng cần được khuyến khích biết đặt mình vào giày người khác và nhìn nhận các thương tích chúng đã gây ra. Một số hình phạt, những hình phạt dành cho tác phong hung hăng, phản xã hội, có thể có ích một phần cho mục tiêu này. Điều quan trọng là huấn luyện một cách chắc chắn để trẻ em biết xin tha thứ và sửa chữa sự thiệt hại đã làm cho người khác. Khi diễn trình giáo dục đã sinh hoa trái trong sự lớn mạnh của tự do bản thân, trẻ em sẽ tiến tới chỗ biết đánh giá điều này: quả là tốt đẹp được lớn lên trong một gia đình, và thậm chí chấp nhận các đòi hỏi mà diễn trình đào tạo nào cũng đặt ra.

269. Sửa trị cũng là một thúc đẩy bất cứ khi nào các cố gắng của con cái được đánh giá và thừa nhận, và chúng cảm nhận được sự tin tưởng không ngừng và kiên nhẫn của cha mẹ. Trẻ em nào được yêu thương sửa trị đều cảm thấy mình được chăm sóc; chúng thấy rõ: chúng là các cá nhân với các tiềm năng được công nhận. Việc này không đòi cha mẹ phải hoàn hảo, nhưng đòi họ phải có khả năng khiêm nhường biết nhìn nhận các giới hạn của mình và cố gắng cải thiện. Nhưng, một trong những điều con cái cần phải học từ cha mẹ là không nên giận quá mất khôn. Đứa con nào làm điều sai phải được sửa trị, nhưng không bao giờ bị coi như một kẻ thù hay một đối tượng để trút hết thất vọng lên đó. Người lớn cũng cần hiểu ra rằng một số loại tác phong có liên hệ với tính mỏng dòn và có giới hạn của tuổi trẻ. Thái độ lúc nào cũng nghiêng về trừng phạt chỉ gây hại chứ không giúp con cái hiểu ra rằng một số hành động nghiêm trọng hơn các hành động khác. Thái độ này chỉ dẫn tới thoái chí và giận hờn mà thôi: “Hỡi các bậc cha mẹ, đừng khiêu

270. Điều quan trọng là kỷ luật không được dẫn tới thoái chí, nhưng thay vào đó, phải là một kích thích để tiến bộ thêm. Làm thế nào để nội tâm hóa kỷ luật cách tốt nhất? Ta phải bảo đảm ra sao để kỷ luật là một giới hạn có tính xây dựng đặt ra cho hành động của đứa trẻ chứ không phải rào cản án ngữ đường phát triển của nó? Phải tìm ra sự cân bằng giữa hai cực đoan cùng có hại như nhau sau đây. Một là cố gắng làm mọi sự xoay quanh các thèm muốn của đứa con; các đứa con này sẽ lớn lên tuy ý thức được các quyền lợi, nhưng không ý thức được các trách nhiệm của chúng. Cực đoan kia là lấy mất khỏi đứa con việc ý thức được phẩm giá, căn tính bản thân và các quyền lợi của chúng; những đứa con này kết cục sẽ bị tràn ngập bởi bốn phận và nhu cầu phải thể hiện các ước muốn của người khác.

Tính hiện thực kiên nhẫn

271. Giáo dục luân lý bao hàm việc chỉ nên yêu cầu nơi đứa trẻ hay thiếu niên những điều không đòi hy sinh bất tương xứng, và chỉ nên đòi một mức cố gắng không dẫn tới oán hận hay bức bách. Thông thường, điều này được thực hiện bằng cách đề nghị các bước nhỏ có thể hiểu được, chấp nhận được và đánh giá được, dù có phải hy sinh cách tương ứng. Nếu không, vì đòi hỏi thái quá, ta liệu mình không nhận được gì. Một khi thoát khỏi uy quyền của ta, đứa trẻ dám ngưng, không làm điều tốt nữa.

272. Đào tạo đạo đức có lúc bị phê phán vì các trải nghiệm bỏ bê, thoái chí, thiếu tình âu yếm hay điển hình xấu trong việc làm cha mẹ. Các giá trị đạo đức bị liên kết với các hình ảnh tiêu cực của những nhân vật làm cha mẹ hay các bất cập của người lớn. Vì lý do này, ta nên giúp các thiếu niên biết rút ra các loại suy: tức đánh giá các giá trị được hiện thân tốt nhất nơi một số người gương mẫu, trong khi được thể hiện một cách bất toàn và tới những mức độ khác nhau nơi một số người khác. Đồng thời, vì do dự trước các trải nghiệm xấu, nên chúng cần được giúp đỡ trong diễn trình

hàn gắn nội tâm và nhờ thế lớn mạnh trong khả năng hiểu người khác và sống hòa bình với họ và cộng đồng rộng lớn hơn.

273. Khi đề xuất các giá trị, ta cần diễn tiến một cách chậm chậm, lưu ý tới cỡ tuổi và các năng khiếu của đứa trẻ, chứ không nên có tham vọng áp dụng các phương pháp cứng nhắc, thiếu mềm dẻo. Các đóng góp quý giá của tâm lý học và của các khoa học giáo dục vốn chứng minh sự cần thiết của một tiến độ tiệm tiến mới mong đạt được các thay đổi tác phong, nhưng chúng cũng chứng minh rằng tự do đòi hỏi nhiều mạng lưới và kích thích, vì để nó một mình, tự do không bảo đảm mang lại sự trưởng thành. Trong hoàn cảnh đời thực, tự do khá giới hạn và có điều kiện. Nó không hề là một khả năng thuần túy có thể chọn điều tốt trong tính tự phát hoàn toàn của nó. Người ta không luôn luôn phân biệt được một cách rõ ràng một hành vi “tự ý” (voluntary) với một hành vi “tự do”. Người ta có thể tự ý muốn một điều xấu với một sức mạnh lớn lao của ý chí, nhưng do một đam mê không cưỡng được hay do một nền giáo dục xấu. Trong trường hợp này, quyết định của họ rất tự ý, nó không mâu thuẫn với xu hướng của chính ý chí họ, nhưng nó đâu có tự do, vì họ đã trở nên bất lực, không thể không chọn lựa điều xấu này. Ta thấy điều này trong trường hợp người ghiền ma túy, khi anh ta muốn có ma túy, anh ta muốn nó hết sức, và vì bị lệ thuộc quá nên lúc này anh ta đâu còn khả năng đưa ra bất cứ quyết định nào khác. Thành thử, quyết định của anh ta là tự ý, nhưng đâu có tự do. Câu “để họ tự do chọn lựa” không có nghĩa gì đối với anh ta vì thực tế anh ta không thể chọn lựa, và để anh ta tiếp xúc với ma túy chỉ làm gia tăng sự lệ thuộc mà thôi. Anh ta cần sự giúp đỡ của người khác và một diễn trình giáo dục.

Đời sống gia đình như một khung cảnh giáo dục

274. Gia đình là trường học đầu tiên dạy các giá trị nhân bản, nơi ta học cách sử dụng tự do cách khôn ngoan. Một số khuynh hướng phát triển lúc tuổi thơ và bén rễ sâu đến nỗi chúng tồn tại suốt đời, hoặc như những lỗi cuốn gói với một giá trị đặc thù nào đó hay như việc tự nhiên không thích lối hành động nào đó. Nhiều người suy nghĩ và hành động một cách nào đó là vì họ cho cách này đúng đắn dựa vào những gì họ đã học, như thể được thẩm thấu, từ những năm tháng đầu đời: “Tôi được dạy như thế đó”. “Tôi được học làm như thế đó”. Trong gia đình, ta cũng có thể học cách biết phê phán một số sự điệp do các phương tiện truyền thông loan tải. Điều đáng buồn cần phải nói là một số chương trình truyền hình hay hình thức quảng cáo thường gây ảnh hưởng tiêu cực và cắt xén các giá trị vốn được khắc ghi trong đời sống gia đình.

275. Thời nay, thời bị lo âu xao xuyến và các tiến bộ nhanh chóng của kỹ thuật thống trị, một trong các trách vụ quan trọng nhất của các gia đình là cung cấp một nền giáo dục hy vọng. Điều này không có nghĩa ngăn cản con cái chơi các trò chơi điện tử, nhưng đúng hơn, tìm những cách để giúp chúng phát triển các khả năng phê phán, chứ đừng nghĩ có thể áp dụng tốc độ kỹ thuật số vào mọi sự ở trong đời được. Triền hạn các thêm muốn không có nghĩa bác bỏ chúng mà chỉ là hoãn việc thỏa mãn chúng mà thôi. Khi không giúp trẻ em hay các thiếu niên hiểu ra rằng có những điều cần phải biết chờ đợi, thì chúng dễ bị ám ảnh bởi việc phải thỏa mãn các nhu cầu tức khắc và phát triển thói hư “muốn nó ngay bây giờ”. Đây là một ảo tưởng lớn không hề cổ vũ tự do mà chỉ làm nó ra suy yếu. Mặt khác, ta được dạy phải trì hoãn một điều gì đó cho tới lúc thích đáng, ta học cách tự chủ và tránh xa các xung động bốc đồng của ta. Khi trẻ em hiểu ra rằng chúng phải chịu trách nhiệm đối với bản thân chúng, lòng tự trọng của chúng được phong phú hóa. Điều này, ngược lại, dạy chúng biết tôn trọng tự do của người khác. Hiển nhiên, việc này không có nghĩa mong trẻ em hành động như người lớn, nhưng nó cũng không có nghĩa đánh giá thấp khả năng lớn mạnh

của chúng trong tự do có trách nhiệm. Trong một gia đình lành mạnh, diễn trình học tập này thường diễn ra qua các đòi hỏi do cuộc sống chung đặt ra.

276. Gia đình là khung cảnh hàng đầu để xã hội hóa, vì nó là nơi đầu tiên ta học cách liên hệ với người khác, lắng nghe và chia sẻ, nhẫn nại và tỏ lòng tôn trọng, giúp đỡ nhau và sống như một. Trách vụ của giáo dục là làm chúng ta cảm nhận được điều này: thế giới và xã hội cũng là tổ ấm của ta; nó huấn luyện để ta biết sống với nhau trong tổ ấm rộng lớn hơn này. Trong gia đình, ta học tập sự gần gũi, chăm sóc và tôn trọng người khác. Ta phá vỡ tình trạng có tính định mệnh chỉ biết có mình và tiến tới chỗ hiểu ra rằng ta đang sống với và bên cạnh nhiều người khác đáng được ta quan tâm, tử tế và âu yếm. Sẽ không có bất cứ mối dây liên kết xã hội nào nếu không có việc sống cạnh nhau hàng ngày và hầu như cực nhỏ này, nếu không có những nẻo đường giao thoa vào những thời điểm khác nhau trong ngày, nếu không biết lưu tâm đến tất cả những gì tác động đến ta, nếu không giúp đỡ nhau qua những việc tầm thường nhỏ nhoi. Ngày nào, gia đình cũng phải nghĩ ra những cách mới mẻ để đánh giá và thừa nhận các thành viên của mình.

277. Cũng trong gia đình, ta có thể suy nghĩ lại các thói quen tiêu thụ của ta và góp phần vào việc săn sóc môi trường như căn nhà chung của ta. “Gia đình là tác nhân chính của một sinh thái toàn diện, vì nó là chủ thể xã hội hàng đầu chứa đựng trong mình hai nguyên tắc căn bản của nền văn minh nhân bản trên trái đất: nguyên tắc hiệp thông và nguyên tắc sinh hoa trái” (294). Cũng thế, những lúc khó khăn và bối rối trong đời sống gia đình có thể dạy ta nhiều bài học quan trọng. Điều này xảy ra khi bệnh hoạn, chẳng hạn, giáng xuống, vì “đôi đầu với bệnh hoạn, ngay trong các gia đình, khó khăn cũng sẽ lộ diện do yếu đuối của con người. Nhưng nói chung, thời gian bệnh hoạn giúp cho các mối dây liên kết gia đình lớn mạnh hơn... Nền giáo dục nào không khuyến khích sự nhạy cảm đối với bệnh tật của con người sẽ làm trái tim ra nguội lạnh; nó khiến người trẻ ‘bị gây mê’ trước nỗi đau khổ của người khác, hết khả năng đôi đầu với đau khổ và sống cảm nghiệm có giới hạn” (295).

278. Diễn trình giáo dục diễn ra giữa cha mẹ và con cái có thể nhận được trợ giúp hay cản trở từ sự tinh vi mỗi ngày một tăng của các phương tiện truyền thông và tiêu khiển. Khi được sử dụng tốt, các phương tiện này có thể rất hữu ích để nối kết các thành viên gia đình hiện đang sống xa nhau. Các liên lạc thường xuyên sẽ giúp vượt qua nhiều khó khăn (296). Tuy nhiên, điều rõ ràng là các phương tiện này không thể thay thế được nhu cầu phải đối thoại liên ngã và trực tiếp nhiều hơn, một cuộc đối thoại đòi sự hiện diện thể lý hoặc ít nhất cũng nghe được giọng nói của người kia. Ta biết rằng đôi khi các phương tiện này giữ người ta xa nhau hơn là ở với nhau, như khi đến giờ ăn, ai cũng bận “lướt sóng” (surf) trên điện thoại di động, hay khi một người phớt lờ ngấu thiếp ngủ trong lúc chờ người kia chơi với các dụng cụ điện tử cả hàng giờ. Đây cũng là một điều mà các gia đình cần phải thảo luận và giải quyết cách nào đó giúp khuyến khích việc tương tác qua lại mà không áp đặt các ngăn cấm không thực tiễn. Dù sao, ta không thể làm ngơ các nguy cơ mà các hình thức truyền thông mới này đặt ra cho trẻ em và các thiếu niên; đôi khi, chúng còn có thể cổ vũ sự lãnh cảm và xa rời thế giới thực nữa. Việc “tách rời kỹ thuật” này khiến các em dễ dàng bị thao túng bởi những người muốn xâm lăng không gian tư riêng của các em vì các quyền lợi ích kỷ.

279. Cũng không tốt đẹp gì nếu cha mẹ độc đoán. Khi làm cho con cái cảm thấy rằng chỉ có cha mẹ chúng mới đáng tin, thì điều này sẽ cản trở diễn trình xã hội hóa thoả đáng và lớn mạnh trong sự chín chắn về xúc cảm. Để giúp mở rộng mối liên hệ cha mẹ ra các thực tại rộng rãi hơn, “các

cộng đồng Kitô hữu được kêu gọi nâng đỡ sứ mệnh giáo dục của các gia đình” (297), nhất là qua việc dạy giáo lý liên quan đến việc khai tâm Kitô Giáo. Để phát huy một nền giáo dục toàn diện, ta cần “canh tân giao ước giữa gia đình và cộng đồng Kitô Giáo” (298). Thượng Hội Đồng muốn nhấn mạnh sự quan trọng của các trường Công Giáo, những định chế “đóng một vai trò sinh tử trong việc trợ giúp các cha mẹ trong bốn phận dưỡng dục con cái họ... Nên khuyến khích các trường Công Giáo trong sứ mệnh giúp học sinh lớn lên thành những người trưởng thành chín chắn biết nhìn thế giới với lòng yêu thương của Chúa Giêsu và hiểu đời sống như lời mời gọi phụng sự Thiên Chúa” (299). Vì lý do này, “Giáo Hội mạnh mẽ khẳng định quyền tự do của mình được giảng dạy giáo huấn của mình và quyền phản đối lương tâm của các nhà giáo dục” (300).

Nhu cầu giáo dục tính dục

280. Công Đồng Vatican II đề cập tới việc phải đem lại cho trẻ em và các thiếu niên “một nền giáo dục tích cực và khôn ngoan về tính dục khi họ đang lớn lên” với “trọng tâm thích đáng đặt vào các tiến bộ trong các khoa tâm lý, sư phạm và giáo khoa” (301). Ta nên tự hỏi liệu các định chế giáo dục của ta đã tiếp nhận thách đố này chưa. Quả thực không dễ bàn đến vấn đề giáo dục tính dục trong một thời đại trong đó, tính dục bị tầm thường hóa và nghèo nàn hóa. Nó chỉ có thể được xem xét bên trong khuôn khổ giáo dục lòng yêu thương và tự hiến cho nhau. Nhờ cách này, ngôn ngữ tính dục sẽ không bị nghèo nàn hóa một cách đáng buồn nhưng được soi sáng và phong phú hóa. Thúc đẩy tính dục có thể được điều hướng bằng diễn trình lớn mạnh trong việc tự biết và tự kiểm soát chính mình, những việc vốn có thể nuôi dưỡng các khả năng có giá trị để đạt tới niềm vui và những cuộc gặp gỡ yêu thương.

281. Giáo dục tính dục cung cấp tín liệu trong khi phải nhớ rằng trẻ em và các thiếu niên chưa đạt tới sự chín chắn trọn vẹn. Tín liệu phải được cung cấp đúng lúc và thích ứng với độ tuổi của các em. Nó sẽ không giúp được gì nếu áp đảo các em bằng đủ mọi dữ kiện mà không giúp chúng phát triển năng khiếu phê phán để xử lý cuộc tấn công vũ bão của các ý tưởng và gợi ý mới, của con lũ khiêu dâm và sức nặng kích thích vốn làm méo mó tính dục. Giới trẻ cần hiểu ra rằng họ đang bị oanh kích tới tấp bởi các sứ điệp vô bổ đối với việc tăng trưởng sự chín chắn của họ. Ta nên giúp đỡ để họ nhận ra và đi tìm các ảnh hưởng tích cực, trong khi xa tránh những điều có thể làm tê liệt khả năng yêu thương của họ. Ta cũng phải hiểu ra rằng ta cần “một ngôn ngữ mới và thích đáng hơn để dẫn nhập trẻ em và các thiếu niên vào chủ đề tính dục” (302).

282. Nền giáo dục tính dục nào cổ vũ được cảm thức thù mị nét na lành mạnh là nền giáo dục rất có giá trị, bất kể một số người ngày nay coi thù mị nét na như phế tích của một thời xa xưa. Thù mị nét na là một phương thế tự nhiên để ta bảo vệ sự tư riêng bản thân và ngăn ngừa ta khỏi trở thành những đối tượng bị lợi dụng. Không có cảm thức thù mị nét na này, lòng âu yếm và tính dục có thể bị giản lược chỉ còn là một ám ảnh đối với dục quan và các tác phong không lành mạnh vốn làm méo mó khả năng yêu thương của ta, và đối với các hình thức bạo lực tính dục có thể dẫn tới việc đối xử vô nhân đạo hoặc gây thương tích cho người khác.

283. Giáo dục tính dục thường chủ yếu bàn đến “việc bảo vệ” bằng cách thực hành việc “làm tình an toàn”. Các kiểu nói này chuyên chở một thái độ tiêu cực đối với cùng đích tự nhiên của tính dục là sinh sản, như thể đứa trẻ có thể sinh ra là một kẻ thù cần được phòng thủ. Kiểu suy nghĩ này cổ vũ lòng yêu mình thái quá (narcissism) và tính gây hấn thay vì chấp nhận. Điều luôn luôn vô trách nhiệm là mời gọi thiếu niên đùa bỡn với thân xác và các thèm muốn của họ, như thể họ đã

sở đắc được sự chín chắn, các giá trị, sự cam kết hỗ tương và các mục tiêu của riêng hôn nhân. Kết cục, vô tình, họ chỉ được khuyến khích sử dụng người khác như một phương tiện để thỏa mãn các nhu cầu hay các giới hạn của mình. Điều quan trọng là phải dạy họ biết nhạy cảm đối với các cách diễn tả khác nhau của lòng yêu thương, biết quan tâm và săn sóc lẫn nhau, biết tôn trọng một cách yêu thương và thông đạt có ý nghĩa sâu xa. Tất cả những điều này sẽ chuẩn bị để họ biết tự hiến thân một cách toàn diện và quảng đại, một hiến thân, sau khi đã công khai cam kết, sẽ được diễn tả qua việc hiến thân xác cho nhau. Do đó, kết hợp tính dục trong hôn nhân sẽ trở thành dấu hiệu của một cam kết bao trùm tất cả, được tất cả những gì đi trước nó phong phú hóa.

284. Giới trẻ không nên bị lừa trong việc lẫn lộn hai bình diện thực tại: “lôi cuốn tính dục tạm thời tạo nên ảo giác kết hợp, thế nhưng, nếu không có lòng yêu thương, ‘sự kết hợp’ này sẽ để những kẻ xa lạ mãi mãi xa lạ như trước” (303). Ngôn ngữ thân xác đòi phải có thời kỳ tập việc kiên nhẫn để học tập cách giải thích và vận dụng các thèm muốn để có thể tự hiến một cách chân chính. Khi tham vọng muốn lập tức cho đi mọi sự, rất có thể ta chẳng cho đi được gì. Hiểu rõ tính mỏng dòn và bối rối của người trẻ là một chuyện mà khuyến khích họ kéo dài sự thiếu chín chắn trong cách biểu lộ lòng yêu thương của họ lại là một chuyện khác hẳn. Nhưng ngày nay, ai nói tới những điều này? Ai có khả năng khiến người trẻ nghiêm túc? Ai giúp họ chuẩn bị cách nghiêm chỉnh để đón nhận lòng yêu thương vĩ đại và quảng đại này? Hiện nay, người ta rất coi nhẹ việc giáo dục tính dục.

285. Giáo dục tính dục cũng bao gồm việc tôn trọng và đánh giá cao các dị biệt, như một cách giúp giới trẻ thẳng vượt tính chỉ biết có mình ngõ hầu có thể cởi mở và chấp nhận người khác. Ngoài các khó khăn dễ hiểu mà các cá nhân có thể gặp phải, giới trẻ cần được giúp đỡ để chấp nhận thân xác họ như đã được tạo nên, vì “nghĩ rằng ta có quyền tuyệt đối trên thân xác ta, kết cục, một cách tinh tế, sẽ khiến ta nghĩ rằng ta có quyền tuyệt đối trên sáng thế... Biết đánh giá thân xác ta như là nam hay nữ cũng là điều cần thiết để ta tự biết mình trong cuộc gặp gỡ những người khác với ta. Nhờ cách này, ta có thể hân hoan chấp nhận các ơn phúc chuyên biệt của một người đàn ông hay một người đàn bà khác, vốn là công trình của Thiên Chúa Hóa Công, và tìm được sự phong phú hỗ tương” (304). Chỉ khi nào hết sợ khác biệt, ta mới thoát khỏi nỗi trạng lầy mình làm trung tâm, chỉ lưu tâm tới mình. Giáo dục tính dục nên giúp giới trẻ biết chấp nhận thân xác họ và tránh cái cao vọng muốn “triệt tiêu sự dị biệt giới tính vì không còn biết phải xử lý với nó ra sao” (305).

286. Ta cũng không thể làm ngơ sự kiện này: việc tạo hình cho cung cách hiện hữu của ta, bất kể là nam hay nữ, không hề chỉ là kết quả của các nhân tố sinh học hay di truyền học mà thôi, mà của nhiều yếu tố liên quan đến tính khí, lịch sử gia đình, văn hóa, kinh nghiệm, giáo dục, ảnh hưởng của bạn bè, các thành viên trong gia đình và những người được tôn kính, cũng như các hoàn cảnh đào tạo. Đúng là ta không thể tách biệt yếu tố nam yếu tố nữ ra khỏi công trình sáng tạo của Thiên Chúa, một công trình có trước mọi quyết định và kinh nghiệm của ta, và là nơi hiện hữu các yếu tố sinh học mà ta không thể làm ngơ. Nhưng điều cũng đúng là nam tính và nữ tính không phải là những phạm trù cứng nhắc. Cách hiện hữu như người nam của người chồng, chẳng hạn, có thể được thích ứng một cách mềm dẻo với lịch trình làm việc của người vợ. Nhận làm việc nhà hay một vài khía cạnh nuôi dưỡng con cái không làm người chồng bớt là đàn ông chút nào hay hàm nghĩa thất bại, vô trách nhiệm hay gây xấu hổ chi. Con cái cần được giúp đỡ để chấp nhận “các trao đổi” lành mạnh này như những chuyện bình thường, không hề làm giảm phẩm giá của người cha. Phương thức cứng nhắc sẽ biến thành việc quá nhấn mạnh tới yếu tố nam hay yếu tố nữ, và sẽ không giúp trẻ em và các thiếu niên biết đánh giá tính hỗ tương chân chính đã nhập thân trong

các điều kiện đích thực của hôn nhân. Sự cứng nhắc này, ngược lại, sẽ gây trở ngại cho việc phát triển các khả năng của cá nhân, đến độ dẫn họ tới chỗ nghĩ, chẳng hạn, rằng tập tành nghệ thuật hay khiêu vũ là không nam tính chút nào, hay thi hành quyền lãnh đạo là không nữ tính chút nào. Cám ơn Chúa, suy nghĩ này nay đã thay đổi, nhưng ở một số nơi, các quan niệm thiếu sót vẫn còn đang giới hạn quyền tự do chính đáng và gây trở ngại cho việc phát triển căn tính và tiềm năng chuyên biệt của trẻ em một cách chân chính.

Lưu truyền đức tin

287. Việc nuôi dưỡng con cái đòi phải có một diễn trình có thứ tự để lưu truyền đức tin. Việc này hiện đang bị làm cho khó khăn bởi các lối sống đương thời, các lịch trình làm việc và tính phức tạp của thế giới ngày nay, nơi nhiều người đang phải chạy đua với nhịp độ điên cuồng chỉ để sinh tồn (306). Dù thế, tổ ấm vẫn phải tiếp tục là nơi ta học cách biết đánh giá ý nghĩa và vẻ đẹp của đức tin, biết cầu nguyện và phục vụ người lân cận. Việc này bắt đầu với phép rửa, trong đó, như Thánh Augustinô từng nói, các bà mẹ mang con cái họ tới “hợp tác vào việc sinh hạ thánh thiêng” (307). Cuộc hành trình lớn mạnh trong sự sống mới này bắt đầu như thế đó. Đức tin là hồng ơn của Thiên Chúa, tiếp nhận được trong phép rửa, chứ không phải công trình của ta, thế nhưng cha mẹ là phương thể Chúa dùng để nó lớn lên và phát triển. Do đó, “quả là đẹp đẽ khi các bà mẹ dạy con thơ của mình hôn gió Chúa Giêsu và Đức Mẹ. Trong cử chỉ này, có biết bao yêu thương trong đó! Lúc ấy, trái tim đứa con trở thành một nơi cầu nguyện (308). Truyền thụ đức tin giả thiết cha mẹ phải tín thác thực sự nơi Thiên Chúa, tìm kiếm Người và cảm nhận được nhu cầu cần có Chúa, vì chỉ bằng cách này, “thế hệ này mới ca ngợi các công trình của Ngài cho thế hệ kia nghe, và công bố các kỳ công của Ngài” (Tv 144:4) và “các người cha cho con cái họ biết lòng trung tín của Ngài” (Is 38:19). Điều này có nghĩa: ta cần xin Chúa hành động trong trái tim chúng, tức những nơi chính ta không với tới được. Hạt mù-tạt, nhỏ nhoi là thế, đã trở nên cây lớn (xem Mt 13:31-32); điều này dạy ta nhìn thấy sự không tương xứng giữa hành động của ta và các hậu quả của những hành động này. Ta biết rằng ta không sở hữu hồng phúc này, nhưng ta được trao phó việc chăm sóc nó. Thế nhưng, cam kết có tính sáng tạo của ta tự nó là một lễ dâng giúp ta khả năng hợp tác với kế hoạch của Thiên Chúa. Vì lý do này, “các cặp vợ chồng và các cha mẹ nên được đánh giá thích đáng như các tác nhân tích cực trong việc dạy giáo lý... Dạy giáo lý trong gia đình rất có ích như một phương pháp hữu hiệu để huấn luyện các cha mẹ trẻ biết ý thức sứ mệnh làm những nhà truyền giảng Tin Mừng ngay trong gia đình mình” (309).

288. Giáo dục đức tin cần được thích ứng với từng đứa con, vì các tài nguyên và công thức cũ không luôn luôn hữu hiệu. Trẻ em cần các biểu tượng, hành động và truyện kể. Vì các thiếu niên thường có vấn đề đối với quyền bính và qui luật, nên tốt nhất, ta nên khuyến khích các trải nghiệm đức tin riêng của các em và cung cấp cho chúng những chứng từ hấp dẫn, những chứng từ chiếm được cảm tình chỉ nhờ vẻ đẹp của chúng mà thôi. Cha mẹ nào mong nuôi dưỡng đức tin của con cái đều phải nhạy cảm đối với các khuôn mẫu lớn mạnh của chúng, vì chúng biết rằng trải nghiệm tâm linh không được áp đặt mà phải được tự do đề xuất. Điều chủ yếu là con cái thực sự thấy được điều này: đối với cha mẹ chúng, cầu nguyện là một việc thực sự quan trọng. Bởi thế, những lúc gia đình cầu nguyện và các hành vi sùng kính có thể mạnh mẽ đối với việc truyền giảng Tin Mừng hơn cả các lớp giáo lý hay các bài giảng. Ở đây, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn cách riêng tới tất cả các bà mẹ vẫn tiếp tục cầu nguyện, như Thánh Monica, cho những đứa con đã lạc xa Chúa Kitô.

289. Công việc lưu truyền đức tin cho con cái, theo nghĩa làm dễ dàng việc phát biểu và lớn mạnh của nó, giúp toàn bộ gia đình trong sứ mệnh truyền giảng Tin Mừng của họ. Tự nhiên nó bắt đầu với việc truyền bá đức tin cho mọi người chung quanh họ, cả bên ngoài khung cảnh gia đình. Con cái lớn lên trong các gia đình có tinh thần truyền giáo thường sẽ trở nên các nhà truyền giáo; lớn lên trong các gia đình ảm cúng và thân thiện, chúng học được cách liên hệ với thế giới theo cách này, mà không từ bỏ đức tin và các xác tín của chúng. Ta biết rằng chính Chúa Giêsu đã ăn uống với các người tội lỗi (xem Mc 2:16; Mt 11:19), chuyện trò với người đàn bà Samaria (xem Ga 4:7-26), tiếp Nicôđêmo lúc đêm hôm (xem Ga 3:1-21), để một gái điếm rửa chân cho mình (xem Lc 7:36-50) và không do dự đặt tay lên người bệnh (xem Mc 1:40-45; 7:33). Điều này cũng đúng đối với các tông đồ của Người: các ngài không coi thường người khác, hoặc tụ tập thành những nhóm ưu tú nhỏ, tách biệt hẳn cuộc sống của dân mình. Dù các nhà cầm quyền xách nhiều các ngài, các ngài vẫn được “toàn dân” thương mến (Cv 2:47; xem 4:21, 33; 5:13).

290. Như thế, gia đình là một tác nhân của hành động mục vụ qua việc minh nhiên công bố Tin Mừng và di sản của nó gồm nhiều hình thức làm chứng: liên đới với người nghèo, cởi mở đối với các dị biệt giữa người ta, gìn giữ sáng thế, liên đới với các gia đình khác, nhất là những gia đình túng thiếu nhất, cả tinh thần lẫn vật chất, cả dấn thân cho việc cổ vũ ích chung bằng việc biến đổi các cơ cấu xã hội bất công, bắt đầu với khu vực họ sinh sống, tham gia các công việc thương người về tinh thần và thể xác” (310). Tất cả những điều này đều nói lên niềm tin sâu xa Kitô giáo của ta vào lòng yêu thương của Chúa Cha, Đấng luôn hướng dẫn và nâng đỡ ta, một lòng yêu thương được biểu hiện trong việc tự hiến hoàn toàn của Chúa Giêsu Kitô, Đấng nay vẫn đang sống giữa chúng ta và giúp chúng ta khả năng cùng nhau đương đầu với giông bão cuộc đời trong mọi giai đoạn của nó. Trong mọi gia đình, Tin Mừng cần được vang vọng trở lại, bất kể lúc thịnh vượng cũng như lúc gian nan, làm nguồn ánh sáng khắp nẻo đường đi. Mọi người chúng ta đều có thể nói được rằng nhờ kinh nghiệm sống trong gia đình “chúng ta đã tin vào lòng yêu thương mà Thiên Chúa dành cho chúng ta” (1Ga 4:16). Chỉ dựa vào kinh nghiệm này việc chăm sóc mục vụ của Giáo Hội dành cho các gia đình mới giúp họ trở nên vừa là Giáo Hội tại gia vừa là chất men của việc truyền giảng Tin Mừng trong xã hội.

Chương VIII: Đồng Hành, Biện Phân và Hội Nhập Sự Yêu Đuối

291. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng quả quyết rằng, mặc dù hiểu rõ: bất cứ việc phá vỡ dây hôn phối nào “cũng chống lại ý muốn của Thiên Chúa”, nhưng Giáo Hội cũng “ý thức được tính yếu đuối mỏng dòn nơi nhiều con cái của mình” (311). Được soi dẫn bởi ánh mắt của Chúa Giêsu Kitô, “Giáo Hội yêu thương hướng về những người chỉ tham dự vào đời sống của Giáo Hội một cách bất toàn, vì nhìn nhận rằng ơn Chúa cũng hoạt động trong đời họ bằng cách ban cho họ lòng can đảm để làm điều tốt, sẵn sóc lẫn nhau trong yêu thương và phục vụ cộng đồng nơi họ sống và làm việc” (312). Cách tiếp cận này cũng đã được củng cố nhân dịp cử hành Năm Thánh dành cho lòng thương xót này. Dù luôn duy trì lời kêu gọi phải hoàn thiện và yêu cầu người ta đáp trả Thiên Chúa cách trọn vẹn hơn, “Giáo Hội vẫn phải đồng hành một cách đầy lưu tâm và chăm sóc với những người yếu đuối nhất trong số con cái mình, từng biểu lộ nhiều dấu hiệu cho thấy một lòng yêu thương đầy thương tích và rối rắm, bằng cách phục hồi nơi họ niềm hy vọng và tin tưởng, giống

ngọn hải đăng ở bên cảng hay ngọn đuốc giữa đám đông nhằm soi sáng cho những ai lạc đường hay đang gặp giông bão” (313). Ta đừng quên rằng trách vụ của Giáo Hội thường giống như trách vụ của một bệnh viện dã chiến.

292. Là một phản ánh của sự kết hợp giữa Chúa Kitô và Giáo Hội của Người, hôn nhân Kitô Giáo được thể hiện đầy đủ trong sự kết hợp giữa một người đàn ông và một người đàn bà hiến thân cho nhau trong một lòng yêu thương tự do, trung thành và độc chiếm, những người thuộc về nhau cho tới chết và sẵn sàng truyền sinh, và được thánh hiến nhờ bí tích ban cho họ ơn thánh để trở nên một Giáo Hội tại gia và chất men gây sự sống mới cho xã hội. Một số hình thức kết hợp mâu thuẫn triệt để với lý tưởng này, trong khi nhiều hình thức khác thể hiện nó ít nhất từng phần và theo phương thức loại suy. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng quả quyết rằng Giáo Hội không coi thường các yếu tố xây dựng trong các hoàn cảnh chưa hoặc không còn tương hợp với giáo huấn về hôn nhân của mình nữa (314).

Tính tiệm tiến trong việc săn sóc mục vụ

293. Các Nghị Phụ cũng cần nhắc hoàn cảnh chuyên biệt của cuộc hôn nhân chỉ có tính dân sự hay cả việc chỉ sống chung với nhau, tuy có phân biệt thích đáng, bằng cách nhận định rằng “khi những cuộc kết hợp như thế đạt được một sự ổn định đặc thù, được luật pháp thừa nhận, có đặc điểm của một lòng âu yếm sâu đậm và có trách nhiệm đối với con cái, và chứng tỏ có khả năng vượt qua thử thách, thì chúng có thể tạo dịp cho việc săn sóc mục vụ với viễn ảnh sau cùng tiến tới việc cử hành hôn phối” (315). Đáng khác, một nguồn gây quan tâm là nhiều người trẻ ngày nay không tin tưởng hôn nhân và chỉ sống chung với nhau, hoãn cam kết hôn nhân vô hạn định, trong khi nhiều người khác phá bỏ cam kết đã đưa ra và lập tức sau đó bước vào một cam kết mới. “Là các chi thể của Giáo Hội, họ cũng cần được săn sóc về mục vụ, một săn sóc thương xót và đầy giúp đỡ” (316). Vì các mục tử của Giáo Hội không những có trách nhiệm phải cổ vũ hôn nhân Kitô Giáo mà còn phải “biện phân về mục vụ hoàn cảnh của rất nhiều người nay không còn sống thực tại này nữa. Bước vào cuộc đối thoại mục vụ với những người này là điều cần thiết để phân biệt được các yếu tố nào trong đời họ có thể dẫn đến sự cởi mở lớn hơn đối với Tin Mừng hôn nhân trong tính viên mãn của nó” (317). Trong việc biện phân mục vụ này, ta cần phải “nhận diện các yếu tố nào có thể cổ vũ việc truyền giảng Tin Mừng và việc tăng trưởng nhân bản và tâm linh” (318).

294. “Chọn kết hôn dân sự hay, trong nhiều trường hợp, chỉ đơn giản sống chung với nhau, thường không được thúc đẩy bởi thiên kiến hay đề kháng chống việc kết hợp bí tích, nhưng bởi các hoàn cảnh văn hóa hoặc ngẫu nhiên” (319). Trong các trường hợp như thế, ta cũng nên tỏ lòng kính trọng đối với các dấu hiệu yêu thương phần nào phản ánh lòng yêu thương của chính Thiên Chúa (320). Ta biết rằng hiện đang có “sự gia tăng liên tục trong con số những người, sau khi sống với nhau trong một thời gian dài, đã yêu cầu được cử hành hôn phối trong Giáo Hội. Đơn giản chỉ sống chung với nhau thường là một quyết định dựa trên thái độ tổng quát muốn chống đối bất cứ điều gì có tính định chế và dứt khoát; nó cũng có thể được thực hiện trong khi chờ đợi có nhiều an toàn hơn trong đời sống (việc làm ổn định và thu nhập đều đặn). Ở một số quốc gia, các cuộc kết hợp *de facto* (trên thực tế), xảy ra rất nhiều, không hẳn vì bác bỏ các giá trị liên quan tới hôn nhân và gia đình, mà chủ yếu vì việc cử hành hôn nhân bị coi là quá tốn kém trong nhiều hoàn cảnh xã hội. Thành thử, cảnh nghèo về vật chất đã đẩy người ta vào các cuộc kết hợp *de facto*” (321). Bất cứ là vì điều gì, “mọi hoàn cảnh này đòi một đáp ứng xây dựng, tìm cách biến đổi chúng thành các cơ hội có thể dẫn tới thực tại hôn nhân và gia đình trọn vẹn phù hợp với Tin Mừng. Những cặp

này cần được chào đón và hướng dẫn một cách kiên nhẫn và kín đáo” (322). Đó chính là cách Chúa Giêsu cư xử với người đàn bà Samaria (xem Ga 4:1-26): Người đề cập tới ước muốn được yêu thương đích thực của nàng, ngõ hầu giải thoát nàng khỏi đêm tối của đời nàng và đem nàng tới niềm vui trọn vẹn của Tin Mừng.

295. Theo các đường hướng trên, Thánh Gioan Phaolô II đã đề ra điều gọi là “luật tiệm tiến” vì biết rằng con người nhân bản “biết, yêu và thực hiện điều tốt về luân lý theo các giai đoạn tăng trưởng khác nhau” (323). Đây không phải là “tính tiệm tiến của lề luật” nhưng đúng hơn là tính tiệm tiến trong việc thi hành một cách khôn ngoan các hành vi tự do của những người chưa ở vị trí có thể hiểu, đánh giá hay thi hành trọn vẹn các đòi hỏi khách quan của lề luật. Vì lề luật tự nó là một ơn phúc của Thiên Chúa dùng để chỉ đường, một ơn ban cho mọi người không trừ ai; nó có thể được tuân giữ nhờ sự trợ giúp của ơn thánh, cho dù mỗi con người nhân bản “tiến bước từ từ với sự hội nhập tiệm tiến các ơn phúc Chúa ban cũng như các đòi hỏi của tình yêu dứt khoát và tuyệt đối của Thiên Chúa trong suốt cuộc sống bản thân và xã hội của họ” (324).

Biện phân các hoàn cảnh không hợp lệ (325)

296. Các Nghị Phụ đề cập tới nhiều hoàn cảnh yếu đuối hay bất toàn khác nhau. Ở đây, tôi muốn nhắc lại một điều mà tôi tìm cách minh xác với toàn thể Giáo Hội, kéo chúng ta theo đường lành: “có hai cách suy nghĩ đã diễn ra trong suốt lịch sử Giáo Hội: vứt bỏ và phục hồi. Từ thời Công Đồng Giêrusalem, đường lối của Giáo Hội vẫn luôn là đường lối của Chúa Giêsu, đó là con đường thương xót và phục hồi... Đường lối của Giáo Hội là không kết án ai mãi mãi; nó là việc tuân đổ dầu thơm thương xót của Thiên Chúa trên tất cả những ai kêu xin với một tâm hồn thành thực... Vì lòng bác ái chân thực luôn không cần công trạng, luôn vô điều kiện và nhưng không” (326). Thành thử, điều cần là phải “tránh các phán đoán không tính đến sự phức tạp của những hoàn cảnh khác nhau” và phải “nhất thiết lưu ý tới việc người ta chịu đau khổ ra sao vì hoàn cảnh của họ” (327).

297. Đây là vấn đề phải vươn tay ra với mọi người, phải giúp mỗi người tìm được cách riêng của họ để tham dự vào cộng đồng Giáo Hội và nhờ thế cảm thấy lòng thương xót “không cần công trạng, vô điều kiện và nhưng không” môn trón mình. Không ai có thể bị kết án mãi mãi vì điều này không phải là luận lý học của Tin Mừng! Ở đây, tôi không chỉ nói tới người ly dị và tái hôn, mà là mọi người, trong bất cứ hoàn cảnh nào họ rơi vào. Dĩ nhiên, nếu một ai đó phách lối coi một tội khách quan như thể là thành phần của lý tưởng Kitô Giáo, hay muốn áp đặt một điều gì đó khác hơn là điều được Giáo Hội dạy bảo, thì họ không hề có thể có tham vọng giảng dạy hay rao giảng cho người khác; đây là trường hợp nói đến một điều vốn tách biệt người ta khỏi cộng đồng (xem Mt 18:17). Người như thế cần lắng nghe lại sứ điệp của Tin Mừng và lời kêu gọi ăn năn của nó. Thế nhưng, ngay đối với họ, cũng vẫn có cách nào đó để tham dự vào đời sống cộng đồng, hoặc trong dịch vụ xã hội, các buổi tụ tập để cầu nguyện hay một cách khác do sáng kiến riêng của họ gợi ý, với sự biện phân của linh mục quản xứ. Còn về cách xử lý với các hoàn cảnh “không hợp lệ”, các nghị phụ Thượng Hội Đồng đã đạt được sự thoả thuận tổng quát và được tôi ủng hộ như sau: “Khi xem xét cách tiếp cận mục vụ với những người đã ký kết cuộc hôn nhân dân sự, những người ly dị và tái hôn, hay chỉ sống chung với nhau, Giáo Hội có trách nhiệm phải giúp đỡ họ hiểu rõ khoa sư phạm của Thiên Chúa trong đời sống họ và đề nghị với họ sự giúp đỡ để họ đạt tới sự viên mãn của kế hoạch Thiên Chúa dành cho họ” (328), một điều luôn có thể có nhờ quyền lực của Chúa Thánh Thần.

298. Những người ly dị đã bước vào một kết hợp mới, chẳng hạn, có thể rơi vào nhiều hoàn cảnh khác nhau, mà ta không nên nhồi nhét vào những cách xếp loại quá cứng nhắc, không chừa chỗ nào cho việc biện phân thích đáng có tính bản thân và mục vụ. Một chuyện là cuộc kết hợp thứ hai được củng cố với thời gian, có những đứa con mới, được chứng thực là trung thành, hiến thân quảng đại, có cam kết Kitô Giáo, ý thức tính bất hợp lệ của nó và cả sự khó khăn lớn lao này là nếu trở lại chắc chắn lương tâm sẽ cảm thấy có lỗi. Giáo Hội nhìn nhận các hoàn cảnh “trong đó, vì các lý do nghiêm túc, như việc dưỡng dục con cái chẳng hạn, người đàn ông và người đàn bà không thể thỏa mãn nghĩa vụ phải ly thân” (329). Cũng có những trường hợp của nhiều người, tuy cố gắng hết sức để cứu vãn cuộc hôn nhân đầu của họ nhưng vẫn bị bỏ rơi một cách bất công, hay “những người đã bước vào cuộc kết hợp thứ hai vì lý do dưỡng dục con cái, và đôi khi chủ quan tin chắc trong lương tâm rằng cuộc hôn nhân đầu, đã bị tan vỡ không thể cứu chữa, chưa bao giờ thành sự cả” (330). Tất cả những hoàn cảnh này là một chuyện, chuyện khác là cuộc kết hợp mới, phát sinh từ cuộc ly dị mới đây, với tất cả mọi đau khổ và bối rối có thể gây ra cho con cái và mọi gia đình, hay trường hợp một người liên li không chu toàn các nghĩa vụ của mình đối với gia đình. Ta phải luôn hiểu rõ rằng đây không hề là lý tưởng được Tin Mừng đề xuất cho hôn nhân và gia đình. Các nghị phụ Thượng Hội Đồng quả quyết rằng việc biện phân của các mục tử phải luôn diễn ra “bằng một việc phân biệt thỏa đáng” (332). Ta biết rằng không hề có “những công thức dễ dàng” (333).

299. Tôi nhất trí với nhiều nghị phụ Thượng Hội Đồng khi nhận định rằng “Những người đã rửa tội ly dị và tái hôn dân sự nên được hội nhập nhiều hơn vào các cộng đồng Kitô Giáo theo nhiều cách có thể, tránh mọi dịp gây gương xấu. Luận lý học của việc hội nhập này là chìa khóa cho việc đồng hành mục vụ với họ, không những để họ thấy họ vẫn thuộc về Nhiệm Thể Chúa Kitô là Giáo Hội, mà còn để họ có được một cảm nghiệm hân hoan và sinh hoa trái trong Nhiệm Thể ấy. Họ là người đã rửa tội, họ là anh chị em, Chúa Thánh Thần tuôn đổ các ơn phúc và đặc sủng vào trong họ để sinh ích cho mọi người. Sự tham dự của họ có thể được phát biểu trong nhiều việc phục vụ khác nhau trong Giáo Hội: nên Giáo Hội phải biện phân xem có thể hủy bỏ những hình thức nào trong số các hình thức loại trừ đang được áp dụng trong sinh hoạt phụng vụ, mục vụ, giáo dục và định chế. Không những họ không nên tự coi mình như bị tuyệt thông, mà họ còn cần được sống và lớn mạnh như các chi thể sống động của Giáo Hội, cảm nghiệm Giáo Hội như mẹ hiền vẫn đang đồng hành với họ, săn sóc họ một cách âu yếm, và khích lệ họ trên đường đời và đường Tin Mừng. Việc hội nhập này cũng cần thiết đối với việc săn sóc và giáo dục con cái họ, vốn phải được coi là quan trọng nhất” (334).

300. Nếu ta xét tới tính đa dạng vĩ đại trong các hoàn cảnh cụ thể như các trường hợp tôi vừa kể, thì dễ hiểu được việc: cả Thượng Hội Đồng lẫn Tông Huấn này đều không có hy vọng cung cấp được một loạt các qui định tổng quát mới, có bản chất giáo luật và có thể áp dụng cho mọi trường hợp. Điều có thể làm được đơn giản chỉ là một khuyến khích đối mới đối với việc phải đảm nhiệm việc biện phân các trường hợp đặc thù một cách có trách nhiệm, cả bản thân lẫn mục vụ, một việc biện phân biết thừa nhận điều này: vì “mức độ trách nhiệm không như nhau trong mọi trường hợp” (335), nên các hậu quả hay hiệu quả của một qui luật không luôn nhất thiết phải như nhau (336). Các linh mục có bổn phận phải “đồng hành [với người ly dị và tái hôn] trong việc giúp đỡ họ hiểu rõ hoàn cảnh của họ theo giáo huấn của Giáo Hội và các hướng dẫn của giám mục. Trong diễn trình này, điều hữu ích là việc xét lương tâm trong những giờ phút suy niệm và thống hối. Người ly dị và tái hôn nên tự vấn: mình đã hành xử ra sao với con cái khi kết hợp vợ chồng lâm khuynh hoảng; mình có cố gắng hay không để hòa giải; điều gì đã xảy ra cho bên bị bỏ rơi; mối liên hệ

mới gây ra những hậu quả nào cho những người khác trong gia đình và cho cộng đồng tín hữu; và mình đã làm gương ra sao đối với những người trẻ đang chuẩn bị hôn nhân. Một suy niệm nghiêm túc có thể sẽ tăng cường niềm tin thác vào lòng thương xót của Thiên Chúa, một lòng thương xót không bị từ chối cho bất cứ ai” (337). Điều ta đang nói đây là một diễn trình đồng hành và biện phân sẽ “hướng dẫn tín hữu ý thức được hoàn cảnh của họ trước mặt Thiên Chúa. Đàm đạo với vị linh mục, ở tòa trong, sẽ góp phần vào việc đào tạo phán đoán đúng về những gì đang gây trở ngại cho khả thể tham dự trọn vẹn hơn vào đời sống Giáo Hội và về các biện pháp có thể cổ vũ sự tham dự này và làm nó lớn mạnh. Xét vì tính tiệm tiến không có trong chính lề luật (*Familiaris Consortio*, 34), nên việc biện phân này phải luôn lưu ý tới các đòi hỏi chân lý và bác ái của Tin Mừng, như đã được Giáo Hội đề xuất. Để việc biện phân này diễn ra, các điều kiện sau đây nhất thiết phải hiện diện: khiêm nhường, theo ý muốn và yêu thương Giáo Hội cũng như giáo huấn của Giáo Hội, thành thực tìm kiếm thánh ý Thiên Chúa và ước muốn đáp ứng thánh ý Người cách trọn hảo hơn” (338). Các thái độ này là điều chủ yếu để tránh các nguy cơ hiểu lầm trầm trọng, như quan niệm cho rằng bất cứ linh mục nào cũng có thể nhanh chóng ban cấp “các luật trừ”, hoặc, một số người nào đó có thể nhận được các đặc ân bí tích nhờ việc đổi chác ân huệ. Khi một người có tinh thần trách nhiệm và khéo xử, vốn không có tham vọng đặt ước muốn của mình lên trên ích chung của Giáo Hội, gặp được một mục tử biết nhìn nhận tính nghiêm túc của vấn đề gặp phải, thì không thể có nguy cơ việc biện phân chuyên biệt này sẽ dẫn người ta tới chỗ nghĩ rằng Giáo Hội duy trì một tiêu chuẩn hai mặt.

Các yếu tố giảm khinh trong việc biện phân mục vụ

301. Để hiểu một cách thỏa đáng khả thể và nhu cầu biện phân đặc biệt trong một số hoàn cảnh “bất hợp lệ”, một điều luôn cần phải lưu ý, kéo có người nghĩ rằng các đòi hỏi của Tin Mừng đã bị thỏa hiệp cách nào đó chẳng. Giáo Hội sở đắc cả một tổng hợp suy tư chắc chắn liên quan tới các nhân tố và hoàn cảnh giảm khinh. Do đó, không thể đơn giản nói rằng tất cả những người trong bất cứ hoàn cảnh “bất hợp lệ” nào đều đang sống trong tình trạng tội trọng hay không có ơn thánh hóa. Ở đây, nhiều điều có liên quan chứ không phải chỉ là việc không biết qui luật. Một chủ thể rất có thể biết đầy đủ về qui luật, thế nhưng lại gặp khó khăn lớn trong việc hiểu rõ “các giá trị cố hữu của nó” (339) hay rơi vào một hoàn cảnh cụ thể không giúp họ hành động khác đi và quyết định cách khác mà không phạm tội thêm. Như các nghị phụ Thượng Hội Đồng đã nói “Có thể có các nhân tố khiến khả năng đưa ra quyết định trở thành hạn chế” (340). Chính Thánh Tôma Aquinô cũng nhìn nhận rằng một người nào đó có thể có ơn thánh và đức ái, nhưng lại không có khả năng thi hành bất cứ nhân đức nào một cách tốt đẹp (341); nói cách khác, dù một ai đó có thể có mọi nhân đức luân lý thiên phú, họ vẫn không biểu lộ được một cách rõ ràng sự hiện hữu của một trong các nhân đức này, vì việc thực hành nhân đức này ra bên ngoài đã bị làm cho khó khăn: “Người ta nói rằng một số vị thánh không có một số nhân đức nào đó, theo nghĩa các ngài cảm thấy khó khăn trong việc thực hiện chúng, cho dù các ngài có thói quen đối với mọi nhân đức” (342).

302. Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo nhắc đến các nhân tố này một cách rõ ràng: “việc quy tội và việc chịu trách nhiệm đối với một hành động có thể được giảm thiểu hay thậm chí triệt tiêu vì do không biết, vô ý, bị cưỡng ép, sợ hãi, thói quen, quyến luyến vô trật tự và các nhân tố tâm lý hay xã hội khác” (343). Trong một đoạn khác, Sách Giáo Lý một lần nữa nhắc đến “sự thiếu chín chắn về cảm giới, sức mạnh của thói quen đã mắc phải, các tình trạng lo âu xao xuyến hay các nhân tố tâm lý hay xã hội khác làm giảm khinh hay thậm chí xóa hẳn tính quy trách luân lý” (344). Vì lý do này, một phán đoán tiêu cực về một hoàn cảnh khách quan không hàm nghĩa một phán

đoán về việc quy trách hay qui tội người liên hệ (345). Dựa trên các xác tín này, tôi coi là thích đáng điều được nhiều nghị phụ Thượng Hội Đồng quả quyết: “Trong một số hoàn cảnh, người ta rất khó có thể hành động khác đi. Cho nên, dù vẫn duy trì qui luật tổng quát, nhưng cần phải thừa nhận rằng trách nhiệm đối với một hành động hay một quyết định nào đó không như nhau trong mọi trường hợp. Dù vẫn phải lưu ý tới việc đào tạo lương tâm thích đáng nơi người ta, nhưng việc biện phân mục vụ phải dự liệu các hoàn cảnh này. Ngay các hậu quả của các hành vi cũng không nhất thiết phải như nhau trong mọi trường hợp” (346).

303. Khi nhìn nhận ảnh hưởng của các nhân tố cụ thể như trên, ta có thể nói thêm rằng lương tâm cá nhân cần được xem xét tốt hơn bởi đường lối thực hành của Giáo Hội trong một số hoàn cảnh không hiện thân được một cách khách quan cái hiểu của ta về hôn nhân. Dĩ nhiên, phải cố gắng hết sức trong việc khuyến khích sự chín chắn của một lương tâm được soi sáng, được đào luyện và đồng hành nhờ sự biện phân có trách nhiệm và nghiêm túc của mục tử, và việc tín thác nhiều hơn vào ơn thánh Thiên Chúa. Thế nhưng, lương tâm không những có thể thừa nhận rằng một hoàn cảnh nhất định nào đó không tương ứng một cách khách quan với các đòi hỏi tổng quát của Tin Mừng. Nó còn có thể thành thực và trung thực nhìn nhận rằng đối với hiện nay, đây là đáp ứng quảng đại nhất có thể có đối với Thiên Chúa, và tiến tới chỗ nhìn thấy một cách khá chắc chắn rằng về phương diện luân lý thì đây là điều chính Thiên Chúa đòi hỏi giữa tính phức tạp cụ thể trong các giới hạn của họ, dù nó chưa trọn vẹn là lý tưởng khách quan. Dù sao, ta hãy nhớ rằng việc biện phân này có tính năng động; nó phải mãi mãi cởi mở đối với các giai đoạn tăng trưởng mới và các quyết định mới có khả năng giúp cho lý tưởng này được thể hiện cách trọn vẹn hơn.

Các qui luật và sự biện phân

304. Quả là hạn hẹp, khi chỉ xét xem liệu các hành động của cá nhân có tương hợp với một lề luật hay một qui luật tổng quát hay không, vì điều này không đủ để biện phân và bảo đảm việc trung thành trọn vẹn với Thiên Chúa trong cuộc sống cụ thể của con người nhân bản. Tôi khẩn khoản yêu cầu điều này: ta nên luôn nhớ giáo huấn của Thánh Tôma Aquinô và học cách biết lòng nó vào việc biện phân mục vụ của ta: “Dù có sự nhất thiết trong các nguyên tắc tổng quát, càng đề cập tới những điều đặc thù, ta càng gặp nhiều thiếu sót... Trái lại, trong phạm vi hành động, chân lý hay sự đúng đắn thực tế không như nhau trong mọi áp dụng đặc thù, mà chỉ trong các nguyên tắc tổng quát mà thôi; và nơi những người mà sự đúng đắn này hết như nhau trong các hành động riêng của họ, nó cũng không được mọi người biết đến như nhau... Càng đi vào chi tiết, càng gặp nhiều ngoại lệ” (347). Đúng là các qui luật tổng quát ấn định một điều tốt mà không bao giờ người ta được coi thường hay làm ngơ, nhưng trong công thức phát biểu của chúng, chúng không thể tuyệt đối dự liệu được mọi hoàn cảnh đặc thù. Đồng thời, cũng cần phải nói rằng: chính vì lý do này, ta không thể nâng điều vốn chỉ là một phần của việc biện phân thực tế trong các hoàn cảnh đặc thù lên hàng một qui luật. Điều này không những sẽ dẫn đến một thứ giải nghi học (casuistry) không thể dung thứ được, mà còn gây nguy cơ cho chính các giá trị mà ta cần phải đặc biệt thận trọng duy trì (348).

305. Chính vì vậy, mục tử không được cảm nhận điều này: chỉ cần áp dụng các lề luật luân lý vào những người đang sống trong các hoàn cảnh “bất hợp lệ” là đã đủ, như thể các lề luật này là những viên đá dùng để ném vào cuộc sống người ta. Đó là trường hợp khép kín cõi lòng của những người quen nấp đằng sau các giáo huấn của Giáo Hội, “ngồi trên tòa Môsê và phán xét các vụ án khó

khăn và các gia đình bị thương tích, đôi lúc một cách tự tôn và hời hợt” (349). Cũng trong đường hướng này, Ủy Ban Thần Học Quốc Tế đã nhận định rằng “không thể trình bày luật tự nhiên như một bộ các qui luật dứt khoát tự áp đặt một cách tiên thiên lên chủ thể luân lý; đúng hơn, nó là một nguồn gọi hứng khách quan cho diễn trình quyết định có tính bản vị sâu xa” (350). Vì các hình thức của điều kiện hóa và các nhân tố giảm khinh, rất có thể, dù ở trong một hoàn cảnh tội lỗi khách quan, một hoàn cảnh có thể không bị qui tội về phương diện chủ quan, một ai đó vẫn có thể sống trong ơn thánh Chúa, vẫn có thể yêu thương và lớn lên trong đời sống ơn thánh và đức ái, trong khi lãnh nhận sự giúp đỡ của Giáo Hội để tiến tới mục tiêu này (351). Việc biện phân phải giúp tìm ra các cách thể khả hữu để đáp trả Thiên Chúa và lớn lên giữa các giới hạn của người ta. Vì suy nghĩ mọi sự đều đen và trắng, nên đôi khi ta đóng kín đường ơn thánh và đường tăng trưởng, không khuyến khích các nẻo đường nên thánh nhằm đem vinh quang lại cho Thiên Chúa. Ta hãy nhớ điều này “giữa các giới hạn lớn lao của con người, một bước nhỏ cũng có thể làm vui lòng Thiên Chúa hơn cả một đời bề ngoài có vẻ đàng hoàng, nhưng không ngày nào phải đối đầu với khó khăn lớn lao” (352). Việc chăm sóc mục vụ thực tiễn của các mục tử và cộng đồng không thể không lưu ý tới thực tại này.

306. Trong mọi hoàn cảnh, khi xử lý với những người không gặp khó khăn trong việc sống luật Chúa cách trọn vẹn, lời mời gọi theo *via caritatis* (con đường đức ái) phải được nghe thật rõ ràng. Đức ái huynh đệ là luật đầu tiên của các Kitô hữu (xem Ga 15:12; Gl 5:14). Ta đừng quên những lời hứa hẹn của Sách Thánh: “hãy duy trì lòng yêu thương nhau liên li, vì lòng yêu thương che phủ rất nhiều tội lỗi” (1Pr 4:8); “hãy đoái tội lập công, bằng cách làm việc nghĩa, là tỏ lòng từ bi đối với người nghèo, may ra thời thịnh vượng của ngài sẽ được kéo dài” (Đn 4:24); “Nước dập tắt lửa hồng, bỏ thí đền bù tội lỗi” (Hc 3:30). Đây cũng là điều Thánh Augustinô truyền dạy: “cũng như lúc bị lửa đe dọa, ta chạy đi tìm nước để dập tắt nó... lúc ngọn lửa tội lỗi bùng lên từ đồng trấu lòng ta và ta bối rối, (và nếu) lúc đó có cơ hội thực hiện một việc thương xót, ta hãy hân hoan trong đó, như thể tìm được vòi nước để dập tắt ngọn lửa bùng” (353).

Luận lý của lòng thương xót mục vụ

307. Để tránh mọi hiểu lầm, tôi xin nhấn mạnh rằng Giáo Hội không hề chống lại việc đề xuất lý tưởng hôn nhân trọn vẹn, vốn là kế hoạch của Thiên Chúa trong mọi nét cao cả của nó: “Các người trẻ đã chịu phép rửa nên được khuyến khích để hiểu rằng bí tích hôn phối có thể phong phú hóa các triển vọng yêu thương của họ và họ có thể được nâng đỡ bởi ơn thánh của Chúa Kitô trong bí tích này và bởi khả năng tham dự trọn vẹn vào đời sống Giáo Hội” (354). Thái độ nửa nóng nửa lạnh, bất cứ loại duy tương đối nào, hay sự dè dặt không thích đáng nào trong việc đề xuất lý tưởng này, đều không trung thành với Tin Mừng cũng như thiếu lòng yêu thương của Giáo Hội dành cho giới trẻ. Tỏ sự hiểu biết đối với các hoàn cảnh ngoại lệ không bao giờ hàm nghĩa muốn làm lu mờ ánh sáng của lý tưởng trọn vẹn hơn này, hay đề xuất kém hơn điều Chúa Giêsu đã đề xuất cho con người nhân bản. Ngày nay, quan trọng hơn việc chăm sóc mục vụ đối với các trường hợp thất bại là cố gắng mục vụ phải làm sao củng cố các cuộc hôn nhân và do đó, ngăn cản chúng khỏi tan vỡ.

308. Đồng thời, từ việc ý thức được tầm quan trọng của các hoàn cảnh giảm khinh, cả tâm lý, lịch sử lẫn sinh học, mà ta có nhận định này “dù không sao lãng lý tưởng Tin Mừng, ta vẫn cần phải đồng hành một cách đầy thương xót và nhẫn nại với các giai đoạn có thể có trong việc tăng trưởng bản thân khi chúng xuất hiện từ từ”, chừa chỗ cho “lòng thương xót của Chúa, một lòng thương

xót thúc đẩy ta cố gắng hết sức” (355). Tôi hiểu những ai vẫn thích lối chăm sóc mục vụ khắt khe hơn, vốn không có chỗ cho mơ hồ. Nhưng tôi thành thực tin rằng Chúa Giêsu muốn có một Giáo Hội biết lưu ý tới điều tốt mà Chúa Thánh Thần vốn gieo vào giữa sự yếu đuối của con người, là một Bà Mẹ, dù lớn tiếng nói rõ giáo huấn khách quan của mình, “vẫn luôn làm bất cứ điều tốt nào có thể làm, cho dù trong khi làm thế, giày dép của mình bị vấy bẩn bởi đất bùn hè phố” (356). Khi đề xuất với tín hữu lý tưởng trọn vẹn của Tin Mừng và giáo huấn của Giáo Hội, các mục tử của Giáo Hội cũng phải giúp họ cư xử với những người yếu đuối một cách cảm thương, tránh làm bực mình hay phán đoán khắc nghiệt hoặc hấp tấp thái quá. Chính Tin Mừng cũng bảo ta đừng phán đoán hay kết án (xem Mt 7:1; Lc 6:37). Chúa Giêsu “mong ta ngưng việc tìm kiếm những hốc tường bản thân và cộng đoàn để tránh mọi rối loạn bất hạnh của con người, và thay vào đó, hãy bước vào thực tại đời sống người khác và biết được sức mạnh của lòng âu yếm. Bất cứ khi nào ta làm được như thế, đời ta đều trở nên phức tạp một cách kỳ diệu” (357).

309. Quả là ơn quan phòng khi các suy tư trên diễn ra trong Năm Thánh dành cho lòng thương xót, cũng vì khi đối đầu với nhiều hoàn cảnh khác nhau ảnh hưởng tới gia đình, “Giáo Hội được ủy nhiệm việc loan báo lòng thương xót của Thiên Chúa, trái tim sống động của Tin Mừng, một loan báo, theo cách riêng, phải đi thẳng vào tâm trí mỗi con người. Cô Dâu của Chúa Kitô phải rập khuôn tác phong của mình theo Con Thiên Chúa, Đấng đi tới mọi người, không trừ ai” (358). Giáo Hội biết rằng Chúa Giêsu là người chăn một trăm con chiên, chứ không phải chỉ có chín mươi chín con. Người yêu thương mọi con. Hiểu được như thế, “dầu thơm thương xót có thể sẽ lan tỏa tới mọi người, bất luận là tín hữu hay người xa lạ, như dấu hiệu cho thấy nước Thiên Chúa đã hiện diện giữa chúng ta rồi” (359).

310. Ta không thể quên rằng “lòng thương xót không những là hành động của Chúa Cha; nó đã trở thành một tiêu chuẩn để biết ai mới là con cái thực sự của Người. Nói tóm lại, ta được kêu gọi biểu lộ lòng thương xót vì lòng thương xót đã được biểu lộ với ta trước tiên” (360). Đây không phải là một sự lãng mạn nguyên tuyền hay một đáp trả nửa ấm nửa lạnh đối với tình yêu Thiên Chúa, một tình yêu luôn tìm kiếm điều tốt nhất cho ta, vì “lòng thương xót chính là nền tảng đời sống của Giáo Hội. Mọi sinh hoạt mục vụ của Giáo Hội phải được bảo bọc trong một tình âu yếm mà Giáo Hội vốn biểu lộ với các tín hữu; không điều gì trong việc rao giảng và làm chứng của Giáo Hội cho thế giới lại có thể thiếu lòng thương xót được” (361). Đúng là có lúc “ta hành động như những người nắm toàn quyền ơn thánh hơn là các điều giải viên của nó. Nhưng Giáo Hội không phải là phòng thuốc; nó là nhà của Chúa Cha, nơi có chỗ dành cho mọi người, với đủ mọi vấn đề của họ” (362).

311. Việc giảng dạy thần học luân lý nên kết hợp các xem xét trên, vì dù đúng là phải tỏ ra quan tâm đối với tính toàn vẹn trong giáo huấn luân lý của Giáo Hội, nhưng luôn phải tỏ ra quan tâm đặc biệt đối với việc nhấn mạnh và khuyến khích các giá trị cao cả nhất và có tính trung tâm nhất của Tin Mừng (363), nhất là tính ưu vị của đức ái như là một đáp trả đối với ơn phúc yêu thương hoàn toàn nhưng không của Thiên Chúa. Đôi lúc, ta thấy khó có thể dành chỗ cho lòng yêu thương vô điều kiện của Thiên Chúa trong sinh hoạt mục vụ của ta (364). Ta đặt quá nhiều điều kiện lên lòng thương xót đến nỗi ta làm rỗng hết ý nghĩa cụ thể và tầm quan trọng thực sự của nó. Đây là cách tệ hại nhất để làm loãng Tin Mừng. Chẳng hạn, đúng là lòng thương xót không loại trừ công lý và chân lý, nhưng trước hết và trên hết, ta phải nói rằng lòng thương xót chính là sự viên mãn của công lý và là biểu hiện ngời sáng nhất của chân lý Thiên Chúa. Vì lý do này, ta nên luôn coi

là “thiếu thỏa đáng bất cứ quan niệm thần học nào, cuối cùng, nghi vấn cả sự toàn năng của Thiên Chúa và, nhất là, lòng thương xót của Người” (365).

312. Điều trên đem lại cho chúng ta một khuôn khổ và một khung cảnh giúp ta tránh thứ luân lý có tính bàn giấy lạnh lùng trong việc xử lý các vấn đề nhạy cảm hơn. Thay vào đó, nó đặt ta vào bối cảnh biện phân mục vụ đầy tình yêu thương xót, luôn sẵn sàng hiểu biết, tha thứ, đồng hành, hy vọng và, trên hết, hội nhập. Đây là tư duy cần trời vượt trong Giáo Hội và dẫn ta tới chỗ “mở rộng lòng ta cho những người hiện đang sống tại những ngoại biên xa xôi nhất của xã hội” (366). Tôi khuyến khích các tín hữu đang rơi vào các hoàn cảnh phức tạp hãy tin tưởng nói chuyện với các mục tử của mình hay với các tín hữu giáo có đời sống gần gũi thân cho Chúa. Có thể không phải lúc nào họ cũng tìm được nơi các tín hữu này sự xác nhận đối với các ý nghĩ hay ước vọng của họ, nhưng chắc chắn họ sẽ nhận được một chút ánh sáng nào đó giúp họ hiểu rõ hơn hoàn cảnh của họ và tìm ra nẻo đường tăng trưởng bản thân. Tôi cũng khuyến khích các mục tử của Giáo Hội lắng nghe họ một cách nhạy cảm và thanh thản, với ước nguyện thành thực có thể hiểu được cảnh ngộ và quan điểm của họ, ngõ hầu giúp họ sống đời họ tốt hơn và thừa nhận chỗ đứng riêng của họ trong Giáo Hội.

Chương IX: Linh Đạo Hôn Nhân và Gia Đình

313. Bác ái mang nhiều sắc độ khác nhau, tùy ở bậc sống ta được mời gọi bước vào. Mấy thập niên trước đây, khi nói tới việc tông đồ giáo dân, Công Đồng Vatican II nhấn mạnh đến linh đạo phát sinh từ cuộc sống gia đình. Công Đồng quả quyết rằng linh đạo giáo dân “sẽ tiếp nhận đặc tính đặc thù của nó từ các hoàn cảnh... của cuộc sống hôn nhân và gia đình” (367), và “việc chăm sóc gia đình không nên xa lạ” đối với linh đạo này (368). Chúng ta nên dừng lại ở đây để mô tả một số đặc điểm căn bản của nền linh đạo chuyên biệt đang diễn ra trong đời sống gia đình và các mối liên hệ của nó.

Một nền linh đạo hiệp thông siêu nhiên

314. Ta đã luôn nói tới việc Thiên Chúa cư ngụ ra sao trong tâm hồn những người sống trong ơn thánh của Người. Hôm nay, ta có thể nói thêm rằng Chúa Ba Ngôi hiện diện trong đền thờ hiệp thông vợ chồng. Thiên Chúa cư ngụ trong các ca ngợi của dân Người thế nào (xem Tv 22:3), thì Người cũng cư ngụ sâu trong lòng yêu thương vợ chồng đang làm cho Người vinh quang như thế.

315. Nhan Thiên Chúa cư ngụ trong các gia đình cụ thể, có thực chất, với mọi rắc rối và đấu tranh, mọi vui tươi và hy vọng hàng ngày của họ. Sống trong một gia đình khiến chúng ta khó mà giả vờ hay gian dối được; ta không thể ẩn phía sau một mặt nạ. Nếu tính chân thực này được lòng yêu thương gọi hứng, thì Chúa ngự trị ở đó, cùng với niềm vui và sự bình an của Người. Linh đạo yêu thương gia đình được làm thành bởi hàng ngàn những cử chỉ nhỏ mọn nhưng có thực chất. Trong tính đa dạng của rất nhiều ơn phúc và gặp gỡ vốn phong phú hóa sự hiệp thông sâu sắc này, Thiên Chúa có nơi cư trú của Người. Sự tương quan hỗ tương này “đem thể nhân bản và thể thần linh lại với nhau” (369), vì nó được đổ đầy lòng yêu thương của Thiên Chúa. Xét cho cùng, linh đạo hôn nhân là linh đạo của dây ràng buộc trong đó có lòng yêu thương thần linh cư ngụ.

316. Trải nghiệm hiệp thông gia đình tích cực chính là nẻo đường nên thánh và tăng trưởng huyền nhiệm đích thực, một phương thế để kết hợp sâu xa hơn với Thiên Chúa. Các đòi hỏi có tính huynh đệ và cộng đoàn của đời sống gia đình là một thúc đẩy để tăng trưởng tính cởi mở của tâm hồn và do đó, gặp gỡ Chúa một cách trọn vẹn hơn. Lời Thiên Chúa nói với ta rằng “ai ghét anh em mình là ở trong bóng tối, và bước đi trong bóng tối” (1Ga 2:11); một người như thế “cư ngụ trong sự chết” (1Ga 3:14) và “không biết Thiên Chúa” (1Ga 4:8). Vị tiền nhiệm Bênêdictô XVI của tôi vốn nhấn mạnh rằng “khép mắt đối với người hàng xóm của ta cũng làm ta mù lòa đối với Thiên Chúa” (370) và, cuối cùng, lòng yêu thương chỉ còn là thứ ánh sáng “liên li chiếu sáng một thế giới đã trở nên tối tăm” (371). Nếu ta “yêu thương nhau, Thiên Chúa sẽ cư ngụ trong ta, và lòng yêu thương của Người sẽ được hoàn hảo trong ta” (1Ga 4:12). Vì “con người nhân bản có một chiều kích xã hội cố hữu” (372) và “biểu thức đầu tiên và nền tảng của chiều kích xã hội này chính là cặp vợ chồng và gia đình” (373), nên linh đạo trở thành nhập thể nơi sự hiệp thông của gia đình. Do đó, những người có hoài mong linh đạo sâu sắc không nên có cảm thức cho rằng gia đình làm họ sao lãng việc tăng trưởng trong sự sống Thần Khí, mà đúng hơn coi nó như nẻo đường Chúa dùng để dẫn họ tới đỉnh cao của việc kết hợp huyền nhiệm

Tụ tập nhau để cầu nguyện dưới ánh sáng Phục Sinh

317. Nếu gia đình đặt tâm điểm nơi Chúa Kitô, Người sẽ thống nhất và soi dẫn toàn bộ cuộc sống của nó. Những lúc đau buồn và khó khăn sẽ được trải nghiệm trong sự kết hợp với thập giá của Chúa, và sự gần gũi của Người sẽ giúp họ vượt qua được các khoảnh khắc đó. Trong những giờ phút đen tối nhất của đời sống gia đình, kết hợp với Chúa Giêsu trong cảnh bị bỏ rơi của Người sẽ giúp ngăn ngừa được cuộc tan vỡ. Dần dần, “với ơn thánh của Chúa Thánh Thần, [các người phối ngẫu] sẽ lớn lên trong sự thánh thiện xuyên suốt đời sống vợ chồng, cũng nhờ cả việc tham dự vào mầu nhiệm thập giá Chúa Kitô nữa, một mầu nhiệm sẽ biến đổi các khó khăn và đau buồn thành của lễ yêu thương” (374). Hơn nữa, các giây phút hân hoan, thư giãn, cử hành, và cả làm tình nữa cũng được cảm nghiệm như một tham dự vào sự sống phục sinh một cách trọn vẹn. Các cặp vợ chồng, bằng những cử chỉ hàng ngày khác nhau sẽ khuôn định một “không gian được Thiên Chúa soi sáng trong đó họ cảm nghiệm được sự hiện diện của Chúa phục sinh” (375).

318. Gia đình cầu nguyện là cách đặc biệt để phát biểu và củng cố đức tin phục sinh (376). Nên dành ít phút mỗi ngày đến với nhau trước nhan Thiên Chúa để thổ lộ với Người các âu lo của ta, để cầu xin cho các nhu cầu của gia đình ta, để cầu nguyện cho một ai đó đang gặp khó khăn, để xin giúp biết cách biểu lộ yêu thương, để cảm tạ Người đã ban sự sống và các ơn phúc của nó, để xin Đức Mẹ che chở ta dưới tà áo hiền mẫu của ngài. Với ít lời lẽ đơn sơ, giờ phút cầu nguyện này có thể đem lại ơn phúc mệnh mông cho các gia đình của chúng ta. Các cách phát biểu khác nhau của lòng đạo đức bình dân là kho báu linh đạo đối với nhiều gia đình. Hành trình cầu nguyện có tính cộng đoàn của gia đình lên tới tuyệt đỉnh ở việc cùng nhau chia sẻ Thánh Thể, nhất là trong bối cảnh nghi ngơi Chúa Nhật. Chúa Giêsu gõ cửa các gia đình, để chia sẻ với họ bữa ăn Thánh Thể (xem Kh 3:20). Ở đây, vợ chồng luôn có thể ký kết lại giao ước vượt qua từng kết hợp họ và phải phản ánh giao ước mà Thiên Chúa từng ký kết với nhân loại trên thập giá (377). Thánh Thể chính là bí tích của giao ước mới, trong đó, công trình cứu chuộc của Chúa Kitô đã được thực hiện (xem Lc 22:20). Dây liên kết chặt chẽ giữa đời sống vợ chồng và Thánh Thể, do đó, trở nên càng rõ ràng hơn (378). Vì của ăn Thánh Thể đem lại cho vợ chồng sức mạnh và sự thúc đẩy cần thiết để sống giao ước hôn nhân hàng ngày như một “Giáo Hội tại gia” (379).

Một linh đạo của tình yêu độc chiếm và tự do

319. Hôn nhân cũng là trải nghiệm việc thuộc về một người khác cách trọn vẹn. Vợ chồng chấp nhận thách đố và nguyện ước nâng đỡ nhau, về già với nhau, và nhờ thế, phản ánh chính lòng trung tín của Thiên Chúa. Quyết định vững chắc này, một quyết định lên khuôn lối sống ta, chính là một “đòi hỏi bên trong của giao ước tình yêu phu phụ” (380), vì “người nào không thể quyết chí yêu thương mãi mãi thì khó lòng có thể yêu thương dù chỉ một ngày” (381). Đồng thời, lòng trung thành này cũng sẽ vô nghĩa về phương diện linh đạo nếu nó chỉ là vấn đề tuân theo một lề luật một cách vâng lời nhần nhục. Đúng hơn, nó là vấn đề của cõi lòng mà chỉ có Thiên Chúa mới trông thấy được (xem Mt 5:28). Mỗi buổi sáng, khi vừa thức dậy, ta hãy tái xác nhận trước Thiên Chúa lòng quyết chí trung thành của ta, bất chấp chuyện gì sẽ xảy đến trong ngày. Và mọi người chúng ta, trước khi đi ngủ, đều có thể hy vọng khi thức giấc lại được tiếp tục cuộc phiêu lưu này, vì tin vào ơn trợ giúp của Thiên Chúa. Nhờ cách này, mỗi người phối ngẫu đối với người kia là một dấu hiệu và là một dụng cụ của sự gần gũi của Chúa, Đấng không bao giờ bỏ rơi chúng ta: “Này, Thầy sẽ ở với các con mãi mãi, cho tới tận cùng thời gian” (Mt 28:20).

320. Sẽ tới lúc tình yêu vợ chồng đạt đến đỉnh cao của tự do và trở nên căn bản cho một sự độc lập lành mạnh. Điều này sẽ xảy đến khi mỗi người phối ngẫu hiểu ra rằng người kia không phải là của riêng mình, nhưng họ có một chủ nhân ông quan trọng hơn nhiều, đó là Chúa duy nhất. Không có ai khác ngoài Chúa có quyền đòi hỏi chiếm hữu cốt lõi sâu xa nhất và bản vị nhất của người mình yêu; chỉ có Người mới là tâm điểm tối hậu của đời họ. Đồng thời, nguyên tắc của hiện thực tính linh đạo đòi phải có điều này: không người phối ngẫu nào được quyền đòi người kia phải hoàn toàn thỏa mãn các nhu cầu của mình. Hành trình linh đạo của mỗi người, theo lời lẽ rất hay của Dietrich Bonhoeffer, cần giúp họ đạt tới một “tình mộng” nào đó đối với người kia (382), giúp họ ngưng, đừng chờ mong ở người kia một điều gì đó chỉ dành riêng cho tình yêu Thiên Chúa mà thôi. Việc này đòi ta phải giải tư (divestment) nội tâm. Không gian mà mỗi người phối ngẫu duy nhất dành cho mối liên hệ bản thân của họ với Thiên Chúa không những giúp hàn gắn các thương tích của cuộc sống chung, mà còn giúp vợ chồng tìm thấy nơi tình yêu Thiên Chúa nguồn suối ý nghĩa sâu sắc nhất của chính đời họ. Mỗi ngày, ta đều nên khẩn cầu Chúa Thánh Thần trợ giúp ta biến tự do nội tâm này thành một điều khả hữu.

Một linh đạo chăm sóc, an ủi và khuyến khích

321. “Đối với nhau, đối với con cái và đối với thân nhân họ, vợ chồng Kitô hữu là những người cộng tác của ơn thánh và chứng tá đức tin” (383). Thiên Chúa kêu gọi họ trao ban sự sống và chăm sóc sự sống. Vì lý do này, gia đình “luôn luôn là ‘bệnh viện’ gần nhất” (384). Nên ta hãy chăm sóc lẫn nhau, hướng dẫn và khuyến khích lẫn nhau, và cảm nghiệm việc này như là một phần trong nền linh đạo gia đình của ta. Sống như cặp vợ chồng là hàng ngày chia sẻ công trình sáng tạo của Thiên Chúa, và đối với người kia, mỗi người là một thách đố liên li của Chúa Thánh Thần. Tình yêu Thiên Chúa được công bố “nhờ lối sống và lời lẽ cụ thể qua đó một người đàn ông và một người đàn bà diễn tả lòng yêu thương phu phụ của họ” (385). Như thế, hai người là những phản ảnh hỗ tương của tình yêu thần thánh ấy, những phản ảnh biết an ủi bằng một lời nói, một cái nhìn, một bàn tay giúp đỡ, một cái vuốt ve, một cái ôm hôn. Vì lý do này, “muốn tạo lập một gia đình là cương quyết muốn trở thành một phần trong giấc mơ của Thiên Chúa, là quyết chí mơ mộng

với Người, là muốn cùng Người xây dựng, là tham gia với Người trong lịch sử xây dựng dài lâu một thế giới trong đó không ai còn cảm thấy mình đơn độc nữa này” (386)

322. Mọi cuộc sống gia đình đều là một “cuộc chôn cất” về lòng thương xót. Do lòng yêu thương và sự chăm sóc, mỗi người chúng ta đều để lại dấu tích lên đời người khác; cùng với Thánh Phaolô, ta có thể nói rằng “Anh chị em là thư giới thiệu của chúng tôi, được viết... không phải bằng mực mà bằng Thần Khí của Thiên Chúa hằng sống” (2Cr 3:2-3). Mỗi người chúng ta là một “người đánh cá người” (Lc 5:10), một người đánh cá, nhân danh Chúa Giêsu, đã “thả lưới” (xem Lc 5:5) bắt những người khác, hay là người nông phu cày những thửa đất mới của những người họ yêu thương, tìm cách khai thác được từ họ những điều tốt đẹp nhất. Tính sinh hoa trái của vợ chồng bao hàm việc giúp đỡ người khác, vì “yêu ai là mong ở họ một điều gì đó không thể xác định hay dự kiến trước được; đồng thời, một cách nào đó, điều này phải giúp họ khả năng thực hiện hoàn toàn lòng hoài mong này” (387). Tự nó, đây là một cách thờ phượng Thiên Chúa, Đấng đã gieo không biết bao nhiêu điều tốt lành nơi người khác với niềm hy vọng ta sẽ giúp làm chúng lớn lên.

323. Một cảm nghiệm linh đạo sâu sắc là chiêm ngắm người thân yêu của ta bằng con mắt Thiên Chúa và nhìn thấy Chúa Kitô ở nơi họ. Điều này đòi một sự tự do và cởi mở giúp ta biết đánh giá phẩm giá của họ. Ta chỉ có thể hiện diện trọn vẹn với người khác khi hiến trọn thân ta và quên đi mọi điều khác. Các người thân yêu của ta đáng được ta lưu tâm. Chúa Giêsu là mẫu mực của ta trong việc này, vì ở bất cứ nơi nào người ta tiến gần để nói với Người, Chúa Giêsu đều nhìn thẳng vào họ, trực tiếp và đầy yêu thương (xem Mc 10:21). Không ai cảm thấy bị làm ngơ khi ở trước mặt Người, vì lời lẽ và các cử chỉ của Người luôn chuyên chờ câu hỏi này: “con muốn Ta làm gì cho con?” (Mc 10:51). Đây là điều ta cảm nghiệm trong cuộc sống hàng ngày của gia đình. Ta không ngừng được nhắc nhở rằng mỗi người đang sống với ta đều đáng được lưu tâm đầy đủ, vì họ sở đắc phẩm giá vô biên như là đối tượng của tình yêu bao la của Chúa Cha. Điều này làm phát sinh một tình âu yếm dịu dàng có thể “đẩy lên nơi người kia niềm vui được yêu thương. Tình âu yếm được phát biểu một cách hết sức đặc thù bằng việc thể hiện sự lưu tâm đầy yêu thương trong lúc xử lý các giới hạn của người khác, nhất là khi những giới hạn này hiển nhiên” (388).

324. Được Chúa Thánh Thần hướng dẫn, gia đình không những cởi mở đối với sự sống qua việc sinh sản ra nó ngay trong chính mình mà còn ra đi và mở rộng sự sống bằng việc săn sóc người khác và mưu cầu hạnh phúc của họ. Sự cởi mở này tìm được cách phát biểu đặc thù trong việc hiếu khách (389), một việc được lời Chúa khuyến khích một cách hùng hồn: “Đừng sao lãng việc biểu lộ lòng hiếu khách cho những người xa lạ, vì nhờ vậy, có những người đã tiếp đón các thiên thần mà không hay biết” (Dt 13:2). Khi một gia đình đón tiếp và vươn tay ra với người khác, nhất là người nghèo và người bị bỏ rơi, thì đây là “một biểu tượng, một chứng tá và tham dự vào chức phận làm mẹ của Giáo Hội” (390). Là một phản ảnh Chúa Ba Ngôi, lòng yêu thương có tính xã hội là điều thực sự thống nhất hóa ý nghĩa linh đạo của gia đình và sứ mệnh của gia đình đối với người khác, vì nó làm cho sơ truyền hiện diện đầy đủ với mọi mệnh lệnh có tính cộng đoàn của nó. Gia đình sống linh đạo của mình chính nhờ việc cùng một lúc là Giáo Hội tại gia và là tế bào sinh tử để biến đổi thế giới (391).

* *

325. Giáo Huấn của Thầy Chí Thánh (xem Mt 22:30) và của Thánh Phaolô (xem 1Cr 7:29-31) về hôn nhân đã được ấn định, không phải do tình cờ, mà là trong bối cảnh của chiều kích tối hậu và

dứt khoát của hiện hữu nhân bản. Chúng ta khẩn thiết phải tái khám phá sự phong phú của giáo huấn này. Nhờ lưu tâm tới nó, các cặp vợ chồng sẽ tiến tới chỗ biết nhìn ra ý nghĩa sâu xa của hành trình đời sống họ. Như Tông Huấn này thường ghi nhận, không gia đình nào từ trời rơi xuống đã thành hình hoàn toàn; các gia đình cần phải không ngừng lớn lên và trưởng thành trong khả năng yêu thương. Đây là ơn gọi khôn nguôi phát sinh từ hiệp thông trọn vẹn của Chúa Ba Ngôi, từ sự hợp nhất sâu xa giữa Chúa Kitô và Giáo Hội của Người, từ cộng đồng yêu thương là Thánh Gia Nadarét, và từ tình huynh đệ tình ròng giữa các thánh ở trên thiên đàng. Việc chúng ta chiêm niệm sự nên trọn mà chúng ta chưa đạt được cũng giúp ta, trong một viễn ảnh thích đáng, nhìn thấy cuộc hành trình có tính lịch sử được chúng ta thực hiện trong tư cách gia đình, và nhờ cách này, ngưng, đừng đòi hỏi các mối liên hệ liên ngã của ta phải hoàn hảo, phải tinh tuyền trong ý hướng và phải nhất quán, những điều ta chỉ gặp được trong Vương Quốc sắp đến mà thôi. Nó cũng giữ ta khỏi phán đoán khắc nghiệt những người đang sống trong các hoàn cảnh yếu đuối. Mọi người chúng ta đều được kêu gọi tiếp tục cố gắng hướng tới một điều lớn hơn chính chúng ta và các gia đình của chúng ta, và mọi gia đình phải luôn cảm nhận được sự thúc đẩy này. Ta hãy thực hiện cuộc hành trình như các gia đình này, ta hãy tiếp tục sánh bước bên nhau. Điều chúng ta đã được hứa hẹn luôn lớn hơn điều chúng ta có thể tưởng tượng ra. Ước chi chúng ta đừng bao giờ ngã lòng vì các hạn chế của mình, hay ngưng việc tìm kiếm sự viên mãn của một lòng yêu thương và sự hiệp thông mà Thiên Chúa đã hứa ban cho ta.

Kinh Thánh Gia

*Lạy Chúa Giêsu, Mẹ Maria và Thánh Cả Giuse,
Nơi các ngài, chúng con được chiêm ngưỡng
vẻ sáng lạn của tình yêu đích thực,
chúng con tin tưởng chạy tới với các ngài.*

*Lạy Thánh Gia Thất Nadarét,
Xin ban ơn cho các gia đình chúng con
Cũng trở thành nơi hiệp thông và cầu nguyện,
trường chân chính của Tin Mừng
và các Giáo Hội nhỏ tại gia.*

*Lạy Thánh Gia Thất Nadarét,
Xin cho các gia đình chúng con đừng bao giờ
cảm nghiệm bạo lực, hắt hủi và chia rẽ nữa:
xin cho tất cả những người bị thương tổn hay xúc phạm
sẵn sàng tìm được an ủi và chữa lành.*

*Lạy Thánh Gia Thất Nadarét,
Xin làm cho chúng con, một lần nữa, biết lưu tâm
tới tình thánh thiêng và bất khả vi phạm của gia đình,
và vẻ đẹp của nó trong kế hoạch Thiên Chúa.*

*Lạy Chúa Giêsu, Mẹ Maria và Thánh Cả Giuse,
Xin nhân từ nghe lời chúng con cầu xin.*

Amen

Ban hành ở Rôma, tại Đền Thờ Thánh Phêrô, trong Năm Thánh Đặc Biệt Của Lòng Thương Xót, ngày 19 tháng Ba, Lễ Trọng Kính Thánh Gluse, năm 2016, năm thứ tư triều Giáo Hoàng của tôi.

Franciscus

-
- (1). Phiên Hợp Ngoại Thường Lần Thứ Ba Thượng Hội Đồng Giám Mục, *Relatio Synodi* (18-10-2014), 2.
 - (2) Phiên Hợp Thường Lệ Lần Thứ Mười Bốn Thượng Hội Đồng Giám Mục, *Relatio Finalis* (24-10-2015), 3.
 - (3) *Diễn Văn Bé Mọc Phiên Hợp Thường Lệ Lần Thứ Mười Bốn Thượng Hội Đồng Giám Mục* (24-10-2015): *L'Osservatore Romano*, 26-27 Tháng Mười, 2015, trg. 13; Xem Ủy Ban Giáo Hoàng về *Fede e cultura alla luce della Bibbia. Atti della sessione plenaria 1979 della Pontificia Commissione Biblica*, Turin, 1981; Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Mục Vụ Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay, *Gaudium et Spes*, 44; Đức Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Redemptoris Missio* (7-12-1990), 52: AAS 83 (1991), 300; Tông Thư *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 69, 117: AAS 105 (2013), 1049, 1068-69.
 - (4) *Diễn Văn tại Cuộc Gặp Gỡ Các Gia Đình tại Santiago de Cuba* (22-9-2015): *L'Osservatore Romano*, 24-9-2015, tr. 7.

- (5) Jorge Luis Borges, “Calle Desconocida”, trong *Fervor de Buenos Aires*, Buenos Aires, 2011, 23.
- (6) *Bài Giảng Thánh Lễ ở Puebla de los Ángeles* (28-1-1979), 2: AAS 71 (1979), 184.
- (7) *Qui chiếu như trên*
- (8) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio*, (22-11-1981), 4: AAS 74 (1982), 84.
- (9) *Relatio Synodi* 2014, 5.
- (10) Hội Đồng Giám Mục Tây Ban Nha, *Matrimonio y familia* (6-7-1979), 3, 16, 23.
- (11) *Relatio Finalis* 2015, 5.
- (12) *Relatio Synodi* 2014, 5.
- (13) *Relatio Finalis* 2015, 8.
- (14) *Diễn Văn Trước Quốc Hội Hoa Kỳ* (24-9-2015): *L’Osservatore Romano*, 26-9-2015, trg. 7.
- (15) *Relatio Finalis* 2015, 29.
- (16) *Relatio Synodi* 2014, 10.
- (17) Phiên Toàn Thể Ngoại Thường Thứ Ba Thượng Hội Đồng Giám Mục, *Sứ Điệp*, 18 tháng 10, 2014.
- (18) *Relatio Synodi* 2014, 10.
- (19) *Relatio Finalis* 2015, 7.
- (20) *Như trên*, 63.
- (21) Hội Đồng Giám Mục Hàn Quốc, *Towards a Culture of Life!* (15-3-2007), 2.
- (22) *Relatio Synodi* 2014, 6.
- (23) Hội Đồng Giáo Hoàng về Gia Đình, *Charter of the Rights of the Family* (22-10-1983), Art. 11.
- (24) *Qui chiếu Relatio Finalis* 2015, 11-12.
- (25) Hội Đồng Giáo Hoàng về Gia Đình, *Charter of the Rights of the Family* (22-10-1983), Dẫn Nhập.
- (26) *Như trên*, 9.
- (27) *Relatio Finalis* 2015, 14.
- (28) *Relatio Synodi* 2014, 8.
- (29) *Qui chiếu Relatio Finalis* 2015, 78.
- (30) *Relatio Synodi* 2014, 8.
- (31) *Relatio Finalis* 2015, 23; *Qui chiếu Sứ Điệp Ngày Di Dân Và Tỵ Nạn Thế Giới 17-1-2016* (12-9-2015), *L’Osservatore Romano*, 2-10-2015, trg. 8.
- (32) *Relatio Finalis* 2015, 24.
- (33) *Như trên*, 21.
- (34) *Như trên*, 17.
- (35) *Như trên*, 20.
- (36) *Qui chiếu như trên*, 15.
- (37) *Diễn Văn Bế Mạc Phiên Toàn Thể Thường Lệ Thứ Mười Bốn Thượng Hội Đồng Giám Mục* (24-10-2015): *L’Osservatore Romano*, 26-27 tháng 10, 2015, trg. 13.
- (38) Hội Đồng Giám Mục Á Căn Đình, *Navega mar adentro*, (31-5-2003), 42.
- (39) Hội Đồng Giám Mục Mỹ Tây Cơ, *Que en Cristo Nuestra Paz México tenga vida digna* (15-2-2009), 67.
- (40) *Relatio Finalis* 2015, 25
- (41) *Như trên*, 10.
- (42) *Bài Giáo Lý* (22-4-2015): *L’Osservatore Romano*, 23-4-2015, trg. 7.
- (43) *Bài Giáo Lý* (29-4-2015): *L’Osservatore Romano*, 30-4-2015, trg. 8.

- (44) *Relatio Finalis* 2015, 28.
- (45) *Như trên*, 8.
- (46) *Như trên*, 58.
- (47) *Như trên*, 33.
- (48) *Relatio Synodi* 2014, 11.
- (49) Hội Đồng Giám Mục Colombia, *A tiempos difíciles, colombianos nuevos* (13-2-2003), 3.
- (50) Tông Huấn *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 35: AAS 105 (2013), 1034.
- (51) *Như trên*, 164: AAS 105 (2013), 1088.
- (52) *Như trên*
- (53) *Như trên*, 165: AAS 105 (2013), 1089.
- (54) *Relatio Synodi* 2014, 12.
- (55) *Như trên*, 14.
- (56) *Như trên*, 16.
- (57) *Relatio Finalis* 2015, 41.
- (58) *Như trên* 38
- (59) *Relatio Synodi* 2014, 17.
- (60) *Relatio Finalis* 2015, 43
- (61) *Relatio Synodi* 2014, 18
- (62) *Như trên* 19
- (63) *Relatio Finalis* 2015, 38
- (64) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Familiaris Consortio* (22-11-1981), 13: AAS 74 (1982), 94.
- (65) *Relatio Synodi* 2014, 21
- (66) *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 1642.
- (67) *Như trên*
- (68) Bài Giáo Lý (6-5-2015): *L'Osservatore Romano*, 7-5-2015, trg. 8.
- (69) Đức Lêô Cả, *Epistula Rustico Narbonensi Episcopo*, Inquis. IV: PL 54, 1205A; Xem Hincmar of Rheims, *Epist.* 22: PL 126, 142.
- (70) Qui chiếu Đức Piô XII, Thông Điệp *Mystici Corporis Christi* (29-6-1943): AAS 35 (1943), 202: “Matrimonio enim quo coniuges sibi invicem sunt ministri gratiae ...”
- (71) Qui chiếu *Bộ Giáo Luật*, cc. 1116; 1161-1165; *Bộ Giáo Luật Các Giáo Hội Đông Phương*, 832; 848-852.
- (72) *Như trên*, c. 1055 §2.
- (73) *Relatio Synodi* 2014, 23.
- (74) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Familiaris Consortio*, (22-11-1981), 9: AAS 74 (1982), 90.
- (75) *Relatio Finalis* 2015, 47.
- (76) *Như trên*
- (77) Bài Giảng Thánh Lễ Bế Mạc Cuộc Gặp Gỡ Các Gia Đình Thế Giới ở Philadelphia (27-9-2015): *L'Osservatore Romano*, 28-29 tháng 9, 2015, trg. 7.
- (78) *Relatio Finalis* 2015, 53-54.
- (79) *Như trên*, 51.
- (80) Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay, *Gaudium et Spes*, 48.
- (81) Qui chiếu *Bộ Giáo Luật*, c. 1055 § 1: “ad bonum coniugum atque ad prolis generationem et educationem ordinatum”.
- (82) *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2360.

- (83) *Như trên*, 1654.
- (84) Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay, *Gaudium et Spes*, 48.
- (85) *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2366.
- (86) Qui chiếu Đức Phaolô VI, *Thông Điệp Humanae Vitae* (25-7-1968), 11-12: AAS 60 (1968), 488-489.
- (87) *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2378. (88) Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Donum Vitae* (22-2-1987), II, 8: AAS 80 (1988), 97.
- (89) *Relatio Finalis* 2015, 63.
- (90) *Relatio Synodi* 2014, 57.
- (91) *Như trên*, 58.
- (92) *Như trên*, 57.
- (93) *Relatio Finalis* 2015, 64.
- (94) *Relatio Synodi* 2014, 60.
- (95) *Như trên*, 61
- (96) *Bộ Giáo Luật*, c. 1136; Qui chiếu *Bộ Giáo Luật cho Các Giáo Hội Đông Phương*, 627.
- (97) Hội Đồng Giáo Hoàng về Gia Đình, *Sự Thật và Ý Nghĩa Tính Dục Con Người* (8-12-1995), 23.
- (98) Bài Giáo Lý (20-5-2015): *L'Osservatore Romano*, 21-5-2015, trg. 8.
- (99) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio* (28-11-1981) 38: AAS 74 (1982), 129.
- (100) Qui chiếu Diễm Văn với Đại Hội Giáo Phận Rôma (14-6-2015): *L'Osservatore Romano*, 15-16 tháng 6, 2015, trg. 8.
- (101) *Relatio Synodi* 2014, 23.
- (102) *Relatio Finalis* 2015, 52.
- (103) *Như trên*, 49-50
- (104) *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo* 1641.
- (105) Qui chiếu Đức Bênêđictô XVI, *Thông Điệp Deus Caritas Est* (25-12-2005), 2: AAS 98 (2006), 218
- (106) *Spiritual Exercises, Contemplation to Attain Love* (230).
- (107) Octavio Paz, *La llama doble*, Barcelona, 1993, 35.
- (108) Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae* II-II, q. 114, art. 2, ad 1.
- (109) Bài Giáo Lý (13-5-2005): *L'Osservatore Romano*, 14-5-2015, trg. 8.
- (110) Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae*, II-II, q. 27, art. 1, ad 2.
- (111) *Như trên*, q. 27, art. 1.
- (112) Bài Giáo Lý (13-5-2015): *L'Osservatore Romano*, 14-5-2015, trg. 8.
- (113) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio* (22-11-1981), 21: AAS 74 (1982), 106.
- (114) Mục Sư Martin Luther King Jr., *Bài Giảng đọc tại Nhà Thờ Baptist Đường Dexter*, Montgomery, Alabama, 17-11-1957
- (115) Thánh Tôma Aquinô gọi lòng yêu thương là *vis unitive* (sức mạnh kết hợp) (*Summa Theologiae* I, q. 20, art. 1, ad 3), nhắc lại một kiểu nói của Pseudo-Dionysius the Areopagite (*De Divinis Nominibus*, IV, 12: PG 3, 709).

- (116) Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae* II-II, q. 27, art. 2 (116) Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae* II-II, q. 27, art. 2
- (117) Thông Điệp *Casti Connubii* (31-12-1930): AAS 22 (1930), 547-548.
- (118) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio* (22-11-1981) 13: AAS 74 (1982), 94.
- (119) Bài Giáo Lý (2-4-2014): *L'Osservatore Romano*, 3-4-2014, trg. 8.
- (120) *Như trên*.
- (121) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio* (22-11-1981), 9: AAS 75 (1982), 90.
- (122) Thánh Tôma Aquinô, *Summa Contra Gentiles* III, 123; Qui chiếu Aristô, *Nicomachean Ethics*, 8, 12 (ed. Bywater, Oxford, 1984, 174).
- 123) Tông Huấn *Lumen Fidei* (29-6-2013), 52: AAS 105 (2013), 590.
- (124) *De sacramento matrimonii*, I, 2; in Id., *Disputationes*, III, 5, 3 (ed. Giuliano, Naples, 1858), 778.
- (125) Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Mục Vụ Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay, *Gaudium et Spes*, 50.
- (126) *Như trên*, 49.
- (127) Qui chiếu *Summa Theologiae* I-II, q. 31, art. 3., ad 3.
- (128) Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Mục Vụ Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay, *Gaudium et*
- (129) Qui chiếu Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae* I-II, q. 26, art. 3.
- (130) *Như trên*, q. 110, art. 1.
- (131) Thánh Augustinô, *Confessions*, VIII, III, 7: PL 32, 752.
- (132) Diễn Văn với Cuộc Hành Hương của Các Gia Đình trong Năm Đức Tin (26-10-2013): AAS 105 (2013), 980.
- (133) Diễn Văn Lúc Đọc Kinh Truyền Tin (29-12-2013): *L'Osservatore Romano*, 30-31 tháng 12, 2013, trg. 7.
- (134) Diễn Văn với Cuộc Hành Hương của Các Gia Đình trong Năm Đức Tin (26-10-2013): AAS 105 (2013), 978.
- (135) *Summa Theologiae* II-II, q. 24, art. 7.
- (136) Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Mục Vụ Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay, *Gaudium et Spes*, 48.
- (137) Hội Đồng Giám Mục Chile, *La vida y la familia: regalos de Dios para cada uno de nosotros* (21-7-2014).
- (138) Hiến Chế *Gaudium et Spes*, 49.
- (139) A. Sertillanges, *L'Amour chrétien*, Paris, 1920, 174.
- (140) Qui chiếu Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae* I-II, q. 24, art. 1.
- (141) Qui chiếu *như trên*, q. 59, art. 5.
- (142) Thông Điệp *Deus Caritas Est* (25-12-2005), 3: AAS 98 (2006), 219-220.
- (143) *Như trên*, 4: AAS 98 (2006), 220.
- (144) Qui chiếu Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae* I-II, q. 32, art. 7.

- (145) Qui chiếu như trên, *Summa Theologiae* II-II, q. 153, art. 2, ad 2: “Abundantia delectationis quae est in actu venereo secundum rationem ordinato, non contrariatur medio virtutis” (tạm dịch: sự sung mãn hân hoan trong hành vi tính dục, được sắp xếp theo lý trí, không mâu thuẫn với phương thể nhân đức).
- (146) Đức Gioan Phaolô II, Bài Giáo Lý (22-10-1980), 5: Insegnamenti III/2 (1980), 951.
- (147) *Như trên*, 3.
- (148) *Như trên*, Bài Giáo Lý, (24-9-1980), 4: Insegnamenti III/2 (1980), 719.
- (149) Bài Giáo Lý (12-11-1980), 2: Insegnamenti III/2 (1980), 1133.
- (150) *Như trên*, 4.
- (151) *Như trên*, 5.
- (152) *Như trên*, 1: 1132.
- (153) Bài Giáo Lý (16-1-1980), 1: Insegnamenti III/1 (1980), 151.
- (154) Josef Pieper, *Über die Liebe*, Munich, 2014, 174. English: On Love, in *Faith, Hope, Love*, San Francisco, 1997, trg. 256.
- (155) Đức Gioan Phaolô II, *Thông Điệp Evangelium Vitae* (25-3-1995), 23: AAS 87 (1995), 427.
- (156) Đức Phaolô VI, *Thông Điệp Humanae Vitae* (25-7-1968), 13: AAS 60 (1968), 489.
- (157) Công Đồng Vatican II, *Gaudium et Spes*, 49.
- (158) Bài Giáo Lý (18-6-1980), 5: Insegnamenti III/1 (1980), 1778.
- (159) *Như trên*, 6.
- (160) Qui chiếu Bài Giáo Lý (30-7-1980), 1: Insegnamenti III/2 (1980), 311.
- (161) Bài Giáo Lý (8-4-1981), 3: Insegnamenti IV/1 (1981), 904.
- (162) Bài Giáo Lý (11-8-1982), 4: Insegnamenti V/3 (1982), 205-206.
- (163) *Thông Điệp Deus Caritas Est* (25-12-2005), 5: AAS 98 (2006), 221.
- (164) *Như trên*, 7.
- (165) *Relatio Finalis* 2015, 22.
- (166) Bài Giáo Lý (14-4-1982), 1: Insegnamenti V/1 (1982).
- (167) *Glossa in quatuor libros sententiarum Petri Lombardi*, IV, XXVI, 2 (Quaracchi, 1957, 446).
- (168) Đức Gioan Phaolô II, Bài Giáo Lý (7-4-1982), 2: Insegnamenti V/1 (1982), 1127.
- (169) *Như trên*, Bài Giáo Lý (14-4-1982), 3: Insegnamenti V/1 (1982), 1177.
- (170) *Như trên*. 1176.
- (171) *Như trên*, *Thông Điệp Redemptor Hominis* (4-3-1979), 10: AAS 71 (1979), 274.
- (172) Qui chiếu Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae*, II-II, q. 27, art. 1.
- (173) Hội Đồng Giáo Hoàng về Gia Đình, *Family, Marriage and “De Facto” Unions* (26-7- 2000), 40
- (174) Đức Gioan Phaolô II, Bài Giáo Lý (31-10-1984), 6: Insegnamenti VII/2 (1984), 1072.
- (175) Đức Bênêđictô XVI, *Thông Điệp Deus Caritas Est* (25-12-2005), 8: AAS 98 (2006), 224.
- (176) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio*, (22-11-1981), 14: AAS 74 (1982), 96.
- (177) Bài Giáo Lý (11-2-2015): *L’Osservatore Romano*, 12-2-2015, trg. 8.

- (178) *Như trên.*
- (179) Bài Giáo Lý (8-4-2015): *L'Osservatore Romano*, 9-4-2015, trg. 8.
- (180) *Như trên.*
- (181) Qui chiếu *Gaudium et Spes*, 51: " Mọi người đều phải ý thức rằng: đời sống nhân loại và bốn phần lưu truyền sự sống ấy không chỉ giới hạn ở đời này cũng như không thể hiểu và đo lường được ở đời này, nhưng luôn qui chiếu về định mệnh vĩnh cửu của con người"
- (182) Thư gửi Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc về Dân Số và Phát Triển (18-5-1994): *Insegnamenti XVII/1* (1994), 750-751.
- (183) Đức Gioan Phaolô II, Bài Giáo Lý (12-3-1980), 3: *Insegnamenti III/1* (1980), 543.
- (184) *Như trên.*
- (185) *Diễn Văn tại Cuộc Họp Mặt các Gia Đình ở Manila* (16-1-2015): *AAS 107* (2015), 176.
- (186) *Diễn Văn* (11-2-2015): *L'Osservatore Romano*, 12-2-2015, trg. 8
- (187) Bài Giáo Lý (14-10-2015): *L'Osservatore Romano*, 15-10-2015, trg. 8.
- (188) Hội Đồng Giám Mục Úc Châu, *Pastoral Letter Don't Mess with Marriage* (24-11-2015), 13.
- (189) *Gaudium et Spes*, 50.
- (190) Đức Gioan Phaolô II, Bài Giáo Lý (12-3-1980), 2: *Insegnamenti III/1* (1980), 542.
- (191) Qui chiếu như trên, *Tông Thư Mulieris Dignitatem* (15-8-1988), 30-31: *AAS 80* (1988), 1726-1729.
- (192) Bài Giáo Lý (7-1-2015): *L'Osservatore Romano*, 7-8 tháng 1, 2015, trg. 8.
- (193) *Như trên.*
- (194) Bài Giáo Lý (28-1-2015): *L'Osservatore Romano*, 29-1-2015, trg. 8.
- (195) *Như trên.*
- (196) Qui chiếu *Relatio Finalis* 2015, 28.
- (197) Bài Giáo Lý (4-2-2015), *L'Osservatore Romano*, 5-2-2015, trg. 8.
- (198) *Như trên.*
- (199) Hiến Chế Mục Vụ *Gaudium Et Spes*, 50.
- (200) Hội Nghị Toàn Thể các Giám Mục Châu Mỹ Latinh và vùng Caribbean, *Aparecida Document* (29-6-2007), Số. 457.
- (201) *Relatio Finalis* 2015, 65.
- (202) *Như trên.*
- (203) *Diễn Văn tại Cuộc Gặp Gỡ Các Gia Đình ở Manila*, (16-1-2015): *AAS 107* (2015), 178.
- (204) Mario Benedetti, "Te Quiero", trong *Poemas de otros*, Buenos Aires 1993, 316.
- (205) Qui chiếu Bài Giáo Lý (16-9-2015): *L'Osservatore Romano*, 17-9-2015, trg. 8.
- (206) Bài Giáo Lý (7-10-2015): *L'Osservatore Romano*, 9-10-2015, trg. 8.
- (207) Đức Bênêđictô XVI, *Thông Điệp Deus Caritas Est* (25-12-2005), 14: *AAS 98* (2006), 228.
- (208) Qui chiếu *Relatio Finalis* 2015, 11.
- (209) Bài Giáo Lý (18-3-2015) : *L'Osservatore Romano*, 19-3-2015, trg. 2.

- (210) Bài Giáo Lý (11-2-2015): *L'Osservatore Romano*, 12-2-2015, trg. 8
- (211) Qui chiếu *Relatio Finalis* 2015, 17-18.
- (212) Bài Giáo Lý (4-3-2015): *L'Osservatore Romano*, 5-3-2015, trg. 8.
- (213) Bài Giáo Lý (11-3-2015): *L'Osservatore Romano*, 12-2-2015, trg. 2.
- (214) *Tông Huấn Familiaris Consortio*, 27 (22-11-1981): AAS 74 (1982), 113.
- (215) *Như trên*, *Diễn Văn với Các Tham Dự Viên của "Luận Hội Quốc Tế Về Việc Về Già Tích Cực"* (5-9-1980), 5: *Insegnamenti* III/2 (1980), 539.
- (216) *Relatio Finalis* 2015, 18.
- (217) Bài Giáo Lý (4-3-2015): *L'Osservatore Romano*, 5-3-2015, trg. 8.
- (218) *Như trên*.
- (219) *Diễn Văn tại Cuộc Gặp Gỡ với Người Cao Niên* (28-9-2014): *L'Osservatore Romano*, 29-30 tháng 9, 2014, trg. 7.
- (220) Bài Giáo Lý (18-2-2015): *L'Osservatore Romano*, 19-2-2015, trg. 8.
- (221) *Như trên*.
- (222) *Như trên*.
- (223) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Familiaris Consortio* (22-11-1981), 18: AAS 74 (1982), 101
- (224) Bài Giáo Lý (7-10-2015): *L'Osservatore Romano*, 8-10-2015), trg. 8.
- (225) *Relatio Synodi* 2014, 30.
- (226) *Như trên*, 31.
- (227) *Relatio Finalis* 2015, 56.
- (228) *Như trên*, 89.
- (229) *Relatio Synodi* 2014, 32.
- (230) *Như trên*, 33.
- (231) *Như trên*, 38.
- (232) *Relatio Finalis* 2015, 77.
- (233) *Như trên*, 61.
- (234) *Như trên*.
- (235) *Như trên*.
- (236) *Như trên*.
- (237) Qui chiếu *Relatio Synodi* 2014, 26.
- (238) *Như trên*, 39.
- (239) Hội Đồng Giám Mục Ý, Ủy Ban Giám Mục về Gia Đình và Sự Sống, *Orientamenti pastorali sulla preparazione al matrimonio e alla famiglia* (22-10-10, 2012), 1.
- (240) Thánh Inhaxiô Thành Loyola, *Spiritual Exercises*, Annotation 2.
- (241) *Như trên*, Annotation 5.
- (242) Đức Gioan Phaolô II, *Bài Giáo Lý* (27-6-1984), 4: *Insegnamenti*
- (243) Bài Giáo Lý (21-10-2015): *L'Osservatore Romano*, 22-10-2015, trg. 12.
- (244) Hội Đồng Giám Mục Kenya, *Sứ Điệp Mùa Chay*, (18-2-2015).
- (245) Qui chiếu Đức Piô XI, *Thông Điệp Casti Connubii* (31-12-1930): AAS 22 (1930), 583.

- (246) Đức Gioan Phaolô II, *Bài Giáo Lý* (4 tháng 7, 1984), 3, 6: *Insegnamenti VII/2* (1984), trg. 9, 10.
- (247) *Relatio Finalis* 2015, 59.
- (248) *Như trên*, 63.
- (249) *Gaudium et Spes*, 50.
- (250) *Relatio Finalis* 2015, 63.
- (251) *Relatio Synodi* 2014, 40.
- (252) *Như trên*, 34.
- (253) *Cántico Espiritual B*, XXV, 11.
- (254) *Relatio Synodi* 2014, 44.
- (255) *Relatio Finalis* 2015, 81.
- (256) *Như trên*, 78.
- (257) *Bài Giáo Lý* (24-6-2015): *L'Osservatore Romano*, 25-6-2015, trg. 8.
- (258) Đức Gioan Phaolô II, *Tông Huân Familiaris Consortio* (22-11-1981), 83: AAS 74 (1982), 184.
- (259) *Relatio Synodi* 2014, 47.
- (260) *Như trên*, 50.
- (261) *Bài Giáo Lý* (5-8-2015): *L'Osservatore Romano*, 6-8-2015, trg. 7.
- (262) *Relatio Synodi* 2014, 51; *Qui chiếu Relatio Finalis* 2015, 84.
- (263) *Như trên*, 48.
- (264) *Tự Sắc Mitis Iudex Dominus Iesus* (15-8-2015): *L'Osservatore Romano*, 9-9-2015, trg. 3-4; *Qui chiếu Tự Sắc Mitis et Misericors Iesus* (15-8-2015): *L'Osservatore Romano*, 9-9-2015, trg. 5-6.
- (265) *Tự Sắc Mitis Iudex Dominus Iesus* (15-8-2015), *Lời nói đầu*, III: *L'Osservatore Romano*, 9-9-2015, 3.
- (266) *Relatio Finalis* 2015, 82.
- (267) *Relatio Synodi* 2014, 47.
- (268) *Bài Giáo Lý* (20-5-2015): *L'Osservatore Romano*, 21-5-2015, trg. 8.
- (269) *Bài Giáo Lý* (24-6-2015): *L'Osservatore Romano*, 25-6-2015, trg. 8.
- (270) *Bài Giáo Lý* (5-8-2015): *L'Osservatore Romano*, 6-8-2015, trg. 7.
- (271) *Relatio Finalis* 2015, 72.
- (272) *Như trên*, 73.
- (273) *Như trên*, 74.
- (274) *Như trên*, 75.
- (275) *Qui chiếu Sắc Chỉ Misericordiae Vultus*, 12: AAS 107 (2015), 407.
- (276) *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2358; *Qui chiếu Relatio Finalis* 2015, 76.
- (277) *Như trên*.
- (278) *Relatio Finalis* 2015, 76; *Qui chiếu Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, Considerations Regarding Proposals to Give Legal Recognition to Unions between Homosexual Persons* (3-6- 2003), 4.
- (279) *Như trên*, 80.

- (280) Qui chiếu *như trên*, 20.
- (281) Bài Giáo Lý (17-6-2015): *L'Osservatore Romano*, 18-6-2015, trg. 8.
- (282) *Relatio Finalis* 2015, 19.
- (283) Bài Giáo Lý (17-6-2015): *L'Osservatore Romano*, 18-6-2015, trg. 8.
- (284) *Như trên*.
- (285) Qui chiếu Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo, 958.
- (286) *Như trên*.
- (287) Qui chiếu Thánh Têrêxa thành Lisieux, Derniers Entretiens: Le “carnet jaune” de Mère Agnès, 17-7-1897, trong *Oeuvres Complètes*, Paris, 1996, 1050. Các chị em Cát Minh của Bà nói đến lời hứa của Thánh Têrêxa rằng việc bà ra khỏi thế gian giống như “trận mưa hoa hồng” (*như trên*, 9-6-1897, 1013).
- (288) Jordan of Saxony, Libellus de principiis Ordinis Praedicatorum, 93: *Monumenta Historica Sancti Patris Nostri Dominici*, XVI, Rome, 1935, trg. 69.
- (289) Qui chiếu Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo, 957.
- (290) *Lumen Gentium*, 49.
- (291) Tông Huân *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 222: AAS 105 (2013), 1111.
- (292) Bài Giáo Lý (20-5-2015): *L'Osservatore Romano*, 21-5-2015, trg. 8.
- (293) *Gaudium et Spes*, 17.
- (294) Bài Giáo Lý (30-9-2015): *L'Osservatore Romano*, 1-10-2015, trg. 8.
- (295) Bài Giáo Lý (10-6-2015): *L'Osservatore Romano*, 11-6-2015, trg. 8.
- (296) Qui chiếu *Relatio Finalis* 2015, 67.
- (297) Bài Giáo Lý (20-5-2015): *L'Osservatore Romano*, 21-5-2015, trg. 8.
- (298) Bài Giáo Lý (9-9-2015): *L'Osservatore Romano*, 10-9-2015, trg. 8.
- (299) *Relatio Finalis* 2015, 68.
- (300) *Như trên*, 58.
- (301) Công Đồng Vatican II, Tuyên Ngôn về Giáo Dục Kitô Giáo, Gravissimum Educationis, 1.
- (302) *Relatio Finalis* 2015, 56.
- (303) Erich Fromm, *The Art of Loving*, New York, 1956, trg. 54.
- (304) Thông Điệp *Laudato Si'* (24-5-2015), 155.
- (305) Bài Giáo Lý (15-4-2015): *L'Osservatore Romano*, 16-4-2015, trg. 8.
- (306) Qui chiếu *Relatio Finalis* 2015, 13-14.
- (307) Thánh Augustinô, *De sancta virginitate* 7,7: PL 40, 400.
- (308) Bài Giáo Lý (26-8-2015): *L'Osservatore Romano*, 27-7-2015, trg. 8.
- (309) *Relatio Finalis* 2015, 89.
- (310) *Như trên*, 93.
- (311) *Relatio Synodi* 2014, 24.
- (312) *Như trên*, 25.
- (313) *Như trên*, 28.
- (314) Qui chiếu *như trên*, 41, 43; *Relatio Finalis* 2015, 70.
- (315) *Như trên*, 27.

- (316) *Như trên*, 26.
- (317) *Như trên*, 41.
- (318) *Như trên*.
- (319) *Relatio Finalis* 2015, 71.
- (320) Qui chiếu *như trên*.
- (321) *Relatio Synodi* 2014, 42.
- (322) *Như trên*, 43.
- (323) Tông Huấn *Familiaris Consortio* (22-11-1981), 34: AAS 74 (1982), 123.
- (324) *Như trên*, 9: AAS 74 (1982), 90.
- (325) Qui chiếu Bài Giáo Lý (24-6-2015): *L'Osservatore Romano*, 25-6-2015, trg. 8.
- (326) *Bài Giảng trong Thánh Lễ Cử Hành Với Các Tân Hồng Y* (15-2-2015): AAS 107 (2015), 257.
- (327) *Relatio Finalis* 2015, 51.
- (328) *Relatio Synodi* 2014, 25.
- (329) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Familiaris Consortio* (22-11-1981), 84: AAS 74 (1982), 186. Trong những hoàn cảnh như thế, nhiều người, tuy biết và chấp nhận khả thể sống “như anh trai em gái” mà Giáo Hội đề xuất với họ, nhưng đã nhấn mạnh rằng nếu một số cách phát biểu sự thân mật không có, “thì lòng chung thủy thường gặp nguy cơ và gây thiệt hại tới lợi ích con cái” (*Gaudium et Spes*, 51).
- (330) *Như trên*.
- (331) *Relatio Synodi* 2014, 26.
- (332) *Như trên*, 45.
- (333) Đức Bênêđictô XVI, *Diễn Văn với Cuộc Gặp Mặt Các Gia Đình Thế Giới ở Milan* (2-6-2012), Câu trả lời số 5: *Insegnamenti VIII/1* (2012), 691.
- (334) *Relatio Finalis* 2015, 84.
- (335) *Như trên*, 51
- (336) Đây cũng là trường hợp liên quan tới kỷ luật bí tích, vì việc biện phân có thể nhận ra có những hoàn cảnh đặc thù trong đó không có lỗi nghiêm trọng. Trong những trường hợp như thế, có thể áp dụng điều tìm thấy trong các văn kiện khác: xem *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 44 và 47: AAS 105 (2013), 1038-1040.
- (337) *Relatio Finalis* 2015, 85.
- (338) *Như trên*, 86
- (339) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Familiaris Consortio* (22-11-1981), 33: AAS 74 (1982), 121.
- (340) *Relatio Finalis* 2015, 51.
- (341) Qui chiếu *Summa Theologiae* I-II, q. 65, art. 3 ad 2; De Malo, 2, art. 2.
- (342) *Như trên*, ad 3.
- (343) No. 1735.
- (344) *Như trên*, 2352; Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Tuyên Bố về An Tử Iura et Bona* (5-5-1980),

II: AAS 72 (1980), 546; Đức Gioan Phaolô II, trong lời phê phán phạm trù “chọn lựa căn bản”, đã thừa nhận rằng “chắc chắn có những hoàn cảnh rất phức tạp và không rõ ràng theo quan điểm tâm lý học, và ảnh hưởng tới việc có thể qui tội một cách chủ quan cho người có tội” (Tông Huấn *Reconciliatio et Paenitentia* [2-12-1984], 17: AAS 77 [1985], 223).

(345) Qui chiếu Hội Đồng Giáo Hoàng lo Các Bản Văn Luật Pháp, *Tuyên Bố Liên Quan Tới Việc Cho Phép Các Tín Hữu Ly Dị và Tái Hôn Rước Lễ* (24-6-2000), 2.

(346) *Relatio Finalis* 2015, 85.

(347) *Summa Theologiae*, I-II, q. 94, art. 4.

(348) Trong một bản văn khác, khi nhắc đến việc nhận thức qui luật cách tổng quát và việc nhận thức đặc thù do biện phân thực tế, Thánh Tôma Aquinô quả quyết rằng “Nếu chỉ một trong hai hiện diện, thì điều đáng ước ao hơn chính là việc nhận thức thực tại đặc thù, vì nó gần gũi hơn với hành động”: *Sententia libri Ethicorum*, VI, 6 (ed. Leonina, t. XLVII, 354.)

(349) Diễn Văn Bế Mạc Phiên Họp Toàn Thể Lần Thứ Mười Bốn Thượng Hội Đồng Giám Mục (24-10-2015): *L'Osservatore Romano*, 26-27 tháng 10, 2015, trg. 13.

(350) Ủy Ban Thần Học Quốc, *In Search of a Universal Ethic: A New Look at Natural Law* (2009), 59.

(351) Trong một số trường hợp, điều này có thể bao gồm sự trợ giúp của các bí tích. Do đó, “tôi muốn nhắc nhở các linh mục điều này: không được coi tòa giải tội như phòng tra tấn, mà đúng hơn là nơi gặp gỡ với lòng thương xót của Chúa” (Tông Huấn *Evangelii Gaudium* [24-11-2013], 44: AAS 105 [2013], 1038). Tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng Phép Thánh Thể “không phải là một phần thưởng cho người hoàn hảo, nhưng là một món thuốc và món ăn mạnh mẽ cho người yếu đuối” (*Như trên*, 47: 1039).

(352) Tông Huấn *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 44: AAS 105 (2013), 1038-1039.

(353) *De Catechizandis Rudibus*, I, 14, 22: PL 40, 327; qui chiếu Tông Huấn *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 194: AAS 105 (2013), 1101.

(354) *Relatio Synodi* 2014, 26.

(356) *Như trên*, 45.

(357) *Như trên*, 270.

(358) Sắc Chỉ *Misericordiae Vultus* (11-4-2015), 12: AAS 107 (2015): 407.

(359) *Như trên*, 5: 402.

(360) *Như trên*, 9: 405.

(361) *Như trên*, 10: 406.

(363) Qui chiếu *như trên*, 36-37: AAS 105 (2013), 1035.

(364) Có lẽ vì một tính bối rối nào đó, được che dấu dưới lòng nhiệt thành muốn trung thành với sự thật, một số linh mục yêu cầu nơi các hội nhân một mục đích cải sửa quá thiếu sắc thái đến nỗi khiến lòng thương xót bị che mờ bởi việc mưu cầu điều được coi là công lý tinh tuyền. Vì lý do này, sẽ là điều hữu ích nếu nhớ tới giáo huấn của Thánh Gioan Phaolô II, vị đã quả quyết rằng khả thể sa ngã trở lại “không nên gây hại tới tính chân chính của giải pháp” (*Thư gửi Đức Hồng Y William W. Baum nhân dịp Khóa Học về Tòa Trong do Tông Tòa Xá Giải tổ chức* [22-3-1996], 5: *Insegnamenti* XIX/1 [1996], 589).

- (365) Ủy Ban Thần Học Quốc Tế, *The Hope of Salvation for Infants Who Die Without Being Baptized* (19-4-2007), 2.
- (366) Sắc Chỉ *Misericordiae Vultus* (11-4-2015), 15: AAS 107 (2015), 409.
- (367) Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân *Apostolicam Actuositatem*, 4.
- (368) Qui chiếu *Như trên*.
- (369) *Gaudium et Spes*, 49.
- (370) Thông Điệp *Deus Caritas Est* (25-12-2015), 16: AAS 98 (2006), 230.
- (371) *Như trên*, 39: AAS 98 (2006), 250.
- (372) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng, *Christifideles Laici* (30-12-1988), 40: AAS 81 (1989), 468.
- (373) *Như trên*.
- (374) *Relatio Finalis* 2015, 87.
- (375) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng, *Vita Consecrata* (25-3-1996), 42: AAS 88 (1996), 416.
- (376) Qui chiếu *Relatio Finalis* 2015, 87.
- (377) Qui chiếu Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Familiaris Consortio* (22-11-1981), 57: AAS 74 (1982), 150.
- (378) Ta cũng không nên quên rằng giao ước của Thiên Chúa với dân Người được phát biểu như một lễ cưới (xem Edk 16:8, 60; Is 62:5; Hs 2:21-22) và giao ước mới cũng được trình bày như một cuộc đính hôn (xem Kh 19:7; Ep 5:25).
- (379) Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội, *Lumen Gentium*, 11.
- (380) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn, *Familiaris Consortio* (22-11-1981), 11: AAS 74 (1982), 93.
- (381) *Như trên*, *Bài Giảng Thánh Lễ với Các Gia Đình, Cordoba, Argentina* (8-4-1987), 4: Insegnamenti X/1 (1987), 1161-1162.
- (382) Qui chiếu *Gemeinsames Leben*, Munich, 1973, trg. 18. Bản tiếng Anh: *Life Together*, New York, 1954, trg. 27.
- (383) Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân *Apostolicam Actuositatem*, 11.
- (384) Bài Giáo Lý (10-6-2015): *L'Osservatore Romano*, 11-6-2015, trg. 8.
- (385) Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Familiaris Consortio* (22-11-1981), 12: AAS 74 (1982), 93.
- (386) Diễn Văn tại Buổi Canh Thức Cầu Nguyện của Lễ Hội Các Gia Đình, Philadelphia (26-9-2015): *L'Osservatore Romano*, 28-29 tháng 9, 2015, trg. 6.
- (387) Gabriel Marcel, *Homo Viator: prolégomènes à une métaphysique de l'espérance*, Paris, 1944, trg. 66. Bản tiếng Anh: *Homo Viator. An Introduction to a Metaphysics of Hope*, London, 1951, trg. 49.
- (388) *Relatio Finalis* 2015, 88.
- (389) Qui chiếu Đức Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Familiaris Consortio* (22-11-1981), 44: AAS 74 (1982), 136.
- (390) *Như trên*, 49: AAS 74 (1982), 141.

(391) Về các khía cạnh xã hội của gia đình, xin xem Hội Đồng Giáo Hoàng về Công Lý và Hòa Bình, *Compendium of the Social Doctrine of the Church*, 248-254.

MỤC LỤC

Nhập đề (1-7)

Chương I: Dưới ánh sáng Lời Chúa (8)

Người và vợ người (9-13)

Con cái người tựa những chồi cây dầu (14-18)

Nẻo đường đau khổ và thấm máu (19-22)

Công khó tay người (23-26)

Sự âu yếm của cái ôm hôn (27-30)

Chương II: Các trải nghiệm và thách đố của các gia đình (31)

Thực tại hiện thời của gia đình (32-49)

Một số thách đố (50-57)

Chương III: Nhìn lên Chúa Giêsu: ơn gọi của gia đình (58-60)

Chúa Giêsu phục hồi và hoàn thành kế hoạch của Thiên Chúa (61-66)

Gia đình trong các văn kiện Giáo Hội (67-70)

Bí tích hôn phối (71-75)

Hạt giống Lời Chúa và các hoàn cảnh bất toàn (76-79)

Truyền sinh và dưỡng dục con cái (80-85)

Gia đình và Giáo Hội (86-88)

Chương IV: Lòng Yêu Thương và Hôn Nhân (89)

Lòng yêu thương hàng ngày của ta (90)

Lòng yêu thương thì kiên nhẫn (91-92)

Lòng yêu thương phục vụ người khác (93-94)

Lòng yêu thương không ghen tương (95-96)

Lòng yêu thương không vênh vang (97-98)

Lòng yêu thương không khiếm nhã (99-100)

Lòng yêu thương thì quảng đại (101-102)

Lòng yêu thương không nóng giận hay nuôi hận thù (103-104)

Lòng yêu thương thì tha thứ (105-108)

Lòng yêu thương vui với người khác (109-110)

Lòng yêu thương dung thứ mọi sự (111-113)

Lòng yêu thương tin tưởng mọi sự (114-115)

Lòng yêu thương hy vọng mọi sự (116-117)

Lòng yêu thương chịu đựng mọi sự (118-119)
Lớn lên trong lòng yêu thương vợ chồng (120-122)
Chia sẻ suốt đời (123-125)
Niềm vui và cái đẹp (126-130)
Kết hôn vì yêu thương (131-132)
Một lòng yêu thương tự biểu lộ và gia tăng (133-135)
Đối thoại (136-141)
Tình yêu say mê (142)
Thế giới xúc cảm (143-146)
Thiên Chúa yêu thích niềm vui của con cái Người (147-149)
Chiều kích gợi dục của tình yêu (150-152)
Bạo lực và thao túng (153-157)
Hôn nhân và trinh khiết (158-162)
Sự biến đổi của lòng yêu thương (164-164)

Chương V: Lòng yêu thương sinh hoa trái (165)

Chào đón sự sống mới (166-167)
Lòng yêu thương và việc thai nghén (168-171)
Lòng yêu thương của người mẹ và người cha (172-177)
Tính sinh hoa trái mở rộng (178-184)
Biện phân nhiệm thể (185-186)
Đời sống trong gia đình rộng lớn hơn (187)
Làm con trai con gái (188-190)
Người cao niên (191-193)
Làm anh chị em (194-195)
Một trái tim lớn (196-198)

Chương VI: Một Số Vấn Đề Ảnh Hưởng (199)

Công bố Tin Mừng Gia Đình Ngày Nay (200-204)
Chuẩn bị hôn nhân cho các cặp đính hôn (205-211)
Chuẩn bị việc cử hành (212-216)
Đồng hành trong các năm đầu đời hôn nhân (217-222)
Một số tài nguyên (223-230)
Soi sáng các khủng hoảng, lo lắng và khó khăn (231)
Thách đố của các cuộc khủng hoảng (232-238)
Các vết thương cũ (239-240)
Đồng hành sau khi tan vỡ và ly dị (241-246)
Một số hoàn cảnh phức tạp (247-252)
Khi sự chết làm chúng ta cảm nhận nỗi độc của nó (253-258)

Chương VII: Hướng tới việc giáo dục con cái tốt hơn (259)

Con cái ta đang ở đâu? (260-262)
Đào tạo đạo đức cho con cái (263-267)
Giá trị của việc sửa trị như một thúc đẩy (268-270)
Tính hiện thực kiên nhẫn (271-273)
Đời sống gia đình như một khung cảnh giáo dục (274-279)

Nhu cầu giáo dục tính dục (280-286)
Lưu truyền đức tin (287-290)

Chương VIII: Đồng Hành, Biện Phân và Hội Nhập Sự Yếu Đuối (291-292)

Tính tiếm tiến trong việc săn sóc mục vụ (293-295)
Biện phân các hoàn cảnh không hợp lệ (296-300)
Các yếu tố giảm khinh trong việc biện phân mục vụ (301-303)
Các qui luật và sự biện phân (304-306)
Luận lý của lòng thương xót mục vụ (307-312)

Chương IX: Linh đạo của Hôn nhân và gia đình (313)

Một nền linh đạo hiệp thông siêu nhiên (314-316)
Tự tập nhau để cầu nguyện dưới ánh Sáng Phục sinh (317-318)
Một linh đạo của tình yêu độc chiếm và tự do (319-320)
Một linh đạo chăm sóc, an ủi và khuyến khích (321-325)
Kinh Thánh Gia